**BÀI 1. GIỚI THIỆU VỀ KHOA HỌC TỰ NHIÊN**

**(Thời gian thực hiện: 1 tiết)**

**I. Mục tiêu**

***1. Kiến thức***

- Xây dựng được khóa lưỡng phân với đối tượng sinh vật

***2. Năng lực***

- Năng lực chung:

+ Tự chủ và tự học: Chủ động, tích cực thực hiện các nhiệm vụ của bản thân khi thực hiện các nhiệm vụ được GV yêu cầu trong giờ thực hành;

+ Giao tiếp và hợp tác:

* Chia sẻ và thực hiện đúng nhiệm vụ được phân công trong nhóm về xây dựng khóa lưỡng phân phân loại sinh vật;
* Biết sử dụng các thuật ngữ chuyên môn để trình bày khái niệm, nêu tên sinh vật.

+ Giải quyết vấn đề và sáng tạo: Vận dụng linh hoạt các kiến thức, kĩ năng để giải quyết vấn đề liên quan trong thực tiễn và trong các nhiệm vụ học tập

- Năng lực khoa học tự nhiên:

+ Tìm hiểu tự nhiên: Quan sát, phát hiện các đặc điểm để phân biệt sinh vật trong xây dựng khóa lưỡng phân, thực hành xây dựng khóa lưỡng phân;

+ Vận dụng: Xây dựng khóa lưỡng phân phân loại một số sinh vật xung quanh em.

***3. Phẩm chất***

- Tích cực hoạt động nhóm phù hợp với bản thân

- Trung thực, trách nhiệm trong nghiên cứu và học tập khoa học tự nhiên

- Có niềm say mê, hứng thú với việc khám phá học tập và khoa học tự nhiên

**II. Thiết bị dạy học và học liệu**

- Hình ảnh: Ảnh sơ đồ khóa lưỡng phân bảy bộ côn trùng, Đại diện bảy bộ côn trùng, Ảnh một số loài sinh vật quen thuộc tại địa phương.

- Máy chiếu, laptop.

- Giấy A3, bút dạ nhiều màu.

- Phiếu học tập.

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| NHÓM:…….. **PHIẾU HỌC TẬP SỐ 1**   1. Vì sao mỗi loài đều có tên gọi riêng?        1. Dựa vào đâu để phân biệt các nhóm sinh vật?        1. Phân biệt các nhóm sinh vật | | |
| Nhóm số | Tên côn trùng | Đặc điểm đặc trưng |
| 1 |  |  |
| 2 |  |  |
| 3 |  |  |
| 4 |  |  |
| 5 |  |  |
| 6 |  |  |
| 7 |  |  |

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| NHÓM: …… **PHIẾU HỌC TẬP SỐ 2**   1. Phân loại theo khóa lưỡng phân: | | | | |
| Kí kiệu | Đặc điểm phân loại | | | Tên bộ |
| Cánh | Miệng | Bụng |
| A |  |  |  |  |
| B |  |  |  |  |
| C |  |  |  |  |
| D |  |  |  |  |
| E |  |  |  |  |
| G |  |  |  |  |
| H |  |  |  |  |
| 1. Theo em, làm thế nào để xây dựng một khóa lưỡng phân? | | | | |

**III. Tiến trình dạy học**

***A. Khởi động***

***Hoạt động 1: chơi trò chơi “Quan sát nhanh – kết luận nhanh”***

a. Mục tiêu: tạo ra cho học sinh hứng thú để học sinh bày tỏ được quan điểm cá nhân về phân loại sinh vật

b. Nội dung: GV tổ chức cho học sinh xem ảnh các loại côn trùng, Hs xem ảnh và hoàn thành yêu cầu GV

c. Sản phẩm: phiếu học tập số 1

d. Tổ chức thực hiện

|  |  |
| --- | --- |
| Hoạt động của GV | Hoạt động của học sinh |
| ***- Thông báo luật chơi:*** Sắp xếp các loại côn trùng quan sát được vào những nhóm có đặc điểm giống nhau | - Ghi nhớ luật chơi |
| ***- Giao nhiệm vụ:***  ***+*** Quan sát hình ảnh các loại côn trùng hoàn thành PHT số 1  + Trả lời câu hỏi  + Sắp xếp chúng vào những nhóm có đặc điểm giống nhau  + Thời gian hoàn thành nhiệm vụ là đúng 3 phút | - Nhận nhiệm vụ |
| ***- Hướng dẫn học sinh thực hiện nhiệm vụ:***  *+* Quan sát từ ngoài vào trong, từ hình thái chung đến cấu tạo chi tiết các bộ phận của sinh vật  + Xếp chúng thành những nhóm có đặc điểm tương tự nhau | - Hoạt động nhóm theo kĩ thuật công não - động não hoàn thành phiếu học tập số 1 |
| ***- Thu phiếu học tập của các nhóm*** | - Nộp phiếu học tập |
| ***- Chốt lại và đặt vấn đề vào bài:*** Việc phân loại gặp khó khăn gì? Làm thế nào để những lần phân loại sau nhanh chóng và thuận lợi hơn? | - Chuẩn bị sách vở học bài |

***B. Hình hành kiến thức mới***

***Hoạt động 2: Tìm hiểu sơ đồ khóa lưỡng phân bảy loại côn trùng***

a. Mục tiêu:

- Phân tích khóa lưỡng phân phân loại bảy bộ côn trùng.

- Nêu được tên các loài sinh vật

*-* Nêu được khái niệm và nguyên tắc xây dựng khóa lưỡng phân

b. Nội dung: GV định hướng cho HS tìm hiểu sơ đồ khóa lưỡng phân bảy bộ côn trùng

c. Sản phẩm: phiếu học tập của học sinh

d. Tổ chức thực hiện

|  |  |
| --- | --- |
| Hoạt động của GV | Hoạt động của học sinh |
| ***- Giao nhiệm vụ:*** Quan sát hình ảnh sơ đồ kháo lưỡng phân bảy bộ côn trùng hoàn thành phiếu học tập số 2 | - Nhận nhiệm vụ |
| ***- Hướng dẫn học sinh thực hiện nhiệm vụ:***  ***+*** Thảo luận nhóm 4 trong vòng 5’ hoàn thành phiếu học tập số 2. Sau khi thảo luận xong, nhóm nào xung phong trình bày có chất lượng tốt sẽ được tặng điểm | - Thực hiện nhiệm vụ thảo luận đôi hoàn thành phiếu học tập số 2 |
| ***- Báo cáo kết quả:***  ***+*** Chọn 2 nhóm đại diện lên bảng trình bày kết quả  + Mời nhóm khác nhận xét  + GV nhận xét sau khi các nhóm đã có ý kiến nhận xét bổ sung | - Nhóm được chọn trình bày kết quả  - Nhóm khác nhận xét |
| ***- Tổng kết***  Hoàn thiện, chốt kiến thức | - Kết luận về các bước xây dựng khóa lưỡng phân  - Ghi kết luận vào vở |

***Hoạt động 3: Thực hành xây dựng khóa lưỡng phân***

a. Mục tiêu: Nhận biết và thực hiện được các bước xây dựng khóa lưỡng phân

b. Nội dung: GV hướng dẫn HS xây dựng được khóa lưỡng phân đối với các đại diện thuộc năm giới

c. Sản phẩm: Khóa lưỡng phân phân loại sinh vật trong năm giới

d. Tổ chức thực hiện

|  |  |
| --- | --- |
| Hoạt động của GV | Hoạt động của học sinh |
| ***- Giao nhiệm vụ:***  + Hoạt động nhóm 8 theo kĩ thuật khăn trãi bàn.  + Giới thiệu một số hình ảnh đại diện sinh vật thuộc 5 giới mà các nhóm đã chuẩn bị.  + Áp dụng các bước đã thống nhất ở hoạt động 2 để xây dựng khóa lưỡng phân phân loại năm giới sinh vật  + Thời gian thực hiện nhiệm vụ là 6 phút. Sau khi thực hiện xong các nhóm đổi chéo để chấm điểm | - Nhận nhiệm vụ |
| ***- Hướng dẫn học sinh thực hiện nhiệm vụ:***  ***+*** GV quan sát, hỗ trợ khi cần thiết | - Phân công nhiệm vụ các thành viên trong nhóm, tiến hành thực hiện nhiệm vụ |
| ***- Báo cáo kết quả:***  - Mời 1 nhóm lên bảng trình bày kết quả.  - Mời nhóm khác nhận xét  - GV phân tích , chọn phương án  - Các nhóm trao đổi chéo cho nhau để chấm điểm sau khi GV cho đáp án | - Nhóm được chọn trình bày kết quả  - Nhóm khác nhận xét |
| ***- Đánh giá***  + Mỗi 1 khóa đúng được 1 điểm  + Yêu cầu học sinh chấm điểm cho các nhóm  + GV thu phiếu học tập để kiểm tra xem các nhóm chấm đúng hay không và lấy điểm | - Các nhóm chấm điểm cho nhóm bạn, báo cáo điểm nhóm bạn |
| ***- Tổng kết:***  Đánh giá, nhận xét, chỉnh sửa, hoàn thiện khóa lưỡng phân | HS làm báo cáo thực hành theo mẫu |

***Hoạt động 4: Luyện tập***

a. Mục tiêu: học sinh xây dựng nhanh khoa lưỡng phân phân loại các loài thực vật

b. Nội dung: Giáo viên hướng dẫn học sinh xây dựng sơ đồ khóa lưỡng phân các loài thực vật giáo viên đã cho

c. Sản phẩm: khóa lưỡng phân phân loại thực vật

d. Tổ chức thực hiện

|  |  |
| --- | --- |
| Hoạt động của GV | Hoạt động của học sinh |
| ***- Giao nhiệm vụ:***  Hoạt động nhóm 8  GV cho HS một số loài thực vật để HS về nhà xây dựng khóa lưỡng phân (chú ý có cả cây ưa sáng, cây ưa bóng, cây ngắn ngày, thực vật ở cạn, thực vật ở nước, ..)  HS xây dựng, hoàn thành khóa lưỡng phân phân loại thực vật | - Nhận nhiệm vụ |
| ***- Hướng dẫn học sinh thực hiện nhiệm vụ:*** GV cập nhật tình hình thực hiện bài tập học sinh qua các kênh đa phương tiện, hỗ trợ khi cần thiết | - Xây dựng khóa lưỡng phân |
| ***- Báo cáo kết quả:***  Báo cáo nhóm | - Theo dõi đánh giá của giáo viên |
| ***- Tổng kết:***  GV chấm điểm, nhận xét | - Học sinh lắng nghe |

***Hoạt động 5: Vận dụng***

a. Mục tiêu: học sinh vận dụng kiến thức phân loại các sinh vật vào trong thực tiễn

b. Nội dung: Giáo viên hướng dẫn học sinh dựa vào sơ đồ khóa lưỡng phân mình vừa lập được, thiết kế mô hình vườn nhà với các loài sinh vật hợp lý

c. Sản phẩm: mô hình vườn nhà

d. Tổ chức thực hiện

|  |  |
| --- | --- |
| Hoạt động của GV | Hoạt động của học sinh |
| ***- Giao nhiệm vụ:***  Hoạt động nhóm 8  Dựa vào khóa lưỡng phân phân loại thực vật chọn một số loại cây trồng thích hợp cho vườn nhà | - Nhận nhiệm vụ |
| ***- Hướng dẫn học sinh thực hiện nhiệm vụ:*** GV quan sát, hỗ trợ khi cần thiết | - Thiết kế mô hình |
| ***- Báo cáo kết quả:***  Báo cáo chung với sơ đồ khóa lưỡng phân phân loại thực vật | - Theo dõi đánh giá của giáo viên |
| ***- Tổng kết:***  GV đánh giá, nhận xét | - Học sinh lắng nghe |

***C. Dặn dò***

- Học sinh làm bài tập SGK, SBT

- Chuẩn bị bài mới trước khi lên lớp

***D. Kiểm tra đánh giá thường xuyên***

- Kết thúc bài học, Gv cho học sinh tự đánh giá theo bảng sau

Họ và tên học sinh

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| Các tiêu chí | Tốt | Khá | TB | Chưa đạt |
| Chuẩn bị bài trước khi đến lớp |  |  |  |  |
| Tham gia hoạt động nhóm theo yêu cầu của GV |  |  |  |  |
| Tham gia tích cực hoạt động thảo luận ở nhà |  |  |  |  |
| Nêu được các bước xây dựng khóa lưỡng phân |  |  |  |  |
| Biết cách vận dụng một khóa lưỡng phân |  |  |  |  |

**CHỦ ĐỀ 6: TẾ BÀO – ĐƠN VỊ CƠ SỞ CỦA SỰ SỐNG**

**BÀI 17: TẾ BÀO**

(Thời gian thực hiện 5 tiết )

**I. Mục tiêu**

***1. Kiến thức.***

- Khái niệm tế bào, hình dạng, kích thước và chức năng của tế bào.

- Cấu tạo tế bào và chức năng mỗi thành phần chính của tế bào.

- Sự lớn lên và sinh sản của tế bào.

***2. Năng lực***

- Năng lực chung:

+ Tự chủ và tự học: Chủ động, tích cực thực hiện các nhiệm vụ được phân công trong học tập khi tìm hiểu về tế bào.

+ Giao tiếp và hợp tác xã hội: Xác định nội dung hợp tác nhóm, trao đổi về đặc điểm cấu tạo và sự phân chia của tế bào.

+ Giải quyết vấn đề và sáng tạo: Vận dụng linh hoạt các kiến thức, kĩ năng học được của bài tế bào để giải quyết các vấn đề liên quan trong học tập và trong cuộc sống.

- Năng lực khoa học tự nhiên:

+ Nhận thức khoa học tự nhiên: Trình bày được khái niệm và chức năng của tế bào; Nêu được hình dạng và kích thước điển hình của một số loại tế bào; Trình bày được cấu tạo tế bào và chức năng mỗi thành phần chính của tế bào; Nhận biết được lục lạp là bào quan thực hiện chức năng quang hợp ở cây xanh; Nhận biết được tế bào là đơn vị cấu trúc và chức năng của sự sống; Nhận biết được sự lớn lên và phân chia của tế bào và nêu được ý nghĩa của quá trình đó.

+ Tìm hiểu tự nhiên: Quan sát phân biệt được tế bào nhân sơ và tế bào nhân thực, tế bào động vật và tế bào thực vật.

+ Vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học: Nhận ra và giải thích được một số hiện tượng liên quan trong thực tiễn như: sự lớn lên của sinh vật, hiện tượng lành vết thương, hiện tượng mọc lại đuôi ở Thằn Lằn...

***3. Phẩm chất***

- Yêu thích thế giới tự nhiên, yêu thích khoa học.

- Trung thực, trách nhiệm trong nghiên cứu và học tập khoa học tự nhiên và tích cực hoạt động nhóm phù hợp với bản thân.

- Có niềm say mê, hứng thú với việc khám phá học tập và khoa học tự nhiên.

**II. Thiết bị dạy học và học liệu**

- Máy chiếu, laptop

- Giấy A3, bút dạ nhiều màu

- Phiếu học tập

|  |  |
| --- | --- |
| NHÓM:…….. **PHIẾU HỌC TẬP SỐ 1** | |
| Kích thước tế bào | Hình dạng tế bào |
| - Kích thước nhỏ:  - Kích thước lớn: |  |

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| NHÓM: …… **PHIẾU HỌC TẬP SỐ 2** | | |
| Câu hỏi | | Đáp án |
| Câu 1 | Nhận biết các thành phần có ở cả tế bào nhân sơ và tế bào nhân thực? |  |
| Câu 2 | Chỉ ra điểm khác biệt giữa tế bào nhân sơ và tế bào nhân thực? |  |
| Câu 3 | Thành phần nào có trong tế bào thực vật mà không có ở tế bào động vật? |  |
| Câu 4 | Tế bào gồm những thành phần chính nào? |  |

|  |  |
| --- | --- |
| NHÓM: …… **PHIẾU HỌC TẬP SỐ 3** | |
| Sự lớn lên của tế bào | Sự sinh sản của tế bào |

|  |
| --- |
| **PHIẾU BÀI TẬP**  Họ và tên: …………………………………. Lớp:…………….. |
| Câu 1: Vật nào sau đây có cấu tạo từ tế bào?  A. Xe ôtô. B. Cây cầu.  C. Cây bạch đàn. D. Ngôi nhà.  Câu 2: Quan sát tế bào bên và cho biết mũi tên đang chỉ vào thành phần nào của tế bào.  A. Màng tế bào. B. Chất tế bào.  C. Nhân tế bào. D. Vùng nhân.  C:\Users\Administrator\Desktop\ADMINI~1\AppData\Local\Temp\FineReader11.00\media\image58.jpeg  Câu 3: Đặc điểm của tế bào nhân thực là  A. có thành tế bào. B. có chất tế bào.  C. có màng nhân bao bọc vật chất di truyền. D. có lục lạp.  Câu 4: Khi một tế bào lớn lên và sinh sản sẽ có bao nhiêu tế bào mới hình thành?  A.8. B.6. C.4. D.2.  Câu 5: Hoàn thành các ỵêu cẩu sau:  a. Cho biết tế bào là gì ?  ……………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………  b. Điền thông tin còn thiếu vể tế bào:  - …(1 )....cấu tạo nên tế bào thực hiện các chức năng khác nhau trong tế bào.  - ……….(2)... bao bọc xung quanh và bảo vệ tế bào.  Câu 6 : Điền các thông tin còn thiếu vào bảng sau :   |  |  | | --- | --- | | Thành phần cấu tạo nên tế bào | Chức năng | | Màng tế bào |  | |  | Là nơi diễn ra các hoạt động sống của tế bào. | | Nhân hoặc vùng nhân |  |   Câu 7: Quan sát sơ đồ cấu tạo tế bào thực vật và tế bào động vật dưới đâỵ. Tê bào A Tê bào B  C:\Users\Administrator\Desktop\ADMINI~1\AppData\Local\Temp\FineReader11.00\media\image61.jpeg  Thành tế bào  Không bào  (4)  Gợi ý:Thành tế bào tạo thành bộ khung giúp tế bào có hình dạng nhất định, bảo vệ các thành phần bên trong tế bào; Không bào chứa các chất thải, chất dự trữ.  a. Hãỵ chú thích tên các thành phẩn cấu tạo của hai tế bào trên và mô tả chức năng của mỗi thành phần.  b. Xác định tên cùa tế bào A và B.  c. Lập bảng chỉ ra ba điểm khác nhau giữa hai tế bào.  …………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………  Câu 8: Hãy nêu các dạng hình dạng của tế bào, lấy ví dụ minh hoạ.  Câu 9: Sự lớn lên và sinh sản của tế bào là một chuỗi các thay đổi vể kích thước, số lượng các thành phẩn trong tế bào. Ở tế bào nhân thực, sự lớn lên là một giai đoạn chuẩn bị dài, sự sinh sản là quá trình tạo ra tế bào mới.  a. Sự lớn lên của tế bào biểu hiện nhưthế nào?  b. Sự sinh sản làm thay đổi số lượng thành phẩn nào của tế bào?  c. Một tế bào sau khi sinh sản tạo thành mười sáu tế bào mới. Tế bào đó đã trải qua mấy lẩn sinh sản?  d. Vẽ sơ đồ thể hiện mối quan hệ giữa sự lớn lên và sự sinh sản của tế bào.  ………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………  Câu 10: Trong cơ thể sinh vật, ba tế bào bắt đẩu quá trình sinh sản để tạo nên các tế bào mới, nếu những tế bào nàỵ thực hiện ba lẩn sinh sản liên tiếp thì sẽ tạo ra được bao nhiêu tế bào con? Cơ thể con người được cấu tạo từ tế bào nhân sơ haỵ tế bào nhân thực? |

**III. Tiến trình dạy học**

***A. Khởi động***

***Hoạt động 1: Chơi trò chơi “Ghép tranh hình”***

a. Mục tiêu: Tạo ra cho học sinh hứng thú để dẫn dắt vào nội dung của chủ đề và nội dung của bài.

b. Nội dung: GV tổ chức cho học sinh chơi trò chơi, học sinh thảo luận sắp xếp thứ tự các mảnh ghép để có bức tranh hoàn thiện.

c. Sản phẩm: Bức tranh ngôi nhà.

d. Tổ chức thực hiện

|  |  |
| --- | --- |
| Hoạt động của GV | Hoạt động của học sinh |
| ***- Thông báo luật chơi:*** sắp xếp các mảnh ghép để taoh thành bức tranh hoàn chỉnh. Nhóm nào hoàn thành bức tranh nhanh nhất sẽ được điểm cao nhất, các nhóm khác sẽ tự nhận xét lẫn nhau và cho điểm. | - Ghi nhớ luật chơi |
| ***- Giao nhiệm vụ:***  ***+*** Quan sát các mảnh ghép đã được đánh số, thảo luận để sắp xếp các mảnh ghép để tạo thành bức tranh hoàn chỉnh.  + Thời gian thảo luận và hoàn thành nhiệm vụ trong 2 phút | - Nhận nhiệm vụ |
| ***- Hướng dẫn học sinh thực hiện nhiệm vụ:***  ***+***Chiếu hình ảnh về các mảnh ghép để học sinh quan sát, hỗ trợ khi cần thiết | - Thực hiện nhiệm vụ sắp xếp các mảnh ghép để tạo thành một bức tranh hoàn chỉnh |
| ***- Gọi nhóm hoàn thành nhanh nhất trình bày kết quả thảo luận của nhóm mình***  ***Chiếu đáp án đúng và cho điểm các nhóm và nhận xét về hoạt động của HS*** | - Các nhóm trình bày kết quả thảo luận, nhóm khác nhận xét và bổ sung. |
| ***- Chốt lại và đặt vấn đề vào bài:*** mỗi viên gạch trong một ngôi nhà, mỗi căn hộ trong một tòa chung cư, mỗi khoang nhỏ trong một tổ ong đều là những đơn vị cơ sở trong một hệ thống lớn. Vậy trong cơ thể sống, đơn vị cơ sở đó là gì? Bài học hôm nay sẽ giúp chúng ta làm rõ vấn đề trên. | - Chuẩn bị sách vở học bài |

***B. Hình hành kiến thức mới***

**TIẾT 1. HOẠT ĐỘNG 2: TẾ BÀO LÀ GÌ?**

a. Mục tiêu: Trình bày được khái niệm và chức năng của tế bào; Nêu được hình dạng và kích thước điển hình của một số loại tế bào.

b. Nội dung: GV tổ chức cho học sinh hoạt động đôi để làm rõ mục tiêu trên

c. Sản phẩm: phiếu học tập của học sinh

d. Tổ chức thực hiện

|  |  |
| --- | --- |
| Hoạt động của GV | Hoạt động của học sinh |
| ***- Giao nhiệm vụ:*** Quan sát hình ảnh 17.1 SGK em hãy cho biết:  Đơn vị cấu trúc nên cơ thể sinh vật là gì?  Tế bào có những chức năng cơ bản nào?  - GV nhận xét câu trả lời của HS, dùng tranh hình 17.1 chốt kiến thức:  🡪Mọi cơ thể sống đều được cấu tạo từ tế bào.  ***- Giao nhiệm vụ:*** Quan sát hình ảnh 17.2 đến hình 17.3 SGK hoạt động cặp đôi hoàn thành phiếu học tập số 1 | - Nhận nhiệm vụ, cá nhân quan sát tranh hình và tự tìm thông tin trong SGK  - Đại diện trả lời câu hỏi, HS khác nhận xét và bổ sung.  - Nhận nhiệm vụ |
| ***- Hướng dẫn học sinh thực hiện nhiệm vụ:***  Mỗi bàn có 2 bạn sẽ ghép thành 1 cặp đôi, thảo luận và hoàn thành phiếu học tập số 2. Sau khi thảo luận xong, nhóm nào xung phong trình bày có chất lượng tốt sẽ được tặng điểm | - Thực hiện nhiệm vụ thảo luận đôi hoàn thành phiếu học tập số 2 |
| ***- Báo cáo kết quả:***  ***+*** Chọn 1 cặp đôi lên bảng trình bày kết quả  + Mời nhóm khác nhận xét  + GV nhận xét sau khi các nhóm đã có ý kiến nhận xét bổ sung  ? Chúng ta có thể quan sát tế bào bằng những cách nào? Lấy ví dụ. | - Nhóm được chọn trình bày kết quả  - Nhóm khác nhận xét  - Đại diện trả lời câu hỏi, HS khác nhận xét và bổ sung. |
| ***- Tổng kết***  + Tổng hợp để đi đến kết luận về hình dạng và kích thước của tế bào  + Yêu cầu học sinh chốt lại kết luận về hình dạng và kích thước của tế bào.  🡪 - Tế bào có kích thước nhỏ, phần lớn không quan sát được bằng mắt thường mà phải sử dụng kính hiển vi.  - Tế bào có nhiều hình dạng khác nhau như: hình cầu, hình đĩa, hình sợi, hình sao, hình trụ…  - Đưa thêm các ví dụ về tế bào cho HS quan sát | - Kết luận về hình dạng và kích thước tế bào  - Ghi kết luận vào vở  - Quan sát các ví dụ |
| ***- Luyện tập:***  ? Sự khác nhau về kích thước và hình dạng của tế bào có ý nghĩa gì đối với sinh vật?  🡪 Mỗi tế bào đảm nhận chức năng khác nhau trong cơ thể. Sự khác nhau về kích thước và hình dạng của tế bàothể hiện sự phù hợp với chức năng mà tế bào đảm nhận. | - Hoạt động cá nhân  - Ghi nhớ kiến thức. |

**TIẾT 2. HOẠT ĐỘNG 3: TÌM HIỂU CÁC THÀNH PHẦN TẾ BÀO**

a. Mục tiêu: Trình bày được cấu tạo tế bào và chức năng mỗi thành phần chính của tế bào; Nhận biết được lục lạp là bào quan thực hiện chức năng quang hợp ở cây xanh.

b. Nội dung: GV sử dụng kĩ thuật “mảnh ghép” tổ chức cho học sinh quan sát hình ảnh, tổ chức hoạt động nhóm 4 để xác định được các thành phần chính của tế bào. GV sử dụng trò chơi để HS xác đinh được chức năng các thành phần chính của tế bào.

c. Sản phẩm: Phiếu học tập số 2, bảng phụ.

d. Tổ chức thực hiện

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV** | **Hoạt động của học sinh** |
| ***- Giao nhiệm vụ:***  + Quan sát hình 17.4 và 17.5 SGK liệt kê ra giấy nháp các thành phần cấu tạo của tế bào nhân sơ, tế bào động vật và tế bào động vật. HS hoạt động cá nhân trong 2 phút.  + HS di chuyển về các nhóm, sử dụng nội dung đã làm ở trên để thảo luận hoàn thành phiếu học tập số 2. Thời gian thực hiện nhiệm vụ là 5 phút. | - Nhận nhiệm vụ |
| ***- Hướng dẫn học sinh thực hiện nhiệm vụ:***  ***+*** GV quan sát, hỗ trợ khi cần thiết | - Phân công nhiệm vụ các thành viên trong nhóm, tiến hành thực hiện nhiệm vụ |
| ***- Báo cáo kết quả:***  - Mời 1 nhóm lên bảng trình bày kết quả. Các nhóm khác đổi chéo cho nhau để chấm điểm sau khi GV cho đáp án  - Mời nhóm khác nhận xét  - GV phân tích , chọn phương án  + Câu 1: Màng tế bào, Chất tế bào, Vùng nhân (TB nhân sơ) hoặc nhân (TB nhân thực).  + Câu 2: TB nhân thực có màng nhân còn Tb nhân sơ không có.  + Câu 3: Lục lạp  + Câu 4: Màng tế bào, chất tế bào, nhân tế bào hoặc vùng nhân. | - Nhóm được chọn trình bày kết quả  - Nhóm khác nhận xét |
| ***- Đánh giá***  + Mỗi hình ảnh ghép được với vai trò phù hợp sẽ được 2,5 điểm  + Yêu cầu học sinh chấm điểm cho các nhóm  + GV thu phiếu học tập để kiểm tra xem các nhóm chấm đúng hay không và lấy điểm | - Các nhóm chấm điểm cho nhóm bạn, báo cáo điểm nhóm bạn |
| ***- GV tổ chức trò chơi “ Ai nhanh hơn”: Gv sử dụng giấy A3 đã in sẵn bảng như trong SGK trang 87.***  ***+*** Giao nhiệm vụ: Nghiên cứu thông tin trong SGK, thảo luận và ghép mỗi thành phần cấu tạo ở cột A với 1 chức năng ở cột B. Thời gian hoạt động 5 phút.  + Nhóm nào hoàn thành xong sẽ gắn bài làm của nhóm mình lên bảng.  + GV nhận xét sau khi các nhóm đã có ý kiến nhận xét bổ sung: 1 – b, 2 – c, 3 – a. | + Nhận nhiệm vụ và thực hiện nhiệm vụ.  + Đại diện nhóm trình bày kết quả hoạt động của nhóm mình. Nhóm khác theo dõi và bổ sung. |
| ***- Tổng kết:*** Yêu cầu học sinh kết luận về cấu tạo tế bào và chức năng năng mỗi thành phần chính của tế bào:  🡪 - Tế bào được cấu tạo từ 3 thành phần chính là màng tế bào, chất tế bào, nhân tế bào hoặc vùng nhân.  + Màng tế bào: bảo vệ và kiểm soát các chất đi vào, đi ra khỏi tế bào.  + Chất tế bào: Là nơi diễn ra các hoạt động sống của tế bào.  + Nhân hoặc vùng nhân: Điều khiển mọi hoạt động sống của tế bào.  - Tế bào thực vật và tế bào động vật đều là tế bào nhân thực. | - Kết luận về cấu tạo tế bào và chức năng năng mỗi thành phần chính của tế bào.  - Ghi kết luận vào vở |
| ***- Luyện tập:*** Gv đưa câu hỏi yêu cầu HS hoạt động cá nhân để trả lời  + Tại sao thực vật có khả năng quang hợp?  🡪 Tế bào thực vật có bào quan lục lạp thực hiện chức năng quang hợp. | - Hoạt động cá nhân  - Ghi nhớ kiến thức. |

**TIẾT 3. HOẠT ĐỘNG 4**

**CHƠI TRÒ CHƠI “QUAN SÁT NHANH - KẾT LUẬN NHANH”**

a. Mục tiêu: Trình bày được sự lớn lên và sinh sản của tế bào.

b. Nội dung: GV tổ chức cho học sinh xem clip về quá trình lớn lên và sinh sản của tế bào, Hs xem clip và hoàn thành nội dung phiếu học tập. ( Lưu ý ở hoạt động này HS không sử dụng SGK )

c. Sản phẩm: phiếu học tập số 3 ( A1 )

d. Tổ chức thực hiện

|  |  |
| --- | --- |
| Hoạt động của GV | Hoạt động của học sinh |
| ***- Giao nhiệm vụ:***  ***+*** Quan sát clip về sự lớn lên và phân chia của tế bào. Các nhóm thảo luận ghi lại nội dung clip và vẽ lại dưới dạng sơ đồ ( sử dụng hình ảnh tế bào ) về sự lớn lên và sinh sản của tế bào vao phiếu học tập số 3. Lưu ý: không được sử dụng SGK.  + Thời gian hoàn thành nhiệm vụ là đúng 10 phút. | - Nhận nhiệm vụ |
| ***- Hướng dẫn học sinh thực hiện nhiệm vụ:***  ***+***Chiếu clip để học sinh quan sát, hỗ trợ khi cần thiết. | - Thực hiện nhiệm vụ hoàn thành phiếu học tập số 3 |
| ***- Thu phiếu học tập của các nhóm*** | - Nộp phiếu học tập |
| ***- Báo cáo kết quả:***  - Mời từng nhóm lên bảng trình bày sự lớn lên và sinh sản của tế bào dựa trên phiếu học tập đã hoàn thành. - GV chiếu hình 17.6 a và b, 17.7 và b SGK sau đó nhận xét và cho điểm các nhóm. Tiêu chí cho điểm dựa trên phần vẽ hình 6 điểm và phần trình bày 4 điểm.  - GV đặt câu hỏi:  + Quan sát hình 17.6a và 17.6b, cho biết dấu hiệu nào cho thấy sự lớn lên của tế bào?  + Quan sát hình 17.7a và 17.7b hãy chỉ ra dấu hiện cho thấy sự sinh sản của tế bào? | - Đại điện nhóm trình bày.  - Các nhóm khác theo dõi và nhận xét.  - Quan sát tranh hình và trả lời. |
| ***- Tổng kết:*** Yêu cầu học sinh kết luận về sự lớn lên và sinh sản của tế bào.  🡪 Tế bào thực hiện trao đổi chất để lớn lên, khi đạt kích thước nhất định một số tế bào thực hiện phân chia tạo ra các tế bào con (gọi là sự sinh sản của tế bào). | - Kết luận về sự lớn lên và sinh sản của tế bào.  - Ghi kết luận vào vở |
| ***- Hướng dẫn chuẩn bị tiết học sau:***  + Nhóm 1: Hãy tính số tế bào con được tạo ra ở lần sinh sản thứ I, II, III của tế bào trong sơ đồ hình 17.8 SGK trang 88.  + Nhóm 2: Em bé nặng 3kg, khi trưởng thành có thể nặng 50kg, theo em sự thay đổi đó là do đâu?  + Nhóm 3: Vì sao khi thằn lằn bị đứt đuôi, đuôi nó có thể được tái sinh? | - Nhận nhiệm vụ. |

**TIẾT 4 - HOẠT ĐỘNG 5**

**TÌM HIỂU Ý NGHĨA CỦ SỰ LỚN LÊN VÀ SINH SẢN CỦA TẾ BÀO**

a. Mục tiêu: trình bày được ý nghĩa của sự lớn lên và sinh sản của tế bào đối với sinh vật. Giải thích được một số hiện tượng liên quan trong thực tiễn như: sự lớn lên của sinh vật, hiện tượng lành vết thương, hiện tượng mọc lại đuôi ở Thằn Lằn...

b. Nội dung: GV sử dụng phương pháp “ Hỏi chuyên gia “ để giúp HS hiểu rõ được ý nghĩa của sự lớn lên và sinh sản của tế bào đối với sinh vật

c. Sản phẩm: Nội dung tìm hiểu ở nhà của các nhóm

d. Tổ chức thực hiện

|  |  |
| --- | --- |
| Hoạt động của GV | Hoạt động của học sinh |
| ***- Giao nhiệm vụ:*** đã giao từ tiết học trước. Trước khi vào bài, GV kiểm tra phần chuẩn bị của các nhóm. | - Chuẩn bị bài trước ở nhà. |
| ***- Báo cáo kết quả:*** Mỗi nhóm sẽ cử 2 đại diện lên bảng trình bày về nội dung đã chuẩn bị của nhóm mình. Các thành viên trong nhóm sẽ thảo luận để trả lời câu hỏi của các nhóm khác liên quan đến nội dung đã chuẩn bị của nhóm.  + Nhóm 1: Sử dụng hình 17.8 SGK để trình bày:  Số TB con được tạo ra ở lần phân chia thứ I: 2 = 21 tế bào.  Số TB con được tạo ra ở lần phân chia thứ II: 4 = 22 tế bào.  Số TB con được tạo ra ở lần phân chia thứ III: 8 = 23 tế bào.  Số TB con được tạo ra ở lần phân chia thứ n: 2n tế bào.  + Nhóm 2: Sử dụng hình 17.9 SGK để trình bày, có thể sử dụng video nhóm tự sưu tầm để thuyết trình: Sự tăng lên về khối lượng và kích thước cơ thể là do sự lớn lên và phân chia của tế bào. Kết hợp sự dụng hình ảnh 17.8SGK để giải thích hiện tượng lớn lên của sinh vật.  + Nhóm 3: Sử dụng video, hình ảnh các thành viên trong nhóm tự sưu tầm để giải thích vì sao đuôi của Thằn lằn có thể được tái sinh sau khi bị đứt.  + GV nhận xét sau khi các nhóm đã có ý kiến nhận xét bổ sung.  - GV liên hệ với hiện tượng lành vết thương khi cơ thể bị thương, hiện tượng tế bào da chết bị bong ra vào mùa đông, chiếu hình ảnh liên quan ( ĐV, TV và con người ) | - Nhóm được chọn trình bày kết quả  - Nhóm khác nhận xét  - Ghi nhớ kiến thức |
| ***- Tổng kết:***  Sự lớn lên và sinh sản của tế bào có ý nghĩa gì đối với sinh vật?  🡪 Sự lớn lên và sinh sản của tế bào là cơ sở cho sự lớn lên của sinh vật; giúp thay thế các tế bào bị tổn thương hoặc tế bào chết ở sinh vật. | - Kết luận về ý nghĩa của sự lớn lên và sinh sản của tế bào  - Ghi kết luận vào vở |
| ***- Luyện tập:***  Vì sao nói tế bào vừa là đơn vị cấu trúc, vừa là đơn vị chức năng của mọi cơ thể sống?  + GV nhận xét và chốt kiến thức | - Dựa trên kiến thức đã học để trả lời.  - Ghi nhớ kiến thức. |
| ***- Hướng dẫn chuẩn bị tiết học sau:*** dựa trên nội dung đã học trong các tết học trước, các em hãy tổng hợp lại kiến thức dưới dạng sơ đồ tư duy. ( Làm ra giấy A3 ). | - Nhận nhiệm vụ. |

**TIẾT 5. HOẠT ĐỘNG 6: LUYỆN TẬP CHUNG**

a. Mục tiêu: Hệ thống lại các kiến thức đã học trong các tiết trước. Vận dụng kiến thức đã học để làm các câu hỏi và bài tập.

b. Nội dung: GV sử dụng phương pháp thuyết trình và kĩ thuật hỏi – đáp để giúp HS hệ thống hóa kiến thức và trả lời câu hỏi

c. Sản phẩm: Sơ đồ tư duy của HS và phiếu bài tập.

d. Tổ chức thực hiện

|  |  |
| --- | --- |
| Hoạt động của GV | Hoạt động của học sinh |
| ***- Giao nhiệm vụ:*** đã giao từ tiết học trước. Trước khi vào bài, GV kiểm tra phần chuẩn bị của các nhóm. | - Chuẩn bị bài trước ở nhà. |
| ***- Báo cáo kết quả:*** Đại diện HS lên trình bày sơ đồ tư duy đã hoàn thành trước ở nhà. Các HS khác GV thu lại để chấm điểm sau đó trả bài cho HS để kẹp vào vở ghi.  GV nhận xét và cho điểm HS trình bày. | - Đại diện trình bày  - HS khác nhận xét |
| ***- Luyện tập:***  + Sử dụng hệ thống câu hỏi trắc nghiệm giúp HS củng cố kiến thức. Hoạt động cá nhân hoàn thành phiếu bài tập.  + Chữa bài và giải đáp thắc mắc ( nếu có ) | - Làm bài tập |
| ***- Hướng dẫn chuẩn bị tiết học sau:***  + Đọc trước nội dung bài 18.  + Chuẩn bị mẫu vật theo nhóm: Củ hành tươi, trứng cá, ếch đồng sống. | - Nhận nhiệm vụ. |

***C. Dặn dò***

- Học sinh làm bài tập SGK, SBT

- Chuẩn bị bài mới trước khi lên lớp

***D. Kiểm tra đánh giá thường xuyên***

- Kết thúc bài học, GV cho học sinh tự đánh giá theo bảng sau

Họ và tên học sinh

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| Các tiêu chí | Tốt | Khá | TB | Chưa đạt |
| Chuẩn bị bài trước khi đến lớp |  |  |  |  |
| Tham gia hoạt động nhóm theo yêu cầu của GV |  |  |  |  |

**Bài 18. THỰC HÀNH QUAN SÁT TẾ BÀO SINH VẬT**

(Thời gian thực hiện: 2 tiết )

**I. MỤC TIÊU CHUNG CỦA BÀI HỌC**

**1. Kiến thức**

**-** Củng cố kiến thức về hình dạng, cấu tạo tế bào thông qua thực hành quan sát tế bào bằng mắt thường và kính úp ,kính hiển vi

- Phân biệt được tế bào thực vật và tế bào động vật qua quan sát thực tế ( TB vảy hành, TB trứng cá, TB biểu bì da ếch.

**2. Năng lực**

**2.1. Năng lực chung**

- Tự chủ và tự học: Chủ động, tích cực thực hiện các nhiệm vụ của bản thân khi thực hiện các nhiệm vụ được GV yêu cầu trong giờ thực hành;

- Giao tiếp và hợp tác: Xác định được nội dung hợp tác nhóm và thực hiện nhiệm vụ được phân công để thực hành quan sát tế bào sinh vật;

- Giải quyết vấn đề và sáng tạo: Vận dụng linh hoạt các kiến thức, kĩ năng để giải quyết vấn đề liên quan trong thực tiễn và trong các nhiệm vụ thực hành.

* 1. **. Năng lực khoa học tự nhiên**

- Nhận thức khoa học tự nhiên: Củng cố kiến thức về hình dạng, cấu tạo tế bào thông qua kết quả thực hành quan sát tế bào.

-Tim hiểu tự nhiên: Quan sát được tế bào bằng mắt thường, bằng kính lúp cầm tay và dưới kính hiển vi.

**3. Phẩm chất**

- Thông qua hiểu biết về tế bào, hiểu về thiên nhiên, từ đó thêm yêu thiên nhiên;

- Trung thực trong quá trình thực hành, báo cáo kết quả thực hành của cá nhân và nhóm.

**II. CHUẨN BỊ THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

* **Chuẩn bị của giáo viên:** Giáo án, sgk. Máy chiếu, laptop.

+ Dụng cụ: Kính lúp cầm tay, kính hiển vi, đĩa kính đồng hồ, lam kính, lamen, pipette, kim mũi mác, panh, bình thuỷ tinh.

+ Hoá chất: Xanh methylene, nước cất.

+ Mẫu vật: Trứng cá, củ hành tây, ếch sống.

+ Phiếu học tập ( 4 phiếu cho 4 nhóm)

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| BÁO CÁO: KẾT QUAN QUAN SÁT TÊ BÀO SINH VẬT  *Tiết:* *Thứ* *ngòy* *tháng.... năm....* | | |
| Nhóm: Lớp: | |  |
|  | |
| **Mục tiêu** | **Nội dung** | **Kết quả** |
| - Vẽ và chú thích được tế bào trứng cá.  - Giải thích được tại sao khi tách trứng cá chép cấn nhẹ tay. | - Quan sát tế bào trứng cá chép bằng mắt thường. | I.Quan sát tế bào trứng cá  *(HS vẽ, chú thích tế bào trứng cá)*  - Mô tả hình dang ngoài, màu sắc: |
| - Giải thích: |
| - Vẽ và chú thích được tế bào biểu bì vảy hành.  - Giải thích được tại sao khi tách tế bào biểu bì vảy hành, phải lấy một lớp thật mỏng. | - Quan sát tế bào biểu bì vảy hành bằng kính lúp cắm tay. | *(HS vẽ, chú thích tế bào biểu bì vảy hành)*  II. Quan sát tế bào vảy hành  -Mô tả hình dang, màu sắc: |
|  |
| - Vẽ và chú thích được tê bào biểu bì da ếch. | - Quan sát tế bào biểu bì da ếch bằng kính hiển vi. | *(HS vẽ, chú thích tế bào biểu bì da ếch)*  III. Quan sát tế bào da ếch  *-* Mô tả hình dang, màu sắc: |
|  |

**IV. TIẾN TRÌNH BÀI DẠY**

**Ổn định tổ chức – Kiểm tra sĩ số**

**A. KHỞI ĐỘNG**

**a. Mục tiêu:** Tạo hứng thú cho học sinh trước khi bước vào bài mới

**b. Nội dung:** GV gọi HS trả lời câu hỏi sau đó dẫn dắt vào bài mới.

**c. Sản phẩm:**  Câu trả lời của học sinh.

**d. Cách thức tổ chức hoạt động :**

Bước 1: GV gọi HS trả lời câu hỏi:

***?Câu 1. Hãy kể tên các thành phần có ở cả tế bào nhân sơ và tế bào nhân thực?***

***?Câu 2. Thành phẩn nào có trong tế bào thực vật mà không có trong tế bào động vật?***

Bước 2: Hs trả lời câu hỏi.

**Câu 1:**

1. màng tế bào
2. chất tế bào
3. vùng nhân (tế bào nhân sơ) hoặc nhân (tế bào nhân thực).

**Câu 2:** Tế bào thực vật có lục lạp ( màu xanh) , tế bào động vật không có.

Bước 3: GV chốt kiến thức đặt vấn đề vào bài

Để hiểu rõ hơn về cấu cấu tạo của tế bào và có thể phân biệt rõ TB thực vật và TB động vật chúng ta cùng tìm hiểu bài thực hành ngày hôm nay.

GV: Chia nhóm HS theo 4 tổ đã chuẩn bị vật mẫu ( được phân công từ tiết trước) , phát dụng cụ cho các nhóm

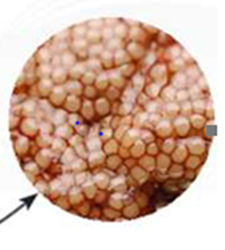
**B: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI**

**a. Mục tiêu** (Trong phiếu học tập)

**b. Nội dung** (Trong phiếu học tập)

**c. Sản phẩm** (Trong phiếu học tập)

**d. Cách thức tổ chức hoạt động**

**HOẠT ĐỘNG 1 : QUAN SÁT TẾ BÀO TRỨNG CÁ**

- GV: Nêu rõ mục tiêu , nội dung và sản phẩm cần đạt

- GV: Chiếu hình ảnh bọc trứng cá và yêu cầu HS quan sát

? Để quan sát hình dạng và kích thước tê' bào trứng cá cần làm như thế nào .

**-** HS: trả lời, HS khác nhận xét bổ sung

- GV: Nhận xét và chốt lại các bước (HS ghi vào vở)

*Bước 1:* Dùng kim mũi mác tách trứng cá cho vào đĩa kính đồng hồ đã có sẵn vài giọt nước cất.

*Bước 2:* Quan sát bằng mắt thường và kính lúp cầm tay.

GV: Tại sao khi tách trứng cá chép cần nhẹ tay, không để kim mũi mác làm vỡ màng trứng?

HS: Trả lời : (Nếu mạnh tay sẽ làm vỡ màng trứng, khó quan sát)

GV: Yêu cầu các nhóm tiến hành, GV quan sát và nhắc nhở HS sử dụng dụng cụ đúng cách đảm bảo an toàn trong khi thực hành .

HS: Các nhóm tiến hành làm và quan sát tể bào trứng cá bằng mắt thường và kính lúp, cá nhân tự ghi chép và vẽ hình những gì quan sát được .

HS: Thảo luận nhóm và hoàn thành mục I. trong phiếu học tập

GV: gọi đại diện 1 nhóm báo cáo kết quả quan sát ,nhóm khác nhận xét bổ sung

* GV nhận xét biểu dương nhóm hoạt động tốt khích lệ các nhóm còn lại.

**HOẠT ĐỘNG 2. QUAN SÁT TẾ BÀO BIỂU BÌ VẢY HÀNH BẰNG KÍNH HIỂN VI QUANG HỌC**

- GV : Kiểm tra sự chuẩn bị củ hành tây của các nhóm , nêu rõ mục tiêu , nội dung và sản phẩm cần đạt

? Để quan sát tế bào biểu bì vảy hành dưới kính hiển vi cần làm như thế nào?

- HS : nghiên cứu thông tin trong SGK và trả lời câu hỏi

**Bước 1:** Nhỏ 1 giọt nước cất lên lam kính để sẵn trong đĩa kính đồng hồ

**Bước 2:** Dùng kim mũi mác bóc nhẹ lớp biểu bì vảy hành.

**Bước 3:** Đặt vảy hành đã bóc lên lam kính đã có giọt nước cất, đậy lamen.

**Bước 4:** Quan sát dưới kính hiển vi với vật kính có độ bội giác lOx, 40x

- GV: Nhận xét nhấn mạnh, hướng dẫn HS các bước ( Chiếu các bước lên màn hình) đảm bảo an toàn khi dùng kim mũi mác lấy TB

- HS: tự thực hiện theo các bước hướng dẫn trong SGK, đồng thời GV hỗ trợ -HS thêm các kĩ thuật giữa các bước như: Cách lấy tế bào biểu bì vảy hành ( chú ý tách thật mỏng vảy hành, cách quan sát tiêu bản, cách điều chỉnh kính, vị trí đặt của mắt,...

- GV: gọi đại diện 1 nhóm báo cáo kết quả quan sát, nhóm khác nhận xét bổ sung

* GV chiếu hình ảnh tiêu bản vảy hành lên màn hình nhận xét biểu dương nhóm hoạt động tốt khích lệ các nhóm còn lại.

- GV yêu cầu HS các câu hỏi sau:

***1. Tại sao cần tách lớp tế bào vảy hành thật mỏng khi làm tiêu bản?***

***2. Khi tiến hành bước đậy lamen để hoàn thành tiêu bản quan sát, em cần lưu ý điều gì?***

- HS : trả lời , HS khác nhận xét bổ sung

ĐA:

1. Biểu bì vảy hành gồm nhiều lớp tế bào xếp sít nhau, nếu không tách mỏng thì các lớp tế bào sẽ chồng lên nhau khó quan sát.

2. Cần chú ý đậy nhẹ nhàng, tránh để bọt khí xuất hiện sẽ khó quan sát và nhận diện tế bào.

**GV :** Nhận xét

**HOẠT ĐỘNG 3. QUAN SÁT HÌNH DẠNG TẾ BÀO BIỂU BÌ DA ẾCH**

- GV : Nêu rõ mục tiêu , nội dung và sản phẩm cần đạt

- GV tập trung hướng dẫn HS làm tiêu bản biểu bì da ếch sao cho dễ quan sát và chiếu các bước lên màn hình

**Bước 1:** Dùng panh vớt vài mẩu da ếch trong bình nhốt ếch cho vào đĩa kính đồng hồ.( Chú ý quan sát thấy những "gợn" nhỏ, mỏng. Trong đó có lớp biểu bì da ếch bị bong ra và vớt lấy )

**Bước 2:** Nhỏ một giọt xanh methylene vào đĩa kính đồng hồ đã có sẵn mẩu da ếch, để khoảng một đến hai phút.

**Bước 3:** Nhỏ 1 giọt nước cất lên lam kính.

**Bước 4:** Dùng panh vớt mẩu da ếch đã nhuộm trải đều lên lam kính, đậy lamen. Dùng giấy thấm thấm nước tràn ra ngoài tiêu bản

- HS: Các nhóm thực hiện theo các bước hướng dẫn, đồng thời GV hỗ trợ HS thêm các kĩ thuật giữa các bước như: Cách lấy tế bào biểu bì da ếch , cách quan sát tiêu bản, cách điều chỉnh kính, vị trí đặt của mắt,...

GV: gọi đại diện 1 nhóm báo cáo kết quả quan sát, nhóm khác nhận xét bổ sung

* GV chiếu hình ảnh tiêu bản tế bào biểu bì da ếch nhận xét biểu dương nhóm hoạt động tốt khích lệ các nhóm còn lại.

**C. BÁO CÁO KẾT QUẢ THỰC HÀNH**

- GV: Yêu cầu HS các nhóm hoàn thành bản tường trình , cá nhân tự vẽ hình vào vở và ghi chú rõ.

- GV: Thu bản tường trình qua phiếu học tập của các nhóm và chiếu lên màn hình chấm chữa cho điểm.

**D. HƯỚNG DẪN VỀ NHÀ**

- GV yêu cầu HS các câu hỏi sau:

? Sau khi làm thí nghiệm quan sát tế bào biểu bì vảy hành và biểu bì da ếch, em hãỵ chia sẻ với các bạn về kinh nghiệm lấy mẫu làm tiêu bản để quan sát rõ hình ảnh tế bào thực vật, tế bào động vật.

- HS: trả lời , HS khác nhận xét bổ sung

- GV nhận xét và ỵêu cầu các thành viên có kết quả thực hành quan sát tốt chia sẻ kinh nghiệm với các bạn khác về kĩ thuật thực hiện ở các bước.

- GV: yêu cầu HS các nhóm thu dọn cọ rửa dụng cụ , vệ sinh phòng thực hành

- HS về nhà hoàn thiện nốt bản tường trình ( nếu chưa xong)

- Chuẩn bị bài mới: Ôn lại toàn bộ kiến thức đã học giờ sau ôn tập

**ÔN TẬP CHỦ ĐỀ 6**

(Thời gian thực hiện: 1 tiết)

**I. Mục tiêu**

***1. Kiến thức:*** Học sinh được củng cố các đơn vị kiến thức về:

- Khái niệm tế bào

- Kích thước, hình dạng, cấu tạo, chức năng và phân loại tế bào

- Sự lớn lên và sinh sản của tế bào là cơ sở cho sự lớn lên và sinh sản của sinh vật

- Các thao tác trong làm tiêu bản quan sát một số tế bào

***2. Năng lực***

- Năng lực chung:

+ Tự chủ và tự học: Chủ động, tích cực thực hiện việc ôn tập và hệ thống hóa kiến thức của cả chủ đề

+ Giao tiếp và hợp tác: Lắng nghe, chia sẻ với bạn cùng nhóm để thực hiện nội dung ôn tập

+ Giải quyết vấn đề và sáng tạo: Vận dụng linh hoạt các kiến thức, kĩ năng để giải quyết vấn đề liên quan trong thực tiễn và trong các nhiệm vụ học tập

- Năng lực khoa học tự nhiên

+ Nhận thức khoa học tự nhiên: Hệ thống hoá các kiến thức về tế bào

+ Vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học: Vận dụng kiến thức đã học tham gia giải quyết các nhiệm vụ học tập.

***3. Phẩm chất***

- Trung thực trong quá trình thực hiện các nhiệm vụ và bài tập ôn tập

- Có niềm say mê, hứng thú với việc khám phá học tập và khoa học tự nhiên

**II. Thiết bị dạy học và học liệu**

- Clip(ghép ảnh) giới thiệu về tế bào

- Máy chiếu, laptop

- Giấy A3, bút dạ nhiều màu

**Phiếu học tập số 1: Hoàn thành nội dung trong dấu … bằng cách điền chữ cái trước câu trả lời**

**Các bước làm tiêu bản tế bào biểu bì vảy hành**

|  |  |
| --- | --- |
| Bước 1:….. | a. Đặt vảy hành đã bóc lên lam kính đã có giọt nước cất, đậy lamen |
| Bước 2:….. | b. Nhỏ 1 giọt nước cất len lam kính để sẵn trong đĩa kính đồng hồ |
| Bước 3:….. | c. Dùng kim mũi mác bóc nhẹ lớp biểu bì vảy hành |
| Bước 4:….. | d. Quan sát dưới kính hiển vi với vật kính có độ bội giác 10x, 40x |

**Phiếu học tập số 2: Hoàn thành nội dung còn thiếu trong bảng sau:**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| Tế bào | Khái niệm |  | |
| Kích thước và hình dạng |  | |
| Cấu tạo |  | |
| Chất tế bào chứa các bào quan, là nơi diễn ra các hoạt động sống của tế bào | |
|  | |
|  |  | |
| Tế bào nhân thực |  |
| Tế bào động vật không có lục lạp |
| Sự lớn lên và sinh sản của tế bào |  | |

**Phiếu học tập số 3: Scan tranh nội dung bài tập 3 sgk/107**

**III. Tiến trình dạy học**

***A. Khởi động***

***Hoạt động 1: Chơi trò chơi “ Ai nhanh hơn”***

a. Mục tiêu: Học sinh sắp xếp đúng thứ tự các bước tiến hành để quan sát hình dạng tế bào biểu bì vảy hành

b. Nội dung:

+ GV chiếu cho học sinh quan sát và phát phiếu học tập các thao tác bị đảo trộn khi tiến hành quan sát hình dạng tế bào biểu bì vảy hành

+ Hs quan sát và hoàn thành nội dung phiếu học tập

c. Sản phẩm: phiếu học tập số 1

d. Tổ chức thực hiện

|  |  |
| --- | --- |
| Hoạt động của GV | Hoạt động của học sinh |
| ***- Thông báo luật chơi:*** Thảo luận nhóm hoàn thành nội dung phiếu học tập số 1 trong 1 phút. Nhóm nào hoàn thiện xong dán nhanh kết quả lên bảng. | - Ghi nhớ luật chơi |
| ***- Giao nhiệm vụ:***  ***+*** Quan sát nội dung trên máy chiếu hoàn thành nội dung phiếu học tập số 1?  + Thời gian hoàn thành nhiệm vụ tối đa 1 phút . | - Nhận nhiệm vụ |
| ***- Hướng dẫn học sinh thực hiện nhiệm vụ:***  ***+*** Chiếu nội dung phiếu học tập số 1 trên máy, hỗ trợ các nhóm khi cần thiết | - Thực hiện nhiệm vụ hoàn thành phiếu học tập số 1 |
| ***- Thu phiếu học tập của các nhóm*** | - Nộp phiếu học tập |
| ***- Chốt lại và đặt vấn đề vào bài:*** Đây là một trong các nội dung chúng ta sẽ được củng cố ôn tập lại trong tiết học hôm nay. Tiết học hôm nay cô và các em sẽ cùng nhau ôn tập các kiến thức đã học ở chương 6 | - Chuẩn bị sách vở học bài |

***B. Củng cố các kiến thức chương 6***

***Hoạt động 2: Hệ thống hóa kiến thức***

a. Mục tiêu: Hệ thống hóa được các kiến thức về hình dạng và kích thước tế bào, cấu tạo tế bào, phân loại tế bào, sự lớn lên và sinh sản của tế bào

b. Nội dung: GV tổ chức cho học sinh hoạt động nhóm theo 2 bàn (bàn trên quay xuống bàn dưới) để làm rõ mục tiêu trên

c. Sản phẩm: phiếu học tập số 2

d. Tổ chức thực hiện

|  |  |
| --- | --- |
| Hoạt động của GV | Hoạt động của học sinh |
| ***- Giao nhiệm vụ:*** Quan sát hình ảnh 1.1 đến hình 1.6 SGK hoạt động cặp đôi hoàn thành phiếu học tập số 2 | - Nhận nhiệm vụ |
| ***- Hướng dẫn học sinh thực hiện nhiệm vụ:***  ***+*** Hai bàn có 4 bạn sẽ ghép thành 1 nhóm, thảo luận và hoàn thành phiếu học tập số 2 trong 3 phút. Sau khi thảo luận xong, nhóm nào xung phong trình bày có chất lượng tốt sẽ được tặng mỗi bạn 1 cái bút chì | - Thực hiện nhiệm vụ thảo luận nhóm hoàn thành phiếu học tập số 2 |
| ***- Báo cáo kết quả:***  ***+*** Chọn 1 nhóm lên bảng trình bày kết quả  + Mời nhóm khác nhận xét  + GV nhận xét sau khi các nhóm đã có ý kiến nhận xét bổ sung | - Nhóm được chọn trình bày kết quả  - Nhóm khác nhận xét |
| ***- Tổng kết***  + Tổng hợp để đi đến các nội dung kiến thức trọng tâm của chương 6  + Yêu cầu học sinh chốt lại các kiến thức trọng tâm đã học ở chương 6.  🡪 Trên đây là các kiến thức chúng ta đã học ở chương 6. Chúng ta cùng áp dụng kiến thức trên để hoàn thành cho cô các nội dung bài tập sau: | - Kết luận về khái niệm khoa học tự nhiên  - Ghi kết luận vào vở |

***Hoạt động 3: Hướng dẫn giải bài tập***

a. Mục tiêu: học sinh giải được một số bài tập phát triển năng lực khoa học tự nhiên cho cả chủ đề.

b. Nội dung: GV gợi ý định hướng tổ chức cho học sinh hoạt động cá nhân để hoàn thành bài tập vận dụng của chủ đề đồng thời phát triển phẩm chất, năng lực của học sinh.

c. Sản phẩm: Phiếu học tập của học sinh.

d. Tổ chức thực hiện

**Bài tập 1: Sgk/tr 106**

|  |  |
| --- | --- |
| Hoạt động của GV | Hoạt động của học sinh |
| ***- Giao nhiệm vụ:***  + Đã giao cho học sinh kẻ bảng vào vở bài tập sinh học  + Giáo viên kiểm sự chuẩn bị của học sinh | - Báo cáo |
| ***- Hướng dẫn học sinh thực hiện nhiệm vụ:***  ***+*** Gọi học sinh đọc yêu cầu bài  ***+*** Hoàn thành nội dung bài tập trong 2 phút  + Quan sát quá trình cả lớp làm bài tập, hướng dẫn học sinh nếu học sinh cần | - Đọc  - Hoàn thành nội dung bài tập 1 |
| ***- Báo cáo kết quả:***  - Mời 1 học sinh lên bảng trình bày kết quả. Các bạn khác đổi chéo trong bàn cho nhau để chấm điểm sau khi GV cho đáp án  - Mời học sinh khác nhận xét  - GV phân tích, cho điểm:  Do (1) không có màng nhân trong khi (2,3) có màng nhân nên:  + (1): Tế bào nhân sơ  + (2): Tế bào nhân thực  + (3): Tế bào nhân thực  Do (2) không có lục lạp mà (3) có lục lạp nên:  + (2) là tế bào động vật  + (3) là tế bào thực vật | - Học sinh được chọn trình bày kết quả  - Học sinh khác nhận xét  - Học sinh theo dõi, chữa bài |
| ***- Đánh giá***  + Gv gọi 1 số bạn bất kì lên trình bày bài của mình được giao kiểm tra đúng hay sai. Cần sửa sai ở nội dung nào | - Học sinh trình bày |
| ***- Tổng kết:*** Yêu cầu học sinh cho biết nội dung bài tập trên ứng với nội dung nào trong bài nào đã học ở chương 6 | - Học sinh trình bày |

**Bài tập 2: Sgk/tr 107**

|  |  |
| --- | --- |
| Hoạt động của GV | Hoạt động của học sinh |
| ***- Giao nhiệm vụ:***  + Giáo viên phát phiếu học tập số 3 yêu cầu học sinh thảo luận nhóm (2 bàn 4 bạn) hoàn thành nội dung phiếu học tập số 2 | - Thảo luận nhóm 4 |
| ***- Hướng dẫn học sinh thực hiện nhiệm vụ:***  ***+*** Gọi học sinh đọc yêu cầu bài  ***+*** Hoàn thành nội dung bài tập trong 4 phút  + Quan sát quá trình cả lớp làm bài tập, hướng dẫn học sinh nếu học sinh cần | - Đọc  - Hoàn thành nội dung bài tập 2 trong phiếu học tập số 3 |
| ***- Báo cáo kết quả:***  - Mời 1 nhóm nhanh nhất lên bảng trình bày kết quả. Các nhóm khác đổi chéo cho nhau để chấm điểm sau khi GV cho đáp án  - Mời học sinh khác nhận xét  -Gv nhận xét, cho điểm các nhóm | - Nhóm được chọn trình bày kết quả  - Học sinh khác nhận xét  - Học sinh theo dõi, chữa bài |
| ***- Đánh giá***  + Gv nhận xét tặng nhóm hoàn thành tốt mỗi bạn 2 tờ giấy vẽ A4 | - Học sinh theo dõi, lắng nghe |
| ***- Tổng kết:*** Yêu cầu học sinh cho biết nội dung bài tập trên ứng với nội dung nào trong bài nào đã học ở chương 6 | - Học sinh trình bày |

**Bài tập 3: Sgk/tr 107**

|  |  |
| --- | --- |
| Hoạt động của GV | Hoạt động của học sinh |
| ***- Giao nhiệm vụ:***  + Giáo viên yêu cầu học sinh quan sát trên màn hình máy chiếu  + Giáo viên gọi bất kì học sinh lên trả lời từng nhóm đơn vị kiến thức còn trống | - Học sinh trả lời cá nhân |
| ***- Hướng dẫn học sinh thực hiện nhiệm vụ:***  ***+*** Gọi học sinh đọc yêu cầu bài  ***+*** Gọi một số học sinh đứng tại chỗ trả lời các đơn vị kiến thức còn trống | - Đọc  - Học sinh trình bày |
| ***- Báo cáo kết quả:***  - Giáo viên gọi cả học sinh giơ tay và học sinh không giơ tay trong quá trình. Hướng dẫn học sinh nhớ đến các kiến thức nào để trả lời. Giúp học sinh yêu môn học hơn | - Học sinh trình bày |
| ***- Đánh giá***  + Gv nhận xét thái độ học tập của học sinh qua bài tập trên | - Học sinh theo dõi, lắng nghe |
| ***- Tổng kết:*** Yêu cầu học sinh cho biết nội dung bài tập trên ứng với nội dung nào trong bài nào đã học ở chương 6 | - Học sinh trình bày |

***Hoạt động 4: Nhận xét, đánh giá***

***-*** Giáo viên nhận xét thái độ chung của cả lớp qua tiết ôn tập

- Tuyên dương các bạn tích cực trong giờ, động viên các bạn khác tích cực hơn trong các giờ học sau

- Rút kinh nghiệm trong quá trình thảo luận, quá trình làm bài của học sinh

***C. Dặn dò***

- Học sinh làm bài tập SGK, SBT

- Chuẩn bị bài mới trước khi lên lớp

***D. Kiểm tra đánh giá thường xuyên***

- Kết thúc bài học, Gv cho học sinh tự đánh giá theo bảng sau

Họ và tên học sinh

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| Các tiêu chí | Tốt | Khá | TB | Chưa đạt |
| Chuẩn bị bài trước khi đến lớp |  |  |  |  |
| Tham gia hoạt động nhóm theo yêu cầu của GV |  |  |  |  |
| Nêu được khái niệm khoa học tự nhiên |  |  |  |  |
| Nêu được vai trò của khoa học tự nhiên |  |  |  |  |

**BÀI 19. CƠ THỂ ĐƠN BÀO VÀ CƠ THỂ ĐA BÀO**

**(Thời gian thực hiện: 2 tiết)**

**I. MỤC TIÊU CHUNG CỦA BÀI HỌC**

**1. Kiến thức**

- Nhận biết được cơ thể đơn bào và lấy được ví dụ minh họa

- Nhận biết được cơ thể đa bào và lấy được ví dụ minh họa

**2. Năng lực**

**- Năng lực chung**

- Tự chủ và tự học : Chủ động thực hiện nhiệm vụ tìm hiểu cơ thể đơn bào, đa bào

- Giao tiếp, hợp tác:Tích cực tham gia trao đổi nhóm với các bạn để tìm hiểu cơ thể đơn bào, đa bào.

- Giải quyết vấn đề và sáng tạo: Vận dụng kiến thức đã học để giải quyết vấn đề liên quan trong tự nhiên và thực tiễn

**- Năng lực khoa học tự nhiên**

- Nhận biết được cơ thể đơn bào, đa bào

- Quan sát mô tả được cơ thể đơn bào, đa bào

**3. Phẩm chất**

- Hình thành sự tò mò đối với thế giới tự nhiên, tăng niềm yêu thích khoa học;

- Quan tâm đến nhiệm vụ của nhóm;

- Có ý thức hoàn thành tốt các nội dung thảo luận trong môn học.

**II. CHUẨN BỊ THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**Chuẩn bị của giáo viên:** Giáo án, sgk. Bảng phụ trang 93. Tranh phóng to H 19.1; 19.2; SGK. Phiếu học tập. Máy chiếu, laptop(nếu có)

**Chuẩn bị của học sinh:** SGK, vở ghi, vở bài tập, đọc trước bài ở nhà.

**III. TIẾN TRÌNH BÀI DẠY**

**1. Kiểm tra bài cũ: không kiểm tra, GV thu bài thu hoạch bài 18.**

**2. Bài mới**

**A. HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG**

**a. Mục tiêu:** Tạo hứng thú cho học sinh trước khi bước vào bài mới

**b. Nội dung:** Giáo viên chiếu tranh giới thiệu bài mới

**c. Sản phẩm:** Lời giới thiệu của giáo viên, câu hỏi của GV và câu trả lời của học sinh

**d. Cách thức tổ chức hoạt động :** Quan sát tranh- trả lời nhanh

GV chiếu tranh 6 hình ảnh kèm lời dẫn

Tranh 1: Vi khuẩn Ecoli : Là vi khuẩn kí sinh trong đường ruột, kích thước rất nhỏ bé, chỉ bằng 1/10000mm

Tranh 2: Trùng roi xanh : kích thước khoảng 0,05mm, sống ở nước chúng tạo thành các váng xanh trên mặt ao hồ

Tranh 3: con ếch

Tranh 4: cây cà chua

Tranh 5: cây bưởi

Tranh 6: cá voi xanh

Câu hỏi : Trong các bức tranh trên, những sinh vật nào rất nhỏ bé, không nhìn thấy bằng mắt thường, chỉ có thể nhìn được qua kính hiển vi?

HS: Vi khuẩn E.coli, trùng roi

? Những sinh vật nào có kích thước vừa phải, có thể nhìn bằng mắt thường?

HS: chó, gà, cây hoa hồng,…

? Những sinh vật nào có kích thước khổng lồ, to lớn?

HS: cá voi, cá nhà táng, cây bao báp,…

GV nhận xét và giới thiệu bài : Thê giới tự nhiên rất kì diệu, có những loài sinh vật với kích thước khổng lồ như cá voi xanh, chiều dài có thể lên tới 30 m. Bên cạnh đó, có những sinh vật vô cùng nhỏ bé, rất khó để có thể quan sát bằng mắt thường mà phải nhờ đến sự phóng đại của kính hiển vi như vi khuẩn Escherichia coli với kích thước chỉ khoảng 1 |jm (bằng khoảng 1/10000 kích thước đẩu một cái ghim giấy).

Tại sao chúng có sự khác biệt về kích thước lớn đến như vậy?

**B. HOẠT ĐỘNG 2 : HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI**

**TIẾT 1. I. CƠ THỂ ĐƠN BÀO**

**a. Mục tiêu:** Nhận biết được cơ thể đơn bào lấy được ví dụ minh họa

**b. Nội dung:** Quan sát hình 19.1. hoàn thành phiếu trả lời câu hỏi

Phiếu học tập:

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Nhận định về Trùng roi và Vi khuẩn** | **Đúng** | **Sai** |
| Kích thước nhỏ quan sát được dưới kính hiển vi |  |  |
| Kích thước lớn, quan sát được bằng mắt thường |  |  |
| Cơ thể được cấu tạo từ 1 tế bào gồm : màng tb, chất tb, nhân hoặc vùng nhân |  |  |
| Tế bào tạo nên cơ thể đơn bào thực hiện được các chức năng của 1 cơ thể sống |  |  |

**c. Sản phẩm:** Là phiếu học tập của học sinh được hoàn thành

**d. Cách thức tổ chức hoạt động**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GIÁO VIÊN** | | **HOẠT ĐỘNG CỦA HỌC SINH** |
| **Bước 1 : Chuyển giao nhiệm vụ học tập** | | |
| GV cho HS quan sát tranh hình 19.1 | | Học sinh quan sát tranh |
| **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập** | | |
| GV đưa ra các câu hỏi thảo luận trong phiếu học tập | | Học sinh trả lời bằng cách điền phiếu |
| **Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận** | | |
| *- Qua phiếu học tập, hãy chỉ ra được đặc điểm chung nhất của trùng roi và vi khuẩn ?*  - GV chốt lại : Đặc điểm chung nhất của Trùng roi và vi khuẩn là cơ thể đơn bào được được cấu tạo từ 1 tế bào (tế bào gồm màng tb, chất tb, nhân hoặc vùng nhân) tế bào đó thực hiện được các chức năng của một cơ thể sống  *Bài tập : Trong các sinh vật sau, đâu là sinh vật đơn bào : Tảo lục, trùng biến hình, trùng giày, nấm rơm, tảo silic, cây dâu tây, chuột bạch* | | + Kích thước nhỏ, quan sát được dưới kính hiển vi  + Cơ thể được cấu tạo từ 1 tế bào gồm : màng tb, chất tb, nhân hoặc vùng nhân + Tế bào tạo nên cơ thể đơn bào thực hiện được các chức năng của 1 cơ thể sống  HS : Các sv đơn bào là : *Tảo lục, trùng biến hình, trùng giày, , tảo silic* |
| **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập** | | |
| GV tổng kết kiến thức | Học sinh nghe | |

**NỘI DUNG KIẾN THỨC CẦN ĐẠT PHẦN I:**

***- Cơ thể đơn bào là cơ thể được cấu tạo từ một tế bào. Tế bào đó thực hiện được các chức năng của một cơ thể sống.***

***- Ví dụ: trùng roi, trùng giày, trùng biêh hình, tảo lục, tảo silic, vi khuẩn* Escherchia cotí (E.coli), *vi khuẩn lao…***

**TIẾT 2. II. CƠ THỂ ĐA BÀO**

**a. Mục tiêu:** Nhận biết được cơ thể đơn bào lấy được ví dụ minh họa

**b. Nội dung:** Quan sát hình 19.2. Thảo luận nhóm trả lời câu hỏi

**c. Sản phẩm:** Là các câu trả lời của học sinh

**d. Cách thức tổ chức hoạt động**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GIÁO VIÊN** | **HOẠT ĐỘNG CỦA HỌC SINH** |
| **Bước 1 : Chuyển giao nhiệm vụ học tập** | |
| Yêu cầu HS quan sát hình 19.2 | HS quan sát hình |
| **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập** | |
| GV đưa ra các câu hỏi thảo luận | Học sinh thảo luận nhóm 3phut, đại diện trả lời |
| **Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận** | |
| *- Quan sát hình 19.2 cho biết : Cây cà chua gồm những loại tế bào nào ?*  *? Điền cụm từ: Nhiều hơn, ít hơn vào chỗ trống trong câu sau :*  *Trùng roi, vi khuẩn có số lượng tế bào của cơ thể ……số lượng tế bào cơ thể của cây cà chua.*  *? Điền cụm từ : đơn bào, đa bào vào chỗ trống trong câu sau :*  *Cây cà chua là cơ thể …………..*  - GV bổ sung : Ngoài 3 loại tb trên thì cây cà chua còn rất nhiều các loại tb khác nhau, các tế bào khác nhau thực hiện chức năng khác nhau trong cơ thể.  Ví dụ : Tb lông hút rễ : thực hiện chức năng hút nước và muối khoáng  TB mạch dẫn thân : vận chuyển các chất  Tb biểu bì lá : thực hiện chức năng quang hợp  GV bổ sung: Tất cả các cơ thể động vật và thực vật đều là cơ thể đa bào  Vậy : Cơ thể đa bào là gì ? Kể tên 1 số cơ thể đa bào mà em biết ? | - HS trao đổi nhóm, nêu được:  + *Cây cà chua gồm những loại tế bào TB biểu bì lá, tb mạch dẫn thân,tb lông hút rễ*  + *Trùng roi, vi khuẩn có số lượng tế bào của cơ thể (ít hơn) số lượng tế bào cơ thể của cây cà chua*  *+Cây cà chua là cơ thể (đa bào).*  HS : trả lời |
| **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập** | |
| GV tổng kết kiến thức | Học sinh ghi nội dung vào vở |

**NỘI DUNG KIẾN THỨC CẦN ĐẠT PHẦN II**

***- Cơ thể đa bào là cơ thể được cấu tạo từ nhiều tế bào thực hiện các chức năng khác nhau trong cơ thể.***

***- Cơ thể thực vật được cấu tạo từ một số tế bào: tế bào biểu bì, tế bào mạch dẫn, tế bào lông hút,...***

***- Cơ thể động vật được cấu tạo từ một số tế bào như: tế bào cơ, tế bào thần kinh, tế bào biểu bì,...***

***- Một số cơ thể đa bào như: cầy phượng, cây hoa hồng, con giun đất, con ếch đồng,…***

**HOẠT ĐỘNG 3 : HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP**

**a. Mục tiêu**: Ôn tập lại các kiến thức vừa được học

**b. Nội dung:** hệ thống câu hỏi ôn tập tự luận và trắc nghiệm

**c. Sản phẩm:** Các câu hỏi được trả lời

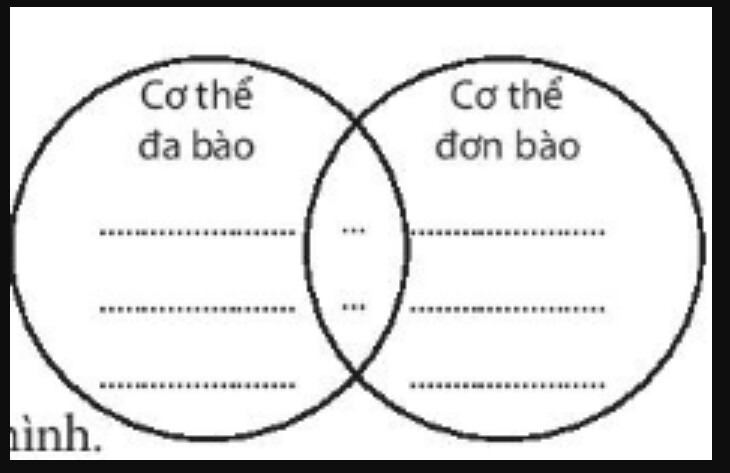
**d. Cách thức tổ chức hoạt động :** Vấn đáp học sinh hoặc hoạt động nhóm

**NỘI DUNG CÂU HỎI LUYỆN TẬP**

**1. Xác định các cơ thể đơn bào, đa bào bằng cách hoàn thành bảng theo mẫu sau:**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Cơ thê** | **Sô tê bào cấu tạo nên cơ thể** | **Là cơ thể** | |
| **Đơn bào** | **Đa bào** |
| **Vi khuẩn £ *coli*** | **Một tế bào** | **X** |  |
| **Cây bưởi** | **Nhiều tê bào** |  | **X** |
| **Trùng roi** | **?** | **?** | **?** |
| **Con ếch** | **?** | **?** | **?** |

**2.Vẽ lại hình bên và hoàn thành các yêu cầu sau :**

* 
* Điền điểm giống nhau vào phần giao nhau của 2 hình
* Điền những điểm khác nhau vào phần riêng của mỗi hình

**HOẠT ĐỘNG 4 : HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG**

**a. Mục tiêu:** Vận dụng kiến thức đã học để phân loại được ĐV đơn bào với đv đa bào

**b. Nội dung:**  Trò chơi : ai nhanh hơn hoặc trả lời câu hỏi trắc nghiệm

**c. Sản phẩm:** Ghép đươc tranh gồm các cơ thể đơn bào và tranh gồm các cơ thể đa bào hoặc câu hỏi được trả lời

**d. Cách thức tổ chức hoạt động :** hoạt động nhóm hoặc hđ cá nhân

Cách 1 : Trò chơi :Gv đưa ra các bức tranh, chia lớp thành 2 đội :

Đội 1 : Chọn và ghép thành bức tranh gồm các cơ thể đơn bào.

Đội 2 : Chọn và ghép thành bức tranh gồm các cơ thể đa bào.

Cách 2 : trả lời câu hỏi trắc nghiệm

**Câu 1:** Phân loại các thông tin sau vào nhóm thích hợp​

Cơ thể đơn bào || 1 tế bào cấu tạo nên cơ thể. || Kích thước nhỏ.Cơ thể đa bào || Nhiều tế bào cấu tạo nên cơ thể || Kích thước lớn.

**Câu 2:** Cho tên các loại tế bào dưới đây, em hãy sắp xếp chúng vào nhóm thích hợp.

Cơ thể thực vật || Tế bào biểu bì lá. || Tế bào mạch dẫn. || Tế bào lông hút.

Cơ thể động vật || Tế bào thần kinh. || Tế bào cơ. || Tế bào hồng cầu.

**Câu 3:** Trong các sinh vật dưới đây, đâu không phải là cơ thể đa bào?

1. Con giun đất. B. Vi khuẩn lao.

C. Nấm sò. D. Con ếch đồng.

**HOẠT ĐỘNG 5: MỞ RỘNG – HƯỚNG DẪN VỀ NHÀ**

- Các sự khác biệt chính giữa đa bào và đơn bào là sinh vật đa bào sở hữu nhiều hơn một tế bào trong khi các sinh vật đơn bào chỉ sở hữu một tế bào duy nhất.

***Hướng dẫn về nhà:***

-Trả lời câu hỏi cuối bài. Làm bài tập SBT

- Đọc trước bài tiếp theo

**BÀI 20: CÁC CẤP ĐỘ TỔ CHỨC TRONG CƠ THỂ ĐA BÀO**

(Thời gian thực hiện: 2 tiết)

***TIẾT 1: Mối quan hệ giữa tế bào và mô, giữa mô và cơ quan***

***TIẾT 2: Mối quan hệ giữa cơ quan - hệ cơ quan - cơ thể.***

**I. Mục tiêu:**

***1. Kiến thức:***

- Trình bày được mối quan hệ từ tế bào hình thành nên mô, cơ quan, hệ cơ quan và cơ thể.

- Nêu được các khái niệm mô, cơ quan, hệ cơ quan, cơ thể. Lấy được ví dụ minh hoạ.

***2. Năng lực***

- Năng lực chung

+ Tự chủ và tự học: Chủ động, tích cực thực hiện các nhiệm vụ của bản thân khi tìm hiểu về tế bào, mô, cơ quan, hệ cơ quan, cơ thể và mối quan hệ từ tế bào hình thành nên mô, cơ quan, hệ cơ quan, cơ thể;

+ Giao tiếp và hợp tác: Xác định nội dung hợp tác nhóm trao đổi về mối quan hệ từ tế bào hình thành nên mô, cơ quan, hệ cơ quan, cơ thể;

+ Giải quyết vấn đề và sáng tạo: Vận dụng linh hoạt các kiến thức, kĩ năng để giải quyết vấn đề liên quan đến mối quan hệ từ tế bào đến cơ thể trong thực tiễn.

- Năng lực khoa học tự nhiên

+ Nhận thức khoa học tựnhiên:Trình bày được mối quan hệtừtế bào hình thành nên mô, cơ quan, hệ cơ quan và cơ thể. Từ đó nêu được các khái niệm mô, cơ quan, hệ cơ quan, cơ thể. Lấy được ví dụ minh hoạ;

+ Tim hiểu tự nhiên: Quan sát, nhận ra được mối quan hệ từ tế bào đến cơ thể;

+Vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học: Liên hệ, nhận biết được sự phối hợp hoạt động của các cơ quan, hệ cơ quan trong cơ thể.

- Phẩm chất

+ Thông qua hiểu biết về cơ thể, từ đó có ý thức bảo vệ sức khoẻ, yêu thương bản thân và gia đình;

+ Trung thực trong báo cáo các kết quả học tập của cá nhân và nhóm.

**II. Thiết bị dạy học và học liệu**

**Chuẩn bị của giáo viên:** Giáo án, sgk. Bảng phụ. Tranh phóng to H 20.1,2,3,4,5 SGK. Phiếu học tập. Máy chiếu, laptop(nếu có), xốp, bút màu, kéo, băng dán hai mặt;

**Chuẩn bị của học sinh**: SGK, vở ghi, vở bài tập, đọc trước bài ở nhà.

**III. Tiến trình dạy học**

**A. Khởi động**

a. Mục tiêu: tạo ra cho học sinh hứng thú .

b. Nội dung: GV tổ chức cho học sinh xem clip về sự phối hợp hoạt động của các cơ quan, hệ cơ quan trong cơ thể.

c. Sản phẩm: Là các câu trả lời của học sinh.

d. Tổ chức thực hiện

|  |  |
| --- | --- |
| Hoạt động của giáo viên | Hoạt động của học sinh |
| ***- Thông báo :*** Quan sát clip để trả lời câu hỏi. Cuối buổi học, các nhóm đánh giá lẫn nhau cho điểm từng nhóm | - Theo dõi nội dung clip |
| ***- Giao nhiệm vụ:***  ***+*** Quan sát hình ảnh trong clip.  + Thời gian hoàn thành nhiệm vụ là đúng 1 phút sau khi kết thúc clip | - Nhận nhiệm vụ |
| ***- Hướng dẫn học sinh thực hiện nhiệm vụ:***  ***+*** Học sinh quan sát, hỗ trợ khi cần thiết. | - Thực hiện nhiệm vụ |
| ***-*** Nội dung hoàn thành của các nhóm | - Các nhóm thực hiện |
| ***- Chốt lại và đặt vấn đề vào bài:***  Ở cơ thể đơn bào, mỗi tế bào là một cơ thể. Vậy với cơ thể đa bào, các tế bào có sự phối hợp hoạt động với nhau như thế nào để tạo thành cơ thể sống? | - Chuẩn bị sách vở học bài |

**B. Hình hành kiến thức mới.**

**TIẾT 1**

**Hoạt động 1: Tìm hiểu mối quan hệ giữa tế bào và mô.**

a. Mục tiêu: Trình bày được mối quan hệ từ tế bào hình thành nên mô, khái niệm mô và ví dụ.

b. Nội dung: Sử dụng phương pháp trực quan kết hợp phương pháp trò chơi (sử dụng trò chơi Mảnh ghép hoàn hảo để ghép đúng tế bào tương ứng với mô), yêu cầu HS tham gia trò chơi theo nhóm dưới hình thức tiếp sức để mỗi thành viên đều được tham gia, cùng nhau suy nghĩ để tìm ra mối liên hệ giữa tế bào và mô tương ứng.

c. Sản phẩm: phiếu học tập của học sinh

d. Tổ chức thực hiện.

|  |  |
| --- | --- |
| Hoạt động của giáo viên | Hoạt động của học sinh |
| ***- Giao nhiệm vụ:*** Quan sát hình ảnh GV giới thiệu tranh hình 20.1, 20.2 trong SGK. | - Nhận nhiệm vụ |
| ***- Hướng dẫn học sinh thực hiện nhiệm vụ:***  ***+*** Mỗi bàn có 2 bạn sẽ ghép thành 1 cặp đôi, thảo luận và hoàn thành câu hỏi :  1. Hãy cho biết mối quan hệ từ tế bào đến mô.  2. Nhận xét về hình dạng và cấu tạo tế bào hình thành nên mỗi loại mô.  3. Hãy dự đoán chức năng của các tế bào trong một mô.  Sau khi thảo luận xong, nhóm nào xung phong trình bày có chất lượng tốt sẽ được cọng điểm | - Thực hiện nhiệm vụ thảo luận đôi hoàn thành câu hỏi.  1.Tế bào là đơn vị cấu tạo nên mô.  2. Các tế bào cấu tạo nên một loại mô có hình dạng và cấu tạo giống nhau.  3. Các tế bào trong một mô cùng thực hiện một chức năng nhất định. |
| ***- Báo cáo kết quả:***  ***+*** Chọn 1 cặp đôi lên bảng trình bày kết quả.  + Mời nhóm khác nhận xét  + GV nhận xét sau khi các nhóm đã có ý kiến nhận xét bổ sung | - Nhóm được chọn trình bày kết quả  - Nhóm khác nhận xét |
| ***- Tổng kết***  ? Từ đó, em hãy cho biết mô là gì? Lấy ví dụ.  + Yêu cầu học sinh chốt lại kết luận về mô.  *🡪 Mô là tập hợp các tế bào giống nhau cùng phối hợp thực hiện một chức năng nhất định.*  *- Mô thực vật: mô phân sinh, mô biểu bì, mô dẫn, mô cơ bản.*  *- Mô động vật: mô cơ, mô thẩn kinh, mô liên kết, mô biểu bì.* | - Kết luận về mô.  - Ghi kết luận vào vở |

***Hoạt động2: Tìm hiểu mối quan hệ giữa mô và cơ quan***

a. Mục tiêu: học sinh nêu được mối quan hệ giữa mô và cơ quan trong cơ thể và xác định được một số cơ quan chính trong cơ thể thực vật, động vật.

b. Nội dung: HS thảo luận các câu hỏi trong bài, hoàn thành bảng sgk (sử dụng các từ gợi ý.).

c. Sản phẩm: Nội dung báo cáo.

d. Tổ chức thực hiện

|  |  |
| --- | --- |
| Hoạt động của giáo viên | Hoạt động của học sinh |
| ***- Giao nhiệm vụ:***  HS hoạt động nhóm: cắt, dán, lắp ghép và tô màu một số loại mô. | - Nhận nhiệm vụ |
| ***- Hướng dẫn học sinh thực hiện nhiệm vụ:***  HS quan sát sản phẩm các nhóm. Trong phẩn hướng dẫn HS thảo luận các câu hỏi trong bài, GV có thể cho HS chơi trò chơi Ai nhanh hơn? (mỗi nhóm viết ra bảng phụ các cơ quan trong cơ thể, các thành viên trong nhóm hỗ trợ nhau để viết ra được càng nhiều cơ quan càng tốt). | - Phân công nhiệm vụ các thành viên trong nhóm, tiến hành thực hiện nhiệm vụ |
| ***- Báo cáo kết quả:***  - Mời 1 nhóm lên bảng trình bày kết quả.  *4.Quan sát hình 20.3a và cho biết lá cây được cấu tạo từ những loại mô nào?*  *5. Quan sát hình 20.3b và cho biết dạ dày được cấu tạo từ những loại mô nào?*  *6. Mô và cơ quan có mối liên hệ với nhau như thế nào?*  - Mời nhóm khác nhận xét  - GV phân tích, thống nhất phương án đúng.  - Tiếp tục cho học sinh mỗi nhóm hoàn thành:  Sử dụng các từ gợi ý để hoàn thành bảng : *biểu bì, rễ, thân, tim, dạ dày, thận, phổi, cơ bản, dẫn, liên kết, lá, hoa, quả, thần kinh, hạt, cơ, phân sinh.*  - Mời 1 nhóm lên bảng trình bày, nhóm khác nhận xét. Gv phân tích, thống nhất. | - Nhóm được chọn trình bày kết quả  4. *Lá cây được cấu tạo từ: mô biểu bì, mô dẫn và mô cơ bản.*  *5. Dạ dày động vật được cấu tạo từ: mô biểu bì, mô cơ, mô liên kết, mô thần kinh.*  6. *Mô cấu tạo nên cơ quan.*  *Cơ quan là tập hợp của nhiều mô cùng thực hiện một chức năng trong cơ thể.*  - Nhóm khác nhận xét  Các nhóm tiếp tục hoàn thành bảng sgk |
| ***- Đánh giá***  + Mỗi hình ảnh ghép được với vai trò phù hợp sẽ được 2,5 điểm  + Yêu cầu học sinh chấm điểm cho các nhóm  + GV thu phiếu học tập để kiểm tra xem các nhóm chấm đúng hay không và lấy điểm | - Các nhóm chấm điểm cho nhóm bạn, báo cáo điểm nhóm bạn |
| ***- Tổng kết:***  7/ Lá là cơ quan thực hiện chức năng quang hợp ở thực vật, dạ dày là cơ quan thực hiện chức năng tiêu hoá ở động vật. Vậy cơ quan là gì? Lấy ví dụ về một số cơ quan trong cơ thể người.  Yêu cầu học sinh kết luận  🡪 *Cơ quan là tập hợp của nhiều mô cùng thực hiện một chức năng trong cơ thể.*  *Cơ quan ở thực vật: rễ, thân, lá, hoa, quả, hạt.*  *Cơ quan ở động vật: dạ dày, ruột, gan, tim, phổi, mắt, mũi, miệng,...* | Trả lời câu hỏi.  - Ghi kết luận vào vở |

**TIẾT 2**

**Hoạt động 3: Tìm hiểu mối quan hệ giữa cơ quan - hệ cơ quan - cơ thể.**

a. Mục tiêu: HS nhận biết được mối quan hệ giữa cơ quan - hệ cơ quan - cơ thể.

b. Nội dung: Sử dụng phương pháp trực quan thông qua tranh hình 20.4 và tranh ảnh GV chuẩn bị,yêu cẩu HS thảo luận nhóm,xác định các cơquan nào trong cơ thể cùng đảm nhận một chức năng. Phẩn hướng dẫn HSthảo luận các nội dung trong SGK, GV có thể tổ chức lồng ghép một số kĩ thuật dạy học và trò chơi nhanh để tăng cường hứng thú cho HS như trò chơi Ghép chữ, Đuổi hình bát chữ.

c. Sản phẩm: bảng nhóm

d. Tổ chức thực hiện.

|  |  |
| --- | --- |
| Hoạt động của giáo viên | Hoạt động của học sinh |
| ***- Giao nhiệm vụ:*** | - Nhận nhiệm vụ |
| ***- Hướng dẫn học sinh thực hiện nhiệm vụ:***  ***+*** Mỗi bàn có 2 bạn sẽ ghép thành 1 cặp đôi, thảo luận và hoàn thành nội dung câu hỏi sgk. Sau khi thảo luận xong, nhóm nào xung phong trình bày có chất lượng tốt sẽ được tặng điểm | - Thực hiện nhiệm vụ thảo luận đôi hoàn thành phiếu học tập số 2 |
| ***- Báo cáo kết quả:***  + Chọn 1 cặp đôi lên bảng trình bày kết quả.  7.Cho biết các hệ cơ quan cấu tạo nên cây cà chua.  8. Gọi tên các cơ quan cấu tạo nên hệ chồi tương ứng với các số (1) đến (4) trong hình và nêu chức năng của mỗi cơ quan này.  9. Nêu chức năng của hệ rễ.  10. Hãy kể tên một số cơ quan cấu tạo nên hệ tiêu hoá ở người và gọi tên các số từ (5) đến (9).  11. Ở người có những hệ cơ quan nào? Nêu chức năng của hệ tiêu hoá.  12. Điều gì sẽ xảy ra nếu trong cơ thể có một hệ cơ quan nào đó ngừng hoạt động?  *Tiếp tục các nhóm hoàn thành nội dung sau:*  *\** Điều gì sẽ xảy ra nếu cây cà chua bị mất đi hệ rễ?  \* Hãy chỉ rõ các cơ quan trong bảng sau thuộc hệ cơ quan nào trong cơ thể.  Cơ quan Hệ cơ quan  Phổi ?  Tim ?  Dạ dày ?  Não ?  Thận ?  Cơ ?  + Mời nhóm khác nhận xét  + GV nhận xét sau khi các nhóm đã có ý kiến nhận xét bổ sung | - Nhóm được chọn trình bày kết quả  7. Hệ rễ, hệ chồi.  8.(1)Lá: thực hiện chức năng quang hợp tạo chất dinh dưỡng; (2) Hoa và (3) Quả: thực hiện chức năng sinh sản; (4) Thân: vận chuyển các chất dinh dưỡng trong câỵ.  9. Rễ làm nhiệm vụ hút nước và các chất khoáng trong đất.  10. (5) Miệng, (6) Thực quản, (7) Dạ dày, (8) Ruột già, (9) Ruột non.  11.Các hệ cơ quan ở người: hệ vận động, hệ thẩn kinh, hệ hô hấp, hệ bài tiết, hệ tiêu hoá, hệ tuần hoàn, hệ sinh dục.  - Hệ tiêu hoá có chức năng nghiền, co bóp, chuyển hoá thức ăn thành các chất dinh dưỡng cho cơ thể.  12. Nếu trong cơ thể có một hệ cơ quan ngừng hoạt động thì cả cơ thể sẽ bị ảnh hưởng và các hệ cơ quan khác trong cơ thể cũng sẽ bị ảnh hưởng.  - Nhóm khác nhận xét |
| ***- Tổng kết***  + Yêu cầu học sinh chốt lại kết luận. *🡪 \* Hệ cơ quan là tập hợp một số cơ quan cùng hoạt động để thực hiện một chức năng nhất định.*  *- Ở cơ thể thực vật, các hệ cơ quan được chia thành hệ chồi và hệ rễ.*  *- Ở cơ thể động vật gồm một số hệ cơ quan như: hệ vận động (xương, cơ); hệ tuần hoàn (tim, mạch máu, máu); hệ hô hấp (mũi, hầu, thanh quản, khí quản, phế quản và phổi);... \*Cơ thể là tập hợp các cơ quan và hệ cơ quan, hoạt động thống nhất, nhịp nhàng để thực hiện chức năng sống*. | - Kết luận.  - Ghi kết luận vào vở |

***Hoạt động 4: Luyện tập***

**a. Mục tiêu**: Ôn tập lại các kiến thức vừa được học

**b. Nội dung:** hệ thống câu hỏi ôn tập .

**c. Sản phẩm:** Các câu hỏi được trả lời

**d. Cách thức tổ chức hoạt động :** Vấn đáp học sinh hoặc hoạt động nhóm

d.Tổ chức thực hiện

|  |  |
| --- | --- |
| Hoạt động của giáo viên | Hoạt động của học sinh |
| ***- Giao nhiệm vụ:***  + Hoàn thành các câu hỏi theo nhóm vào bảng phụ. | - Nhận nhiệm vụ |
| ***- Hướng dẫn học sinh thực hiện nhiệm vụ:*** GV quan sát, hỗ trợ khi cần thiết. | - HS thực hiện |
| ***- Báo cáo kết quả:***  + Các nhóm đại diện lên bảng. GV đánh giá 1 số nhóm.  \* Cơ thể người được cấu tạo từ những loại mô nào? Cho ví dụ.  \* Hãy kể tên một số cơ quan trong cơ thể người và cho biết tim được cấu tạo từ những loại mô nào?  \* Điều gì sẽ xảy ra nếu cây cà chua bị mất đi hệ rễ? | - Theo dõi đánh giá của giáo viên  - Mô cơ, mô thần kinh, mô liên kết, mô biểu bì,...  - Các cơ quan ở người: dạ dày, ruột, gan, tim, phổi, mắt, mũi, miệng,...  Tim được cấu tạo từ: mô cơ tim, mô liên kết, mô thần kinh,...  - Rễ là hệ cơ quan thực hiện chức năng hút nước và khoáng chất cho cây, nếu hệ rễ bị mất đi thì hệ chổi cũng không hoạt động được và cây cà chua sẽ chết. |
| ***- Tổng kết:***  + Đánh giá được nhóm nào nêu được nhiều hoạt động. Khen ngợi học sinh | - Học sinh lắng nghe |

***Hoạt động 5: Vận dụng***

a. Mục tiêu: học sinh vận dụng kiến thức đã học trả lời các câu hỏi thực tế

b. Nội dung: Dùng phiếu học tập trả lời các câu hỏi

c. Sản phẩm: Phiếu trả lời câu hỏi của học sinh

d. Tổ chức thực hiện

|  |  |
| --- | --- |
| Hoạt động của giáo viên | Hoạt động của học sinh |
| ***- Giao nhiệm vụ:***  + Trả lời câu hỏi dưới đây vào phiếu học tập, tiết sau nộp lại cho GV  BÀI TẬP  1. Cấp độ nào sau đây được xem là đơn vị cấu tạo và chức năng cơ bản của sự sống?  A. Mô. B. Tế bào.  C. Cơ quan. D. Hệ cơ quan.  2. Tập hợp gổm các tế bào giống nhau cùng phối hợp thực hiện chức năng nhất định được gọi là  A. mô. B. tế bào.  C. cơ quan. D. Hệ cơ quan.  3. Vẽ minh hoạ và chú thích các cơ quan thuộc hệ hô hấp ở người.  4. Khi em tập thể dục, những cơ quan và hệ cơ quan nào trong cơ thể cùng phối hợp hoạt động?  5. Nêu tên các cấp độ tổ chức trong cơ thể đa bào tương ứng với các số từ (1) đến (5) trong hình sau(sgk) | - Nhận nhiệm vụ  1. Đáp án B.    2. Đáp án A.    3. Các cơ quan thuộc hệ hô hấp: mũi, hầu, phổi, cơ hoành. Các cơ quan cùng phối hợp hoạt động để thực hiện chức năng giúp cơ thể trao đổi khí với môi trường.  4.Khi em tập thể dục, những hệ cơ quan cùng phối hợp hoạt động là: hệ vận động, hệ thần kinh, hệ hô hấp, hệ bài tiết, hệ tuần hoàn.  5.- (1) Tế bào, (2) Mô, (3) Cơ quan, (4) Hệ cơ quan, (5) Cơ thể. |
| ***- Hướng dẫn học sinh thực hiện nhiệm vụ:***  ***+*** Thực hiện tại nhà, GV đưa ra hướng dẫn cần thiết | - Thực hiện nhiệm vụ ở nhà |
| ***- Báo cáo kết quả:***  + Tiết học tiếp theo nộp phiếu trả lời cho GV | - Theo dõi đánh giá của giáo viên |

***C. Dặn dò***

- Học sinh làm bài tập SGK, SBT.

-Vẽ bảng sau vào vở và hoàn thành theo mẫu sau:

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| Hệ cơ quan | Cơ quan cấu tạo nên hệ cơ quan | Chức năng hệ cơ quan |
| Hệ tiêu hoá | Thực quản, dạ dày, ruột,... | Tiêu hoá thức ăn thành các chất cần thiết cho cơ thể. |
| Hệ tuần hoàn | Tim, mạch máu,... | Vận chuyển các chất trong cơ thể. |
| Hệ thần kinh | Não, dây thán kinh, tuỷ sống,... | Điểu khiển các hoạt động sống của cơ thể. |
| Hệ hô hấp | Mũi, hầu, phổi, cơ hoành,... | Giúp cơ thể trao đổi khí với môi trường bên ngoài (thở). |
| Hệ bài tiết | Da,bàng quang,thận,... | Cân bằng, bài tiết các chất không cần thiết ra khỏi cơ thể. |

- Chuẩn bị bài mới trước khi lên lớp

***D. Kiểm tra đánh giá thường xuyên***

- Kết thúc bài học, Gv cho học sinh tự đánh giá theo bảng sau

Họ và tên học sinh

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| Các tiêu chí | Tốt | Khá | TB | Chưa đạt |
| Chuẩn bị bài trước khi đến lớp |  |  |  |  |
| Tham gia hoạt động nhóm theo yêu cầu của GV |  |  |  |  |
| Nêu được khái niệm khoa học tự nhiên |  |  |  |  |
| Nêu được vai trò của khoa học tự nhiên |  |  |  |  |

**Bài 21. THỰC HÀNH QUAN SÁT SINH VẬT**

(Thời gian thực hiện 2 tiết)

**I. Mục tiêu**

***1. Kiến thức***

- Quan sát và vẽ được cơ thể đơn bào (tảo lam, trùng roi, trùng giày,...).

- Quan sát và mô tả được các cơ quan cấu tạo cây xanh.

- Quan sát mô hình và mô tả được cấu tạo cơ thể người.

***2. Năng lực***

- Năng lực chung:

+ Tự chủ và tự học: Chủ động tích cực thực hiện các nhiệm vụ của bản thân khi thực hiện các nhiệm vụ được GV yêu cầu trong giờ thực hành.

+ Giao tiếp và hợp tác: Xác định nội dung hợp tác nhóm trao đổi về cấu tạo cơ thể sinh vật.

+ Giải quyết vấn đề và sáng tạo; Vận dụng linh hoạt các kiến thức, kĩ năng để giải quyết vấn đề liên quan trong thực tiễn và trong các nhiệm vụ học tập.

- Năng lực khoa học tự nhiên:

+ Nhận thức khoa học tự nhiên: Trình bày được các bước làm tiêu bản hiển vi. Mô tả và vẽ được hình cơ thể đơn bào, các cơ quan cấu tạo cây xanh và cấu tạo cơ thể người.

+ Tìm hiểu tự nhiên: Quan sát và vẽ được cơ thể đơn bào (tảo lam, trùng roi, trùng giày,...); Quan sát và mô tả được các cơ quan cấu tạo cây xanh; Quan sát mô hình và mô tả được cấu tạo cơ thể người.

+ Vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học: Liên hệ, giải thích được sự hoạt động có tổ chức của các cơ quan, hệ cơ quan trong cơ thể.

***3. Phẩm chất***

- Thông qua hiểu biết về cơ thể, từ đó có ý thức bảo vệ sức khỏe, yêu thương bản thân và gia đình.

- Trung thực trong quá trình thực hành, báo các kết quả thực hành của cá nhân và nhóm.

**II. Thiết bị dạy học và học liệu**

- Dụng cụ: Kính hiển vi, lam kính, lamen, pipette, giấy thấm, bông, giấy bìa, kim chỉ, keo dán.

- Mẫu vật:

+ Mẫu vật tự nhiên: Tùy theo đặc điểm vùng miền để chọn mẫu phù hợp. Yêu cầu: mẫu vật có đủ các cơ quan cấu tạo như rễ, thân, lá, hoa, quả (đối với cây có hoa có thể thay bằng cành có đủ lá, hoa).

+ Bộ ảnh thực vật: cây cà rốt, cây khoai lang, cây khoai tây, cây cà chua, cây hành, cây xương rồng, cây nắp ấm, cây quất, cây lạc (có thể thay các cây khác để thuận lợi cho việ thu mẫu).

+ Mô hình tháo lắp cơ thể người hoặc tranh ảnh mô phỏng cấu tạo cơ thể người).

**III. Tiến trình dạy học.**

**A. Khởi động**

**Hoạt động 1: Nghe - đoán**

a. Mục tiêu: tạo ra cho học sinh hứng thú để học bài mới đồng thời giúp ôn tập lại các kiến thức đã học về vi khuẩn.

b. Nội dung: GV tổ chức cho học sinh tham gia trò chơi Phân biệt các loại cá.

c. Sản phẩm: Hình vẽ của học sinh

d. Tổ chức thực hiện

|  |  |
| --- | --- |
| Hoạt động của GV | Hoạt động của học sinh |
| ***- Thông báo luật chơi:*** Giáo viên đưa ra một thử thách đang hot trên các trang mạng gần đây “đọc tên các loại cá” | - Ghi nhớ luật chơi, đọc tên. |
| ***- Nhận xét.***  - Vì sao chúng ta phân biệt được? | - Dựa vào quan sát |
| ***- Chốt lại và đặt vấn đề vào bài:*** Chúng ta đã được học về các sinh vật đơn bào, đa bào. Hôm nay, chúng ta sẽ cùng nhau quan sát một số sinh vật, từ đó có thể phân biệt chúng. | - Chuẩn bị sách vở học bài |

**B. Hình thành kiến thức mới**

**Hoạt động 1: Quan sát cơ thể đơn bào**

**a. Mục tiêu**: Quan sát, vẽ mô phỏng, chú thích được một số cơ thể đơn bào trong tự nhiên: trùng giày, trùng roi, tảo lục.

**b. Nội dung:** GV hướng dẫn HS làm tiêu bản, quan sát cơ thể đơn bào trong nước ao, hồ môi trường nuôi cấy và tranh/ảnh về sinh vật đơn bào.

**c. Sản phẩm:** Vẽ hình sinh vật đơn bào, mô tả hình dạng ngoài, màu sắc của sinh vật đơn bào.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| - ***Giao nhiệm vụ:***  Yêu cầu các nhóm HS làm tiêu bản, quan sát và tìm sinh vật trong môi trường theo các bước gợi ý trong SGK, vẽ phác thảo sinh vật tìm thấy vào vở.  + Bước 1: Đặt vài sợi bông lên lam kính.  + Bước 2: Dùng pipette lấy 1 giọt váng nước ao hồ nhỏ lên lam kính đã có sẵn sợi bông.  + Bước 3: Đậy lamen, dùng giấy thấm nước tràn ra ngoài lamen.  + Bước 4: Quan sát tiêu bản dưới kính hiển vi với vật kính có số bội giác 10x và 40x. | Nhận nhiệm vụ. |
| **- *Hướng dẫn HS thực hiện nhiệm vụ:***  GV hướng dẫn các bước tiến hành cho HS, quan sát các nhóm hoạt động và hỗ trợ khi cần thiết. Nêu câu hỏi:  + *Trong các bước làm tiêu bản, tại sao phải bước đặt sợi bông lên lam kính?* | Phân công nhiệm vụ theo các nhóm.Tiến hành thí nghiệm theo các bước. |
| ***- Báo cáo kết quả:***  Các nhóm nêu tên các sinh vật đã quan sát và vẽ phác thảo được. Trả lời được: Khi quan sát cơ thể đơn bào trong giọt nước ao, hồ nên đặt vài sợ bông lên lam kính để hạn chế sự di chuyển của sinh vật, giúp dễ dàng quan sát.  Nhóm khác theo dõi, nhận xét, bổ sung. | Các nhóm báo cáo nhanh kết quả.  Nhóm khác nhận xét, bổ sung. |
| ***- Tổng kết:***  Đánh giá hoạt động của các nhóm, khen ngợi học sinh. | HS lắng nghe |

**Hoạt động 2: Quan sát các cơ quan cấu tạo cây xanh**

**a. Mục tiêu:** Nêu được các cơ quan cấu tạo cây xanh trên mẫu đã quan sát.

**b. Nội dung:** Cố định mẫu vật tự nhiên vào bìa (nếu có). Quan sát và xác định các thành phần cấu tạo cây xanh ở mẫu vật hoặc bộ ảnh.

**c. Sản phẩm:** Tên một số cơ quan, hệ cơ quan ở cây xanh.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| ***- Giao nhiệm vụ:***  GV chuẩn bị mẫu vật là các cây xanh gần gũi với HS, dễ tìm kiếm (tùy vào đặc điểm vùng miền để chọn cho phù hợp). Có thể sử dụng bộ ảnh: cây cà rốt, cây hành tây, cây lạ, cây quất, cây xương rồng,…để bổ sung thêm hoặc thay thế nếu mẫu vật khó tìm. Yêu cầu bằng cách hoạt động theo nhóm để thảo luận tìm hiểu cấu tạo của cây xanh. | Nhận nhiệm vụ. |
| ***- Hướng dẫn HS thực hiện nhiệm vụ:***  GV hướng dẫn cố định mẫu vật tự nhiên vào bìa (nếu có).  - Quan sát và hỗ trợ các nhóm khi cần thiết.  + *Những mẫu vật/tranh ảnh nào có rễ, thân, lá biến dạng ?* | Tiến hành quan sát, thảo luận nhóm. |
| ***- Báo cáo kết quả:***  Mời một nhóm trình bày kết quả, các nhóm khác đối chiếu, so sánh và đưa ra nhận xét.  GV nhận xét sau khi các nhóm đã có ý kiến nhận xét, bổ sung. | Nhóm được chọn trình bày kết quả.  Nhóm khác nhận xét. |
| ***- Tổng kết:***  Đánh giá hoạt động của các nhóm, khen ngợi học sinh. | HS lắng nghe |

**Hoạt động 3: Quan sát mô hình hoặc tranh ảnh cấu tạo cơ thể người.**

**a. Mục tiêu:** Xácđịnh được vị trí, cấu tạo của một số cơ quan, hệ cơ quan trong cơ thể người.

**b. Nội dung:** Quan sát hình hoặc mô hình cấu tạo cơ thể người và kể tên một số cơ quan, hệ cơ quan.

**c. Sản phẩm:** Kể tên một số cơ quan, hệ cơ quan trong cơ thể người.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **- *Giao nhiệm vụ:***  GV yêu cầu HS quan sát mô hình, thảo luận nhóm xác định tên, vị trí của các cơ quan trong cơ thể người theo các bước như trong SGK:  + Bước 1: Đặt mô hình vào vị trí thích hợp.  + Bước 2: Quan sát tổng thể các thành phần cấu tạo của cơ thể người.  + Bước 3: Quan sát cấu tạo các hệ cơ quan bằng cách tháo dần các bộ phận của mô hình.  + Bước 4: Lắp mô hình về dạng ban đầu. | Nhận nhiệm vụ |
| ***- Hướng dẫn HS thực hiện nhiệm vụ:***  Gợi ý để HS thảo luận trả lời các câu hỏi sau:  + *Quan sát hình/ mô hình, em hãy cho biết cấu tạo của cơ thể người gồm bao nhiêu phần? Gọi tên và xác định vị trí của các phần đó trên hình/mô hình.*  *+ Trên hình/mô hình, em hãy chỉ ra một vài cơ quan, hệ cơ quan của người?*  *+ Khi tháo lắp các bộ phận của mô hình cơ thể người, để thuận tiện cho việc lắp mô hình về dạng ban đầu, em cần chú ý đặt bộ phận đó như thế nào?* | Phân công nhiệm vụ trong nhóm. Tiến hành quan sát, thảo luận nhóm. |
| **- *Báo cáo kết quả:***  Đại diện nhóm trình bày kết quả thảo luận của nhóm.  Nhóm khác chú ý lắng nghe, nhận xét, bổ sung. Nêu được:  Các phần của cơ thể người, vị trí và tên của các cơ quan và hệ cơ quan. | Đại diện nhóm trình bày.  Nhóm khác nhận xét bổ sung. |
| **- *Tổng kết:***  Đánh giá hoạt động của các nhóm, khen ngợi HS. | HS lắng nghe |

**Hoạt động 4: Báo cáo kết quả thực hành**

**a. Mục tiêu:** Trình bày được kết quả quan sát sinh vật.

**b. Nội dung:** Báo cáo kết quả các phần thực hành của nhóm đã thu được dựa trên mẫu báo cáo kết quả quan sát sinh vật.

**c. Sản phẩm:** Bản báo cáo của nhóm.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **- Giao nhiệm vụ:**  Yêu cầu các nhóm tổng hợp kết quả bài thực hành vào phiếu: Báo cáo kết quả quan sát sinh vật ( vào giấy A0), sau đó trình bày trước lớp. | Các nhóm nhận nhiệm vụ. |
| ***- Hướng dẫn HS thực hiện nhiệm vụ:***  Dựa vào kết quả 3 phần quan sát: cơ thể đơn bào, các cơ quan cấu tạo của cây xanh, tranh ảnh hoặc mô hình cấu tạo cơ thể người thảo luận nhóm tổng hợp kết quả vào bảng báo cáo. | Các nhóm phân công nhiệm vụ, tiến hành hoàn thiện bảng báo cáo. |
| **- *Báo các kết quả:***  Các nhóm treo bảng báo cáo lên bảng.  Đại diện 1 nhóm lên trình bày. Các nhóm khác theo dõi, nhận xét, bổ sung.  Sau khi các nhóm đã bổ sung GV nhận xét, hoàn thiện kiến thức, đại diện các nhóm theo dõi chéo và sửa luôn trên bảng báo cáo cho nhóm bạn. | Đại diện 1 nhóm lên bảng trình bày.  Nhóm khác theo dõi, nhận xét, bổ sung. |
| **- *Tổng kết:***  GV nhận xét, rút kinh nghiệm giờ thực hành và khen ngợi HS. | HS lắng nghe rút kinh nghiệm. |

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Báo cáo kết quả quan sát sinh vật**  *Tiết……Thứ……Ngày…..Tháng……Năm…..* | | |
| **Nhóm:……………..Lớp:……………..** | | |
| **Mục tiêu** | **Nội dung** | **Kết quả** |
| 1. Vẽ và chú thích một cơ thể đơn bào | - Quan sát cơ thể đơn bào trong nước ao, hồ môi trường nuôi cấy và tranh/ảnh về sinh vật đơn bào | ***(****HS vẽ hình sinh vật đơn bào)*  - Mô tả hình dạng ngoài, màu sắc của sinh vật đơn bào:………………………….  ……………………………… |
| 2. Nêu được các cơ quan cấu tạo cây xanh trên mẫu đã quan sát. | - Quan sát cây xanh qua ảnh hoặc mẫu vật thật và kể tên một số cơ quan, hệ cơ quan. | *(Vẽ và chú thích các cơ quan cấu tạo của cây xanh)*  - Nêu tên một số cơ quan, hệ cơ quan ở cây xanh:…………  ……………………………....  …………………………….... |
| 3. Kể tên một số cơ quan, hệ cơ quan ở người. | - Quan sát hình hoặc mô hình cấu tạo cơ thể người và kể tên một số cơ quan, hệ cơ quan. | *(Vẽ mô phỏng và chú thích một số cơ quan, hệ cơ quan ở người)*  - Kể tên một số cơ quan, hệ cơ quan trong cơ thể người:………………………..  ……………………………....  …………………………….... |
| 4. Mô tả được những mẫu vật/tranh ảnh thực vật đã quan sát, những mẫu vật/tranh ảnh nào có rễ, thân, lá biến dạng. | - Quan sát mẫu vật/tranh ảnh thực vật đã chuẩn bị. | - Xác định được những mẫu vật/tranh ảnh thực vật đã quan sát có rễ, thân, lá biến dạng:…………………………  …………………………….....  ……………………………..... |

**Hoạt động 5: Vận dụng**

**a. Mục tiêu:** HS vận dụng kiến thức đã học để trả lời câu hỏi thực tế.

**b. Nội dung:** Dùng vở bài tập để trả lời các câu hỏi: đặc điểm chung của trùng giày, trùng roi; Nêu ví dụ về một số biến dạng ở thực vật và chức năng của chúng.

**c. Sản phẩm:** Vở bài tập của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **- Giao nhiệm vụ:**  + Trả lời các câu hỏi dưới đây vào vở bài tập, tiết sau GV sẽ kiểm tra.  + Câu hỏi:  ? Hãy nêu ba đặc điểm chung của trùng giày và trùng roi?  ? Một số thực vật có biến dạng ở rễ, thân, lá giúp chúng thực hiện được các chức năng phù hợp với điều kiện môi trường. Hãy lấy ví dụ về một số biến dạng ở thực vật mà em biết. | Nhận nhiệm vụ. |
| ***- Hướng dẫn HS thực hiện nhiệm vụ:***  Thực hiện nhiệm vụ tại nhà, giáo viên đưa ra hướng dẫn cần thiết. | Thực hiện nhiệm vụ ở nhà. |
| **- *Báo các kết quả:***  Giờ học tiếp theo GV sẽ kiểm tra bài làm. | Theo dõi đánh giá của GV. |

**C. Dặn dò.**

- Học sinh làm bài tập trong SBT.

- Chuẩn bị bài mới trước khi đến lớp.

**D. Kiểm tra đánh giá thường xuyên.**

- Kết thúc bài học GV cho HS tự đánh giá theo bảng sau:

Họ và tên học sinh

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| Các tiêu chí | Tốt | Khá | TB | Chưa đạt |
| Chuẩn bị bài trước khi đến lớp |  |  |  |  |
| Tham gia hoạt động nhóm theo yêu cầu của GV |  |  |  |  |
| Quan sát và vẽ được cơ thể đơn bào (tảo lam, trùng roi, trùng giày,...). |  |  |  |  |
| Quan sát và mô tả được các cơ quan cấu tạo cây xanh. |  |  |  |  |
| - Quan sát mô hình và mô tả được cấu tạo cơ thể người. |  |  |  |  |

**CHỦ ĐỀ 8. ĐA DẠNG THẾ GIỚI SỐNG**

**BÀI 22. PHÂN LOẠI THẾ GIỚI SỐNG**

(Thời gian thực hiện: 4 tiết)

**I. Mục tiêu**

**1. Kiến thức**

- Các ý nghĩa của việc phân loại thế giới sống.

- Các bậc phân loại thế giới sống từ nhỏ đến lớn và cách gọi tên loài.

- Các giới sinh vật.

- Cách xây dựng khóa lưỡng phân.

**2. Năng lực**

**2.1. Năng lực khoa học tự nhiên**

- Nêu được sự cần thiết của việc phân loại thế giới sống.

- Phân biệt được các bậc phân loại từ nhỏ đến lớn theo trật tự: loài, chi, họ, bộ, lớp, ngành, giới.

- Nhận biết được cách gọi tên sinh vật.

- Nhận biết được 5 giới sinh vật và lấy được ví dụ minh họa cho mỗi giới.

- Nhận biết được cách xây dựng khóa lưỡng phân thông qua ví dụ.

- Lấy được ví dụ chứng minh thế giới sống đa dạng về số lượng loài và đa dạng về môi trường sống.

**2.2. Năng lực chung**

- Năng lực tự học và tự chủ:

+ Tự quyết định cách thức thực hiện, phân công công việc cho các thành viên trong nhóm.

+ Tự đánh giá quá trình và kết quả thực hiện của các thành viên và nhóm.

- Năng lực giao tiếp và hợp tác:

+ Tập hợp nhóm theo đúng yêu cầu, nhanh và đảm bảo trật tự.

+ Hỗ trợ các thành viên trong nhóm cách thực hiện nhiệm vụ, tiến hành thí nghiệm.

+ Biết cách ghi chép kết quả làm việc nhóm một cách chính xác.

+ Thảo luận và thống nhất ý kiến với các thành viên trong nhóm để cùng hoàn thành nhiệm vụ chung.

**3. Phẩm chất:**

- Chăm chỉ: Thường xuyên thực hiện và hoàn thành các nhiệm vụ được phân công. Thích tìm hiểu, thu thập tư liệu để mở rộng hiểu biết về các vấn đề trong bài học. Có ý thức vận dụng kiến thức, kĩ năng học được vào học tập và đời sống hàng ngày.

- Trung thực: Báo cáo chính xác, nhận xét khách quan kết quả thực hiện.

- Trách nhiệm: Có ý thức và hoàn thành công việc được phân công.

**II. Thiết bị dạy học và học liệu**

**1. Chuẩn bị của giáo viên:**

- Sách giáo khoa.

- Tranh, hình ảnh thực vật, động vật, nấm, vi sinh vật,…

- Poscard tên và hình ảnh một số loài sinh vật.

- SGK.

- Bài giảng powerpoint.

- Phiếu học tập

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| PHIẾU HỌC TẬP SỐ 1  NHÓM:…….. | | |
| Think  (Các câu hỏi/ vấn đề đặt ra) | Pair  (Bạn nghĩ như thế nào?) | Share  (Kết quả chúng ta thảo luận được) |
|  |  |  |

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| PHIẾU HỌC TẬP SỐ 2  NHÓM: …… | | |
| Câu | Nội dung | Trả lời |
| *Câu 5:* | Quan sát hình 22.2 hãy kể tên các bậc phân loại sinh vật theo thứ tự từ thấp đến cao trong thế giới sống. |  |
| *Câu 6:* | Căn cứ vào hình 22.3 và Poscard Sao la: hãy cho biết các bậc phân loại của Gấu trắng và Sao la trong hình bằng cách điền vào bảng 1 trong PHT. |  |
| *Câu 7:* | Quan sát hình 22.4 và hãy cho biết sinh vật có những cách gọi tên nào? |  |
| Bài tập luyện tập: | Hãy gọi tên khoa học của các loài sau đây biết một số thông tin: |  |

**2. Chuẩn bị của học sinh:**

- Đọc bài trước ở nhà. Tự tìm hiểu về các tài liệu trên internet có liên quan đến nội dung của bài học.

- Vở ghi chép, SGK.

**III. Tiến trình dạy học**

***A. Khởi động***

***Hoạt động 1: Chơi trò chơi “Cuộc đua kì thú”***

a. Mục tiêu: Giúp học sinh thấy được sự đa dạng của các loài sinh vật.

b. Nội dung: Học sinh liệt kê tên các sinh vật.

c. Sản phẩm: Tên các loại sinh vật

d. Tổ chức thực hiện

|  |  |
| --- | --- |
| Hoạt động của GV | Hoạt động của học sinh |
| ***- Thông báo luật chơi:*** Học sinh thảo luận nhóm, cử người lên bảng ghi tên sinh vật, học sinh bên dưới nhắc nhở. | - Ghi nhớ luật chơi |
| ***- Giao nhiệm vụ:***  + Chia lớp thành 4 nhóm lớn.  + Trong thời gian 2 phút HS mỗi nhóm lần lượt chạy lên bảng viết tên sinh vật.  + Yêu cầu: HS sau không được trùng với HS trước, giữa các nhóm không được trùng nhau. | - Nhận nhiệm vụ |
| ***- Hướng dẫn học sinh thực hiện nhiệm vụ:***  ***+*** Chiếu clip để học sinh quan sát, hỗ trợ khi cần thiết  Đoạn clip gợi ý: [[TRAILER] Da dang sinh hoc rung nhiet doi - YouTube](https://www.youtube.com/watch?v=xZyWv6dwmAI) | - Thực hiện yêu cầu của trò chơi. |
| ***- Thu phiếu học tập của các nhóm*** | - Kiểm tra kết quả các nhóm đạt được. |
| ***- Chốt lại và đặt vấn đề vào bài:*** Thế giới sống vô cùng đa dạng và phức tạp. Vậy làm sao để biết chúng là loài sinh vật nào, phân loại ra sao? Hãy cùng nghiên cứu chủ đề **Phân loại thế giới sống** để tìm hiểu thêm. | - Chuẩn bị sách vở học bài |

***B. Hình hành kiến thức mới***

***Tiết 1: Hoạt động 2: Tìm hiểu về sự cần thiết phân loại thế giới sống***

1. Mục tiêu: Nêu được khái niệm chung về phân loại thế giới sống,các tiêu chí phân loại, ý nghĩa của việc phân loại thế giới sống.
2. Nội dung: GV tổ chức cho học sinh hoạt động theo kỹ thuật think - pair -share để làm rõ mục tiêu trên.

c. Sản phẩm: phiếu học tập của học sinh.

d. Tổ chức thực hiện

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV** | **Hoạt động của học sinh** |
| ***- Giao nhiệm vụ:*** Quan sát hình ảnh 22.1, nghiên cứu SGK tr101, hoạt động cặp đôi hoàn thành phiếu học tập số 1 | - Nhận nhiệm vụ |
| ***- Hướng dẫn học sinh thực hiện nhiệm vụ:***  ***+*** Mỗi HS sẽ tự suy nghĩ, điền vào cột 1 (Think)  *+* Mỗi bàn có 2 bạn sẽ ghép thành 1 cặp đôi, thảo luận và hoàn thành cột 2 (Pair)  + Nhóm thống nhất ý kiến cùng hoàn thành cột 3 (Share)  + Sau khi thảo luận xong, nhóm nào xung phong trình bày có chất lượng tốt sẽ được khen thưởng.  - Câu hỏi:  *Câu 1:* Căn cứ vào hoạt động liệt kê tên các loài sinh vật, em hãy nhận xét về sự đa dạng của thế giới sống.  *Câu 2:* Sinh vật chia thành những nhóm nào?  *Câu 3:*Tại sao cần phải phân loại thế giới sống?  *Câu 4:* Phân loại là gì? Có thể căn cứ vào những tiêu chí nào để phân loại sinh vật? | - Thực hiện nhiệm vụ thảo luận đôi hoàn thành phiếu học tập số 1 |
| ***- Báo cáo kết quả:***  ***+*** Chọn 1 cặp đôi lên bảng trình bày kết quả  + Mời nhóm khác nhận xét   * + GV nhận xét sau khi các nhóm đã có ý kiến nhận xét bổ sung * => GV nhận xét, đánh giá câu trả lời của HS dựa trên mức độ chính xác so với 2 câu đáp án.   *Câu 1:* Thế giới sống vô cùng đa dạng và phức tạp, gồm nhiều loài sinh vật khác nhau.  *Câu 2:* HS có thể chia nhóm: thực vật – động vật; sống trên cạn – sống dưới nước; sinh vật có kích thước lớn – sinh vật có kích thước nhỏ,…  *Câu 3:* Phân loại thế giới sống giúp chúng ta gọi đúng tên sinh vật, đưa sinh vật vào đúng nhóm phân loại, nhận ra sự đa dạng của sinh giới.  *Câu 4:*  + Phân loại thế giới sống là sắp xếp sinh vật vào một thống theo trật tự nhất định dựa vào đặc điểm cơ thể.  + Các tiêu chí để phân loại sinh vật: đặc điểm tế bào (TB nhân sơ, TB nhân thực), mức độ tổ chức cơ thể (cơ thể đơn bào, cơ thể đa bào), môi trường sống, kiểu dinh dưỡng,… | - Nhóm được chọn trình bày kết quả  - Nhóm khác nhận xét |
| ***- Tổng kết***  + Tổng hợp để đi đến kết luận về khái niệm phân loại thế giới sống và nhiệm vụ của thế giới sống.  + Yêu cầu học sinh chốt lại kết luận về khái niệm phân loại thế giới sống và nhiệm vụ của thế giới sống.  => GV giới thiệu: Để phân loại sinh vật cần phải: phát hiện, mô tả, đặt tên và sắp xếp vào hệ thống phân loại.  Vậy hệ thống phân loại sinh vật được chia như thế nào? | - Kết luận về khái niệm phân loại thế giới sống và nhiệm vụ của thế giới sống.  - Ghi kết luận vào vở |

***Tiết 2: Hoạt động 3: Tìm hiểu về các bậc phân loại***

1. Mục tiêu: Phân biệt được các bậc phân loại từ nhỏ đến lớn theo trật tự: loài, chi, họ, bộ, lớp, ngành, giới. Nhận biết được cách gọi tên sinh vật.
2. Nội dung: Quan sát hình 22.2; 22.3; 22.4 SGK trang 102; 103 và Poscard Sao la trả lời các câu hỏi sau;

*Câu 5:* Quan sát hình 22.2 hãy kể tên các bậc phân loại sinh vật theo thứ tự từ thấp đến cao trong thế giới sống.

*Câu 6:*Căn cứ vào hình 22.3 và Poscard Sao la: hãy cho biết các bậc phân loại của Gấu trắng và Sao la trong hình bằng cách điền vào bảng 1 trong PHT.

*Câu 7:* Quan sát hình 22.4 hãy cho biết sinh vật có những cách gọi tên nào?

c. Sản phẩm: Bài trình bày và câu trả lời của cá nhân HS. HS khác đánh giá, bổ sung ý kiến.

d. Tổ chức thực hiện

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV** | **Hoạt động của học sinh** |
| ***- Giao nhiệm vụ:*** GV yêu cầu học sinh làm việc cá nhân trong thời gian 3 phút nghiên cứu thông tin hình 22.2. SGK trang 102 trả lời câu hỏi:  *Câu 5:* Quan sát hình 22.2 hãy kể tên các bậc phân loại sinh vật theo thứ tự từ thấp đến cao trong thế giới sống.  *Câu 6:* Căn cứ vào hình 22.3 và Poscard Sao la: hãy cho biết các bậc phân loại của Gấu trắng và Sao la trong hình bằng cách điền vào bảng 1 trong PHT.  *Câu 7:* Quan sát hình 22.4 và hãy cho biết sinh vật có những cách gọi tên nào?  Bài tập luyện tập: Hãy gọi tên khoa học của các loài sau đây biết một số thông tin: | - Nhận nhiệm vụ |
| ***- Hướng dẫn học sinh thực hiện nhiệm vụ:***  + HS nghiên cứu thông tin hình 22.2, 22.4/ SGK trang 102 trả lời câu hỏi trên PHT 2.  + GV hướng dẫn cho HS nhận biết các bậc phân loại từ nhỏ đến lớn theo thứ tự: loài, chi, họ, bộ, lớp, ngành, giới. | - Thực hiện nhiệm vụ thảo luận hoàn thành phiếu học tập số 2 |
| ***- Báo cáo kết quả:***  GV gọi 1 HS bất kì trình bày câu trả lời. HS khác bổ sung, nhận xét, đánh giá. | - Nhóm được chọn trình bày kết quả  - Nhóm khác nhận xét. |
| ***- Tổng kết***  GV đánh giá cho điểm câu trả lời của HS dựa trên mức độ chính xác so với câu đáp án. Trình bày cụ thể câu trả lời đúng:  + Trong nguyên tắc phân loại, người ta chia thành các bậc từ nhỏ đến lớn:  Loài🡪 chi/giống 🡪 họ 🡪 bộ 🡪 lớp 🡪 ngành 🡪 giới.  Cách gọi tên sinh vật  **+ Tên phổ thông:** tên gọi thông thường để tra cứu.  **+ Tên khoa học:** Tên giống + Tên loài + (Tên tác giả, năm công bố).  **+ Tên địa phương:** cách gọi của người dân địa phương.  **=> Đáp án câu hỏi:** Cách gọi tên khoa học của một số loài theo bảng tr103:  Con người: Homo sapiens.  Chim bồ câu: Cobumba livia.  Cây ngọc lan trắng: Magnolia alba.  Cây ngô: Zea mays. | - Kết luận về các bậc phân loại thế giới sống và cách gọi tên loài.  - Ghi kết luận vào vở |

**Luyện tập :**

Học sinh tìm hiểu theo nhóm bàn, sử dụng thiết bị điện tử, tìm kiếm một số sinh vật và điền vào bảng sau: (có thể làm ở nhà)

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Loài** | **Giống** | **Họ** | **Bộ** | **Lớp** | **Ngành** | **Giới** |
| Gấu đen châu mỹ | Gấu - Ursus | Gấu - Ursidae | Ăn thịt – Carnivora | Thú - Mammalia | Dây sống - Chordata | Động vật - Animalia |
| Gấu trắng |  |  |  |  |  |  |
| Sao la |  |  |  |  |  |  |
| … |  |  |  |  |  |  |

***Hoạt động 4: Tìm hiểu về các giới sinh vật***

1. Mục tiêu: Nhận biết được 5 giới sinh vật và lấy được ví dụ minh họa cho mỗi giới.
2. Nội dung: Sự phân loại 5 giới sinh vật, đặc điểm ở các giới.
3. Sản phẩm: Sơ đồ viết 5 giới sinh vật.
4. Tổ chức thực hiện

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV** | **Hoạt động của học sinh** |
| ***- Giao nhiệm vụ:***  ++ GV hướng dẫn cho HS nhận biết thế giới sống được phân chia thành năm giới sinh vật theo quan điểm của Whittaker, 1969.  *Câu 8:* Trong 3 phút: Quan sát hình 22.5 và đọc thông tin SGK trang 104 – 105, hãy điền nhãn tên của các giới sinh vật trong sơ đồ sau (điền trên slide/bảng/phiếu)  **A picture containing text, vector graphics  Description automatically generated**  + GV chuẩn bị bộ ảnh đại diện các sinh vật thuộc năm giới, tổ chức trò chơi Đoán hình (GV chiếu ảnh sinh vật trên màn hình hoặc dùng tranh ảnh sinh vật, HS dựa vào thông tin trong SGK đoán xem sinh vật đó thuộc giới nào).  *Câu 9:* Em có thể phân biệt được 5 giới sinh vật dựa vào những tiêu chí nào? | - Nhận nhiệm vụ |
| ***- Hướng dẫn học sinh thực hiện nhiệm vụ:***  + Kết hợp SGK và cho HS xem clip về các giới sinh vật.  + HS tự nghiên cứu thêm về các quan điểm phân chia hệ thống thế giới sống bằng thiết bị điện tử (nếu không có, GV cung cấp tài liệu thêm cho HS)  Đoạn clip gợi ý:  [sự đa dạng của thế giới sinh vật (giới thiệu 5 giới) - YouTube](https://www.youtube.com/watch?v=DHw5ctEAzkA) | - Thực hiện nhiệm vụ, hoàn thành câu trả lời. |
| ***- Báo cáo kết quả:***   * GV gọi 1 HS bất kì trình bày câu trả lời. HS khác bổ sung, nhận xét, đánh giá. | - HS được chọn trình bày kết quả  - HS khác nhận xét |
| ***- Tổng kết***   * GV đánh giá cho điểm câu trả lời của HS dựa trên mức độ chính xác so với câu đáp án.   => Trình bày cụ thể câu trả lời đúng.  *Câu 8:* Sơ đồ đúng tên 5 giới sinh vật.  *Câu 9:* Dựa vào tiêu chí về đặc điểm cấu tạo cơ thể, kiểu dinh dưỡng, môi trường sống,… | - Kết luận về 5 giới sinh vật, các đặc điểm của mỗi giới sinh vật.  - Ghi kết luận vào vở |

**Bài tập về nhà:**

Mỗi HS chuẩn bị giới thiệu về 1 loài sinh vật theo cách phân loại các giới và danh pháp khoa học để giới thiệu vào tiết sau.

***Tiết 3: Hoạt động 5: Tìm hiểu về khóa lưỡng phân***

1. Mục tiêu: Nhận biết được cách xây dựng khóa lưỡng phân thông qua ví dụ.
2. Nội dung: Trả lời câu hỏi:

*Câu 10:* Nêu các đặc điểm sử dụng để phân biệt các sinh vật trong hình 22.6.

*Câu 11:* Hãy cho biết cách xây dựng khóa lưỡng phân trong hình 22.7.

1. Sản phẩm: Câu trả lời của HS
2. Tổ chức thực hiện

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV** | **Hoạt động của học sinh** |
| ***- Giao nhiệm vụ:***  GV yêu cầu HS giới thiệu các loài sinh vật đã chuẩn bị ở nhà.  Quan sát hình 22.6 và đọc thông tin SGK trang 105, trả lời câu hỏi:  *Câu 10:* Nêu các đặc điểm sử dụng để phân biệt các sinh vật trong hình.  *Câu 11:* Hãy cho biết các tiêu chí để xây dựng khóa lưỡng phân trong hình 22.7.  HS thảo luận nhóm đôi trả lời câu hỏi:  *Câu 12:* Em hãy cho biết các bước xây dựng khoá lưỡng phân trong hình 22.7. | - Nhận nhiệm vụ |
| ***- Hướng dẫn học sinh thực hiện nhiệm vụ:***  HS thực hiện cá nhân, GV quan sát và hỗ trợ nếu cần | - Thực hiện nhiệm vụ, hoàn thành câu trả lời. |
| ***- Báo cáo kết quả:***   * GV gọi 1 HS bất kì trình bày câu trả lời. HS khác bổ sung, nhận xét, đánh giá. HS trả lời câu hỏi | - HS được chọn trình bày kết quả  - HS khác nhận xét |
| ***- Tổng kết***   * + GV đánh giá câu trả lời của HS dựa trên mức độ chính xác so với câu đáp án. * => Trình bày cụ thể câu trả lời đúng:  |  |  | | --- | --- | | Tên sinh vật | Đặc điểm | | Con thỏ | Có khả năng di chuyển, có chân, không biết bay. | | Cây hoa sen | Không có khả năng di chuyển. | | Con cá rô phi | Có khả năng di chuyển, không có chân. | | Con chim bổ câu | Có khả năng di chuyển, có chân, biết bay. |  * *Câu 10:*   *Câu 11:* Các tiêu chí được sử dụng để phân biệt các sinh vật trong hình:   * Khả năng di chuyển; * Khả năng bay; * Có chân hoặc không.   *Câu 12:*  Bước 1. Xác định đặc điểm đặc trưng của mỗi sinh vật.  Bước 2. Dựa vào một đặc điểm đặc trưng nhất để phân chia sinh vật thành hai nhóm.  Bước 3. Tiếp tục phân chia các nhóm trên thành hai nhóm nhỏ hơn cho đến khi mỗi nhóm chỉ còn một sinh vật.  Bước 4. Xây dựng khoá lưỡng phân hoàn chỉnh. | - Kết luận về khái niệm khóa lưỡng phân và cách xây dựng khóa lưỡng phân.  - Ghi kết luận vào vở |

**Hoạt động 6: Luyện tập**

a. Mục tiêu:

Củng cố cho HS kiến thức về phân loại sinh vật.

Câu hỏi, bài tập GV giao cho học sinh thực hiện:

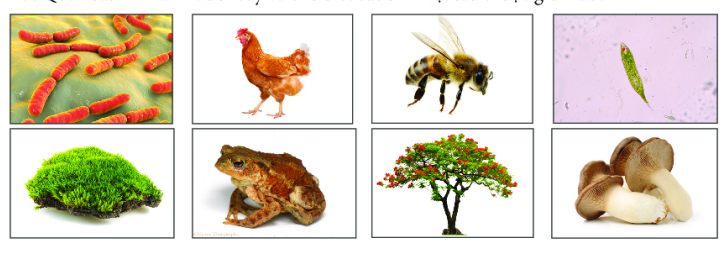
b. Nội dung:

**Câu 1.** Thế giới sinh vật được phân loại thành các bậc phân loại từ nhỏ đến lớn theo trật tự:

1. loài – chi – họ – bộ – lớp – ngành – giới.
2. loài – họ – chi– bộ – lớp – ngành – giới.
3. giới – ngành – bộ – lớp – họ – chi – loài.
4. giới – họ – lớp – ngành – bộ – chi – loài.

**Câu 2.** Tên khoa học của loài người là Homo sapiens Linnacus, 1758. Hãy xác định tên giống, tên loài, tác giả, năm tìm ra loài đó.

**Câu 3**. Quan sát hình ảnh và gọi tên các sinh vật, cho biết các sinh vật thuộc giới nào?



c. Sản phẩm:

Đáp án, lời giải của các câu hỏi, bài tập do học sinh thực hiện. Kết quả tìm ra đội chiến thắng (Đội trả lời đúng và nhanh nhất =>Điểm cao nhất)

d. Tổ chức thực hiện:

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV** | **Hoạt động của học sinh** |
| ***- Giao nhiệm vụ:***  + GV chia lớp thành 4 nhóm, sử dụng giấy A4 để HS tham gia trả lời theo nhóm.  + GV giới thiệu số lượng câu hỏi và hướng dẫn, hỗ trợ học sinh thực hiện. | - Nhận nhiệm vụ |
| ***- Hướng dẫn học sinh thực hiện nhiệm vụ:***  HS thực hiện cá nhân, GV quan sát và hỗ trợ nếu cần | - Thực hiện nhiệm vụ, hoàn thành câu trả lời. |
| ***- Báo cáo kết quả:***   * GV, HS cùng được tham gia đánh giá kết quả thực hiện. Chấm điểm dựa trên câu trả lời đúng của nhóm HS, tìm ra đội thắng cuộc. | - HS được chọn trình bày kết quả  - HS khác nhận xét |
| ***- Tổng kết***  GV đánh giá kết quả hoạt động, nhận xét và giao bài tập về nhà: Chuẩn bị mẫu vật/ tranh ảnh/ thông tin của một số loài sinh vật quen thuộc xung quanh em.  GV nhắc HS chuẩn bị bút, màu, băng dính, kéo, bìa cứng, mẫu vật/tranh ảnh buổi học sau. | - Ghi kết quả làm bài vào vở.  - Ghi các nội dung cần chuẩn bị cho tiết sau. |

***Tiết 4: Hoạt động 7: Vận dụng***

***Phân loại một số nhóm sinh vật theo khóa lưỡng phân***

1. Mục tiêu: Phân loại được các sinh vật vào các giới, xác định đúng tên khoa học của loài và phân loại sinh vật theo khóa lưỡng phân; tập luyện cách phân loại trước khi học thực hành vào tiết sau.
2. Nội dung: Tổ chức hoạt động học tập ngoài trời, HS chuẩn bị sẵn mẫu vật thật hoặc hình ảnh sưu tầm.
3. Sản phẩm: Cataloge phân loại sinh vật thường gặp
4. **Tổ chức thực hiện**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV** | **Hoạt động của học sinh** |
| ***- Giao nhiệm vụ:***  + GV: yêu cầu HS phân chia các loài sinh vật đã sưu tầm thành các giới  + GV yêu cầu HS lập sơ đồ khóa lưỡng phân cho các nhóm thực vật, các nhóm động vật không xương sống, các nhóm động vật có xương sống…  + Yêu cầu HS đưa ảnh các nhóm sinh vật vào đúng tên nhóm theo sơ đồ khóa lưỡng phân đã lập.  + Yêu cầu HS thảo luận giải thích được đặc điểm của loài phù hợp với môi trường sống. | - Nhận nhiệm vụ |
| ***- Hướng dẫn học sinh thực hiện nhiệm vụ:***  HS thực hiện cá nhân, GV quan sát và hỗ trợ nếu cần | - Thực hiện nhiệm vụ, hoàn thành câu trả lời. |
| ***- Báo cáo kết quả:***   * GV, HS cùng được tham gia đánh giá kết quả thực hiện. Chấm điểm dựa trên câu trả lời đúng của nhóm HS. * Kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập của HS là sơ đồ về khóa lưỡng phân của sinh vật. | - HS được chọn trình bày kết quả  - HS khác nhận xét |
| ***- Tổng kết***  GV đánh giá kết quả hoạt động, nhận xét và giao bài tập về nhà: Chuẩn bị mẫu vật/ tranh ảnh/ thông tin của một số loài sinh vật quen thuộc xung quanh em.  GV nhắc HS chuẩn bị bút, màu, băng dính, kéo, bìa cứng, mẫu vật/tranh ảnh buổi học sau.  **\* Phương án đánh giá:**  - Đánh giá nhóm: Các nhóm căn cứ vào kết quả thực hiện nhiệm vụ của các nhóm tiến hành đánh giá đồng đẳng lẫn nhau thông qua bảng kiểm và rubric. | - Ghi kết quả làm bài vào phiếu cá nhân. |

**Tiêu chí đánh giá sản phẩm học tập của hoạt động 7:**

**BẢNG KIỂM ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ PHÂN LOẠI**

(DÀNH CHO HỌC SINH)

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Các tiêu chí** | **Có** | **Không** |
| Thực hiện được theo các bước hướng dẫn |  |  |
| Có sự hợp tác giữa các thành viên trong nhóm |  |  |
| Xếp được đúng các loài sinh vật vào các giới |  |  |
| Lập được sơ đồ khóa lưỡng phân cho các sinh vật. |  |  |
| Đưa ảnh các nhóm sinh vật vào đúng tên nhóm theo sơ đồ. |  |  |

**PHIẾU ĐÁNH GIÁ HOẠT ĐỘNG 4 CỦA NHÓM**

Tên nhóm đánh giá:………………….

Tên nhóm được đánh giá:……………..

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Tiêu chí** | **Mức 3** | **Mức 2** | **Mức 1** | **Điểm** |
| Đánh giá mức độ hoàn thành của tùng nhóm: Xây dựng được sơ đồ khóa lưỡng phân hợp lý, | Xây dựng được mô hình (2.5đ) | Xây dựng được sơ đồ khóa lưỡng phân(3đ) | Xây dựng được sơ đồ khóa lưỡng phân (4đ) |  |
| Sắp xếp vị trí các sinh vật hợp lý vào các giới. | 5/10 sinh vật (2.5đ) | 8/10 sinh vật (3đ) | 10/10 sinh vật (4đ) |  |
| Giải thích được sự phù hợp với môi trường sống của từng loài sinh vật. | Không (0đ) | Có giải thích được (1.5đ) | Giải thích đúng và hợp lý (2đ) |  |

**\* Liên hệ thực tế:**

- Việc sắp xếp các loại sách vào giá sách với việc sắp xếp các sinh vật của thế giới tự nhiên vào các nhóm phân loại có ý nghĩa gì?

- GV đặt vấn đề: Em gặp khó khăn gì khi cần chọn một cuốn sách trên giá chứa rất nhiều sách nhưng lại không được sắp xếp theo một tiêu chí nào. Từ đó, liên hệ trong tự nhiên, số loại sinh vật rất đa dạng, việc sắp xếp các sinh vật vào các nhóm phân loại có ý nghĩa giúp chúng ta dễ dàng nghiên cứu về sinh vật và nhận ra sự đa dạng của sinh giới.

1. ***Dặn dò:***

- Về nhà học bài, làm bài tập SGK, SBT

- Tìm hiểu trước nội dung thực hành

1. ***Kiểm tra đánh giá thường xuyên***

- Kết thúc chủ đề, GV cho học sinh tự đánh giá theo bảng sau

Họ và tên học sinh: …………………………………………………

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| Các tiêu chí | Tốt | Khá | TB | Chưa đạt |
| Chuẩn bị bài trước khi đến lớp |  |  |  |  |
| Tham gia hoạt động nhóm theo yêu cầu của GV |  |  |  |  |
| Nêu được khái niệm phân loại sinh vật, khóa lưỡng phân. |  |  |  |  |
| Phân loại được sinh vật vào 5 giới |  |  |  |  |
| Nêu được vai trò của việc phân loại sinh vật |  |  |  |  |
| Xây dựng được khóa lưỡng phân cơ bản |  |  |  |  |

**Tài liệu này được chia sẻ tại: Group Thư Viện STEM-STEAM**

[**https://www.facebook.com/groups/thuvienstem**](https://www.facebook.com/groups/thuvienstem)

**BÀI 23. THỰC HÀNH KHÓA LƯỠNG PHÂN**

**I. Mục tiêu**

1. Kiến thức:

- Nêu được khái niệm khóa lưỡng phân.

- Nhận biết được nguyên tắc xây dựng khóa lưỡng phân.

- Nhận biết được các bước xây dựng khóa lưỡng phân.

1. Năng lực chung

- Tự chủ và tự học: Chủ động, tích cực thực hiện các nhiệm vụ của bản thân khi thực hiện các nhiệm vụ được GV yêu cầu trong giờ thực hành;

- Giao tiếp và hợp tác: Chia sẻ và thực hiện đúng nhiệm vụ được phân công trong nhóm về xây dựng khoá lưỡng phân phân loại sinh vật;

- Giải quyết vấn đề và sáng tạo: Vận dụng linh hoạt các kiến thức, kĩ năng để giải quyết vấn đề liên quan trong thực tiễn và trong các nhiệm vụ học tập.

2. Năng lực khoa học tự nhiên

- Tìm hiểu tự nhiên: Quan sát, phát hiện các đặc điểm để phân biệt sinh vật trong xây dựng khoá lưỡng phân, thực hành xây dựng được khoá lưỡng phân;

- Vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học: Xây dựng khoá lưỡng phân phân loại một số sinh vật xung quanh em.

3. Phẩm chất

- Trung thực trong quá trình thực hành và báo cáo kết quả thực hành của cá nhân và nhóm.

**II. CHUẨN BỊ THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

- Chuẩn bị của giáo viên:Giáo án, sgk. Sơ đồ khóa lưỡng phân định loại bảy bộ côn trùng trang 107. Tranh phóng to H 23.1:23.2 SGK, Tranh hình một số loại sinh vật dùng trong bài học. Phiếu học tập. Máy chiếu, laptop(nếu có)

- Chuẩn bị của học sinh:SGK, vở ghi, vở bài tập, đọc trước bài ở nhà.

**III. TIẾN TRÌNH BÀI DẠY**

***\* Kiểm tra bài cũ***: không kiểm tra, GV thu bài thu hoạch bài 22

**HOẠT ĐỘNG 1. KHỞI ĐỘNG (5 phút)**

**1. Mục tiêu**: Tạo hứng thú cho học sinh trước khi bước vào bài mới Giúp học sinh huy động những kiến thức, kĩ năng, kinh nghiệm của bản thân về các loài sinh vật gần gũi trong cuộc sống, câu hỏi được đặt ra là: “Em hãy kể tên một số sinh vật mà em đã gặp khi đến trường? Làm thế nào để phân biệt được các sinh vật đó?”, từ đó kích thích sự tò mò, mong muốn tìm hiểu bài học mới của học sinh.

**2. Sản phẩm**: Câu trả lời của HS

**3. Nội dung**: Giúp học sinh huy động những kiến thức, kĩ năng, kinh nghiệm của bản thân về các loài sinh vật gần gũi trong cuộc sống, câu hỏi được đặt ra là: “Em hãy kể tên một số sinh vật mà em đã gặp khi đến trường? Làm thế nào để phân biệt được các sinh vật đó?”, từ đó kích thích sự tò mò, mong muốn tìm hiểu bài học mới của học sinh.

**4.Tổ chức thực hiện:**

**Giáo viên**: Đưa ra câu hỏi định hướng: Em hãy kể tên một số loài sinh vật mà em gặp trên đường đi học?

Học sinh: Suy nghĩ và đưa ra các câu trả lời khác nhau.

Giáo viên: Làm thế nào để em phân biệt được các sinh vật đó?

**Học sinh**: Suy nghĩ và đưa ra các phương án khác nhau.

Giáo viên dẫn dắt để đặt vấn đề vào bài mới:

Có nhiều cách để phân biệt các loài sinh vật, nhưng cách phân biệt đơn giản nhất thường được sử dụng là khóa lưỡng phân.

**HOẠT ĐỘNG 2 : HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI**

**1. Tìm hiểu sơ đồ khóa lưỡng phân bảy bộ côn trùng (15 phút)**

**a. Mục tiêu:** Hoạt động này giúp học sinh nêu được khái niệm khóa lưỡng phân. Nhận biết được nguyên tắc xây dựng khóa lưỡng phân. Đưa ra được đặc điểm khác nhau đối lập của một số sinh vật gần gũi trong đời sống.

**b. Nội dung:** Học sinh quan sát hình chiếu các loại động vật của giáo viên, hình 23.1 và 23.2, bảng đặc điểm bảy bộ côn trùng. Phiếu học tập:

Câu 1: Đặc điểm cấu tạo của các sinh vật :

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
|  | Râu | Cánh | Càng | Chân | Vảy | Đuôi |
| Con tôm |  |  |  |  |  |  |
| Con cá |  |  |  |  |  |  |
| Con mèo |  |  |  |  |  |  |
| Con bọ ngựa |  |  |  |  |  |  |
| Con chim |  |  |  |  |  |  |

Câu 2:

Một số loài sinh vật

Râu

Có râu

Không có râu

Có cánh

Không có cánh

Có cánh

Không có cánh

con mèo)

Có càng

Không có càng

Cánh Cánh

Càng

Câu 3: Điền tên các loại côn trùng từ a đến h

Cánh

Không Có

Miệng nhai kiểu nghiền

Không Có

Có hai đôi cánh

Không Có

Cánh trước dạng màng

Không Có

Mặt cánh trước không có vảy

Không Có

Kim chích ở cuối bụng con cái

Không Có

a b c d e f g

**c. Sản phẩm:** Là phiếu học tập của học sinh được hoàn thành

**d. Cách thức tổ chức hoạt động**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GIÁO VIÊN** | | **HOẠT ĐỘNG CỦA HỌC SINH** |
| **Bước 1 : Chuyển giao nhiệm vụ học tập** | | |
| - Gv chia lớp thành 4 nhóm, mỗi nhóm có 1 nhóm trưởng và 1 thư kí.  Nhiệm vụ 1: Giáo viên chiếu hình ảnh một số sinh vật đã chuẩn bị: con tôm, con cá, con mèo, con bọ ngựa, con chim. Yêu cầu học sinh thảo luận nhóm và trả lời các câu hỏi phiếu học tập.  Nhiệm vụ 2: Giáo viên chiếu hình 23.1 23.2 bảng đặc điểm bảy bộ côn trùng và phiếu học tập. | | Học sinh quan sát tranh. |
| **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập** | | |
| - Hoàn thành bảng đặc điểm cấu tạo.  - Em hãy chia các sinh vật trên thành 2 nhóm dựa vào đặc điểm khác nhau đối lập. Từ 2 nhóm đó, em hãy nêu đặc điểm khác nhau và phân ra thành 2 nhóm nhỏ hơn.  (Lưu ý. Mỗi lần phân chia chỉ chia 1 nhóm lớn thành 2 nhóm nhỏ hơn tới khi mỗi đặc điểm chỉ còn một loài sinh vật)  - Dựa vào hình 23.1,23.2 và bảng đặc điểm,em hãy gọi tên các bộ côn trùng từ a đến h và điền vào phiếu học tập. | | - Học sinh: lắng nghe nhiệm vụ, thảo luận theo nhóm, ghi câu trả lời ra giấy a2, bảng phụ và trình bày. |
| **Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận** | | |
| *- Qua phiếu học tập, em có thể cho biết*  Khóa lưỡng phân là gì? - GV chốt lại : Khóa lưỡng phân dùng để phân biệt các loài sinh vật.Ta phân biệt chúng dựa vào đặc điểm về hình dáng, kích thước của các loài.  - Bài tập : Điều quan trọng nhất khi xây dựng khóa lưỡng phân là gì ?  + Em hãy nêu các đặc điểm dùng để phân loại bảy bộ côn trùng.  - Giáo viên giảng giải thêm cho học sinh về khóa định loại bảy bộ côn trùng. | | HS trả lời:  - Khóa lưỡng phân là kiểu phổ biến nhất trong các khóa phân loại sinh vật.  - Quan trọng là phải tìm được các đặc điểm đối lập nhau.  - Các đặc điểm : đặc điểm của cánh, đặc điểm cấu tạo miệng,đặc điểm đốt cuối bụng con cái. |
| **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập** | | |
| GV tổng kết kiến thức | Học sinh nghe | |

**NỘI DUNG KIẾN THỨC CẦN ĐẠT PHẦN I:**

- Khóa lưỡng phân là kiểu phổ biến nhất trong các khóa phân loại sinh vật.

+ Nguyên tắc của khóa lưỡng phân là từ một tập hợp các đối tượng ban đầu được tách thành hai nhóm có những đặc điểm đối lập với nhau.

+ Sau mỗi lần tách, ta được hai nhóm nhỏ hơn và khác nhau bởi các đặc điểm dùng để tách.

**2. Xây dựng khóa lưỡng phân (15 phút)**

**a. Mục tiêu:** Nhận biết được các bước xây dựng khóa lưỡng phân.

**b. Nội dung:** Thực hành xây dựng khóa lưỡng phân đại diện năm giới sinh vật.

Phiếu học tập:

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **GIỚI** | **ĐẠI DIỆN** | **MÔI TRƯỜNG SỐNG** | | |
| KHỞI SINH | **VI KHUẨN** | **NƯỚC** | **CẠN** | **SINH VẬT** |
| NGUYÊN SINH |  |  |  |  |
| NẤM |  |  |  |  |
| THỰC VẬT |  |  |  |  |
| ĐỘNG VẬT |  |  |  |  |

**PHIẾU HỌC TẬP SỐ 2**

|  |
| --- |
| Câu 1: Cho biết các đặc điểm được sử dụng trong hình.  **........................................................................................................................................................................................................................................................................................** |
| Câu 2: Cho biết cách xây dựng khóa lưỡng phân  **........................................................................................................................................................................................................................................................................................** |

**c. Sản phẩm:** Là phiếu học tập và sơ đồ của học sinh được hoàn thành.

**d. Cách thức tổ chức hoạt động**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GIÁO VIÊN** | | **HOẠT ĐỘNG CỦA HỌC SINH** |
| **Bước 1 : Chuyển giao nhiệm vụ học tập** | | |
| - Giáo viên yêu cầu học sinh xây dựng khóa lưỡng phân đại diện năm giới sinh vật. | | Học sinh nhớ lại kiến thức bài trước để hoàn thành. |
| **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập** | | |
| GV đưa ra các câu hỏi thảo luận trong phiếu học tập và sơ đồ. | | Học sinh trả lời bằng cách điền phiếu và xây dựng khóa lưỡng phân đại diện năm giới sinh vật. |
| **Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận** | | |
| **-** Giáo viên: Chiếu hình 1 sơ đồ phân loại khóa lưỡng phân để cả lớp quan sát. Giới thiệu với học sinh về sơ đồ phân loại sinh vật theo khóa lưỡng phân. Hỏi học sinh: “ Dựa vào sơ đồ vừa quan sát, em hãy cho đề xuất các bước thực hiện để xây dựng được sơ đồ phân loại trên?”  - Giáo viên: Đưa ra các bước để xây dựng một khóa lưỡng phân:  + Bước 1: Xác định đặc điểm đặc trưng của mỗi đại diện sinh vật trong năm giới.  + Bước 2: Lựa chọn đặc điểm để phân chia các loài cần phân loại thành 2 nhóm. Tiếp tục cách làm như vậy ở các nhóm tiếp theo cho đến khi xác định được từng loài.  + Bước 3: Lập sơ đồ phân loại.  - Dự kiến phần trả lời của hs: Học sinh có thể đưa ra các bước xây dựng khác nhau. Chỉ cần hướng xây dựng của các em đi đúng theo trình tự đều có thể chấp nhận. | | - Học sinh: Quan sát sơ đồ và suy nghĩ độc lập để tìm câu trả lời, phát biểu. Các bạn khác nhận xét, bổ sung.  - Học sinh lắng nghe và thảo luận nhóm để xây dựng khóa lưỡng phân. |
| **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập** | | |
| GV tổng kết kiến thức | Học sinh nghe | |

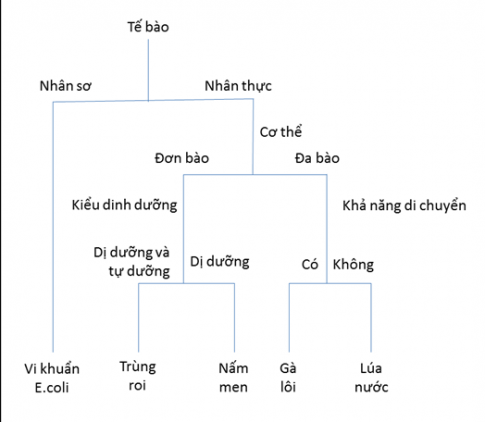
**NỘI DUNG KIẾN THỨC CẦN ĐẠT PHẦN II:**

- Sinh vật đại diện các giới

+ Giới khởi sinh: vi khuẩn E.coli + Giới thực vật: Lúa nước

+ Giới Nguyên sinh: Trùng roi + Giới động vật: Gà lôi

+ Giới Nấm: Nấm mốc



**3. Luyện tập**

**a. Mục tiêu**: Ôn tập lại các kiến thức vừa được học

**b. Nội dung:** hệ thống câu hỏi ôn tập tự luận và trắc nghiệm

**c. Sản phẩm:** Các câu hỏi được trả lời

**d. Cách thức tổ chức hoạt động :** Vấn đáp học sinh hoặc hoạt động nhóm

**NỘI DUNG CÂU HỎI LUYỆN TẬP:**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| Cách di  chuyển |  | Cơ thể phủ vảy |  |
|  |  |  | Có đuôi |
|  | Chi |  |
|  |  | Cơthể phủ lông |  |

Quan sát sơ đồ khoá lưỡng phân sau và hoàn thành các bài tập từ 23.1 - 23.4.

Vây

Cá

Thằnlằn

Hổ

Khỉ đột

Không có đuôi

**4. Vận dụng (10 phút)**

**a. Mục tiêu**:Đưa ra được quyết định và đề xuất ý kiến xây dựng khóa lưỡng phân theo yêu cầu. Dựa vào kiến thức khóa lưỡng phân để giải quyết thực tiễn cuộc sống.

**b. Nội dung:**

- Giáo viên chia lớp thành 6 nhóm hoàn thành phiếu học tập: xây dựng khóa lưỡng phân các loài sinh vật: heo, gà, cá rô, vịt, cây cam, bắp cải, cà rốt, hoa hồng, hoa lan, ốc.

- Giáo viên: giao cho các nhóm phiếu học tập- Học sinh: Các nhóm nhận phiếu học tập và tiến hành hoạt động giải quyết yêu cầu của bài, hoàn thành phiếu học tập, đại diện nhóm báo cáo. Các nhóm khác nhận xét, bổ sung.

- Giáo viên: Nhận xét

***c.* Sản phẩm:** Xây đựng được khóa lưỡng phân hợp lý.

**d. Tổ chức hoạt động:** Giáo viên gợi ý các đặc điểm giúp học sinh xây dựng khóa lưỡng phân.

**5.Mở rộng – Hướng dẫn về nhà**

- Khóa lưỡng phân không chỉ được áp dụng để phân biệt các loài sinh phân.Nó còn có thể áp dụng rộng rãi đối với tất cả các sự vật,hiện tượng trong cuộc sống.

***Hướng dẫn về nhà:***

-Trả lời câu hỏi cuối bài. Làm bài tập SBT

- Đọc trước bài tiếp theo

**Phụ lục: một số bảng phụ:**

Câu 1: Đặc điểm cấu tạo của các sinh vật

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
|  | Râu | Cánh | Càng | Chân | Vảy | Đuôi |
| Con tôm | Có | Không | Có | Có | Có | Có |
| Con cá | Không | Không | Không | Không | Có | Có |
| Con mèo | Có | Không | Không | Có | Không | Có |
| Con bọ ngựa | Có | Có | Có | Có | Không | Không |
| Con chim | Không | Có | Không | Có | Không | Có |

Câu 2 : Khóa lưỡng phân các sinh vật (Một số loài sinh vật)

Râu

Có râu

(Con tôm, con mèo, con bọ ngựa)

Không có râu

(Con cá, con chim)

Có cánh

(con chim)

Không có cánh

(con cá)

Có cánh

(con bọ ngựa)

Không có cánh

(con tôm, con mèo)

Có càng

(Con tôm)

Không có càng

(Con mèo)

Cánh Cánh

Càng

Câu 3: Điền tên các loại côn trùng từ a đến h

Cánh

Không Có

Miệng nhai kiểu nghiền

Không Có

Có hai đôi cánh

Không Có

Cánh trước dạng màng

Không Có

Mặt cánh trước không có vảy

Không Có

Kim chích ở cuối bụng con cái

Không Có

a b c d e f g

**BÀI 24. VIRUS**

(Thời gian thực hiện: 2 tiết)

**I. Mục tiêu**

***1. Kiến thức***

- Mô tả được hình dạng và cấu tạo đơn giản của virus. Nhận dạng được virus chưa có cấu tạo tế bào.

- Nêu được vai trò của virus trong thực tiễn.

- Trình bày một số bệnh do virus gây ra và nêu được biện pháp phòng chống bệnh do virus gây ra.

***2. Năng lực***

- Năng lực chung:

+ Tự chủ và tự học: Chủ động, tích cực thực hiện nhiệm vụ của bản thân và của nhóm khi tìm hiểu về virus.

+ Giao tiếp và hợp tác: Tương tác tích cực với các thành viên trong nhóm để tìm hiểu về virus, các bệnh do virus gây ra và cách phòng chống.

+ Giải quyết vấn đề và sáng tạo: Giải thích được một số bệnh do virus gây ra trong thực tiễn dựa trên kiến thức đã học.

- Năng lực khoa học tự nhiên

+ Nhận thức khoa học tự nhiên: Mô tả được hình dạng và cấu tạo đơn giản của virus; nhận dạng được virus chưa có cấu tạo tế bào; Nêu được một số vai trò của virus trong thực tiễn và một số bệnh do virus gây ra; Trình bày một số biện pháp phòng chống bệnh do virus;

+ Tìm hiểu tự nhiên: Tìm kiếm thông tin về lợi ích và tác hại do virus gây nên; Viết được báo cáo mô tả các biểu hiện bệnh do virus gây nên và cách phòng chống để tuyên truyền, phổ biến bệnh do virus;

+ Vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học : Vận dụng kiến thức đã học để phòng chống các bệnh do virus gây ra.

***3. Phẩm chất***

Có ý thức bảo vệ sức khỏe cho bản thân, gia đình và cộng đồng thong qua hiểu biết về bệnh do virus.

**II. Thiết bị dạy học và học liệu**

- Clip (ghép ảnh) cung cấp thông tin về virus.

- Tranh: Cấu tạo của virus, Các dạng virus.

- Máy chiếu, laptop

- Giấy A3, bút dạ nhiều màu

- Phiếu học tập

|  |  |
| --- | --- |
| **PHIẾU HỌC TẬP SỐ 1**  **Nhóm:…** | |
| Nhóm em đã biết | Nhóm em muốn biết |
|  |  |
|  |  |
|  |  |
|  |  |
|  |  |

|  |  |
| --- | --- |
| **PHIẾU HỌC TẬP SỐ 2**  **Nhóm:…** | |
| HÌNH DẠNG CỦA VIRUS | |
| Hình dạng | Đại diện |
| Dạng xoắn | Virus khảm thuốc lá, virus dại. |
| Dạng hình khối | Virus cúm, virus viêm kết mạc. |
| Dạng hỗn hợp | Thực khuẩn thể (phage). |
| CẤU TẠO CỦA VIRUS  Virus có cấu tạo đơn giản, gồm lớp vỏ protein và phần lõi chứa vật chất di truyền, một số virus có thêm lớp vỏ ngoài. | |

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **PHIẾU HỌC TẬP SỐ 3**  NHÓM:…….. | | |
| Tên bệnh | Tác nhân gây bệnh | Biểu hiện bệnh |
| Bệnh cúm ở người | Virus cúm | Sốt, đau đầu, đau họng, sổ mũi |
| Bệnh sốt xuất huyết | Virus Dengue | Đau đầu, sốt cao, đau sau đáy mắt, phát ban, chảy máu cam, nôn. |
| Bệnh cúm ở gà | Virus cúm gia cầm | Xù lông, mắt ướt kèm nhèm, cơ thể mệt mỏi, ủ rủ, chậm chạp. |
| Bệnh khảm ở cây cà chua | Virus khảm cà chua | Khảm loang lổ trên lá, nặng thì làm cho lá xoăn, cong queo, nhăn nhúm. |

**III. Tiến trình dạy học**

***A. Khởi động***

***Tiết 1: Hoạt động 1: chơi trò chơi “Chia sẻ để thấu hiểu”***

a. Mục tiêu: tạo ra cho học sinh hứng thú, sự tò mò, muốn khám phá, muốn có hiểu biết về tác nhân gây ra các đại dịch Covid – 19, Ebola , cúm lợn H1N1… và cách phòng chống đại dịch.

b. Nội dung: GV tổ chức cho học sinh xem clip giới thiệu về các đại dịch toàn cầu, Hs xem clip và hoàn thành nội dung phiếu học tập

c. Sản phẩm: phiếu học tập số 1

d. Tổ chức thực hiện

|  |  |
| --- | --- |
| Hoạt động của GV | Hoạt động của học sinh |
| ***- Thông báo luật chơi:*** Quan sát clip để hoàn thành PHT: Chia sẻ những điều em đã biết và muốn biết về đại dịch? Nhóm nào có nhiều chia sẻ nhất (trong thời gian 2 phút) sẽ dành chiến thắng. | - Ghi nhớ luật chơi |
| ***- Giao nhiệm vụ:***  ***+*** Quan sát hình ảnh trong clip để chia sẻ thông tin cần biết và muốn biết về đại dịch?  + Thời gian hoàn thành nhiệm vụ là đúng 2 phút sau khi kết thúc clip | - Nhận nhiệm vụ |
| ***- Hướng dẫn học sinh thực hiện nhiệm vụ:***  ***+*** Chiếu clip để học sinh quan sát, hỗ trợ khi cần thiết | - Thực hiện nhiệm vụ hoàn thành phiếu học tập số 1 |
| ***- Thu phiếu học tập của các nhóm*** | - Nộp phiếu học tập |
| ***- Chốt lại và đặt vấn đề vào bài:*** Thể giới đã trải qua sự bùng phát nhiều đại dịch lớn, dịch Ebola năm 2014 ở Tây Phi, đại dịch cúm H1N1 năm 2009. Năm 2019 là đại dịch Covid -19 gây nguy hiểm cho cộng đồng. Vậy đối tượng gây nên đại dịch đó là gì? Chúng ta cần phải làm gì để phòng chống đại dịch đó? Bài học hôm nay sẽ làm rõ vấn đề trên. | - Chuẩn bị sách vở học bài |

***B. Hình hành kiến thức mới***

***Tiết 1: Hoạt động 2: Tìm hiểu Đặc điểm virus.***

a. Mục tiêu: nhận biết được sự tồn tại của virus xung quanh chúng ta; nêu được các đại diện, mô tả được hình dạng và các thành phần cấu tạo nên virus.

b. Nội dung: GV tổ chức cho học sinh hoạt động cặp đôi để làm rõ mục tiêu trên

c. Sản phẩm: phiếu học tập của học sinh

d. Tổ chức thực hiện

|  |  |
| --- | --- |
| Hoạt động của GV | Hoạt động của học sinh |
| ***- Giao nhiệm vụ:*** Quan sát hình ảnh 24.1 đến hình 24.2 SGK hoạt động cặp đôi hoàn thành câu hỏi thảo luận trong SGK. | - Nhận nhiệm vụ |
| ***- Hướng dẫn học sinh thực hiện nhiệm vụ:***  ***+*** Mỗi bàn có 2 bạn sẽ ghép thành 1 cặp đôi, thảo luận và hoàn thành câu hỏi trang 128. Sau khi thảo luận xong, nhóm nào xung phong trình bày có chất lượng tốt sẽ được tặng điểm. | - Thực hiện nhiệm vụ thảo luận đôi hoàn thành phiếu học tập số 2 |
| ***- Báo cáo kết quả:***  ***+*** Chọn 1 cặp đôi lên bảng trình bày kết quả  + Mời nhóm khác nhận xét  + GV nhận xét sau khi các nhóm đã có ý kiến nhận xét bổ sung | - Nhóm được chọn trình bày kết quả  - Nhóm khác nhận xét |
| ***- Tổng kết***  + Tổng hợp để đi đến kết luận về khái niệm khoa học tự nhiên.  + Yêu cầu học sinh chốt lại kết luận về hình dạng và cấu tạo virus.  🡪 Virus có ba hình dạng đặc trưng:  -Dạng xoắn: Virus khảm thuốc lá, virus dại.  -Dạng hình khối: virus cúm, virus viêm kết mạc.  -Dạng hỗn hợp: thực khuẩn thể (phage).  Virus có cấu tạo đơn giản, gồm lớp vỏ protein và phần lõi chứa vật chất di truyền, một số virus có thêm lớp vỏ ngoài. | - Kết luận về hình dạng và cấu tạo virus .  - Ghi kết luận vào vở |

***Tiết 2: Hoạt động 3: Tìm hiểu lợi ích của virus.***

a. Mục tiêu: học sinh nêu được các vai trò của virus trong thực tiễn.

b. Nội dung: GV sử dụng kĩ thuật “khăn trải bàn” tổ chức cho học sinh hoạt động nhóm để tìm hiểu vai trò của virus trong thực tiễn.

c. Sản phẩm: Bảng nhóm.

d. Tổ chức thực hiện

|  |  |
| --- | --- |
| Hoạt động của GV | Hoạt động của học sinh |
| ***- Giao nhiệm vụ:***  3  33  + Một tờ giấy A3 được chia như hình vẽ.    🡪 Từng cá nhân ghi kết quả của mình trên bảng nhóm theo các ô hình thang 🡪 Sau đó nhóm thống nhất ý kiến chung, nhóm trưởng ghi kết quả vào ô hình chữ nhật ở trung tâm.  + Mỗi nhóm mỗi bạn tìm hiểu và ghi nhận định của mình về vai trò của virus vào ô qui định. Sau đó nhóm trưởng tổ chức cho nhóm thống nhất ý kiến ghi vào ô trung tâm.  + Thời gian thực hiện nhiệm vụ là 3 phút. Sau khi thực hiện xong các nhóm đổi chéo để chấm điểm | - Nhận nhiệm vụ |
| ***- Hướng dẫn học sinh thực hiện nhiệm vụ:***  ***+*** GV quan sát, hỗ trợ khi cần thiết | - Phân công nhiệm vụ các thành viên trong nhóm, tiến hành thực hiện nhiệm vụ |
| ***- Báo cáo kết quả:***  - Mời 1 nhóm lên bảng trình bày kết quả. Các nhóm khác đổi chéo cho nhau để chấm điểm sau khi GV cho đáp án  - Mời nhóm khác nhận xét  - GV phân tích , chọn lợi ích của virus phù hợp. | - Nhóm được chọn trình bày kết quả  - Nhóm khác nhận xét |
| ***- Đánh giá***  + Mỗi nhóm trình bày được vai trò phù hợp sẽ được cộng điểm.  + Yêu cầu học sinh chấm điểm cho các nhóm  + GV thu phiếu học tập để kiểm tra xem các nhóm chấm đúng hay không và lấy điểm | - Các nhóm chấm điểm cho nhóm bạn, báo cáo điểm nhóm bạn |
| ***- Tổng kết:*** Yêu cầu học sinh kết luận về lợi ích của virus.  🡪 Virus có vai trò trong:  - Nghiên cứu khoa học  - Sản xuất các chế phẩm sinh học (interferon, thuốc kháng sinh, vaccine...)  - Trong nông nghiệp, virus được sử dụng trong sản xuất thuốc trừ sâu. | - Kết luận về lợi ích của virus.  - Ghi kết luận vào vở |

***Tiết 2: Hoạt động 4: Tìm hiểu bệnh do virus gây ra và biện pháp phòng tránh.***

a. Mục tiêu: học sinh biết được một số bệnh phổ biến, biểu hiện và cách phòng chống bệnh do virus gây ra.

b. Nội dung: GV sử dụng phương pháp dạy học hợp tác theo nhóm nhỏ, yêu cầu HS tìm hiểu bệnh trong do virus gây ra.

c. Sản phẩm: Phiếu học tập số 3

d. Tổ chức thực hiện

|  |  |
| --- | --- |
| Hoạt động của GV | Hoạt động của học sinh |
| ***- Giao nhiệm vụ:***  3  33  Quan sát hình ảnh 24.3 đến hình 24.6 SGK hoạt động hợp tác theo nhóm hoàn thành PHT số 3 | - Nhận nhiệm vụ |
| ***- Hướng dẫn học sinh thực hiện nhiệm vụ:***  ***+*** GV quan sát, hỗ trợ khi cần thiết | - Phân công nhiệm vụ các thành viên trong nhóm, tiến hành thực hiện nhiệm vụ |
| ***- Báo cáo kết quả:***  - Mời 1 nhóm lên bảng trình bày kết quả. Các nhóm khác đổi chéo cho nhau để chấm điểm sau khi GV cho đáp án  - Mời nhóm khác nhận xét  - GV phân tích một số bệnh do virus gây ra | - Nhóm được chọn trình bày kết quả  - Nhóm khác nhận xét |
| ***- Đánh giá***  + Mỗi nhóm trình bày được bệnh phù hợp sẽ được cộng điểm.  + Yêu cầu học sinh chấm điểm cho các nhóm  + GV thu phiếu học tập để kiểm tra xem các nhóm chấm đúng hay không và lấy điểm | - Các nhóm chấm điểm cho nhóm bạn, báo cáo điểm nhóm bạn |
| ***- Tổng kết:*** Yêu cầu học sinh cho biết bệnh do virus có thể lây truyền qua các con đường nào?  -Nêu một số biện pháp phòng chống bệnh do virus gây ra?  🡪 Bệnh do virus gây ra có thể lây truyền theo nhiều con đường khác nhau : từ mẹ sang con, tiếp xúc trực tiếp, truyền máu, tiêu hóa, hô hấp, vết cắn động vật…  - Để phòng chống bệnh do virus gây ra, chúng ta phải ngăn chặn các con đường truyền bệnh, tiêm vaccin phòng bệnh,… | - Virus xâm nhập vào cơ thể bằng con đường tiếp xúc trực tiếp thông qua hô hấp hoặc qua đường truyền máu, từ mẹ sang con, tiêm chích ma túy, dùng chung kim tiêm, quan hệ tình dục…  - Để phòng chống bệnh do virus gây ra, chúng ta phải ngăn chặn các con đường truyền bệnh, tiêm vaccin phòng bệnh,…  -Kết luận về bệnh do virus gây ra và biện pháp phòng chống.  - Ghi kết luận vào vở |

***Hoạt động 5: Luyện tập***

a. Mục tiêu: học sinh sử dụng kiến thức đã học trả lời các câu hỏi trong SGK

b. Nội dung: Hs làm poster để thực hiện nhiệm vụ: Đóng vai một tuyên truyền viên, em hãy vẽ một bức tranh tuyên truyền phòng chống dịch bệnh do virus gây ra.

c. Sản phẩm: Bảng poster

d. Tổ chức thực hiện

|  |  |
| --- | --- |
| Hoạt động của GV | Hoạt động của học sinh |
| ***- Giao nhiệm vụ:***  + Mỗi nhóm 4 bạn, vẽ poster trả lời câu hỏi: Đóng vai một tuyên truyền viên, em hãy vẽ một bức tranh tuyên truyền phòng chống dịch bệnh do virus gây ra. | - Nhận nhiệm vụ |
| ***- Hướng dẫn học sinh thực hiện nhiệm vụ:*** GV quan sát, hỗ trợ khi cần thiết | - Làm poster |
| ***- Báo cáo kết quả:***  + Các nhóm treo poster lên bảng. GV đánh giá 1 số nhóm | - Theo dõi đánh giá của giáo viên |
| ***- Tổng kết:***  + Đánh giá được nhóm nào nêu được nhiều hoạt động có thể hiện biện pháp phòng chống bệnh. Khen ngợi học sinh | - Học sinh lắng nghe |

***Hoạt động 6: Vận dụng***

a. Mục tiêu: học sinh vận dụng kiến thức đã học trả lời các câu hỏi thực tế.

b. Nội dung: Dùng phiếu học tập trả lời các câu hỏi về virus trong sách giáo khoa

c. Sản phẩm: Phiếu trả lời câu hỏi của học sinh

d. Tổ chức thực hiện

|  |  |
| --- | --- |
| Hoạt động của GV | Hoạt động của học sinh |
| ***- Giao nhiệm vụ:***  + Trả lời câu hỏi dưới đây vào phiếu học tập, tiết sau nộp lại cho GV  + Câu hỏi:  1. Căn cứ vào đặc điểm cấu tạo của virus, theo em virus có phải là một cơ thể sống không? Vì sao?  2. Có bạn nói rằng: “Virus chỉ có hại mà không có lợi ích gì cho con người”. Theo em, quan điểm của bạn ấy có đúng không? Vì sao?  3. Nêu một số biện pháp phòng chống bệnh cúm do virus cúm gây ra ở người? | - Nhận nhiệm vụ |
| ***- Hướng dẫn học sinh thực hiện nhiệm vụ:***  ***+*** Thực hiện tại nhà, GV đưa ra hướng dẫn cần thiết | - Thực hiện nhiệm vụ ở nhà |
| ***- Báo cáo kết quả:***  + Tiết học tiếp theo nộp phiếu trả lời cho GV | - Theo dõi đánh giá của giáo viên |

***C. Dặn dò***

- Học sinh làm bài tập SGK, SBT

- Chuẩn bị bài mới trước khi lên lớp

***D. Kiểm tra đánh giá thường xuyên***

- Kết thúc bài học, Gv cho học sinh tự đánh giá theo bảng sau

Họ và tên học sinh

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| Các tiêu chí | Tốt | Khá | TB | Chưa đạt |
| Chuẩn bị bài trước khi đến lớp |  |  |  |  |
| Tham gia hoạt động nhóm theo yêu cầu của GV |  |  |  |  |
| Nêu được đặc điểm của virus |  |  |  |  |
| Nêu được vai trò của virus, các bệnh do virus gây ra và cách phòng bệnh. |  |  |  |  |

**BÀI 25. VI KHUẨN**

(Thời gian thực hiện: 2 tiết)

**I. Mục tiêu**

***1. Kiến thức***

- Mô tả được hình dạng và cấu tạo vi khuẩn. Nhận thấy được sự đa dạng của vi khuẩn trong tự nhiên

- Phân biệt được virus và vi khuẩn.

- Nêu được vai trò của vi khuẩn trong tự nhiên và thực tiễn. Trình bày được một số bệnh do vi khuẩn gây ra và nêu được một số biện pháp phòng tránh.

- Vận dụng những hiểu biết về vi khuẩn để giải thích được một số hiện tượng thực tiễn: thức ăn để lâu bị ôi thiu, không nên ăn thức ăn ôi thiu.

***2. Năng lực***

**- Năng lực chung:**

+ Tự chủ và tự học: Chủ động, tích cực thực hiện các nhiệm vụ của bản thân và của nhóm khi tìm hiểu về khuẩn;

+ Giao tiếp và hợp tác: Tương tác tích cực với các thành viên trong nhóm để tìm hiểu về vi khuẩn, các bệnh do vi khuẩn gây ra và biện pháp phòng chống;

+ Giải quyết vấn đề và sáng tạo: Chủ động đề ra kế hoạch, cách thức giải quyết vấn đề, cách thức xử lí các vấn đề trong học tập và thực tiễn.

**- Năng lực khoa học tự nhiên:**

+ Nhận thức khoa học tự nhiên: Mô tả được hình dạng và cấu tạo đơn giản của vi khuẩn. Nhận thấy được sự đa dạng của vi khuẩn trong tự nhiên; Phân biệt được virus và vi khuẩn; Nêu được vai trò của vi khuẩn trong tự nhiên và thực tiễn. Trình bày được một số bệnh do vi khuẩn gây ra và nêu được một số biện pháp phòng chống;

+ Tìm hiểu tự nhiên: Tim kiếm thông tin về lợi ích và tác hại do vi khuẩn gây ra; Viết được báo cáo mô tả các biểu hiện bệnh và cách phòng chống để tuyên truyền, phổ biến vế bệnh do vi khuẩn;

+ Vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học: Vận dụng những hiểu biết về vi khuẩn vào giải thích một số hiện tượng trong thực tiễn như: thức ăn để lâu bị ôi thiu, không nên ăn thức ăn ôi thiu, cách bảo quản thực phẩm đã chế biến và thực phẩm tươi sống.

***3. Phẩm chất***

- Có ý thức bảo vệ sức khoẻ cho bản thân và cộng đổng thông qua hiểu biết về bệnh do vi khuẩn.

**II. Thiết bị dạy học và học liệu**

- Clip(ghép ảnh) giới thiệu về các loại vi khuẩn.

- Máy chiếu, laptop

- Giấy A3, bút dạ nhiều màu

- Phiếu học tập

|  |  |
| --- | --- |
| * **Phiếu học tập số 1** * **Nhóm………….** | |
| * **Bệnh do vi khuẩn** | * **Tác hại của bệnh** |
|  |  |

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| * **Phiếu học tập số 2**   **Nhóm………….** | | |
| **Tế bào** | **Hình vẽ(chú thích cấu tạo)** | **Đặc điểm phân biệt**  **(hình dạng, kích thước, cấu tạo)** |
| Liên cầu khuẩn |  |  |
| Xoắn khuẩn |  |  |
| Trực khuẩn |  |  |
| Tụ cầu khuẩn |  |  |

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| * **Phiếu học tập số 3**   **Nhóm………….** | | |
| **Tên bệnh** | **Tác nhân gây bệnh** | **Biểu hiện bệnh** |
|  |  |  |
|  |  |  |
|  |  |  |
|  |  |  |

|  |  |
| --- | --- |
| * **Phiếu học tập số 4** * **Nhóm………….** | |
| * **Bệnh do vi khuẩn** | * **Bệnh do vi virut** |
|  |  |

**III. Tiến trình dạy học**

***A. Khởi động***

***Hoạt động 1: Chơi trò chơi “Quan sát nhanh – kết luận nhanh”***

1. ***Mục tiêu:*** tạo cho học sinh hứng thú để học sinh bày tỏ được quan điểm cá nhân về Vi khuẩn nhằm tăng tính tích cực, chủ động cho HS tiếp thu bài mới.

***b. Nội dung:*** GV tổ chức cho học sinh xem clip giới thiệu về số liệu về một số tác hại và bệnh do vi khuẩn gây ra, Hs xem clip và hoàn thành nội dung phiếu học tập

***c. Sản phẩm:*** phiếu học tập số 1

***d. Tổ chức thực hiện:***

|  |  |
| --- | --- |
| Hoạt động của GV | Hoạt động của học sinh |
| ***- Thông báo luật chơi:*** Quan sát clip để trả lời câu hỏi. Kết thúc clip sẽ kết thúc trả lời câu hỏi. Cuối buổi học, các nhóm đánh giá lẫn nhau cho điểm từng nhóm | - Ghi nhớ luật chơi |
| ***- Giao nhiệm vụ:***  ***+*** Quan sát hình ảnh trong clip để đưa ra nhận định nhanh về những bệnh do vi khuẩn gây ra, tác hại như thế nào trong cuộc sống?  + Thời gian hoàn thành nhiệm vụ là đúng 1 phút sau khi kết thúc clip | - Nhận nhiệm vụ |
| ***- Hướng dẫn học sinh thực hiện nhiệm vụ:***  ***+*** Chiếu clip để học sinh quan sát, hỗ trợ khi cần thiết | - Thực hiện nhiệm vụ hoàn thành phiếu học tập số 1 |
| ***- Thu phiếu học tập của các nhóm*** | - Nộp phiếu học tập |
| ***- Chốt lại và đặt vấn đề vào bài:*** Các em đã đưa ra nhận định của mình về tác hại của vi khuẩn. Bài học hôm nay chúng ra sẽ làm rõ vấn đề trên | - Chuẩn bị sách vở học bài |

***B. Hình hành kiến thức mới***

***Tiết 1. Hoạt động 2: Tìm hiểu đặc điểm của vi khuẩn***

1. ***Mục tiêu:***

***- Năng lực khoa học tự nhiên:***

+ Quan sát hình ảnh và mô tả được hình dạng và cấu tạo vi khuẩn.

+ Quan sát và vẽ được hình ảnh vi khuẩn. Nhận biết được một số loại vi khuẩn khác từ tiêu bản mẫu.

+ Dựa vào hình thái, nhận ra được sự đa dạng của vi khuẩn.

***- Năng lực chung:***

+ Biết chủ động, tích cực thực hiện những công việc của bản thân trong học tập và trong cuộc sống; không đồng tình với những hành vi sống dựa dẫm, ỷ lại.

+ Biết lắng nghe và có phản hồi tích cực trong giao tiếp; nhận biết được ngữ cảnh giao tiếp và đặc điểm, thái độ của đối tượng giao tiếp.

+ Hiểu rõ nhiệm vụ của nhóm; đánh giá được khả năng của mình và tự nhận công việc phù hợp với bản thân.

**- Phẩm chất chăm chỉ ham học:**

+ Luôn cố gắng vươn lên đạt kết quả tốt trong học tập.

+ Thích đọc sách, báo, tìm tư liệu trên mạng Internet để mở rộng hiểu biết.

+ Có ý thức vận dụng kiến thức, kĩ năng học được ở nhà trường, trong sách báo và từ các nguồn tin cậy khác vào học tập và đời sống hằng ngày.

***b. Nội dung:*** GV tổ chức cho học sinh hoạt động đôi để làm rõ mục tiêu trên

***c. Sản phẩm:*** Phiếu học tập của học sinh

***d. Tổ chức thực hiện:***

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV** | **Hoạt động của học sinh** |
| ***- Giao nhiệm vụ:*** Quan sát hình 25.1, em có nhận xét gì về hình dạng của các loại vi khuẩn. Lấy ví dụ  Tìm hiểu thông tin về sự phân bố của vi khuẩn trong tự nhiên. Em có nhận xét gì về môi trường sống của vi khuẩn? Lấy ví dụ  Quan sát hình 25.2, em hãy xác định các thành phần cấu tạo vi khuẩn bằng cách chú thích các phần được đánh dấu từ (1) -> (4)  Hoạt động cặp đôi hoàn thành phiếu học tập số 2 -> Sự khác nhau về đặc điểm cấu tạo của vi khuẩn và virut? | - Nhận nhiệm vụ |
| ***- Hướng dẫn học sinh thực hiện nhiệm vụ:***  ***+*** Mỗi bàn có 2 bạn sẽ ghép thành 1 cặp đôi, thảo luận và hoàn thành nội dung, hoàn thành phiếu học tập số 2 và nêu được sự khác nhau về đặc điểm cấu tạo của vi khuẩn và virut. Sau khi thảo luận xong, nhóm nào xung phong trình bày có chất lượng tốt sẽ được tặng điểm | - Thực hiện nhiệm vụ thảo luận đôi hoàn thành phiếu học tập số 2 và nêu được sự khác nhau về đặc điểm cấu tạo của vi khuẩn và virut. |
| ***- Báo cáo kết quả:***  ***+*** Chọn 1 cặp đôi lên bảng trình bày kết quả  + Mời nhóm khác nhận xét  + GV nhận xét sau khi các nhóm đã có ý kiến nhận xét bổ sung, phân tích:  Vi khuẩn có nhiều hình dạng khác nhau: hình que (trực khuẩn lị, trực khuẩn đường ruột), hình cẩu (tụ cẩu khuẩn, liên cẩu khuẩn) và hình xoắn (xoắn khuẩn); một số vi khuẩn có hình dấu phẩy (phẩy khuẩn tả).  Vi khuẩn có mặt ở khắp mọi nơi như: trong thức ăn ôi thiu, quần áo bẩn, vật dụng trong gia đình, trên cơ thể người,...  Vi khuẩn trong tự nhiên phân bố ở các môi trường khác nhau như: đất, nước, không khí, trên cơ thể sinh vật, trong lòng đất,...  (1) Màng tế bào  (2) Chất tế bào  (3)Vùng nhân  (4) Thành tê' bào | - Nhóm được chọn trình bày kết quả  - Nhóm khác nhận xét |
| ***- Tổng kết***  + Tổng hợp để đi đến kết luận về đặc điểm của vi khuẩn  + Yêu cầu học sinh chốt lại kết luận về Vi khuẩn.  🡪 **- Đa số Vi khuẩn có** hình que **(**trực khuẩn lị) hình cầu (tụ cầu khuẩn), hình xoắn ( xoắn khuẩn giang mai), hình dấu phẩy ( phẩy tả khuẩn)..  **- Cấu tạo Vi khuẩn** gồm các thành phần: Thành tế bào, màng tế bào, chất tế bào và vùng nhân. Một số tế bào còn có thể có lông bơi hoặc roi bơi để di chuyển… | - Kết luận về đặc điểm của vi khuẩn  - Ghi kết luận vào vở |

***Hoạt động 3: Tìm hiểu lợi ích của vi khuẩn trong tự nhiên và đời sống con người.***

1. ***Mục tiêu:***

***Năng lực khoa học tự nhiên:***

- Nêu được một số vai trò và ứng dụng virus và vi khuẩn trong thực tiễn.

***Năng lực chung:***

- Biết chủ động, tích cực thực hiện những công việc của bản thân trong học tập và trong cuộc sống; không đồng tình với những hành vi sống dựa dẫm, ỷ lại.

- Vận dụng được một cách linh hoạt những kiến thức, kĩ năng đã học hoặc kinh nghiệm đã có để giải quyết vấn đề trong những tình huống mới.

- Biết lắng nghe và có phản hồi tích cực trong giao tiếp; nhận biết được ngữ cảnh giao tiếp và đặc điểm, thái độ của đối tượng giao tiếp.

- Hiểu rõ nhiệm vụ của nhóm; đánh giá được khả năng của mình và tự nhận công việc phù hợp với bản thân.

***Phẩm chất chăm chỉ ham học:***

- Luôn cố gắng vươn lên đạt kết quả tốt trong học tập.

- Thích đọc sách, báo, tìm tư liệu trên mạng Internet để mở rộng hiểu biết.

- Có ý thức vận dụng kiến thức, kĩ năng học được ở nhà trường, trong sách báo và từ các nguồn tin cậy khác vào học tập và đời sống hằng ngày.

1. ***Nội dung:*** GV cho học sinh hoạt động theo nhóm kết hợp kĩ thuật khăn trải bàn để thực hiện các bước đưa giả thuyết và phương án giải quyết vấn đề.
2. ***Sản phẩm:*** Bài thuyết trình PP
3. ***Tổ chức thực hiện:***

|  |  |
| --- | --- |
| Hoạt động của GV | Hoạt động của học sinh |
| ***- Giao nhiệm vụ:***  ***Thảo luận theo nhóm, xác định:***  Nhóm 1+ 2: Quan sát hình 25.3, em hãy nêu vai trò của vi khuẩn trong tự nhiên.  Nhóm 3+ 4: Nêu vai trò của vi khuẩn trong quá trình chế biến các sản phẩm ở hình 25.4. Kể tên một vài ứng dụng của vi khuẩn trong thực tiễn.  ***Thảo luận theo kĩ thuật khăn trải bàn:*** Đề xuất một số phương pháp bảo quản thực phẩm trong gia đình. | - Nhận nhiệm vụ, xây dựng bài thuyết trình trên pp |
| ***- Hướng dẫn học sinh thực hiện nhiệm vụ:***  GV quan sát, hỗ trợ khi cần thiết | - Phân công nhiệm vụ các thành viên trong nhóm, tiến hành thực hiện nhiệm vụ |
| ***- Báo cáo kết quả:***  + Mời 1 nhóm lên bảng trình bày kết quả. Các nhóm khác đổi chéo cho nhau để chấm điểm sau khi GV cho đáp án  + Mời nhóm khác nhận xét  + GV phân tích:  Trong tự nhiên, vi khuẩn tham gia vào quá trình phân huỷ xác sinh vật chết, là một mắt xích trong chu trình tuần hoàn vật chất của tự nhiên.  Vi khuẩn lên men một số thực phẩm như: rau, củ, quả, thịt, cá,..  Ứng dụng vi khuẩn trong thực tiễn: chế biến thức ăn, làm sữa chua,... | - Nhóm được chọn trình bày kết quả  - Nhóm khác nhận xét |
| ***- Đánh giá***  GV đưa ra các tiêu chí đánh giá trong rubric cho các nhóm.  Các nhóm sẽ thực hiện báo cáo theo kế hoạch đã thực hiện, được công bố dưới dạng bài trình diễn PowerPoint… Các sản phẩm vật chất kèm theo là những video, tập san, tiểu phẩm… | - Các nhóm chấm điểm cho nhóm bạn, báo cáo điểm nhóm bạn |
| ***- Tổng kết:*** Yêu cầu học sinh kết luận về lợi ích của vi khuẩn trong tự nhiên và đời sống con người.  🡪 Trong tự nhiên, vi khuẩn tham gia vào phân hủy xác sinh vật và chất thải làm sạch môi trường. Trong thực tiễn, vi khuẩn có vai trò trong chế biến thực phẩm. | - Kết luận về lợi ích của vi khuẩn trong tự nhiên và đời sống con người.  - Ghi kết luận vào vở |

**Đánh giá sản phẩm của các nhóm**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Nhóm** | | | | |
| **Tiêu chí đánh giá** | **Mức độ đánh giá** | | | **Điểm** |
| **Mức 1(0.4)** | **Mức 2(0.7)** | **Mức 3(1.0)** |
| **Liệt kê các vai trò của vi khuẩn**  **(4 điểm)** | Nêu được 1 loại vai trò: có lợi/ có hại. | Nêu được 2 loại vai trò có lợi và có hại | Nêu được 3 loại trở lên vai trò có lợi và có hại |  |
| **Dựa vào hình thức sản phẩm(3 điểm)** | Nộp bài không đúng hạn, Trình bày sơ sài, không minh chứng cụ thể | Nộp bài đúng hạn  Bài báo cáo có hình ảnh , có dẫn chứng cụ thể | Nộp bài đúng hạn  Bài báo cáo đầy đủ , chi tiết, rõ ràng , trình bày lôi cuốn |  |
| **Dựa vào quá trình tham gia hoạt động của nhóm(3 điểm)** | Chưa tích cực Còn lo ra , mất trật tự | Tham gia đầy đủ các hoạt động của lớp | Tham gia tốt các hoạt động của lớp Có những ý kiến hay, độc đáo |  |
| **Tổng điểm:** | | | | |
| **Nhận xét:** | | | | |

**Nhóm 1,2 đánh giá nhóm 3,4 và ngược lại**

***Tiết 2***

***Hoạt động 4. Tìm hiểu một số bệnh do vi khuẩn và các biện pháp phòng tránh.***

***a. Mục tiêu:***

***Năng lực khoa học tự nhiên:***

- Nêu được một số bệnh do vi khuẩn gây ra. Trình bày được một số cách phòng và chống bệnh do vi khuẩn gây ra.

***Năng lực chung:***

- Biết chủ động, tích cực thực hiện những công việc của bản thân trong học tập và trong cuộc sống; không đồng tình với những hành vi sống dựa dẫm, ỷ lại.

- Vận dụng được một cách linh hoạt những kiến thức, kĩ năng đã học hoặc kinh nghiệm đã có để giải quyết vấn đề trong những tình huống mới.

- Biết lắng nghe và có phản hồi tích cực trong giao tiếp; nhận biết được ngữ cảnh giao tiếp và đặc điểm, thái độ của đối tượng giao tiếp.

- Hiểu rõ nhiệm vụ của nhóm; đánh giá được khả năng của mình và tự nhận công việc phù hợp với bản thân.

***Phẩm chất chăm chỉ ham học:***

- Luôn cố gắng vươn lên đạt kết quả tốt trong học tập.

- Thích đọc sách, báo, tìm tư liệu trên mạng Internet để mở rộng hiểu biết.

- Có ý thức vận dụng kiến thức, kĩ năng học được ở nhà trường, trong sách báo và từ các nguồn tin cậy khác vào học tập và đời sống hằng ngày.

***b.Nội dung:*** GV sử dụng phương pháp dạy trực quan kết hợp dạỵ học hợp tác theo nhóm nhỏ, yêu cẩu HS tìm hiểu về bệnh do vi khuẩn gây ra

***c. Sản phẩm:*** Phiếu học tập

***d. Tổ chức thực hiện:***

|  |  |
| --- | --- |
| Hoạt động của GV | Hoạt động của học sinh |
| ***- Giao nhiệm vụ:***   1. Học sinh quan sát hình 25.5, 25.6, hoàn thành phiếu học tập số 3.   2. Theo em bệnh do vi khuẩn gây ra có thể lây truyền theo con đường nào? Hãy nêu một số biện pháp phòng chống bệnh do vi khuẩn gây ra.  ***Thảo luận cặp đôi:*** Từ các con đường lây bệnh, em hãy nêu một số biện pháp phòng chống bệnh tiêu chảy. | - Nhận nhiệm vụ |
| ***- Hướng dẫn học sinh thực hiện nhiệm vụ:***  ***+*** GV quan sát, hỗ trợ khi cần thiết | - Phân công nhiệm vụ các thành viên trong nhóm, tiến hành thực hiện nhiệm vụ |
| ***- Báo cáo kết quả:***  - Mời học sinh lên bảng trình bày kết quả phiếu học tập số 3.   |  |  |  | | --- | --- | --- | | Tên bệnh | Tác nhân gây bệnh | Biểu hiện bệnh | | Bệnh tiêu chảy | Trực khuẩn đường ruột | Buốn nôn, nôn, đau bụng, đau đẩu, tiêu chảy. | | Bệnh lao phổi | Vi khuẩn lao | Ho ra máu, sốt, tức ngực, mệt mỏi, sút cân. |   Các nhóm khác đổi chéo cho nhau để chấm điểm sau khi GV cho đáp án  - Mời nhóm khác nhận xét.  - Giáo viên phân tích: Vi khuẩn xâm nhập vào cơ thể qua đường ăn uống là chủ yếu. Chúng có thể lây nhiễm thông qua việc sử dụng thức ăn, nước uống không đảm bảo vệ sinh; qua tiếp xúc trực tiếp với nguồn gâỵ bệnh; qua đường không khí (hô hấp);...  - Một số biện pháp phòng chống bệnh do vi khuẩn gây ra:  + Vệ sinh môi trường sạch sẽ, ăn uống hợp vệ sinh, ăn chín uống sôi;  + Chú ý đeo khẩu trang nơi công cộng hoặc khi đi vào nơi có cảnh báo vùng dịch, tránh tiếp xúc gần với người khác.  + Tăng cường bồi bổ cơ thể để tăng sức đề kháng.  + Sử dụng thuốc kháng sinh đúng bệnh, đúng cách để đạt hiệu quả.  + Rửa tay trước khi ăn và sau khi đi vệ sinh. | - Nhóm được chọn trình bày kết quả  - Nhóm khác nhận xét |
| ***- Đánh giá***  + Yêu cầu học sinh chấm điểm cho các nhóm  + GV thu phiếu học tập để kiểm tra xem các nhóm chấm đúng hay không và lấy điểm | - Các nhóm chấm điểm cho nhóm bạn, báo cáo điểm nhóm bạn |
| ***- Tổng kết:*** Yêu cầu học sinh kết luận về một số bệnh do vi khuẩn và các biện pháp phòng tránh 🡪 Một số vi khuẩn gây bệnh cho người, động vật, thực vật; một số vi khuẩn làm hư hỏng thực phẩm, làm thức ăn bị ôi thiu.  Biện pháp phòng chống bệnh di vi khuẩn: Vệ sinh cá nhân, vệ sinh môi trường, bảo quản thực phẩm đúng cách,.. | - Kết luận về một số bệnh do vi khuẩn và các biện pháp phòng tránh  - Ghi kết luận vào vở |

***Hoạt động 5: Luyện tập***

***a. Mục tiêu:*** học sinh sử dụng kiến thức đã học trả lời các câu hỏi trong SGK

***b. Nội dung:*** Hs làm phiếu học tập để phân biệt bệnh nào do vi khuẩn, bệnh nào di virut 🡪 Biện pháp phòng chống bệnh tiêu chảy.

***c. Sản phẩm:*** Phiếu học tập

***d. Tổ chức thực hiện***

|  |  |
| --- | --- |
| Hoạt động của GV | Hoạt động của học sinh |
| ***- Giao nhiệm vụ:*** Mỗi nhóm 4 bạn:  + Trả lời các câu hỏi trong SGK.  + Phân biệt bệnh nào do vi khuẩn, bệnh nào vi virut ? Liên hệ đến Covid 19  + Nêu biện pháp phòng chống bệnh tiêu chảy? | - Nhận nhiệm vụ |
| ***- Hướng dẫn học sinh thực hiện nhiệm vụ:*** GV quan sát, hỗ trợ khi cần thiết | - Làm phiếu học tập |
| ***- Báo cáo kết quả:***  + Các nhóm treo phiếu học tập lên bảng. GV đánh giá 1 số nhóm.  + Giáo viên phân tích:  Câu 1: Vi khuẩn là cơ thể sống được cấu tạo nên từ tế bào, có thể tự tồn tại mà không cần đến tế bào vật chủ  TL: Virus không phải là cơ thể sống, nhỏ hơn vi khuẩn từ 10 đến 100 lần, tồn tại được nhờ phải kí sinh nội bào vật chủ nếu không sẽ trở thành vật không sống  2. Bệnh do vi khuẩn: bệnh lị, bệnh viêm da, bệnh than, bệnh lao phổi,  Bệnh do virus: bệnh thủy đậu, bệnh dại, bệnh viêm gan B, bệnh zona thần kinh, bệnh quai bị, bệnh sốt xuất huyết, bệnh Covid-19  3. Lợi ích của vi khuẩn: vi khuẩn tham gia vào quá trình phân hủy các sinh vật và chất thải hữu cơ làm sạch môi trường; đóng vai trò trong chế biến một số loại thực phẩm  Ví dụ: làm sữa chua, làm rượu, làm muối chua, làm phân bón,...       Tác hại của vi khuẩn: gây bệnh cho người, động vật, thực vật; làm hỏng thực phẩm | - Theo dõi đánh giá của giáo viên |
| ***- Tổng kết:***  + Đánh giá được nhóm nào phân biệt được vi khuẩn, virut-> Biện pháp phòng chống bệnh tiêu chảy:  . Vệ sinh môi trường sạch sẽ, ăn uống hợp vệ sinh, ăn chín uống sôi.  . Sử dụng thuốc kháng sinh đúng bệnh, đúng cách để đạt hiệu quả.  . Rửa tay trước khi ăn và sau khi đi vệ sinh.  + Khen ngợi học sinh | - Học sinh lắng nghe |

***Hoạt động 6: Vận dụng***

***a. Mục tiêu:*** học sinh vận dụng kiến thức đã học trả lời các câu hỏi thực tế

***b. Nội dung:*** Vận dụng những hiểu biết về vi khuẩn để giải thích được một số hiện tượng thực tiễn: thức ăn để lâu bị ôi thiu, không nên ăn thức ăn ôi thiu.

***c. Sản phẩm:*** Phiếu trả lời câu hỏi của học sinh

***d. Tổ chức thực hiện***

|  |  |
| --- | --- |
| Hoạt động của GV | Hoạt động của học sinh |
| ***- Giao nhiệm vụ:***  + Trả lời câu hỏi dưới đây vào phiếu học tập, tiết sau nộp lại cho GV  Câu hỏi:  1. Theo em, điều gì sẽ xảy ra nếu trong đất không có vi khuẩn?  2. Bác sĩ khuyên chúng ta nên “ăn chín uống sôi” để phòng tránh bệnh do vi khuẩn gây nên. Em hãy giải thích vì sao bác sĩ lại khuyên như vậy  3. Khi trời trở lạnh đột ngột, em bị ho, mẹ đưa em đi khám bác sĩ. Bác sĩ kê cho em một đơn thuốc kháng sinh và dặn em phải uống đủ liều. Em hãy tìm hiểu và giải thích xem tại sao bác sĩ lại dặn dò như vậy.  4. Hãy giải thích: vì sao dưa cà ngâm trong nước muối sau đó vài ngày hóa chua?  5. Các thức ăn để lâu ngày thì bị ôi thiu, vì sao? Muốn thức ăn không ôi thiu thì phải làm như thế nào? | - Nhận nhiệm vụ |
| ***- Hướng dẫn học sinh thực hiện nhiệm vụ:***  ***+*** Thực hiện tại nhà, GV đưa ra hướng dẫn cần thiết | - Thực hiện nhiệm vụ ở nhà |
| ***- Báo cáo kết quả:***  + Tiết học tiếp theo nộp phiếu trả lời cho GV   1. Trong đất không có vi khuẩn thì xác sinh vật sẽ không bị phân huỷ, chu trình tuần hoàn vật chất trong tự nhiên sẽ không thể xảy ra.,…. | - Theo dõi đánh giá của giáo viên |

***C. Dặn dò***

- Học sinh làm bài tập SGK, SBT

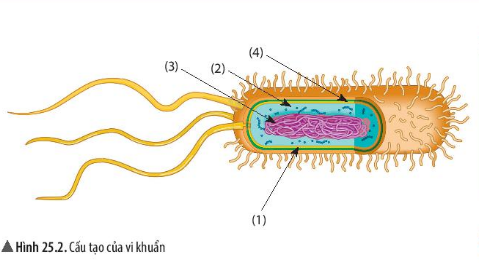
- Chuẩn bị bài mới trước khi lên lớp

***D. Kiểm tra đánh giá thường xuyên***

- Kết thúc bài học, Gv cho học sinh tự đánh giá theo bảng sau

Họ và tên học sinh

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| Các tiêu chí | Tốt | Khá | TB | Chưa đạt |
| Chuẩn bị bài trước khi đến lớp |  |  |  |  |
| Tham gia hoạt động nhóm theo yêu cầu của GV |  |  |  |  |
| Nêu được khái niệm khoa học tự nhiên |  |  |  |  |
| Nêu được vai trò của khoa học tự nhiên |  |  |  |  |





BÀI 26. **THỰC HÀNH QUAN SÁT VI KHUẨN**

**TÌM HIỂU CÁC BƯỚC LÀM SỮA CHUA**

(Thời gian thực hiện: 1 tiết)

**I. Mục tiêu**

1.Năng lực chung

- Tự chủ và tự học: Chủ động, tích cực thực hiện các nhiệm vụ của bản thân khi thực hiện các nhiệm vụ được GV yêu cầu trong quá trình thực hành;

- Giao tiếp và hợp tác: Tăng cường khả năng trình bày và diễn đạt ý tưởng; sự tương tác tích cực giữa các thành viên trong nhóm khi hợp tác để thực hiện các nhiệm vụ thực hành;

- Giải quyết vấn đề và sáng tạo: Vận dụng linh hoạt các kiến thức, kĩ năng để giải quyết vấn đề liên quan trong thực tiễn và trong các nhiệm vụ học tập.

2. Năng lực khoa học tự nhiên

- Nhận thức khoa học tự nhiên:Trình bày được các bước làm tiêu bản vi khuẩn lactic;

- Tìm hiểu tự nhiên: Làm được tiêu bản vi khuẩn, quan sát hình ảnh vi khuẩn;

- Vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học: Vận dụng làm được sữa chua.

3. Phẩm chất

- Thông qua hiểu biết về vi khuẩn, biết chủ động phòng chống bệnh do vi khuẩn gây ra;

- Trung thực trong quá trình thực hành, báo cáo kết quả thực hành của cá nhân và nhóm.

**II. Thiết bị dạy học và học liệu**

**1.Giáo viên:**

**-** Kế hoạch bài dạy, SGK, tiêu bản mẫu, tranh ảnh.

- Máy chiếu, laptop.

- Mẫu vật: Nước dưa, cà muối.

- Tiêu bản mẫu.

- Nguyên liệu:

+ Sữa chua: 4x1 hộp (100 g)

+ Sữa đặc có đường:4x1 hộp (380g)

+ Nước đun sôi: 4x500 ml

+ Nước đun sôi để nguội:4x 500 ml

- Dụng cụ: Kính hiển vi, lam kính, lamen, pipette, giấy lọc, cốc thuỷ tinh, nổi ủ hoặc thùng xốp, đũa, chậu thuỷ tinh, nhiệt kế…

**2. Học sinh:**

- Vở ghi, SGK.

**III. Tiến trình dạy học**

1. Ổn định lớp:

2. Kiểm tra bài cũ: Em hãy trình bày đặc điểm hình dạng và cấu tạo của vi khuẩn? Nêu vai trò của vi khuẩn trong tự nhiên và đời sống con người?

3. Bài mới :

***A. Khởi động***

***Hoạt động 1:***

a. Mục tiêu: HS biết được các nội dung cơ bản của bài học cần đạt được, tạo ra cho học sinh sự hứng thú và tạo tâm thế cho học sinh đi vào tìm hiểu bài mới.

b. Nội dung: Giáo viên giới thiệu thông tin liên quan đến bài học.

c. Sản phẩm: Học sinh lắng nghe định hướng nội dung học tập.

d. Tổ chức thực hiện: Giáo viên tổ chức, học sinh thực hiện, lắng nghe phát triển năng lực quan sát, năng lực giao tiếp.

|  |  |
| --- | --- |
| Hoạt động của GV | Hoạt động của học sinh |
| - GV kiểm tra:  + Phần chuẩn bị của HS theo nhóm đã phân công.  + Các bước sử dụng kính hiển vi (bằng cách gọi 1,2 HS trình bày).  - GV yêu cầu:  + Làm được tiêu bản vi khuẩn lactic và làm được sữa chua.  + Vẽ lại hình khi quan sát được.  + Các nhóm không nói to, không được đi lại lộn xộn.  - GV phát dụng cụ, nguyên liệu và mẫu vật  Giáo viên chia lớp ra 4 nhóm: (8 – 10 HS ) mỗi nhóm một bộ gồm kính hiển vi, một khay đựng dụng cụ như kim mũi mác, kim mũi nhọn, dao, lọ nước ống nhỏ nước, giấy thấm, lam kính… | -HS lắng nghe và thực hiện  -HS trình bày nhanh các bước sử dụng kính hiển vi (kiến thức cũ). |

***B. Hình hành kiến thức mới***

***Hoạt động 2: Quan sát vi khuẩn***

a. Mục tiêu: Quan sát và vẽ được hình ảnh vi khuẩn. Nhận biết được một số loại vi khuẩn khác từ tiêu bản mẫu.

b. Nội dung: GV tổ chức cho học sinh hoạt động nhóm để làm rõ mục tiêu trên.

c. Sản phẩm: Làm được tiêu bản vi khuẩn lactic trong nước dưa, nước cà muối và vẽ được hình ảnh của một số vi khuẩn khác có trong tiêu bản mẫu.

d. Tổ chức thực hiện: Hoạt động cá nhân, hoạt động nhóm,dạy học nêu và giải quyết vấn đề; dạy học hợp tác, phương pháp thuyết trình; sử dụng đồ dùng trực quan

|  |  |
| --- | --- |
| Hoạt động của GV | Hoạt động của học sinh |
| ***- Giao nhiệm vụ:*** Yêu cầu các nhóm làm tiêu bản vi khuẩn lactic trong nước dưa chua và quan sát một số vi khuẩn khác trong tiêu bản mẫu. | - Nhận nhiệm vụ |
| ***- Hướng dẫn học sinh thực hiện nhiệm vụ:***  + GV định hướng để HS tự làm được tiêu bản vi khuẩn lactic trong nước dưa chua theo các bước trong SGK:  Bước 1: Mở nắp lọ dưa, cà muối  Bước 2: Dùng pipette lấy 1 giọt nước dưa, nước cà muối cho lên lam kính.  Bước 3: Đậy lamen lên giọt nước dưa, nước cà muối.  Bước 4: Nhỏ 1 giọt xanh methylene vào cạnh góc lamen sao cho hòa lẫn với giọt nước dưa, nước cà muối.  Bước 5: Dùng giấy thấm nước thừa tràn ra ngoài lam kính.  Bước 6: Quan sát tiêu bản dưới kính hiển vi với vật kính có bội số bội giác 10x, 40x.  + GV đặt câu hỏi: Bước nhuộm xanh methylene khi làm tiêu bản quan sát vi khuẩn trong nước dưa muối, cà muối có ý nghĩa gì?  + Quan sát các tiêu bản mẫu. | - Thực hiện theo nhóm để hoàn thành nhiệm vụ được giao.  - Bước 1:  C:\Users\ADMINI~1\AppData\Local\Temp\FineReader11.00\media\image359.jpeg  - Bước 2: C:\Users\ADMINI~1\AppData\Local\Temp\FineReader11.00\media\image361.jpeg  - Bước 3 + bước 4:  C:\Users\ADMINI~1\AppData\Local\Temp\FineReader11.00\media\image360.jpeg  - Bước 5:  image363  - Bước 6:  image362  + HS trả lời: Vi khuẩn bắt màu thuốc nhuộm để dễ quan sát. |
| ***- Báo cáo kết quả:*** GV cho HS báo cáo kết quả quan sát được của nhóm mình và đối chiếu với một số hình ảnh GV đã chuẩn bị trước. | - Các nhóm trình bày kết quả  - Nhóm khác nhận xét |
| ***- Tổng kết:*** GV tổng kết kiến thức | HS vẽ hình : vi khuẩn lactic và một số hình ảnh vi khuẩn khác đã quan sát được ở tiêu bản mẫu. |

***Hoạt động 3: Làm sữa chua***

a. Mục tiêu: Làm được sữa chua.

b. Nội dung: GV tổ chức cho học sinh hoạt động nhóm để làm sữa chua.

c. Sản phẩm: Sữa chua.

d. Tổ chức thực hiện: Hoạt động cá nhân, hoạt động nhóm, dạy học nêu và giải quyết vấn đề; dạy học hợp tác , phương pháp thuyết trình; sử dụng đồ dùng trực quan.

|  |  |
| --- | --- |
| Hoạt động của GV | Hoạt động của học sinh |
| ***- Giao nhiệm vụ:*** GV yêu cầu HS thực hiện các bước làm sữa chua trong SGK. | - Nhận nhiệm vụ |
| ***- Hướng dẫn học sinh thực hiện nhiệm vụ:*** GV cho HS xem video về cách làm sữa chua, đồng thời nghiên cứu cách thức làm sữa chua theo hướng dẫn trong SGK.  Mỗi nhóm thực hiện theo các bước sau:  Bước 1: Mở hộp sữa đặc và đổ vào chậu thuỷ tinh.  Bước 2: Thêm vào chậu thuỷ tinh 1 lít nước theo tỉ lệ: 1/2 nước vừa đun sôi: 1/2 nước sôi để nguội và khuấy đều sao cho nhiệt độ hỗn hợp khoảng 40 °c - 50 °c.  Bước 3: Cho vào hỗn hợp trên một hộp sữa chua để bổ sung vi khuẩn lactic, khuấy nhẹ, đều tay.  Bước 4: Múc hỗn hợp sữa chua vào các cốc thuỷ tinh nhỏ có nắp đậy.  Bước5: Xếp các cốc vào nổi ủ hoặc thùng xốp và ủ khoảng 8-12 giờ.  **Bước 6**: Bảo quản sữa chua đã ủ trong ngăn mát tủ lạnh.  ***+*** GV quan sát, hỗ trợ khi cần thiết | - Phân công nhiệm vụ các thành viên trong nhóm, tiến hành thực hiện nhiệm vụ |
| ***- Báo cáo kết quả:*** GV cho HS báo cáo kết quả nhóm mình đã làm.  \*. Lưu ý: Sữa chua sau khi ủ phải sánh, mịn, có màu trắng sữa và vị chua nhẹ. | Các nhóm đưa sản phẩm của nhóm mình làm lên trình bày.  C:\Users\Administrator\Downloads\tải xuống.jpgC:\Users\Administrator\Downloads\tải xuống (1).jpg |
| ***- Đánh giá, tổng kết:*** | - Các nhóm chấm điểm cho nhóm bạn, báo cáo điểm nhóm bạn |

***Hoạt động 4: Luyện tập (Báo cáo kết quả thực hành)***

a. Mục tiêu: Hoàn thành xong báo cáo thực hành.

b. Nội dung: HS làm báo cáo thực hành.

c. Sản phẩm: Bảng báo cáo kết quả thực hành.

d. Tổ chức thực hiện

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| Hoạt động của GV | | Hoạt động của học sinh | |
| ***- Giao nhiệm vụ:*** Hoàn thành báo cáo kết quả thực hành | | - Nhận nhiệm vụ | |
| ***- Hướng dẫn học sinh thực hiện nhiệm vụ:***  ***+*** Thực hiện tại lớp (nếu không kịp có thể về nhà hoàn thành tiếp), GV đưa ra hướng dẫn cần thiết (có mẫu kèm theo) | | - Thực hiện nhiệm vụ ở lớp (nếu không kịp thì có thể thực hiện ở nhà) | |
| ***- Báo cáo kết quả:***  + Nếu xong thì nộp luôn( nếu không hoàn thành xong thì tiết học tiếp theo nộp báo cáo cho GV) | | - Theo dõi đánh giá của giáo viên | |
| **BÁO CÁO: KẾT QUẢ THỰC HÀNH QUAN SÁT VI KHUẨN TRONG NƯỚC DƯA, NƯỚC CÀ MUỐI**  **Tiết: … Thứ … ngày … tháng … năm …** | | | | |
| **Nhóm: …… Lớp: ……** | | | | |
| **Mục tiêu** | **Nội dung** | | **Kết quả** | |
| Vẽ và mô tả được hình dạng vi khuẩn lactic có trong tiêu bản | Quan sát vi khuẩn lactic trong nước dưa, nước cà muối | | (HS vẽ hình vi khuẩn lactic)  -Mô tả hình dạng: ……… | |
| Vẽ và nhận được một số vi khuẩn có trong tiêu bản mẫu | Quan sát vi khuẩn có trong tiêu bản mẫu | | (HS vẽ hình vi khuẩn có trong tiêu bản mẫu)  -Mô tả hình dạng: …… | |

***Hoạt động 5: Vận dụng***

a. Mục tiêu: học sinh vận dụng kiến thức đã học trả lời các câu hỏi thực tế

b. Nội dung: HS trả lời các câu hỏi và bài tập GV đưa ra

c. Sản phẩm: câu trả lời của HS

d. Tổ chức thực hiện: Thuyết trình nêu vấn đề kết hợp hỏi-đáp, dạy học khám phá, kĩ thuật hỏi đáp.

|  |  |
| --- | --- |
| Hoạt động của GV | Hoạt động của học sinh |
| ***- Giao nhiệm vụ:***  + Trả lời câu hỏi dưới đây :  *Câu 1*:Trong các bước làm sữa chua, nếu không có sữa chua mồi thì quá trình làm sữa chua có thành công không? Vì sao?  *Câu 2:* Có bạn nói thời gian ủ sữa chua chỉ cẩn 1 - 2 giờ. Theo em, bạn nói có đúng không?Tại sao?  *Câu 3*: Hãy nêu các bước muối dưa cải thường sử dụng trong gia đình? | - Nhận nhiệm vụ |
| ***- Hướng dẫn học sinh thực hiện nhiệm vụ:***  ***+*** Thực hiện tại lớp, GV đưa ra hướng dẫn cần thiết | - Thực hiện nhiệm vụ |
| ***- Báo cáo kết quả:***  + GV nghe HS trả lời  Câu 3:  Lưu ý: Có thể cho thêm nước đường và nước dưa cũ để dưa nhanh chín vàng vì trong nước dưa muối cũ có chứa nhiểu vi khuẩn lactic, chúng sê chuyển hoá đường trong rau củ thành axit lactic làm dưa nhanh có vị chua | - HS trả lời  *Câu 1*: Nếu không có sữa chua mồi thì quy trình làm sữa chua không thành công. Vi trong sữa chua mồi có chứa nguổn vi khuẩn giúp quá trình lên men xảy ra, cho vào ủ cùng với sữa sẽ kích thích quá trình lên men tạo ra sữa chua có vị chua, sánh mịn,...  *Câu 2*: Bạn nói không đúng vì thời gian lí tưởng là 8 - 12 giờ để vi khuẩn hoạt động làm cho sữa có độ chua nhất định. Nếu ủ ít hơn mức thời gian trên sữa sẽ chưa đủ độ chua, còn nếu để quá lâu thì sữa sẽ chua quá và bị biến đổi gâỵ hư hỏng  *Câu 3*: Các bước muối dưa cải:  Bước 1. Rau cải phơi se mặt, rửa sạch, cắt nhỏ 3-4 cm.  Bước 2. Đổ rau vào bình.  Bước 3. Pha nước muối ấm 6% rồi đổ ngập rau.  B Bước 4. Nén chặt, đậy kín, để nơi ấm. |
| ***- Đánh giá, tổng kết:***  GV nhận xét và chốt kiến thức | HS lắng nghe và hoàn thành bài tập vào vở. |

***C. Dặn dò***

- Học sinh làm bài tập trong SBT

- Chuẩn bị bài mới trước khi lên lớp

***D. Kiểm tra đánh giá thường xuyên***

- Kết thúc bài học, Gv cho học sinh tự đánh giá theo bảng sau

Họ và tên học sinh:

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| Các tiêu chí | Có | Không |
| Chuẩn bị mẫu vật, dụng cụ đạt yêu cầu của bài thực hành |  |  |
| Nêu được yêu cầu của bài thực hành |  |  |
| Nắm rõ được quy trình các bước thực hành |  |  |
| Thực hiện thành thạo các bước |  |  |
| Ghi chép quá trình thực hành đầy đủ |  |  |
| Vẽ được hình ảnh quan sát được và tạo ra sản phẩm |  |  |

**BÀI 27. NGUYÊN SINH VẬT**

**(Thời gian thực hiện: 2 tiết)**

**I. Mục tiêu**

***1. Kiến thức***

- Dựa vào hình thái nhận biết được một số đại diện nguyên sinh vật trong tự nhiên (trùng roi, trùng giày, tảo lục, tảo đơn bào…)

- Sự đa dạng của nguyên sinh vật.

- Một số bệnh do nguyên sinh vật gây ra.

- Các biện pháp phòng chống bệnh do nguyên sinh vật gây ra

***2. Năng lực***

- Năng lực chung: Chủ động tìm hiểu về khoa học tự nhiên qua các nguồn học liệu khác nhau, làm việc nhóm hiệu quả và đảm bảo các thành viên trong nhóm đều tích cực tham gia, thảo luận với các thành viên trong nhóm để hoàn thành nhiệm vụ học tập

- Năng lực khoa học tự nhiên:

+ Dựa vào hình thái, nêu được sự đa dạng của nguyên sinh vật; Nêu được vai trò của nguyên sinh vật trong tự nhiên và một số bệnh do nguyên sinh vật gây ra; Trình bày được các biện pháp phòng và chống bệnh do nguyên sinh vật

+ Quan sát và vẽ được một số đại diện nguyên sinh vật (trùng roi, trùng giày…); Tìm kiếm thông tin về các loại nguyên sinh vật, những lợi ích và tác hại do nguyên sinh vật gây ra; Viết được báo cáo mô tả các biểu hiện bệnh và cách phòng chống để tuyên truyền, phổ biến về bệnh do nguyên sinh vật.

+ Vận dụng kiến thức, kỹ năng đã học: Giải thích được một số bệnh do nguyên sinh vật gây ra trong thực tiễn dựa trên kiến thức đã học.

***3. Phẩm chất***

- Có ý thức tôn trọng ý kiến, hỗ trợ, hợp tác với các thành viên trong nhóm khi tham gia trò chơi nhận diện nguyên sinh vật

- Chủ động thực hiện nhiệm vụ thu thập các dữ liệu để khám phá nguyên sinh vật trong tự nhiên và các bệnh do nguyên sinh vật gây ra.

**II. Thiết bị dạy học và học liệu**

**1. Chuẩn bị của giáo viên:**

**-** Giáo án, video về nguyên sinh vật, hình ảnh phóng to H27.2, các thẻ tên (màng tế bào, chất tế bèo, nhân…..), máy chiếu,laptop

- Phiếu học tập

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Phiếu học tập số 1** | | | |
| **STT** | **Tên nguyên sinh vật** | **Hình dạng** | **Môi trường sống** |
| **1** | **Trùng đế giày** |  |  |
| **2** | **Trùng roi** |  |  |
| **3** | **Trùng sốt rét** |  |  |
| **4** | **Trùng biến hình** |  |  |
| **5** | **Tảo silic** |  |  |
| **6** | **Tảo lục** |  |  |
| **?** Nhận xét về hình dạng của các nguyên sinh vật  **……………………………………………………………………………….**  **?**Nhận xét về môi trường sống của nguyên sinh vật  **……………………………………………………………………………….** | | | |

**2. Chuẩn bị của học sinh:**

**-** SGK, vở ghi

- Tìm hiểu trước về môi trường sống của nguyên sinh vật, các bệnh do nguyên sinh vật gây ra và cách phòng chống.

**III. Tiến trình dạy học**

- Kiểm tra bài cũ: không kiểm tra

- GV thu báo cáo thực hành bài 26

***A. Khởi động***

***Hoạt động 1: Khởi động***

**a. Mục tiêu:** Tạo hứng thú cho học sinh trước khi bước vào bài mới

**b. Nội dung:** Giáo viên chiếu hình ảnh sinh vật đã chụp được khi thực hành ở bài 21, HS trả lời câu hỏi

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời của học sinh

**d.Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV** | **Hoạt động của HS** |
| ***- Giao nhiệm vụ***: chiếu hình ảnh sinh vật mà HS đã chụp được khi thực hành ở bài 21 hoạt động cá nhân trả lời câu hỏi | - Nhận nhiệm vụ |
| ***- Hướng dẫn HS thực hiện nhiệm vụ:***  HS tự hoạt động cá nhân trả lời trong 2 phút. Sau khi trả lời xong, GV gọi ngẫu nhiên 1 tới 2 HS, HS có câu trả lời chất lượng tốt sẽ được tặng điểm. Câu hỏi:  + Nhận xét về môi trường sống, kích thước, màu sắc, đặc điểm di chuyển của chúng? | Hoạt động cá nhân trả lời câu hỏi |
| ***- Báo cáo kết quả:***  + Chọn 1 tới 2 HS trình bày kết quả  + Mời HS khác nhận xét  + GV nhận xét | - HS được chọn trình bày kết quả  - HS khác nhận xét, bổ sung |
| ***Chốt lại và đặt vấn đề vào bài:***  Ở bài thực hành 21, các em đã được quan sát rất nhiều sinh vật trong nước ao, hồ. Chúng có kích thước nhỏ, phải quan sát bằng kính hiển vi. Vậy chúng có kích thước nhỏ như vậy thì cấu tạo cơ thể của chúng ra sao và chúng có vai trò gì trong tự nhiên và đời sống? Chúng ta sẽ cùng nhau tìm hiểu ở bài ngày hôm nay. | - HS lắng nghe. |

***B. Hình thành kiến thức mới***

***Tiết 1. Hoạt động 2:******Tìm hiểu hình dạng và đặc điểm cấu tạo của nguyên sinh vật***

**a. Mục tiêu :**

- Nhận biết được một số đại diện nguyên sinh vật trong tự nhiên và môi trường sống của chúng.

- Trình bày được cấu tạo chung của nguyên sinh vật

- Giải thích được tại sao một số nguyên sinh vật có khả năng quang hợp

**b. Nội dung:** GV tổ chức hoạt động để làm rõ mục tiêu trên

**c. Sản phẩm:** Phiếu học tập số 1 và kết quả của trò chơi

**d. Tổ chức thực hiện**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV** | **Hoạt động của HS** |
| ***Giao nhiệm vụ:***Quan sát video kết hợp quan sát H27.1 trong sgk, hoạt động cặp đôi hoàn thành PHT số 1 | Nhận nhiệm vụ |
| ***Hướng dẫn HS thực hiện nhiệm vụ :*** Mỗi bàn có 2 bạn sẽ ghép thành một cặp, thảo luận và hoàn thành PHT số 1 trong vòng 2 phút. Sau khi thảo luận xong, cặp nào xung phòng trình bày và có chất lượng tốt sẽ được tặng điểm. | Thảo luận cặp đôi hoàn thành PHT số 1 |
| Hướng dẫn HS chuyển PHT để chấm chéo | Nộp PHT số 1 |
| ***Báo cáo kết quả :***  - Chọn 1 tới 2 cặp đôi trình bày kết quả  - Mời cặp khác nhận xét  - GV nhận xét, bổ sung | - Cặp được chọn trình bày kết quả  - Cặp khác nhận xét, bổ sung |
| ***Tổng kết :*** Hướng dẫn HS tự rút ra kết luận về hình dạng, môi trường sống của nguyên sinh vật |  |
| ***GV hỏi :***  ? Dựa trên hình dạng của các nguyên sinh vật trong hình 27.1, em hãy xác định tên của các sinh vật quan sát được trong nước ao, hồ ở bài 21 | - HS hoạt động cá nhân trả lời |
| *GV tổ chức trò chơi : «****Ai nhanh hơn****»*  -Thông báo luật chơi : Các nhóm nhận được hình ảnh phóng to H27.2 và thẻ tên, dùng thẻ tên dính vào phần đánh số của hình ảnh. Đội nào dính nhanh nhất (tối đa là 3 phút) và trình bày thuyết phục sẽ dành chiến thắng | Ghi nhớ luật chơi |
| ***Giao nhiệm vụ :*** Sau khi dính xong thẻ tên, khi lên trình bày cần trả lời thêm câu hỏi :  ? Cơ thể nguyên sinh vật là đơn bào hay đa bào, thường gồm những bộ phận nào  ? Chúng có đảm nhiệm được các chức năng của một cơ thể sống không ? | Nhận nhiệm vụ |
| ***Hướng dẫn HS thực hiện nhiệm vụ :*** Chia lớp thành 12 nhóm (mỗi bàn là 1 nhóm), các nhóm nhận hình ảnh phóng to A3 H27.2 và các thẻ tên. Khi chơi xong, các nhóm thu lại như cũ và chuyển về phía bàn GV | - HS thực hiện nhiệm vụ |
| ***Báo cáo kết quả :***  -Nhóm nhanh nhất sẽ lên trình bày và trả lời câu hỏi  -Mời nhóm khác nhận xét  -GV nhận xét, bổ sung | - Nhóm nhanh nhất trình bày  - Nhóm khác nhận xét |
| ***Tổng kết :***  -Tổng hợp đi đến kết luận về tổ chức cơ thể của nguyên sinh vật | - Kết luận về tổ chức cơ thể của nguyên sinh vật  - Ghi kết luận vào vở |
| ***Luyện tập :***  ? Quan sát cấu tạo của một số nguyên sinh vật trong H27.2, em hãy cho biết những nguyên sinh vật nào có khả năng quang hợp ? Giải thích  -Mời 1, 2 HS trả lời  -Mời HS khác nhận xét | - Hoạt động cá nhân trả lời câu hỏi  - 1, 2 HS trả lời  - HS khác nhận xét |
| ***Mở rộng :*** Mời 1 HS đọc phần mở rộng về Nấm nhầy trong sgk | -Đọc phần mở rộng |

***Tiết 2 - Hoạt động 3****:* ***Tìm hiểu về một số bệnh do nguyên sinh vật gây nên***

**a. Mục tiêu :**

-Trình bày được nguyên nhân, biểu hiện của một số bệnh do nguyên sinh vật gây nên

- Trình bày được một số biện pháp phòng chống bệnh do nguyên sinh vật gây nên

- Giải thích được một số hiện tượng trong thực tế

**b. Nội dung** : GV hướng dẫn HS tự tìm hiểu kiến thức và vẽ sơ đồ tư duy theo nhóm, các nhóm sẽ thuyết trình về sản phẩm của nhóm mình

**c. Sản phẩm :** Sơ đồ tư duy

**d. Tổ chức thực hiện**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV** | **Hoạt động của HS** |
| ***Giao nhiệm vụ :*** Nghiên cứu thông tin trong sách giáo khoa kết hợp với thông tin tự tìm hiểu để vẽ sơ đồ tư về bệnh sốt rét, bệnh kiết lị và 1 bệnh khác do nguyên sinh vật gây nên gồm các phần: nguyên nhân, biểu hiện, con đường truyền bệnh và cách phòng chống.  - Nhóm 1, 2: Tìm hiểu và vẽ sơ đồ tư duy về bệnh sốt rét  - Nhóm 3, 4: Tìm hiểu và vẽ sơ đồ tư duy về bệnh kiết lị  - Nhóm 5, 6: Tìm hiểu và vẽ sơ đồ tư duy 1 bệnh nữa do nguyên sinh vật gây nên. | Nhận nhiệm vụ từ cuối tiết trước |
| ***Hướng dẫn HS thực hiện nhiệm vụ:***  Mỗi nhóm sẽ có thời gian để thảo luận và thống nhất cách thuyết trình trong vòng 5 phút. Sau khi thảo luận xong, GV sẽ gọi ngẫu nhiên các nhóm treo sơ đồ và trình bày trong vòng 5 phút, trình bày chất lượng tốt sẽ được tặng điểm. | Hoạt động thảo luận nhóm |
| Hướng dẫn HS treo sơ đồ tư duy | Treo sơ đồ tư duy |
| ***Báo cáo kết quả :***  - GV gọi ngẫu nhiên các nhóm lên thuyết trình  - Các nhóm khác nhận xét, phản biện, bổ sung  - GV nhận xét, đánh giá cho điểm | - Đại diện nhóm lên thuyết trình  - Các nhóm khác nhận xét, bổ sung, phản biện |
| ***GV hỏi:*** Tại sao chúng ta cần nấu chín thức ăn, đun sôi nước uông, rửa sạch các loại thực phẩm trước khi sử dung? | - HS hoạt động cá nhân trả lời. |
| ***Tổng kết :*** Hướng dẫn HS tự rút ra kết luận về nguyên nhân, biểu hiện và cách phòng chống của các bệnh do nguyên sinh vật gây ra | - HS về nhà tự hoàn thiện vào trong vở |
| ***GV mở rộng:*** Ngoài những tác hại trong tự nhiên, nguyên sinh vật cũng đóng vai trò là thức ăn của nhiều sinh vật dưới nước, cung cấp thức ăn, thực phẩm chức năng cho con người. | - HS lắng nghe |

***Hoạt động 4 : Luyện tập***

**a. Mục tiêu :** HS sử dụng kiến thức đã học để trả lời các câu hỏi trong sách giáo khoa

**b. Nội dung** : GV hướng dẫn HS trả lời câu hỏi bài tập trong sách giáo khoa

**c. Sản phẩm :** Câu trả lời của HS

**d. Tổ chức thực hiện**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV** | **Hoạt động của HS** |
| ***Giao nhiệm vụ:*** Trả lời câu hỏi trong sách giáo khoa | Nhận nhiệm vụ |
| ***Hướng dẫn HS thực hiện nhiệm vụ:***  HS hoạt động cá nhân trong vòng 4 phút, trả lời câu hỏi 1,2 trong sách giáo khoa. Câu 3 đã trình bày ở phần hoạt động 3 HS tự về trình bày lại vào vở. Sau đó gọi ngẫu nhiên HS trả lời, nếu chính xác GV sẽ cho điểm. | Hoạt động cá nhận trả lời câu hỏi |
| ***Báo cáo kết quả :***  - GV gọi ngẫu nhiên HS lên trả lời  - HS khác nhận xét, bổ sung  - GV nhận xét, đánh giá cho điểm | - HS trả lời  - HS khác nhận xét, bổ sung |
| ***GV hỏi:*** Tại sao chúng ta cần nấu chín thức ăn, đun sôi nước uông, rửa sạch các loại thực phẩm trước khi sử dung? | - HS hoạt động cá nhân trả lời. |
| ***Tổng kết:*** GV khen ngợi tinh thần học tập của HS | - HS lắng nghe |

***Hoạt động 5: Vận dụng***

**a. Mục tiêu :** HS vận dụng kiến thức đã học để trả lời các câu hỏi thực tế

**b. Nội dung** : Dùng phiếu học tập để trả lời về hiện tượng “thủy triều đỏ”

**c. Sản phẩm :** Phiếu trả lời của HS

**d. Tổ chức thực hiện**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV** | **Hoạt động của HS** |
| ***Giao nhiệm vụ :*** Trả lời câu hỏi sau đây vào PHT, tiết sau nộp lại cho GV:  + Hiện tượng thủy triều đỏ là gì?  + Tác hại của thủy triều đỏ tới môi trường, sinh vật và con người? | Nhận nhiệm vụ |
| ***Hướng dẫn HS thực hiện nhiệm vụ :***  HS hoạt động cá nhân trả lời câu hỏi tại nhà. | Hoạt động cá nhân thực hiện tại nhà |
| ***Báo cáo kết quả :***  - Tiết học tiếp theo nộp phiếu trả lời cho GV | Theo dõi đánh giá của GV |

***C. Dặn dò***

- Hoàn thiện bài tập 1, 2, 3 trong sgk

- Tìm hiểu về nấm túi và nấm đảm

***D. Kiểm tra đánh giá thường xuyên***

Kết thúc bài học, GV cho HS đánh giá theo bảng sau

Họ và tên học sinh

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| Các tiêu chí | Tốt | Khá | TB | Chưa đạt |
| Chuẩn bị bài trước khi đến lớp |  |  |  |  |
| Tham gia hoạt động nhóm theo yêu cầu của GV |  |  |  |  |
| Nhận biết được 1 số đại diện nguyên sinh vật trong tự nhiên |  |  |  |  |
| Nêu được một số bệnh do nguyên sinh vật gây ra và các biện pháp phòng tránh |  |  |  |  |

**BÀI 28: NẤM**

**(Thời gian thực hiện: 4 tiết)**

**TIẾT 1: QUAN SÁT MỘT SỐ NẤM**

**TIẾT 2: SỰ ĐA DẠNG CỦA NẤM**

**TIẾT 3: VAI TRÒ CỦA NẤM**

**TIẾT 4: KĨ THUẬT TRỒNG NẤM**

**I. MỤC TIÊU CHUNG CỦA BÀI HỌC**

**1. Kiến thức:**

- Quan sát và vẽ được một số đạt diện nấm.

- Nêu được sự đa dạng của nấm. Phân biệt nấm đơn bào, nấm đa bào; nấm đảm, nấm túi; nấm ăn được, nấm độc.

- Trình bày được vai trò của nấm trong tự nhiên và thực tiễn. Nêu được một số bệnh do nấm gây ra. Trình bày được biện pháp phòng chống bệnh do nấm.

- Giải thích được một số khâu trong kỹ thuật trồng nấm.

**2. Năng lực**

**\* Năng lực chung:**

- Tự chủ và tự học: Chủ động, tích cực thực hiện các nhiệm vụ của cá nhân khi tìm hiểu về đa dạng nấm và vai trò của nấm; Nhận ra và điều chỉnh những hạn chế của bản thân khi tham gia thảo luận nhóm;

- Giao tiếp và hợp tác: Tập hợp nhóm theo đúng yêu cầu, nhanh và đảm bảo trật tự; xác định nội dung hợp tác nhóm trao đổi về đặc điểm của nấm men, nấm mốc, nấm rơm;Thảo luận với các thành viên trong nhóm để hoàn thành nhiệm vụ học tập; Xác định được sự tổn tại của cơ thể nấm đơn bào và cơ thể nấm đa bào trong tự nhiên;

- Giải quyết vấn đề và sáng tạo: Vận dụng linh hoạt các kiến thức, kĩ năng để phân biệt nấm ăn được và nấm không ăn được trong tự nhiên.

**\* Năng lực khoa học tự nhiên:**

- Nhận biết được một số đại diện nấm trong tự nhiên thông qua hình ảnh, mẫu vật (nấm đảm, nấm túi,...);

- Tìm hiểu tự nhiên: Xác định được nấm đơn bào, nấm đa bào; Dựa vào hình thái, nêu được sự đa dạng của nấm;

- Vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học: Trồng nấm rơm.

**3. Phẩm chất**

- Có niềm tin yêu khoa học;

- Quan tâm đến nhiệm vụ của nhóm;

- Có ý thức hoàn thành tốt các nội dung thảo luận trong bài học;

- Luôn cố gắng vươn lên trong học tập;

- Có ý thức tìm hiểu và bảo vệ thế giới tự nhiên.

**II. CHUẨN BỊ THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Chuẩn bị của giáo viên:** Giáo án, sgk. Bảng phụ trang 144. Tranh phóng to H 35.1; 35.2; 35.3; 35.4; 35.5; 35.6 - SGK. Phiếu học tập. Máy chiếu, laptop (nếu có). Một số video về vai trò và các bệnh do nấm gây ra.

**- Dụng cụ:** Kính lúp cầm tay, panh, kim mũi nhọn, đĩa đồng hồ,găng tay, khẩu trang cá nhân.

**- Mẫu vật**: một ít mốc trắng từ cơm nguội ,bánh mỳ.

**2. Chuẩn bị của học sinh:** SGK, vở ghi, vở bài tập, đọc trước bài ở nhà. Chuẩn bị tìm hiểu về vai trò của nấm; một số bệnh do nấm gây ra. Bài thuyết trinh về vai trò của nấm; Trò chơi.

**III. TIẾN TRÌNH BÀI DẠY**

**A . KHỞI ĐỘNG**

**HOẠT ĐỘNG 1: TRÒ CHƠI**

**a. Mục tiêu:** Tạo hứng thú cho học sinh trước khi bước vào bài mới

**b. Nội dung:** Hs chọn các nấm ăn được và làm thuốc mà em biết.

**c. Sản phẩm:** Lời giới thiệu của giáo viên, câu hỏi của GV và câu trả lời của HS.

**d. Cách thức tổ chức hoạt động:** Chia lớp 2 đội **-** Quan sát tranh ảnh – Viết tên các nấm ăn được và làm thuốc. Đội nào đúng nhanh hơn sẽ thắng.

Hình ảnh 1: Nấm hương – làm thức ăn

Hình ảnh 2: Nấm độc đỏ - đẹp nhưng rất độc

Hình ảnh 3: Mốc trắng trên bánh mỳ - làm ôi thui thức ăn

Hình 4: Nấm linh chi – làm thuốc

Hình ảnh 5: Nấm than trên ngô – ký sinh hại cây trồng

Hình ảnh 6: Hắc lào - Nấm ký sinh trên da gây bệnh

Hình ảnh 7: Nấm kim – làm thức ăn

Hình ảnh 8: Mộc nhĩ – làm thức ăn

Hình ảnh 9: Nấm rơm – làm thức ăn

Hình ảnh 10: Nấm độc trắng – rất độc

Hs chọn các loại nấm được dùng làm thức ăn ( nấm hương, mộc nhĩ, nấm rơm, nấm kim) và nấm làm thuốc ( Nấm linh chi)

Gv nhận xét và giới thiệu bài: vậy tại sao cũng là các loại nấm nhưng có nhiều loại lại chứa độc tố nguy hiểm, có loại làm hư hỏng thực phẩm hoặc gây bệnh cho con người và động thực vật. Vậy các loại nấm đó có đặc điểm gì khác nhau?

**B. HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI**

**TIẾT 1 - QUAN SÁT MỘT SỐ NẤM**

**I. ĐẶC ĐIỂM CỦA NẤM**

**\* Hoạt động 2: 1.Thực hành quan sát một số loại nấm:**

**a. Mục tiêu:** Hs quan sát nấm bằng mất thường và bằng kinh lúp. Nhận biết được nấm và 1 số đại diện nấm phổ biến trong đời sống.

**b. Nội dung:** Quan sát hình ảnh các nấm và chơi trò Những mảnh ghép hoàn hảo nhận dạng 1 số nấm trong tự nhiên.Quan sát mẫu nấm bằng kinh lúp và vẽ các sợi nấm mốc và loại nấm lớn. Làm bộ sưu tập ảnh về nấm.

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời của học sinh. Hs nhìn thấy sợi nấm, nấm lớn, vẽ được hình. Bộ sưu tập ảnh về nấm được hoàn thành.

**d. Cách thức tổ chức hoạt động**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GIÁO VIÊN** | **HOẠT ĐỘNG CỦA HỌC SINH** | |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập** | | |
| GV cho HS quan sát 1 số loại nấm trên hình ảnh, mẫu nấm mốc qua kinh lúp, vễ lại hình.  Sắp xếp các ảnh hiện có thành bộ sưu tập ảnh về nấm. | Học sinh quan sát tranh, mẫu vật. | |
| **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập** | | |
| Gv đặ câu hỏi.  Hướng dẫn Hs quan sát mẫu vật bằng kinh lúp.  Hướng dẫn Hs làm bộ sưu tập ảnh. | Học sinh trả lời bằng cách gọi tên nấm trong hình ảnh gv đưa ra,  Làm bộ sưu tập ảnh về nấm. | |
| **Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận** | | |
| Nhận xét câu trả lời.  Nhận xét cách quan sát mẫu vật của HS | - Gọi tên đúng các loại nấm: Nấm rơm, nấm hương, nấm kim châm, nấm mộc nhĩ, nấm linh chi.  - Vẽ hình sợi nấm, nấm hương, nấm rơm.  - Mỗi Hs có 1 bộ sưu tập về nấm. | |
| **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập** | | |
| GV tổng kết kiến thức | | Học sinh nghe |

**NỘI DUNG KIẾN THỨC CẦN ĐẠT:**

* Nhận biết và gọi tên được: nấm hương, nấm rơm, nấm linh chi, mốc trắng…
* Vẽ hình sợi nấm mốc, hình nấm rơm.
* Hoàn thành bộ sưu tập ảnh về nấm.

**TIẾT 2 - SỰ ĐA DẠNG CỦA NẤM**

**I. ĐẶC ĐIỂM CỦA NẤM**

- Kết nối tiết học trước: GV tổ chức trò chơi *Đuổi hình bát chữ* giúp HS hệ thống hoá sự có mặt của các dạng nấm trong tự nhiên và trong đời sống. Đồng thời, GV hướng dẫn HS gọi đúng tên các loài nấm đã nhận biết trong phần thực hành.

**\* Hoạt động 3. 2.Tìm hiểu sự đa dạng của nấm:**

**a. Mục tiêu:** HS thấy được sự đa dạng của nấm; từ đó phân biệt nấm đảm và nấm túi; nấm đơn bào và nấm đa bào; nấm ăn được và nấm độc.

**b. Nội dung:** HS tìm hiểu các loại nấm trong tự nhiên về hình dạng, cấu tạo, môi trường sống.

**c. Sản phẩm:** Hs nhận xét đung các hình dạng của nấm,

**d. Cách thức tổ chức hoạt động:**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GIÁO VIÊN** | **HOẠT ĐỘNG CỦA HỌC SINH** | |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập** | | |
| GV cho HS quan sát H 35.1; 35.2, thảo luận ( nhôm 2) trả lời các câu hỏi 3,4,5,6 | Học sinh quan sát hình và đọc thông tin. | |
| **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập** | | |
| GV đặt câu hỏi, phát PHT, theo dõi HS làm vào PHT | Học sinh trả lời câu hỏi vào PHT | |
| **Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận** | | |
| Nhận xét câu trả lời.  Nhận xét kết quả thảo luận của HS  Phân biệt nấm túi và nấm đảm?  Phân biệt nấm đơn bào và nấm đa bào?  Phân biệt nấm ăn được và nấm độc?  Môi trường sống của nấm như thế nào?  Kể tên một số nấm ăn được mà em biết | -Hình dạng của nấm đa dạng: hình bầu dục, hình cốc, hình mũ, hình sợi,...  - Phân biệt đúng nhôm nấm đảm và nấm túi: ..  - Nhận biết đúng cấu tạo đơn hay đa bào  - Môi trường sống  - Nấm ăn được và nấm độc.  ( Hs trao đổi PHT để chấm chéo giữa các nhôm) | |
| **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập** | | |
| GV tổng kết kiến thức  GV hướng dẫn HS đọc thêm để hiểu biết về nấm độc ở Việt Nam. | | Học sinh nghe |

**Phiếu học tập:**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Tên loại nấm | Hình dạng | Cấu tạo đơn bào hay đa bào | Nấm đảm hay nấm túi | Nấm ăn được hay nấm độc | Môi trường sống |
| Nấm hương |  |  |  |  |  |
| Nấm sò |  |  |  |  |  |
| Nấm men |  |  |  |  |  |
| Nấm mộc nhĩ |  |  |  |  |  |
| Nấm độc đỏ |  |  |  |  |  |
| Nấm độc tán trắng |  |  |  |  |  |
| Nấm cốc |  |  |  |  |  |
| Nấm đông trùng hạ thảo |  |  |  |  |  |
| Nấm bụng dê |  |  |  |  |  |
| Nấm mốc |  |  |  |  |  |
| ……………… |  |  |  |  |  |

**NỘI DUNG KIẾN THỨC CẦN ĐẠT:**

**- Sự đa dạng của nấm thể hiện ở:**

**+ Nhiều hình dạng, kích thước khác nhau**

**+ Cấu tạo đơn bào hoặc đa bào**

**+ Cơ quan sinh sản : là đảm bào tử ( nhóm nấm đảm) , là túi bào tử ( nhóm nấm túi)**

**+ Có loại nấm ăn được ( nấm hương, mộc nhĩ, …); có loại nấm độc.**

**- Sự đa dạng của nấm còn thể hiện ở môi trường sống ( đất, rơm rạ, thức ăn, hoa quả, da …) chủ yếu là ẩm ướt.**

**TIẾT 3. II. VAI TRÒ CỦA NẤM**

**\*Hoạt động 4: Tìm hiểu vai trò của nấm trong tự nhiên và trong thực tiễn**

**a. Mục tiêu**: HS biết vai trò của nấm, biết các loại nấm có ích, nấm có hại, một số chế phẩm sinh học từ nấm.

**b. Nội dung: Quan sát hình 35.3; 35.4 nhóm 4 chuẩn bị bài thuyết trình**

**c. Sản phẩm: Bài thuyết trinh của học sinh**

**d. Cách thức tổ chức hoạt động**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GIÁO VIÊN** | **HOẠT ĐỘNG CỦA HỌC SINH** | |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập** | | |
| Kiểm tra sự chuẩn bị bài của các nhóm.  Cho các nhóm treo nội dung chuẩn bị lên các vị trí trong phòng học theo quy định. | Học sinh chuẩn bị nội dung đã được phân công chuẩn bị. | |
| **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập** | | |
| Gv lắng nghe các nhóm báo cáo , các nhóm khác đặt câu hỏi về nội dung thuyết trình. | Hs các nhóm cử các đại diện lên thuyết trinh .  Hs các nhóm khác đặt câu hỏi. | |
| **Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận** | | |
| Nhận xét câu trả lời.  Nhận xét cách trình bày của các nhóm | Nấm có vai trò phân huỷ xác sinh vật (thực vật, động vật), làm sạch môi trường.( trong tự nhiên)  Nấm được sử dụng làm thức ăn: nấm rơm, nấm hương, nấm mộc nhĩ,...  Nấm được sử dụng làm tác nhân lên men trong sản xuất rượu, bia, bánh mì, nấm men.  Nấm được sử dụng làm thực phẩm chức năng bổ dưỡng cho cơ thể: nấm linh chi, nấm vân chi.  Nấm được sử dụng làm thuốc trừ sâu sinh học: một số loài nấm có khả năng kí sinh trên cơ thể sâu làm ngừng trệ các quá trình sống của sâu. | |
| **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập** | | |
| GV tổng kết kiến thức  Bài tập: Kể tên 1 số nấm có vai trò trong thực tiễn | | Học sinh nghe |

**- NỘI DUNG KIẾN THỨC CẦN ĐẠT:**

**+ Vai trò của nấm trong tự nhiên.**

**+ Vai trò của nấm trong đời sống con người.**

**\* Hoạt động 5: Tìm hiểu một số bệnh do nấm gây ra.**

**a. Mục tiêu**: HS nhận biết một số bệnh do nấm gây ra ở người, nhận biết sự lây lan của bệnh và nêu một số biện pháp phòng, chống bệnh do nấm.

**b. Nội dung:** Hs tham gia trò chơi **“Bác sỹ tý hon”** để tìm hiểu các bênh do nấm gây ra.

**c. Sản phẩm:** Các câu trả lời của học sinh

**d. Cách thức tổ chức hoạt động**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GIÁO VIÊN** | **HOẠT ĐỘNG CỦA HỌC SINH** | |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập** | | |
| Phân công nhóm yêu thích bộ môn chuẩn bị nội dung các câu hỏi có liên quan đến các bệnh do nấm gây ra.  Phân công số HS còn lại trong lớp tìm hiểu thông tin về bênh do nấm và nội dung SGK | Học sinh chuẩn bị nội dung đã được phân công. | |
| **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập** | | |
| Gv quan sát Hs Tổ chức trò chơi. Giải quyết những thắc mắc nếu hs gặp vấn đề cần hỏi. | Hs giới thiệu luật chơi, các câu hỏi kèm hình ảnh về các bệnh do nấm.  Hs trả lời các câu hởi theo đội.  Đội nào trả lời nhanh hơn và đúng nhiều câu sẽ đạt điểm cao là thắng. | |
| **Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận** | | |
| Nhận xét câu trả lời.  Nhận xét cách tổ chức của HS. | - Các bệnh do nấm có biểu hiện như thế nào.  -Nấm mốc thường xuất hiện khi thời tiết ẩm.  -Một số con đường có thể làm lây truyền bệnh do nấm như:  + Tiếp xúc trực tiếp với đối tượng (như người haỵ vật nuôi) bị nhiễm nấm;  + Dùng chung đồ với người bị nhiễm nấm;  + Tiếp xúc với môi trường ô nhiễm; bụi, đất chứa nấm gây bệnh. | |
| **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập** | | |
| GV tổng kết kiến thức  GV hướng dẫn HS đọc thêm về nấm mốc và penicillin trong SGK. | | Học sinh nghe |

**NỘI DUNG KIẾN THỨC CẦN ĐẠT:**

**- Các bệnh do nấm gây ra và biểu hiện của bệnh**

**- Con đường lây nhiễm do nấm gây ra.**

**- Cách phòng tránh mắc các bệnh do nấm.**

+ Hạn chế tiếp xúc với mẩm bệnh, nguồn bệnh, đặc biệt nơi môi trường ẩm mốc;

+ Bảo hộ an toàn khi tiếp xúc với người bị nhiễm nấm hoặc khử trùng sau khi tiếp xúc với môi trường không an toàn với nấm mốc;

+ Không dùng chung đổ với người bị bệnh nấm, hoặc với người khác. Quần áo sau khi mặc cần được giặt ngay, tránh treo trên giá sau đó vài ngày đưa ra mặc lại;

+ Vệ sinh cơ thể đúng cách, đúng thời điểm, an toàn;

+ Vệ sinh môi trường sạch sẽ.

**TIẾT 4. III. KĨ THUẬT TRỒNG NẤM**

**\* Hoạt động 6: Tìm hiểu kĩ thuật trồng nấm rơm**

**a. Mục tiêu**: HS làm dự án ảo "Quỵ trình trồng nấm rơm"

**b. Nội dung:** Thiết kế các khâu trong quy trình bằng hình ảnh. Giải thích.

**c. Sản phẩm:** Sơ đồ quy trình trồng nấm có lời minh họa cho các hình ảnh.

**d. Cách thức tổ chức hoạt động**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GIÁO VIÊN** | **HOẠT ĐỘNG CỦA HỌC SINH** | |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập** | | |
| Gv giao nhiệm vụ cá nhân Hs tìm hiểu và làm dự án ảo ở nhà | Hs nhận thông tin yêu cầu của GV | |
| **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập** | | |
| Gv cung cấp và giúp đỡ HS các thông tin, nội dung cần thiết. | Hs đọc các thông tin trong SGK và sưu tầm hình ảnh video có liên quan đến trồng nấm rơm.  Sắp xếp thông tin và hình ảnh sao cho phù hợp và chinh xác. | |
| **Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận** | | |
| Nhận xét câu trả lời.  Nhận xét cách trình bày của các nhóm | -Trình bày các bước thực hiện dự án.  -Giải thích các thông tin: môi trường trồng nấm rơm vì sao không là đất?  -Trồng gần nơi chăn nuôi gia súc, gia cầm là đúng hay sai? | |
| **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập** | | |
| GV tổng kết kiến thức  \* Lưu ý môi trường trồng nấm rơm như thế nào là lý tưởng?  \* Nấm men được ứng dụng trong những lĩnh vực nào của đời sống con người? | | Học sinh nghe  Nấm men được dùng phổ biến trong nhiều lĩnh vực của đời sống như sản xuất bia, bánh mì, lên men rượu,...  -Trong sản xuất nước tương, nước mắm, có thêm thành phẩn nấm men được chiết xuất sẽ giúp làm dịu đi vị chát của muối và loại bỏ mùi tanh khó chịu của cá. Nước tương, nước mắm sẽ thơm ngon, tròn vị và rất đậm đà.  -Trong sản xuất mì gói: Nấm men khi dùng để ăn với mì gói sẽ tạo cảm giác tô mì thơm ngon, ngọt nước hơn.  -Trong sản xuất hạt nêm, nấm men được bổ sung từ 1 đến 5% giúp cho vị ngọt của đạm trong hạt nêm tăng lên đáng kể. Chiết xuất của nấm men còn có thêm chức năng làm tròn vị cho sản phẩm.  - Trong sản xuất các loại bánh, nấm men không thể thiếu trong quá trình lên men. Một lượng nấm men phù hợp làm bánh mì thơm ngon hơn. |

**- NỘI DUNG KIẾN THỨC CẦN ĐẠT:**

**+ Các bước của quy trình trồng nấm rơm ( 5 bước). Giải thích các bước.**

**+ Một số ứng dụng của nấm men trong 1 số lĩnh vực của đời sống con người.**

**C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP**

**a. Mục tiêu**: Ôn tập lại các kiến thức vừa được học

**b. Nội dung:** hệ thống câu hỏi ôn tập tự luận và trắc nghiệm

**c. Sản phẩm:** Các câu hỏi được trả lời

**d. Cách thức tổ chức hoạt động :** Vấn đáp học sinh hoặc hoạt động trò chơi.

**NỘI DUNG CÂU HỎI LUYỆN TẬP:**

1. Có thể dựa vào một số đặc điểm để phân biệt nấm đơn bào và nấm đa bào, nấm đảm và nấm túi, nấm độc và nấm không độc.

- Phân biệt nấm đảm và nấm túi: Dựa vào đặc điểm của cơ quan sinh sản của nấm, ta có thể phân biệt nấm đảm và nấm túi. Nấm đảm có đảm bào tử (ví dụ nấm hương). Nấm túi có túi bào tử (ví dụ nấm mốc).

- Phân biệt nấm ăn được và nấm không ăn được: Dựa vào đặc điểm cấu tạo câỵ nấm, ta có thể sơ bộ phân biệt nấm độc và nấm ăn được. Nấm có đủ các phẩn của thể quả (mũ, phiến nấm, cuống nấm, vòng cuống nấm và bao gốc nấm), đặc biệt là những loại nấm có đẩy đủ vòng cuống nấm, bao gốc nấm thường là nấm độc.

- Phân biệt nấm đơn bào và nấm đa bào: Dựa vào cấu tạo tế bào, ta có thể phân biệt nấm đơn bào và nấm đa bào. Cơ thể nấm đơn bào (ví dụ nấm men) chỉ có 1 tế bào. Nấm đa bào (ví dụ nấm mốc) có hệ sợi nấm được cấu tạo từ nhiều tế bào.

2. Nấm mốc thường xuất hiện khi thời tiết ẩm, nồm. Những vị trí dễ xuất hiện nấm mốc trong nhà: góc nhà ẩm, quần áo mặc dở treo lâu ngày, thức ăn để lâu không được bảo quản đúng cách.

3. Biện pháp phòng chống bệnh do nấm gây nên trên da người:

- Tránh tiếp xúc với nguồn bệnh;

- Vệ sinh cơ thể, rửa tay đúng thời điểm;

- Thay quần áo ngaỵ khi đi làm về hoặc ngay sau khi tiếp xúc với môi trường ô nhiễm, nghi ngờ có nguồn bệnh.

- Vệ sinh môi trường, giữ cho môi trường thông thoáng, sạch sẽ.

**D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG**

**a. Mục tiêu:** Vận dụng kiến thức đã học để gọi tên và nêu vai trò hay tác hại của các loại nấm có trong hình ảnh sau.

**b. Nội dung:**  Trò chơi : ai nhanh hơn hoặc trả lời câu hỏi trắc nghiệm

**c. Sản phẩm:** Ghép đươc tranh ảnh nấm với tên và vai trò (tác hại) của nấm đó, hoặc câu hỏi được trả lời

**d. Cách thức tổ chức hoạt động :** hoạt động nhóm hoặc hđ cá nhân

Cách 1: Trò chơi: Gv đưa ra các bức tranh, chia lớp thành 2 đội.

Đội 1: Chọn và ghép thành bức tranh gồm các loại nấm đảm

Đội 2: Chọn và ghép thành bức tranh gồm cácloại nấm túi.

Cách 2: Trả lời câu hỏi

**Câu 1:** Phân biệt nấm ăn được và nấm độc dựa vào đặc điểm nào?

(Nấm độc có vòng cuống nấm và bao gốc nấm)

**Câu 2:** Loại nấm nào sau đây được dùng trong sản xuất rượu bia, bánh mỳ.

1. Nấm rơm
2. Nấm hương
3. Nấm men
4. Nấm linh chi

**Câu 3:** Trong các nấm có tên sau nấm nào là nấm không ăn được?

1. Nấm đôc đỏ.
2. Nấm linh chi
3. Nấm hương
4. Mộc nhĩ đen.

**E. MỞ RỘNG – HƯỚNG DẪN VỀ NHÀ**

***Mở rộng***: Bảo quản thức ăn, thực phẩm như thế tránh bị nấm mốc?

* ***Phơi thật khô trước khi cất đi, để nơi khô ráo, thoang mát.***
* ***Thức ăn bảo quản lạnh hoặc ướp muối, hun khói…***

***Hướng dẫn về nhà:***

- Làm bài tập SBT.

- Đọc trước bài tiếp theo

**BÀI 29. THỰC VẬT**

(Thời gian thực hiện: 6 tiết)

**I. Mục tiêu**

***1. Kiến thức***

- Tìm hiểu về các nhóm thực vật

- Vai trò của thực vật trong tự nhiên

- Tìm hiểu vai trò của thực vật với vấn đề bảo vệ môi trường

- Tìm hiểu vai trò của thực vật trong đời sống

- Tìm hiểu các loại cây có hại cho sức khỏe con người

***2. Năng lực***

- Năng lực chung:

+ Tự chủ và tự học: Chủ động, tích cực thực hiện các nhiệm vụ của bản thân khi tìm hiểu về đa dạng thực vật và vai trò của thực vật

+ Giao tiếp và hợp tác: Tập hợp nhóm theo đúng yêu cầu, nhanh và đảm bảo trật tự; xác định nội dung hợp tác nhóm trao đổi về đặc điểm của các nhóm thực vật; vai trò của thực vật trong tự nhiên và trong đời sống; Thảo luận với các thành viên trong nhóm để hoàn thành nhiệm vụ học tập nhằm xác định sự đa dạng các nhóm thực vật tồn tại trong tự nhiên, hoàn thành sơ đồ thực vật với vấn đề bảo vệ môi trường; Nhận ra và điều chỉnh những hạn chế của bản thân khi tham gia thảo luận nhóm;

+ Giải quyết vấn đề và sáng tạo: Vận dụng linh hoạt các kiến thức, kĩ năng để vẽ sơ đồ phân biệt các nhóm thực vật trong tự nhiên; Giải thích được sự cần thiết của thực vật trong tự nhiên và trong đời sống.

- Năng lực khoa học tự nhiên

+ Nhận thức khoa học tự nhiên: Phân biệt được các nhóm thực vật trong tự nhiên dựa vào sơ đồ, hình ảnh và mẫu vật; thực vật không có mạch (Rêu); thực vật có mạch, không có hạt (Dương xỉ); thực vật có mạch, có hạt (Hạt trần); thực vật có mạch, có hạt, có hoa (Hạt kín);

+ Tìm hiểu tự nhiên: Trình bày được vai trò của thực vật trong đời sống và trong tự nhiên: làm thực phẩm, dược phẩm, đồ dùng,…; Nhận thức được vai trò của thực vật với vấn đề bảo vệ môi trường;

+ Vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học: Vẽ được sơ đồ các nhóm thực vật; Phân biệt các nhóm thực vật trong tự nhiên theo các tiêu chí phân loại đã học.

***3. Phẩm chất***

- Có niềm tin yêu khoa học;

- Quan tâm đến nhiệm vụ của nhóm;

- Có ý thức hoàn thành tốt các nội dung thảo luận trong bài học;

- Luôn cố gắng vươn lên trong học tập;

- Có ý thức tìm hiểu và bảo vệ thế giới tự nhiên, bảo vệ cây xanh, trồng cây gây rừng.

**II. Thiết bị dạy học và học liệu**

- Clip (ghép ảnh) giới thiệu về các loại thực vật trong các môi trường sống khác nhau.

- Máy chiếu, laptop

- Giấy A3, bút dạ nhiều màu

- Phiếu học tập

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **PHIẾU HỌC TẬP SỐ 1**  NHÓM:…….. | | |
| Nhóm thực vật | Đại diện | Đặc điểm |
| Rêu |  |  |
| Dương xỉ |  |  |
| Hạt trần |  |  |
| Hạt kín |  |  |

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **PHIẾU HỌC TẬP SỐ 2**  NHÓM:…….. | | | | | | |
| Tên cây | Giá trị sử dụng | | | | | |
| Làm lương thực | Làm thực phẩm | Làm thuốc | Lấy quả | Lấy gỗ | Làm cảnh |
| Cây ngô |  |  |  |  |  |  |
| Cây xoài |  |  |  |  |  |  |
| Cây đu đủ |  |  |  |  |  |  |
| Cây chè |  |  |  |  |  |  |
| Cây cau |  |  |  |  |  |  |
| Cây dừa |  |  |  |  |  |  |
| Cây mít |  |  |  |  |  |  |
| Cây diếp cá |  |  |  |  |  |  |
| Cây thông |  |  |  |  |  |  |

|  |  |
| --- | --- |
| **PHIẾU HỌC TẬP SỐ 3**  NHÓM:…….. | |
| Tên cây | Môi trường sống |
| Cây rêu |  |
| Cây dương xỉ |  |
| Cây thông |  |
| Cây xương rồng |  |
| Cây phong lan |  |
| Cây ổi |  |
| Câu hỏi:  Câu 1. Dựa vào đặc điểm của các nhóm thực vật, hãy xây dựng khóa lưỡng phân.  Câu 2. Điều gì xảy ra với các sinh vật trong chuỗi thức ăn nếu số lượng loài thực vật bị giảm đi đáng kể.  Câu 3. Việc trồng nhiều cây xanh có lợi ích gì đối với vấn đề bảo vệ môi trường.  Câu 4. Tại sao nói “Rừng là lá phổi xanh” của Trái Đất? | |

**III. Tiến trình dạy học**

***A. Khởi động***

***Hoạt động: Chơi trò chơi “Nhanh tay – Nhanh mắt”***

a. Mục tiêu: Tạo ra cho học sinh hứng thú để học sinh tìm hiểu về sự đa dạng của giới thực vật.

b. Nội dung: GV tổ chức cho học sinh xem clip giới thiệu về các loại thực vật, HS xem video

c. Sản phẩm: Tên các loài thực vật có trên video.

d. Tổ chức thực hiện

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV** | **Hoạt động của học sinh** |
| ***- Thông báo luật chơi:*** Quan sát clip để trả lời câu hỏi. Kể tên các loại thực vật có trong video. | - Ghi nhớ luật chơi |
| ***- Giao nhiệm vụ:***  ***+*** Quan sát hình ảnh trong video  + Viết tên các loài thực vật có trong video.  + Kết thúc video, HS các tổ luân phiên nhau viết tên các loài thực vật lên bảng trong 5 phút  + Nhóm chiến thắng là nhóm trong 5 phút viết chính xác được nhiều nhất tên loài thực vật trongg video | - Nhận nhiệm vụ |
| ***- Hướng dẫn học sinh thực hiện nhiệm vụ:***  ***+*** Chiếu video để HS quan sát  + HS tiếp sức nhau để viết tên các loài thực vật trên bảng. | - Thực hiện nhiệm vụ |
| ***- Đánh giá nhóm thắng cuộc*** | - Hoàn thành nhiệm vụ vào vở ghi |
| ***- Chốt lại và đặt vấn đề vào bài:*** Tên các loài cây trên bảng là các loài thực vật. Vậy các loài thực vật được phân loại ra sao? Nó có vai trò và ý nghĩa gì đối với tự nhiên và con người? | - Chuẩn bị sách vở học bài |

***B. Hình hành kiến thức mới***

**1. ĐA DẠNG THỰC VẬT**

***Tiết 1. Hoạt động 2: Tìm hiểu các nhóm thực vật***

a. Mục tiêu: Tìm hiểu đặc điểm của các nhóm thực vật và phân biệt các nhóm với nhau.

b. Nội dung: GV tổ chức cho học sinh hoạt động nhóm để làm rõ mục tiêu trên.

c. Sản phẩm: phiếu học tập số 1 của học sinh

d. Tổ chức thực hiện

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV** | **Hoạt động của học sinh** |
| ***- Giao nhiệm vụ:*** Quan sát hình 36.1 hoạt động nhóm hoàn thành phiếu học tập số 1. | - Nhận nhiệm vụ |
| ***- Hướng dẫn học sinh thực hiện nhiệm vụ:***  ***+*** Mỗi bàn có 2 bạn sẽ ghép thành 1 cặp đôi, thảo luận và hoàn thành phiếu học tập số 1. Sau khi thảo luận xong, nhóm nào xung phong trình bày có chất lượng tốt sẽ được tặng điểm | - Thực hiện nhiệm vụ thảo luận đôi hoàn thành phiếu học tập số 1 |
| ***- Báo cáo kết quả:***  ***+*** Chọn 1 cặp đôi lên bảng trình bày kết quả  + Mời nhóm khác nhận xét  + GV nhận xét sau khi các nhóm đã có ý kiến nhận xét bổ sung | - Nhóm được chọn trình bày kết quả  - Nhóm khác nhận xét |
| ***- Tổng kết***  + Tổng hợp để đi đến đặc điểm của các nhóm thực vật và phân biệt các nhóm với nhau. | - Kết luận đặc điểm của các nhóm thực vật và phân biệt các nhóm với nhau.  - Ghi kết luận vào vở |

***Đáp án phiếu học tập***

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| Nhóm thực vật | Đại diện | Đặc điểm |
| Rêu | Cây rêu tường | Thường mọc thành từng thảm; cây chưa có rễ chính thức, chưa có mạch dẫn. |
| Dương xỉ | Cây dương xỉ | Tổ chức cơ thể gồm rễ, thân, lá; có hệ mạch dẫn (vận chuyển các chất trong cây); sinh sản bằng bào tử. |
| Hạt trần | Cây thông | Sống trên cạn; cấu tạo phức tạp: thân gỗ, có mạch dẫn trong thân, hạt nằm lộ trên noãn (gọi là hạt trần), chưa có hoa và quả; cơ quan sinh sản là nón. |
| Hạt kín | Cây lúa, cây táo | Các cơ quan rễ, thân, lá biến đổi đa dạng; thân có hệ mạch dẫn hoàn thiện; cơ quan sinh sản là hoa; hạt được bảo vệ trong quả. |

**2. VAI TRÒ CỦA THỰC VẬT**

***Tiết 2. Hoạt động 3: Tìm hiểu vai trò của thực vật trong tự nhiên***

a. Mục tiêu: học sinh nêu được các vai trò của thực vật trong tự nhiên: là thức ăn, nơi ở cho nhiều loài sinh vật.

b. Nội dung: GV sử dụng kĩ thuật “mảnh ghép” tổ chức cho học sinh quan sát hình ảnh, tổ chức hoạt động nhóm 4 để ghép được vai trò của thực vật trong tự nhiên.

c. Sản phẩm: Mảnh ghép tổng thể

d. Tổ chức thực hiện

|  |  |
| --- | --- |
| Hoạt động của GV | Hoạt động của học sinh |
| ***- Giao nhiệm vụ:***  + Một tờ giấy A3 được chia thành 4 phần và 1 vòng tròn ở giữa, mỗi bạn sử dụng 1 góc, mỗi góc ghi tên các loài thực vật và các loài động vật.  + Mỗi nhóm phân công 1 bạn quan sát và ghi các sinh vật trong nhóm các bạn đã ghi thành các chuỗi thức ăn vào vòng tròn giữa tờ giấy A3  + Thời gian thực hiện nhiệm vụ là 3 phút. Sau khi thực hiện xong các nhóm đổi chéo để chấm điểm | - Nhận nhiệm vụ |
| ***- Hướng dẫn học sinh thực hiện nhiệm vụ:***  ***+*** GV quan sát, hỗ trợ khi cần thiết | - Phân công nhiệm vụ các thành viên trong nhóm, tiến hành thực hiện nhiệm vụ |
| ***- Báo cáo kết quả:***  - Mời 1 nhóm lên bảng trình bày kết quả. Các nhóm khác đổi chéo cho nhau để chấm điểm sau khi GV cho đáp án  - Mời nhóm khác nhận xét  - GV lựa chọn 1 chuỗi thức ăn phổ biến nhất và phân tích cho HS. | - Nhóm được chọn trình bày kết quả  - Nhóm khác nhận xét |
| ***- Đánh giá***  + Mỗi chuỗi thức ăn đúng sẽ được 1 điểm  + Yêu cầu học sinh chấm điểm cho các nhóm  + GV thu phiếu học tập để kiểm tra xem các nhóm chấm đúng hay không và lấy điểm | - Các nhóm chấm điểm cho nhóm bạn, báo cáo điểm nhóm bạn |
| ***- Tổng kết:*** Yêu cầu học sinh kết luận về vai trò của thực vật trong tự nhiên. Lấy ví dụ về 1 chuỗi thức ăn và phân tích.  🡪 Thực vật có vai trò quan trọng trong tự nhiên. Thực vật  + Là thức ăn cho nhiều loài động vật trong tự nhiên. Nếu không có thực vật, các mắt xích thức ăn phía sau không thể tồn tại.  + Là nơi ở của động vật  + là nơi sinh sản cảu động vật | - Kết luận về vai trò của khoa học tự nhiên  - Ghi kết luận vào vở |

***Tiết 3. Hoạt động 4. Tìm hiểu vai trò của thực vật với vấn đề bảo vệ môi trường***

a. Mục tiêu: học sinh nêu được các vai trò của thực vật với vấn đề bảo vệ môi trường như: cân bằng hàm lượng khí carbon dioxide và oxygen trong không khí; giữ đất, giữ nước, hạn chế xói mòn, sạt lở.

b. Nội dung: GV sử dụng kĩ thuật KWL yêu cầu HS đưa ra những hiểu biết về nguồn tạo ra khí oxygen và nguồn hấp thụ khí carbon dioxide trong không khí, nơi đồi núi có rừng và không có rừng; hậu quả sau mưa lũ ở những nơi diện tích rừng bị thu hẹp;...

c. Sản phẩm: Câu trả lời các câu hỏi thảo luận trong sgk

d. Tổ chức thực hiện

|  |  |
| --- | --- |
| Hoạt động của GV | Hoạt động của học sinh |
| ***- Giao nhiệm vụ:***  GV yêu cầu HS thảo luận nhóm 2 bạn gần nhau nghiên cứu và trả lời các câu hỏi trong sgk | - Nhận nhiệm vụ |
| ***- Hướng dẫn học sinh thực hiện nhiệm vụ:***  ***+*** GV quan sát, hỗ trợ khi cần thiết | - Phân công nhiệm vụ, tiến hành thực hiện nhiệm vụ |
| ***- Báo cáo kết quả:***  - Mời 1 nhóm lên bảng trình bày kết quả.  - Mời nhóm khác nhận xét  - GV đưa ra thêm một số câu hỏi gợi mở. | - Nhóm được chọn trình bày kết quả  - Nhóm khác nhận xét |
| ***- Đánh giá***  + Đánh giá giữa các nhóm HS  + Đánh giá của GV | - Các nhóm chấm điểm cho nhóm bạn |
| ***- Tổng kết:*** Yêu cầu học sinh kết luận về vai trò của thực vật với vấn đề bảo vệ môi trường.  🡪 Thực vật có vai trò quan trọng với vấn đề bảo vệ môi trường.  - Thực vật quang hợp sẽ lấy khí carbon dioxide để tổng hợp chất hữu cơ đổng thời giải phóng khí oxygen vào không khí.  - Động vật và con người sử dụng khí oxỵgen cho hô hấp đổng thời giải phóng khí carbon dioxide vào trong khí quyển.  - Quá trình lặp đi lặp lại tuần hoàn sẽ làm cân bằng hàm lượng khí oxygen và carbon dioxide trong không khí.  - Trên thực tế hàm lượng khí carbon dioxide và oxygen trong không khí không cân bằng do cây xanh bị chặt phá nhiều, ô nhiễm môi trường không khí, hàm lượng khí thải carbon dioxide tăng cao trong khi lượng thực vật không đủ để làm cân bằng lượng khí này. | - Kết luận về vai trò của thực vật với vấn đề bảo vệ môi trường.  - Ghi kết luận vào vở |

***Tiết 4. Hoạt động 5. Tìm hiểu vai trò của thực vật trong đời sống***

a. Mục tiêu: tìm hiểu vai trò của thực vật đối với con người; xác định được các nhóm thực vật mang lại những giá trị lợi ích khác nhau như: làm thức ăn, làm cảnh, làm thuốc,...

b. Nội dung: GV sử dụng phương pháp trò chơi, cho HS tham gia trò chơi Những mảnh ghép hoàn hảo về các loại cây và vai trò của chúng, sau đó hướng dẫn HS thực hiện các yêu cầu hoạt động trong SGK.

c. Sản phẩm: Phiếu học tập số 2

d. Tổ chức thực hiện

|  |  |
| --- | --- |
| Hoạt động của GV | Hoạt động của học sinh |
| ***- Giao nhiệm vụ:***  Yêu cầu HS thảo luận nhóm hoàn thành phiếu học tập số 2 | - Nhận nhiệm vụ |
| ***- Hướng dẫn học sinh thực hiện nhiệm vụ:***  ***+*** GV quan sát, hỗ trợ khi cần thiết | - Phân công nhiệm vụ các thành viên trong nhóm, tiến hành thực hiện nhiệm vụ |
| ***- Báo cáo kết quả:***  - Mời 1 nhóm lên bảng trình bày kết quả. Các nhóm khác đổi chéo cho nhau để chấm điểm sau khi GV cho đáp án  - Mời nhóm khác nhận xét | - Nhóm được chọn trình bày kết quả  - Nhóm khác nhận xét |
| ***- Đánh giá***  + Yêu cầu học sinh chấm điểm cho các nhóm  + GV thu phiếu học tập để kiểm tra xem các nhóm chấm đúng hay không và lấy điểm | - Các nhóm chấm điểm cho nhóm bạn, báo cáo điểm nhóm bạn |
| ***- Tổng kết:*** Yêu cầu học sinh kết luận về vai trò của thực vật với đời sống con người. Cho ví dụ minh họa.  🡪 Đối với đời sống con người, thực vật:  - Cung cấp lương thực, thực phẩm và cây ăn quả: bẩu, su hào, sắn,...  - Cung cấp dược liệu (làm thuốc): tía tô, cơm nguội,...  - Cung cấp nguyên liệu cho công nghiệp: cà phê, ca cao,...  - Cung cấp gỗ: lim, táu, sến,...  - Cung cấp cây cảnh: tùng, vạn tuế, đa, si,... | - Kết luận về vai trò của thực vật với đời sống con người.  - Ghi kết luận vào vở |

***Tiết 5. Hoạt động 6: Luyện tập***

a. Mục tiêu: học sinh sử dụng kiến thức đã học trả lời các câu hỏi trong SGK

b. Nội dung: Hs làm poster để trả lời câu hỏi: Em hãy trình bày vai trò của thực vật.

c. Sản phẩm: Bảng poster

d. Tổ chức thực hiện

|  |  |
| --- | --- |
| Hoạt động của GV | Hoạt động của học sinh |
| ***- Giao nhiệm vụ:***  + Mỗi nhóm 4 bạn, vẽ poster trả lời câu hỏi: Em hãy trình bày vai trò của thực vật | - Nhận nhiệm vụ |
| ***- Hướng dẫn học sinh thực hiện nhiệm vụ:*** GV quan sát, hỗ trợ khi cần thiết | - Làm poster |
| ***- Báo cáo kết quả:***  + Các nhóm treo poster lên bảng. GV đánh giá 1 số nhóm | - Theo dõi đánh giá của giáo viên |
| ***- Tổng kết:***  + Đánh giá được nhóm nào trình bày được nhiều vai trò của thực vật nhất  + Nhóm trình bày sáng tạo nhất  + Nhóm được nhiều người yêu thích nhất. | - HS tự đánh giá và đánh giá nhóm  - Học sinh lắng nghe |

***Hoạt động 7: Vận dụng***

a. Mục tiêu: Học sinh vận dụng kiến thức đã học trả lời các câu hỏi thực tế

b. Nội dung: Dùng phiếu học tập trả lời các câu hỏi về hệ thống tưới nước tự động trong sách giáo khoa

c. Sản phẩm: Phiếu học tập số 3

d. Tổ chức thực hiện

|  |  |
| --- | --- |
| Hoạt động của GV | Hoạt động của học sinh |
| ***- Giao nhiệm vụ:***  + Thảo luận theo tổ để hoàn thành phiếu học tập số 3. | - Nhận nhiệm vụ |
| ***- Hướng dẫn học sinh thực hiện nhiệm vụ:***  ***+*** Thực hiện tại nhà, GV đưa ra hướng dẫn cần thiết | - Thực hiện nhiệm vụ ở nhà |
| ***- Báo cáo kết quả:***  + Tiết học tiếp theo nộp phiếu trả lời cho GV |  |
| ***- Tổng kết:***  + Thực hiện ở tiết thứ 5  + Tổng kết lại nội dung kiến thức về giới thực vật bằng sơ đồ. | - Học sinh lắng nghe  - Theo dõi đánh giá của giáo viên và HS |

***C. Dặn dò***

- Học sinh làm bài tập SGK, SBT

- Chuẩn bị bài mới trước khi lên lớp

***D. Kiểm tra đánh giá thường xuyên***

- Kết thúc bài học, Gv cho học sinh tự đánh giá theo bảng sau

Họ và tên học sinh

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| Các tiêu chí | Tốt | Khá | TB | Chưa đạt |
| Chuẩn bị bài trước khi đến lớp |  |  |  |  |
| Tham gia hoạt động nhóm theo yêu cầu của GV |  |  |  |  |
| Nêu được các nhóm thực vật, đại diện và đặc điểm của các nhóm thực vật |  |  |  |  |
| Nêu được vai trò của thực vật |  |  |  |  |

**BÀI 30. THỰC HÀNH PHÂN LOẠI THỰC VẬT**

**(Thời gian thực hiện 2 tiết)**

**I. MỤC TIÊU:**

**1. Kiến thức:**

- Phân loại được các mẫu vật và phân chia chúng vào các nhóm thực vật theo các tiêu chí phân loại đã học.

**2. Năng lực:**

a. Năng lực chung:

- Tự chủ và tự học: Chủ động, tích cực thực hiện các nhiệm vụ của bản thân tìm hiểu các nhóm thực vật xung quanh;

- Giao tiếp và hợp tác: Chủ động, gương mẫu, phối hợp các thành viên trong nhóm hoàn thành các nội dung về mô tả đặc điểm đại diện các nhóm thực vật; Vẽ được sơ đồ khoá lưỡng phân biểu diễn kết quả; Đánh giá kết quả đạt được của nhóm để nhận thấy thực vật đa dạng xung quanh ta;

- Giải quyết vấn đề và sáng tạo: Vận dụng linh hoạt các kiến thức, kĩ năng nhận dạng đặc điểm các đại diện thực vật và xây dựng tiêu chí phân loại nhóm; Viết báo cáo, trình bày và thảo luận về khoá lưỡng phân.

b. Năng lực khoa học tự nhiên:

- Nhận thức khoa học tự nhiên: Phân biệt được các nhóm thực vật trong vườn trường hoặc ở địa phương;

- Tim hiểu tự nhiên: Sưu tầm được các mẫu vật thực vật trong vườn trường, địa phương, trong thành phố,...

- Vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học: Thực hành phân loại được các mẫu vật và phân chia chúng vào các nhóm thực vật theo các tiêu chí phân loại.

3. Phẩm chất:

- Khách quan, trung thực, có trách nhiệm trong buổi thực hành;

- Kiên trì, tỉ mỉ, cẩn thận trong quá trình quan sát, thực hiện các nhiệm vụ học tập vận dụng, mở rộng;

- Ham học hỏi, khám phá sự đa dạng trong thế giới thực vật;

- Có ý thức sẵn sàng tham gia các hoạt động tuyên truyền bảo vệ môi trường, bảo vệ cây xanh trong vườn trường và khu dân cư.

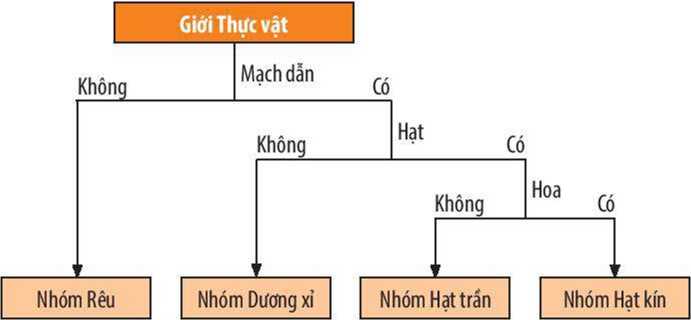
**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

- Gv: Dụng cụ: kính lúp, kéo, bút chì, nhãn dán, bảng phụ….Máy chiếu…

+ Phiếu học tập 1:

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| TT | Nhóm thực vật | Đại diện | Đặc điểm | Nơi sống |
|  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |

+ Phiếu học tập 2:



…………………………………………..

…………………………………………..

…………………………………………..

…………………………………………..

* + - 1. Hs: Ôn lại đặc điểm của các nhóm thực vật: Rêu, Dương xỉ, Hạt trần, Hạt kín;

+ Sưu tầm tranh/ ảnh đại diện các nhóm thưc vật

+ Mẫu vật: Thực vật có ở địa phương, đủ các đại diện thuộc các nhóm: Rêu, Dương xỉ, Hạt trần, Hạt kín.

**III.** **TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**A. Khởi động:**

**Hoạt động 1: Tập làm nhà phân loại thực vật**

**a. Mục tiêu:** Tạo tâm thế hứng thú cho học sinh và từng bước làm quen với cách phân loại thực vật.

**b. Nội dung:** HS hoạt động nhóm: quan sát một số mẫu thực vật chia chúng thành các nhóm khác nhau.

**c. Sản phẩm học tập:** Mẫu vật được các nhóm phân chia, câu trả lời của Hs

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GIÁO VIÊN** | **HOẠT ĐỘNG CỦA HỌC SINH** |
| **Chuyển giao nhiệm vụ học tập:**  - GV chia lớp thành 4 nhóm (5 - 6 HS)  - Quan sát mẫu thực vật của nhóm đã chuẩn bị. Căn cứ vào đặc điểm của loại mẫu vật phân chia chúng thành các nhóm khác nhau. | - HS nhận nhiệm vụ |
| **Hướng dẫn HS thực hiện nhiệm vụ:**  **-** HS thực hiện việc phân chia mẫu thực vật thành các nhóm khác nhau | - HS thực hiện phân chia mẫu thực vật thành các nhóm khác nhau |
| **Báo cáo kết quả phân chia thực vật**  GV yêu cầu đại diện nhóm báo cáo kết phân loại | - Đại diện nhóm báo cáo nhanh kết quả |
| **Tổng kết:**  - GV ghi nhận kết quả phân loại thực vật của các nhóm( GV không đánh giá hay nhận xét kết quả phân loại của các nhóm là đúng hay sai)  **- CH1**? Nhóm em đã căn cứ vào đặc điểm nào để phân chia thực vật vào các nhóm?  GV Việc phân chia thực vật của các nhóm đã thực hiện đúng hay chưa? Bài học hôm nay sẽ giúp các em thực hiện việc đó. | HS độc lập trả lời  HS theo dõi |

**B. Hình Thành kiến thức**

**Tiết 1. Hoạt động 2: Thực hành phân loại các nhóm thực vật**

**a. Mục tiêu:** Phân loại được các mẫu vật và phân chia chúng vào các nhóm thực vật theo các tiêu chí phân loại đã học

**b. Nội dung:** HS hoạt động nhóm: sưu tầm và phân loại một số tranh/ ảnh hoặc mẫu thực vật hoàn thành phiếu học tập 1, 2.

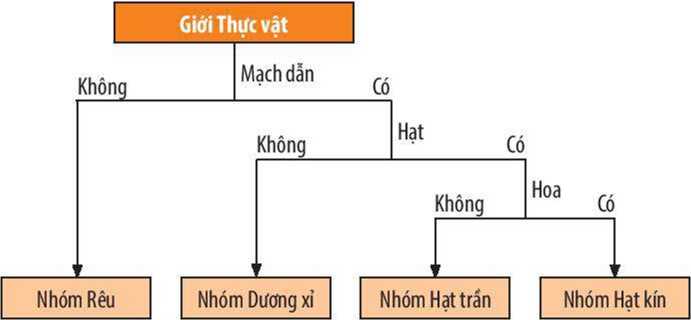
**c. Sản phẩm:** phiếu học tập 1, 2

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GIÁO VIÊN** | **HOẠT ĐỘNG CỦA HỌC SINH** |
| **Chuyển giao nhiệm vụ học tập:**  - Chia lớp thành 4 nhóm ( mỗi nhóm từ 5 – 6 HS)  - GV yêu cầu HS quan sát H 30.1, mẫu vật. Xác định đặc điểm đặc trưng của mẫu vật theo các bước:  + Bước 1: Quan sát và xác định đặc điểm đặc trưng của mẫu vật: rễ, thân, lá, hoa, quả.  + Bước 2: Phân loại mẫu vật, tranh/ ảnh theo nhóm  + Bước 3: Xây dựng sơ đồ khóa lưỡng phân | - HS nhận nhiệm vụ |
| **Hướng dẫn thực hiện nhiệm vụ:**  - Các nhóm HS tiến hành quan sát các mẫu vật, tranh/ ảnh của nhóm đã chuẩn bị, dựa vào đặc điểm đặc trưng phân chia mẫu theo nhóm  🡪 Hoàn thành phiếu học tập 1  - GV quan sát, hỗ trợ nhóm yếu khi cần thiết | - HS thảo luận nhóm, hoàn thành nội dung phiếu học tập |
| **Báo cáo kết quả**  - GV yêu cầu đại diện nhóm trình bày nội thảo luận của nhóm mình  - GV yêu cầu các nhóm khác nhận xét, bổ sung  - HS có thể đặt câu hỏi đối với nội dung của nhóm đã trình bày. | **-** Đại diện nhóm nhóm trình bày, các nhóm khác nx, bs  - Các nhóm được đặt câu hỏi có ý kiến phản hồi ( nếu có) |
| **Tổng kết:**  - GV nhận xét kết quả thực hiện nhiệm vụ của từng nhóm  🡪 Chốt lại kiến thức: phiếu học tập 1  - GV kẻ bảng sơ đồ khoa lưỡng phân chưa có tên các loài TV lên bảng và yêu cầu 4 HS lên điền tên cây vào sơ đồ khóa lưỡng phân | - HS lắng nghe  - 4 HS lên bảng hoàn thành sơ đồ. |

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| TT | Nhóm thực vật | Đại diện  ( Dán tranh) | Đặc điểm | Nơi sống | Ghi chú |
| 1 | Nhóm rêu | Cây rêu | cây chưa có rễ chính thức, **chưa có mạch dẫn.** Sinh sản bằng bào tử ( tíu bào tử nằm ở ngọn cây rêu) | Nơi ẩm ướt: tường, thân cây mục, |  |
| 2 | Nhóm Dương xỉ | Cây dương xỉ | Có rễ, thân, lá đẩy đủ**, có hệ mạch dẫn**, **không có hạt**. Sinh sản bằng bào tử (các túi bào tử nằm mặt sau lá). | trên cạn, dưới tán cây, dưới nước. |  |
| 3 | Nhóm Hạt trần | Cây thông ba lá, Cây vạn tuế | cấu tạo phức tạp: thân gỗ, có mạch dẫn, **có hạt nằm lộ trên noãn** (gọi là hạt trần), **chưa có hoa và quả; cơ quan sinh sản là nón.** | Trên cạn, vùng lạnh |  |
| 4 | Nhóm Hạt kín | - Hoa ti gôn, Lúa, Hành, Dâu tằm, Dưa leo, Hoa quỳnh, Dây tơ hồng, cây bắt ruồi | Các cơ quan rễ, thân, lá biến đổi đa dạng; thân có hệ mạch dẫn hoàn thiện; **cơ quan sinh sản là hoa; hạt được bảo vệ trong quả.** | sống ở nhiều nơi khác nhau | * Dây tơ hồng – sống kí sinh * Cây bắt ruồi – có lá biến dạng thành kẹp để bắt mồi. |

Sơ đồ khóa lưỡng phân các nhóm thực vật



**Cây thông ba lá**

**Cây rêu**

**Dương xỉ**

**Cây lúa, hoa ti gô, , bèo tấm….**

|  |  |
| --- | --- |
| - GV quay trở lại vấn đề được đặt ra ở phần “khởi động”  - GV yêu cầu các nhóm kiểm tra và báo cáo lại cho GV số mẫu vật đã phân loại ban đầu của nhóm mình đã đúng chưa?  - GV nếu chưa đúng thì yêu cầu nhóm phân loại lại.  - GV quan sát các nhóm, giúp đỡ nhóm yếu. | - HS kiểm tra và báo cáo kết quả phân loại mẫu thực vật ban đầu. |

**Tiết 2. Hoạt động 3: Báo cáo kết quả thực hành**

**a. Mục tiêu:** Báo cáo kết quả thực hành

**b. Nội dung:** HS làm bộ sư tập tranh về các nhóm thực vật và hoàn thành sơ đồ khóa lưỡng phân phân loại các nhóm thực vật đã quan sát trong bài thực hành.

**c. Sản phẩm:** Bộ sưu tập tranh các nhóm thực vật và sơ đồ phân loại các nhóm thực vật trên giấy A0

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GIÁO VIÊN** | **HOẠT ĐỘNG CỦA HỌC SINH** |
| **Chuyển giao nhiệm vụ học tập:**  - GV yêu cầu các nhóm HS hoàn thiện bài báo cáo trên giấy A0 ( thực hiện ở nhà)  + Làm bộ sưu tập tranh về các nhóm thực vật  + Xây dựng sơ đồ khóa lưỡng phân phân loại các nhóm thực vật đã được quan sát và phân loại trong bài thực hành. | - HS nhận nhiệm vụ |
| **Hướng dẫn HS thực hiện nhiệm vụ:**  - Chia lớp thành 4 nhóm ( mỗi nhóm từ 5 – 6 HS)  - HS dán các tranh/ ảnh sưu tầm đã được phân loại theo nhóm thực vật lên giấy A0 --- > làm bộ sưu tập  - Viết sơ đồ khóa lưỡng phân ghi tên thực vật đã được phân loại theo nhóm thực vật lên giấy A0 | - HS thảo luận nhóm, hoàn thành nội dung phiếu học tập |
| **Báo cáo kết quả:**  - GV yêu cầu đại diện nhóm báo cáo kết quả của nhóm mình bảng trình bày nội dung thảo luận của nhóm mình  - GV yêu cầu các nhóm khác nhận xét, bổ sung  - HS có thể đặt câu hỏi đối với nội dung của nhóm đã trình bày.  - GV theo dõi và giúp đỡ nhóm gặp khó khăn | **-** Đại diện nhóm lần lượt trình bày, các nhóm khác nx, bs  - Các nhóm được đặt câu hỏi có ý kiến phản hồi ( nếu có) |
| **Tổng kết:**  - GV nhận xét đánh giá kết quả báo cáo của nhóm.  - GV yêu cầu cá nhân HS hoàn thành báo cáo thực hành theo mẫu SGK/139 và nộp lại cho GV vào tiết sau. | - HS lắng nghe  -HS hoàn thiện báo cáo thực hành tiết sau nộp. |

**4. Hoạt động 3: Luyện tập**

**a. Mục tiêu:** Củng cố về cách phân loại được thực vật vào các nhóm thực vật theo các tiêu chí phân loại đã học.

**b. Nội dung:** Cá nhân HS trả lời một câu hỏi. Nhóm thảo luận trả lời một câu hỏi.

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời của HS

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GIÁO VIÊN** | **HOẠT ĐỘNG CỦA HỌC SINH** |
| **Chuyển giao nhiệm vụ học tập:**  - GV yêu cầu cá nhân HS trả lời câu hỏi sau:  - CH 2? Trong các nhóm sinh vật trên, nhóm nào đa dạng nhất?  - GV chia lớp thành 4 nhóm ( mỗi nhóm từ 5 – 6 HS) yêu cầu thảo luận làm bài tập sau vào bảng phụ:  - CH 3? Hãy xây dựng khoá lưỡng phân cho các thực vật sau: cây hoa phượng, cây hoa mười giờ, cây hoa hồng gai, cây thông. | - HS nhận nhiệm vụ |
| **Hướng dẫn HS thực hiện nhiệm vụ:**  - GV yêu cầu HS độc lập suy nghĩ, trả lời CH1  - Chia lớp thành 4 nhóm ( mỗi nhóm từ 5 – 6 HS), thảo luận trả lời CH3 .  - GV? Tìm ra các đặc điểm đối lập ở các thực vật trên? (Có gai, có hoa, thân gỗ) | - HS độc lập suy nghĩ tìm câu trả lời  - HS thảo luận nhóm, hoàn thành nội dung vào bảng phụ |
| **Báo cáo kết quả:**  - GV yêu cầu cá nhân HS trả lời CH 1.  - GV yêu cầu các nhóm treo kết quả CH 2.  - GV yêu cầu các nhóm nhận xét, bổ sung. | - 3 - 4 HS trả lời  **-** Đại diện nhóm treo kết quả, các nhóm khác nx, bs |
| **Tổng kết: Chốt lại kiến thức:**  - CH 2? Trong các nhóm thực vật trên, thực vật hạt kín đa dạng nhất, chiếm ưu thế khắp các dạng môi trường sống và trở thành nhóm chiếm ưu thế nhất trong giới thực vật.  - CH 3? Thân cây có gai: cây hoa hồng gai  + Có hoa: phượng, mười giờ; không có hoa: thông  + Thân gỗ: phượng; không thân gỗ: hoa mười giờ | - HS lắng nghe |

**5. Hoạt động 4. Vận dụng**

**a. Mục tiêu:** Củng cố và mở rộng kiến thức về thực vật

**b. Nội dung:** Cá nhân HS tìm hiểu qua internet, sách, báo trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời của HS

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GIÁO VIÊN** | **HOẠT ĐỘNG CỦA HỌC SINH** |
| **Chuyển giao nhiệm vụ học tập:**  - GV yêu cầu cá nhân HS làm bài tập sau: Hãy tìm xung quanh em một số thực vật có rễ, thân, lá biến dạng? | - HS nhận nhiệm vụ |
| **Hướng dẫn HS thực hiện nhiệm vụ:**  - GV yêu cầu HS độc lập suy nghĩ, làm bài tập  (thực hiện nhiệm vụ ở nhà) | - HS độc lập suy nghĩ làm bài tập được giao về nhà |
| **Báo cáo kết quả:**  - GV yêu cầu HS tiết sau nộp bài | - Tiết sau HS nộp bài |
| **Tổng kết: Chốt lại kiến thức:**  - Bài tập Hãy tìm xung quanh em một số thực vật có rễ, thân, lá biến dạng?  + Củ sắn, cà rốt, khoai lang (có rễ củ); Cây trẩu không, cây vạn niên thanh (có rễ móc); Vẹt, sú (có rễ thở); Cày tẩm gửi, dây tơ hóng (có rễ biến thành giác mút đâm vào ây khác để hút thức  + Cây hành, tỏi (có lá biến thành cơ quan dự trữ chất dinh dưỡng); cây xương rống (có lá biến thành gai); Cây dong ta (có lá biến thành vảy)   * Cây su hào, cây khoai tây (có thân củ); Cây dong ta, cây gừng (có thân rễ); Cây xương róng (có thân mọng nước) |  |

**C. Dặn dò:**

- Cá nhân HS hoàn thiện báo cáo thực hành làm hồ sơ học tập.

- Chuẩn bị bài mới trước khi đến lớp.

**D. Kiểm tra, đánh giá thường xuyên**

**Phiếu đánh giá năng lực thực hành**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| Họ và tên ……………………………………………………………..  Lớp 6:………………… |  |  |
| **Các tiêu chí** | **Có** | **Không** |
| 1. Chuẩn bị mẫu vật, dụng cụ đạt yêu cầu của bài thực hành |  |  |
| * 2. Nêu được câu hỏi liên quan đến nội dung bài thực hành |  |  |
| 3. Làm được bộ sưu tập tranh về phân loại các nhóm thực vật |  |  |
| 4. Xây dựng được sơ đồ khóa lưỡng phân phân loại các nhóm thực vật |  |  |
| 5. Thực hiên, ghi chép đầy đủ các bước trong quá trình thực hành |  |  |
| 6. Giải thích được câu hỏi liên quan đến nội dung thực hành |  |  |
| 7. Có ý thức giữ gìn vệ sinh lớp trong quá trình thực hành |  |  |
| 8. Tích cực tham gia đóng góp ý kiến trong hoạt động của nhóm |  |  |
| Tiêu chí: 2,3,4,6 (1,5 điểm); Tiêu chí: 1,5,7,8 (1,0 điểm) | | |

**Tiết 1. Hoạt động 1: Hệ thống đặc điểm của các nhóm thực vật**

**a. Mục tiêu:** HS trình bày được đặc điểm của các nhóm thực vật

**b. Nội dung:** HS nhớ lại kiến thức đã được học về các nhóm thực vật để hoàn thành

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **PHIẾU HỌC TẬP 1** | | | |
| TT | Nhóm thực vật | Đặc điểm | **Nơi sống** |
| 1 | **Rêu** |  |  |
| 2 | **Dương xỉ** |  |  |
| 3 | **Hạt trần** |  |  |
| 4 | **Hạt kín** |  |  |

**c. Sản phẩm:** HS hoàn thành nội dung phiếu học tập

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GIÁO VIÊN** | **HOẠT ĐỘNG CỦA HỌC SINH** |
| **- Chuyển giao nhiệm vụ học tập:**  + GV yêu cầu HS nhớ lại kiến thức về đặc điểm của các nhóm thực vật đã được học | - HS nhận nhiệm vụ |
| **- Hướng dẫn HS thực hiện nhiệm vụ:**  + Chia lớp thành 4 nhóm ( mỗi nhóm từ 5 – 6 HS)  + Nhóm 1,2: thảo luận nhóm, hệ thống đặc điểm, nơi sống của nhóm Rêu, Dương xỉ;  + Nhóm 3,4: Thảo luận nhóm hệ thống đặc điểm, nơi sống của nhóm Hạt trần, Hạt kín.  = > Hoàn thành phiếu học tập 1 | - HS thảo luận nhóm, hoàn thành nội dung phiếu học tập |
| **- Báo cáo kết quả:**  + GV yêu cầu đại diện nhóm 1, 3 trình bày nội thảo luận của nhóm mình  + GV yêu cầu các nhóm khác nhận xét, bổ sung  + HS có thể đặt câu hỏi đói với nội dung của nhóm đã trình bày | **-** Đại diện nhóm 1, 3 trình bày  - Các nhóm được đặt câu hỏi có ý kiến phản hồi ( nếu có) |
| **- Tổng kết:**  + GV nhận xét kết quả thực hiện nhiệm vụ của từng nhóm  = > Chốt lại kiến thức: phiếu học tập 1  1. Nhóm rêu: Nơi ẩm ướt: tường, thân cây mục, ,... cây chưa có rễ chính thức, **chưa có mạch dẫn.** Sinh sản bằng bào tử ( tíu bào tử nằm ở ngọn cây rêu)  **2.** Nhóm Dương xỉ: trên cạn, dưới tán cây. Có rễ, thân, lá đẩy đủ**, có hệ mạch dẫn**, **không có hạt**. Sinh sản bằng bào tử (các túi bào tử nằm mặt sau lá).  3. Nhóm Hạt trần: Vùng lạnh, nơi khô đồi rốc. cấu tạo phức tạp: thân gỗ, có mạch dẫn, **có hạt nằm lộ trên noãn** (gọi là hạt trần), **chưa có hoa và quả; cơ quan sinh sản là nón.**  **4.** Nhóm Hạt kín: sống ở nhiều nơi khác nhau. Các cơ quan rễ, thân, lá biến đổi đa dạng; thân có hệ mạch dẫn hoàn thiện; **cơ quan sinh sản là hoa; hạt được bảo vệ trong quả.**  GV kẻ bảng sơ đồ khoa lưỡng phân chưa có tên các nhóm TV lên bảng và yêu cầu 3 HS lên điền tên nhóm thực vật vào sơ đồ | - HS lắng nghe  - 4 HS lên bảng hoàn thành sơ đồ. |

**BÀI 31. ĐỘNG VẬT**

(Thời gian thực hiện: 06 tiết)

**I. Mục tiêu**

***1. Kiến thức***

- Phân biệt được hai nhóm động vật không xương sống và động vật có xương sống. Lấy được ví dụ minh hoạ.

- Nhận biết được các nhóm động vật không xương sống trong tựnhiên: Ruột khoang, Giun, Thân mém, Chân khớp. Gọi được tên một số đại diện điển hình.

- Nhận biết được các nhóm động vật có xương sống trong tự nhiên: Cá, Lưỡng cư, Bò sát, Chim, Thú (Động vật có vú). Gọi được tên một số đại diện điển hình của các nhóm.

- Nêu được một sỗ tác hại của động vật trong đời sống.

***2. Năng lực***

- Năng lực chung:

+ Tự chủ và tự học: Chủ động, tích cực thực hiện các nhiệm vụ của bản thân khi tìm hiểu về đa dạng động vật và vai trò của các nhóm động vật;

+ Giao tiếp và hợp tácTập hợp nhóm theo đúng yêu cầu, nhanh và đảm bảo trật tự; Xác định nội dung hợp tác nhóm trao đổi về đặc điểm của các nhóm động vật và vai trò của chúng;Thảo luận với các thành viên trong nhóm để hoàn thành nhiệm vụ học tập nhằm xác định sựđa dạng các nhóm động vật tổn tại trong tựnhiên; Nhận ra và điều chỉnh những hạn chế của bản thân khi tham gia thảo luận nhóm;

+ Giải quyết vấn đề và sáng tạo: Vận dụng linh hoạt các kiến thức, kĩ năng để vẽ sơ đồ phân biệt các nhóm động vật trong tự nhiên; Giải thích được vai trò của động vật trong tự nhiên và trong đời sống.

- Năng lực khoa học tự nhiên:

+ Nhận thức khoa học tự nhiên: Phân biệt được hai nhóm động vật không xương sống và có xương sống; Lấy được ví dụ minh hoạ cho 2 nhóm này; Nhận biết được các nhóm động vật không xương sống và các nhóm động vật có xương sống trong tự nhiên; Gọi được tên một số đại diện điển hình của mỗi nhóm;

+ Tìm hiểu tự nhiên: Quan sát và nhận dạng được các đại diện thuộc các nhóm động vật không xương sống và các đại diện thuộc nhóm động vật có xương sống; Nêu được tác hại của một số động vật trong đời sống;

+ Vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học: Gọi được tên một số sinh vật điển hình của các nhóm.

***3. Phẩm chất***

- Có niềm tin yêu khoa học;

- Quan tâm đến nhiệm vụ của nhóm;

- Có ý thức hoàn thành tốt các nội dung thảo luận trong bài học;

- Luôn cố gắng vươn lên trong học tập;

- Có ý thức tìm hiểu và sẵn sàng tham gia các hoạt động tuyên truyền, bảo vệ môi trường, bảo vệ các loài động vật quý hiếm, phản đối những hành vi xâm hại thiên nhiên.

**II. Thiết bị dạy học và học liệu**

**1. Giáo viên:**

- Máy tương tác, hình vẽ, tranh ảnh về trò chơi khởi động.

- Laptop, bút tương tác.

- Hình ảnh các loài động có xương sống và không xương sống.

- Tranh ảnh về tác hại của động vật trong tự nhiên.

- Tranh ảnh về lợi ích của động vật trong tự nhiên.

- Phiếu học tập, Bản phụ, Sách (tài liệu)

|  |  |
| --- | --- |
| PHIẾU HỌC TẬP SỐ 1  NHÓM: …… | |
| **Động vật không xương sống** | **Động vật có xương sống** |
|  |  |
|  |  |
|  |  |
|  |  |

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| PHIẾU HỌC TẬP SỐ 2  NHÓM:…….. | | | | |
| **STT** | **Môi trường sống** | **Nhóm** | **Tên ĐVKXS** | **Đặc điểm cơ thể** |
| 1 |  |  |  |  |
| 2 |  |  |  |  |
| 3 |  |  |  |  |
| 4 |  |  |  |  |

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| PHIẾU HỌC TẬP SỐ 3  NHÓM:…….. | | | | |
| **STT** | **Môi trường sống** | **Nhóm** | **Tên ĐVCXS** | **Đặc điểm cơ thể** |
| 1 |  |  |  |  |
| 2 |  |  |  |  |
| 3 |  |  |  |  |
| 4 |  |  |  |  |
| 5 |  |  |  |  |

**III. Tiến trình dạy học**

***A. Khởi động***

***Tiết 1. Hoạt động 1: chơi trò chơi “Nhà tiên tri về thế giới động vật”***

a. Mục tiêu:

- Nhận biết được các nhóm động vật không xương sống và có xương sống dựa vào quan sát hình ảnh hình thái (hoặc mẫu vật, mô hình) của chúng ( Ruột khoang, Giun, thân mềm, chân khớp). Gọi được tên một số con vật điển hình.

b. Nội dung: GV tổ chức cho học sinh quan sát hình trong bài 31, hình trên màng hình và hoàn thành nội dung phiếu học tập.

c. Sản phẩm: phiếu học tập số 1

d. Tổ chức thực hiện

|  |  |
| --- | --- |
| Hoạt động của GV | Hoạt động của học sinh |
| ***- Thông báo luật chơi:*** Quan sát hình trong bài 31, hình trên màng hình để trả lời câu hỏi. Kết thúc clip sẽ kết thúc trả lời câu hỏi. Cuối buổi học, các nhóm đánh giá lẫn nhau cho điểm từng nhóm. | - Ghi nhớ luật chơi |
| ***- Giao nhiệm vụ:***  + GVchia lớp thành 4 nhóm và yêu cầu các nhóm quan sát hình trong bài 31, hình trên màng hình sau đó chọn hình các nhóm ĐV rồi ghép vào nhóm ĐVKXS và ĐVCXS  + Thời gian hoàn thành nhiệm vụ là đúng 2 phút sau khi kết thúc clip. | - Nhận nhiệm vụ |
| ***- Hướng dẫn học sinh thực hiện nhiệm vụ:***  ***+*** Chiếu clip để học sinh quan sát, hỗ trợ khi cần thiết | - Thực hiện nhiệm vụ hoàn thành phiếu học tập số 1 |
| ***- Thu phiếu học tập của các nhóm*** | - Nộp phiếu học tập |
| ***- Chốt lại và đặt vấn đề vào bài:*** Giáo viên nhận xét kết quả của trò chơi dẫn vào phần hoạt động 2 Phân biệt động vật không xương sống và động vật có xương sống. | - Chuẩn bị sách vở học bài |

***B. Hình hành kiến thức mới***

***Tiết 1. Hoạt động 2: Phân biệt động vật không xương sống và động vật có xương sống***

a. Mục tiêu:

- HS nhận biết và phân biệt động vật không xương sống và động vật có xương sống.

- Lấy được ví dụ minh họa.

b. Nội dung: GV tổ chức cho học sinh hoạt động nhóm để làm rõ mục tiêu trên

c. Sản phẩm: phiếu học tập của học sinh

d. Tổ chức thực hiện

|  |  |
| --- | --- |
| Hoạt động của GV | Hoạt động của học sinh |
| ***- Giao nhiệm vụ:*** Quan sát hình 31.1 và chỉ ra điểm khác biệt giữa động vật không xương sống và động vật có xương sống. | - Nhận nhiệm vụ |
| ***- Hướng dẫn học sinh thực hiện nhiệm vụ:***  ***+*** GV quan sát, hỗ trợ khi cần thiết | - Thực hiện nhiệm vụ |
| ***- Báo cáo kết quả:***  ***+*** Chọn đại diện lên bảng trình bày kết quả  + Mời nhóm khác nhận xét  + GV nhận xét sau khi các nhóm đã có ý kiến nhận xét bổ sung | - Nhóm được chọn trình bày kết quả  - Nhóm khác nhận xét |
| ***- Tổng kết***  + Tổng hợp để đi đến kết luận về cách phân biệt động vật không xương sống và động vật có xương sống.  + Yêu cầu học sinh chốt lại kết luận về cách phân biệt động vật không xương sống và động vật có xương sống.  🡪 *Căn cứ vào xương cột sống, động vật chia thành hai nhóm:*  *- Nhóm động vật chưa có xương cột sống được gọi là động vật không xương sống bao gồm: Ruột khoang, Giun, Thân mềm, Chân khớp.*  *- Nhóm động vật đã có xương cột sống được gọi là động vật có xương sống bao gồm: Cá, Lưỡng cư, Bò sát, Chim, Thú (Động vật có vú).* | - Kết luận về cách phân biệt động vật không xương sống và động vật có xương sống.  - Ghi kết luận vào vở |
| - Luyện tập: Em hãỵ kể tên một số đại diện thuộc nhóm động vật không xương sống và động vật có xương sống.  🡪 Đại diện thuộc nhóm động vật không xương sống: giun, châu chấu, sâu,...  Đại diện thuộc nhóm động vật có xương sống: cá, lươn, ếch, chim bồ câu,...  - **GV** Gợi ý thêm: Qua tìm hiểu thông tin, HS chỉ ra đặc điểm chung của động vật: Động vật có cơthể đa bào phân hoá thành mô, cơ quan, hệ cơ quan để đảm nhận các chức năng sống khác nhau; có lối sống dị dưỡng; di chuyển tích cực; thần kinh và giác quan phát triển. | - Kể tên một số đại diện thuộc nhóm động vật không xương sống và động vật có xương sống. |

***Tiết 2. Hoạt động 3: Tìm hiểu các nhóm động vật không xương sống trong tự nhiên***

a. Mục tiêu: học sinh nhận biết và phân biệt được các nhóm động vật không xương sống.

b. Nội dung: Sử dụng phương pháp trực quan, GV yêu cầu HS hoạt động thảo luận theo cặp, cùng suy nghĩ để nhận biết và phân biệt được các nhóm động vật không xương sống. GV chuẩn bị bộ ảnh về các đại diện động vật không xương sống, tổ chức cho HS thảo luận nhóm để tìm ra tiêu chí phân biệt các nhóm động vật không xương sống: kiểu đối xứng của cơthể (toả tròn, hai bên), hình dạng cơ thể, vỏ bọc cơ thể (vỏ đá vôi, vỏ chitin), môi trường sống, cơ quan di chuyển (chân, cánh),...

c. Sản phẩm: phiếu học tập số 2

d. Tổ chức thực hiện

|  |  |
| --- | --- |
| Hoạt động của GV | Hoạt động của học sinh |
| ***- Giao nhiệm vụ:***  + Quan sát hình 31.2 a, b, c, d thảo luận nhóm hoàn thành phiếu học tập số 2  + Thời gian thực hiện nhiệm vụ là 5 phút. Sau khi thực hiện xong các nhóm đổi chéo để chấm điểm | - Nhận nhiệm vụ |
| ***- Hướng dẫn học sinh thực hiện nhiệm vụ:***  ***+*** GV quan sát, hỗ trợ khi cần thiết | - Phân công nhiệm vụ các thành viên trong nhóm, tiến hành thực hiện nhiệm vụ |
| ***- Báo cáo kết quả:***  - Mời 1 nhóm lên bảng trình bày kết quả. Các nhóm khác đổi chéo cho nhau để chấm điểm sau khi GV cho đáp án  - Mời nhóm khác nhận xét | - Nhóm được chọn trình bày kết quả  - Nhóm khác nhận xét |
| ***- Đánh giá***  + Yêu cầu học sinh chấm điểm cho các nhóm  + GV thu phiếu học tập để kiểm tra xem các nhóm chấm đúng hay không và lấy điểm | - Các nhóm chấm điểm cho nhóm bạn, báo cáo điểm nhóm bạn |
| ***- Tổng kết:*** Để phân biệt các nhóm động vật không xương sống, em có thể dựa vào đặc điểm nào?  🡪 *Dựa vào đặc điểm hình dạng cơ thể, động vật không xương sống được chia thành một số nhóm như: Ruột khoang, Giun, Thân mềm, Chân khớp.*  *+ Kiểu đối xứng của cơ thể (toả tròn, hai bên),*  *+ Hình dạng cơ thể, vỏ bọc cơ thể (vỏ đá vôi, vỏ chitin)*  *+ Môi trường sống, cơ quan di chuyển (chân, cánh),...* | - Kết luận về đặc điểm để phân biệt các nhóm ĐVKXS.  - Ghi kết luận vào vở |
| - Luyện tập: Nhận xét về sự đa dạng của các nhóm động vật không xương sống.  🡪 *Nhóm động vật không xương sống rất đa dạng:*  *+ Số lượng loài lớn (chiếm khoảng 80 - 90% số loài động vật)*  *+ Số lượng cá thể trong loài lớn*  *+ Môi trường sống đa dạng: môi trường nước, cạn, trong lòng đất, không khí, trên và trong cơ thể sinh vật khác,...* | - Nhận xét về sự đa dạng của các nhóm ĐVKXS. |

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| PHIẾU HỌC TẬP SỐ 2  NHÓM:…….. | | | | |
| **STT** | **Môi trường sống** | **Nhóm** | **Tên ĐVKXS** | **Đặc điểm cơ thể** |
| 1 | Môi trường nước | Ruột khoang | Thủy tức, sứa, san hô, hải quỳ,... | Động vật đa bào bậc thấp; cơ thể hình trụ, có nhiểu tua miệng, đối xứng toả tròn. |
| 2 | Môi trường nước, trong đất hoặc trong cơ thể sinh vật | Giun | Sán lá gan, giun đũa, giun chỉ, giun đất,... | Hình dạng cơ thể đa dạng (dẹp, hình ổng, phân đốt), cơ thể đối xứng hai bên, đã phân biệt phấn đầu - phấn đuôi, mặt lưng - mặt bụng. |
| 3 | Môi trường nước, đất ẩm | Thân mểm | Ốc sên, mực, bạch tuộc, hàu,..... | Cơthể mềm, không phân đốt, có vỏ đá vôi (hai mảnh vỏ hoặc vỏ xoắn ốc), có điểm mắt |
| 4 | Môi trường nước, đất, cạn, không khí, trên cơ thể sinh vật | Chân khớp | Tôm, cua, châu chấu, nhện, rết, bộ cánh cứng,..... | Cấu tạo cơ thể chia 3 phấn (đầu, ngực, bụng); có cơ quan di chuyển (chân, cánh); cơ thể phân đốt, đối xứng hai bên; có bộ xương ngoài bằng chitin để nâng đô và bảo vệ cơthể; các đôi chân có khớp động. |

***Tiết 3. Hoạt động 4: Tìm hiểu các nhóm động vật có xương sống trong tự nhiên***

a. Mục tiêu: HS nhận biết và phân biệt được các nhóm động vật có xương sống.

b. Nội dung: Sử dụng phương pháp trực quan, GV yêu cẩu HS hoạt động thảo luận theo cặp, cùng suy nghĩ để nhận biết và phân biệt được các nhóm động vật có xương sống. GV chuẩn bị bộ ảnh về các đại diện động vật có xương sống, hướng dẫn HS thảo luận nhóm để tìm ra tiêu chí phân biệt các nhóm động vật có xương sống: cơ quan hô hấp (mang, phổi), môi trường sống (ở nước, ở cạn), cách di chuyển (bơi, bò, bay, chạy, đi), lớp áo bảo vệ cơ thể (da, vảy sừng, lông vũ, lông mao),...

c. Sản phẩm: phiếu học tập số 3

d. Tổ chức thực hiện

|  |  |
| --- | --- |
| Hoạt động của GV | Hoạt động của học sinh |
| ***- Giao nhiệm vụ:***  + Quan sát hình 31.3 a, b, c, d, e thảo luận nhóm hoàn thành phiếu học tập số 3  + Thời gian thực hiện nhiệm vụ là 5 phút. Sau khi thực hiện xong các nhóm đổi chéo để chấm điểm | - Nhận nhiệm vụ |
| ***- Hướng dẫn học sinh thực hiện nhiệm vụ:***  ***+*** GV quan sát, hỗ trợ khi cần thiết | - Phân công nhiệm vụ các thành viên trong nhóm, tiến hành thực hiện nhiệm vụ |
| ***- Báo cáo kết quả:***  - Mời 1 nhóm lên bảng trình bày kết quả. Các nhóm khác đổi chéo cho nhau để chấm điểm sau khi GV cho đáp án  - Mời nhóm khác nhận xét | - Nhóm được chọn trình bày kết quả  - Nhóm khác nhận xét |
| ***- Đánh giá***  + Yêu cầu học sinh chấm điểm cho các nhóm  + GV thu phiếu học tập để kiểm tra xem các nhóm chấm đúng hay không và lấy điểm | - Các nhóm chấm điểm cho nhóm bạn, báo cáo điểm nhóm bạn |
| ***- Tổng kết:*** Để phân biệt các nhóm động vật có xương sống, em có thể dựa vào đặc điểm nào?  🡪 *Dựa vào đặc điểm cấu tạo cơ thể, động vật có xương sống được chia thành một số nhóm như: Cá, Lưỡng cư, Bò sát, Chim, Động vật có vú (Thú).*  *+ Cơ quan hô hấp (mang, phổi);*  *+ Môi trường sống (ở nước, ở cạn);*  *+ Cách di chuyển (bơi, bò, baỵ, chạy, đi);*  *+ Lớp áo bảo vệ cơ thể (da, vảy sừng, lông vũ, lông mao),...* | - Kết luận về đặc điểm để phân biệt các nhóm ĐVCXS.  - Ghi kết luận vào vở |
| - Luyện tập: Chứng minh sự đa dạng của nhóm động vật có xương sống.  *🡪 Nhóm động vật có xương sống rất đa dạng:*  *+ Số lượng loài lớn (chiếm khoảng 10 - 20% số loài động vật);*  *+ Số lượng cá thể trong loài lớn;*  *+ Môi trường sống đa dạng: môi trường nước, cạn, trong lòng đất, không khí, trên và trong cơ thể sinh vật khác,...*  - GV hướng dẫn HS đọc thêm trong SGK để nhận biết về sự đa dạng của động vật.  **- Đố em**: Hãy kể tên các loài động vật tham gia vào “bản giao hưởng” đêm hè trên những cánh đồng làng quê ở nước ta. | - Nhận xét về sự đa dạng của các nhóm ĐVCXS.  - Học sinh lắng nghe  **- Giải đố**: Các loài động vật tham gia vào "bản giao hưởng" đêm hè trên những cánh đồng làng quê ở nước ta: ếch nhái, dế, ve sẩu, chim cuốc. |

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **PHIẾU HỌC TẬP SỐ 3**  NHÓM:…….. | | | | |
| **STT** | **Môi trường sống** | **Nhóm** | **Tên ĐVCXS** | **Đặc điểm cơ thể** |
| 1 | Môi trường nước | Cá | Cá chép, lươn, cá đuối, cá mập,... | Thích nghi với đời sổng hoàn toàn ở nước, di chuyển bằng vây. |
| 2 | Môi trường nước, trong đất ẩm | Lưỡng cư | ếch giun, cóc, ếch cây,.... | Là nhóm động vật ở cạn đẩu tiên; da trần và luôn ẩm ướt; chân có màng bơi; có đuôi hoặc không có đuôi; một sổ lưỡng cư thiếu chân. |
| 3 | Môi trường nước, môi trường cạn (khô hạn) | Bò sát | Thằn lằn, cá sấu, rắn, rùa,.... | Thích nghi với đời sống ở cạn (trừ một số loài như cá sấu, rắn nước, rùa); da khô và có vảy sừng bao bọc cơ thể. |
| 4 | Môi trường nước, đất, cạn, không khí | Chim | Chim bồ câu, chim đà điểu, chim cánh cụt,.... | Là nhóm động vật mình có lông vũ bao phủ; chi trước biến đổi thành cánh; có mỏ sừng; đặc điểm cơ thể thích nghi với các điểu kiện môi trường khác nhau; có khả năng bay, chạy hoặc bơi. |
| 5 | Môi trường nước, đất, cạn, không khí | Thú | Cá voi, chuột túi, thú mỏ vịt, hươu sao, voi,.... | Tổ chức cấu tạo cơ thể cao nhất; có lông mao bao phủ; răng phân hoá thành răng cửa, răng nanh, răng hàm. Phẩn lớn thú đẻ con và nuôi con bằng sữa mẹ. |

***2. Tác hại của động vật trong đời sống***

***Tiết 4. Hoạt động 5: Tìm hiểu một số tác hại của động vật trong đời sống***

a. Mục tiêu: HS nhận biết được một số tác hại của động vật với đời sống: gâỵ bệnh, truyền bệnh,...

b. Nội dung: Sử dụng phương pháp trực quan kết hợp kĩ thuật động não nói, kĩ thuật KWL, GV tổ chức cho HS thảo luận về tác hại của động vật trong đời sống con người dựa trên những nhiệm vụ trong SGK.

c. Sản phẩm: phiếu học tập số 4

d. Tổ chức thực hiện

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV** | **Hoạt động của học sinh** |
| ***- Giao nhiệm vụ:*** GV tổ chức cho HS thảo luận về tác hại của động vật trong đời sống con người dựa trên những nhiệm vụ trong SGK:  + Quan sát hình 31.4, nêu một số tác hại của động vật trong đời sống con người.  + Quan sát hình 31.4, em hãy nêu con đường lây nhiễm bệnh dịch hạch ở người | - Nhận nhiệm vụ |
| ***- Hướng dẫn học sinh thực hiện nhiệm vụ:***  ***+*** GV quan sát, hỗ trợ khi cần thiết | - Phân công nhiệm vụ các thành viên trong nhóm, tiến hành thực hiện nhiệm vụ |
| ***- Báo cáo kết quả:***  + Mời đại diện trình bày kết quả.  + Mời nhóm khác nhận xét  + GV nhận xét sau khi các nhóm đã có ý kiến bổ sung.  *🡪 Các động vật và tác hại:*   * *Một số động vật gây bệnh cho con người: bọ chét, giun, sán kí sinh;* * *Một số động vật là trung gian truyền bệnh: bọ chét là trung gian truyền bệnh dịch hạch, muỗi anophen là trung gian truyền bệnh sốt rét,...* * *Một số động vật ảnh hưởng đến công trình giao thông biển như: con hà, con sum; phá hoại đê điều như: mối, mọt,...* * *Một số động vật chuyên phá hoại mùa màng: ốc bươu vàng, chuột, cào cào, sâu hại,...* * *Một số động vật chuyên kí sính trên vật nuôi làm ảnh hưởng đến chất lượng và năng suất đàn nuôi như: sán lá gan, rận cá,...*   *🡪 Con đường lây nhiễm bệnh dịch hạch ở người:*  *- Chuột bị bệnh -\* Bọ chét -♦ Người*  *- Thông tin thêm: Bệnh dịch hạch là bệnh có khả năng lây lan nhanh và nguy hiểm do tỉ lệ tử vong cao, từ 30-60%. Bệnh có thể xảy ra ở mọi lứa tuổi, cả nam và nữ, nhưng chủ yếu ở người dưới 20 tuổi; dễ xảy ra tại nơi đông đúc, chật chội, nơi có điều kiện vệ sinh kém (chuột dễ sinh sống) hoặc vùng có nền đất cát (bọ chét sinh sống); thường xảy ra vào mùa khô, phù hợp với mùa phát triển của vật trung gian truyền bệnh là chuột và bọ chét. Các dấu hiệu và triệu chứng của bệnh dịch hạch có thể bao gồm: đột ngột sốt và ớn lạnh, đau đầu, mệt mỏi hoặc khó chịu.*  *- Một số động vật là trung gian truyền bệnh: bọ chét, chuột, rận,...* | - Nhóm được chọn trình bày kết quả  - Nhóm khác nhận xét |
| ***- Tổng kết:*** Em hãy nêu một số tác hại của động vật trong đời sống.  🡪 *Trong đời sống, động vật là tác nhân gây bệnh, trung gian truyền bệnh cho con người, thực vật và động vật khác; gây ảnh hưởng trực tiếp hoặc gián tiếp đến kinh tế địa phương, phá hoại mùa màng, công trình xây dựng,...* | - Kết luận một số tác hại của động vật trong đời sống.  - Ghi kết luận vào vở |
| - Luyện tập: Địa phương em đã sử dụng những biện pháp nào để phòng trừ động vật gây hại?  *🡪 Các biện pháp nào phòng trừ động vật gây hại mà các địa phương có thể áp dụng:*  *+ Tuyên truyền về diệt muỗi và bọ gậy;*  *+ Vệ sinh môi trường định kì;*  *+ Vệ sinh cá nhân hằng ngày;*  *+ Tiêm phòng (đặc biệt cho trẻ em và người già);*  *+ Chọn các loại giống kháng sâu bệnh;*  *+ Gieo trồng đúng thời vụ để tránh sâu bệnh;*  *+ Sử dụng bẫy và hàng rào chắn côn trùng;*  *+ Khuyến khích nuôi động vật ăn mổi, sử dụng thiên địch. Đây được xem là phương pháp* *an toàn nhất để kiểm soát dịch hại.* | - Học sinh liên hệ thực tế địa phương nêu một số biện pháp phòng trừ động vật gây hại. |
| - GV hướng dẫn HS đọc thêm trong SGK để thấy được ngoài những tác hại, động vật có vai trò quan trọng trong tự nhiên và thực tiễn: là thức ăn cho nhiều loài động vật, cung cấp nguồn thực phẩm giàu protein, hỗ trợ sức kéo, làm cảnh, hỗ trợ công tác an ninh,... | - Học sinh lắng nghe |

***Tiết 5. Hoạt động 6: Luyện tập***

a. Mục tiêu: học sinh sử dụng kiến thức đã học trả lời các câu hỏi trong SGK

b. Nội dung: Gvcho HS hoạt động cặp đôi, cùng suy nghĩ để tìm ra câu trả lời.

c. Sản phẩm: Câu trả lời của HS

d. Tổ chức thực hiện

|  |  |
| --- | --- |
| Hoạt động của GV | Hoạt động của học sinh |
| ***- Giao nhiệm vụ:***  + Mỗi bài có 2 bạn sẽ ghép thành 1 cặp đôi, thảo luận và hoàn thành bài tập 1 đến bài tập 4 SGK. | - Nhận nhiệm vụ |
| ***- Hướng dẫn học sinh thực hiện nhiệm vụ:*** GV quan sát, hỗ trợ khi cần thiết | - Làm bài tập |
| ***- Báo cáo kết quả:***  + Chọn 1 cặp đôi lên bảng trình bày kết quả cho từng bài tập (Mỗi cặp đôi trình bày 1 bài).  + Mời nhóm khác nhận xét  + GV nhận xét sau khi các nhóm đã có ý kiến bổ sung. | - Nhóm được chọn trình bày kết quả  - Nhóm khác nhận xét |
| ***- Đánh giá:***  + Đánh giá được nhóm nào trả lời được bài tập SGK. Khen ngợi học sinh. | - Học sinh lắng nghe |

***Tiết 5,6. Hoạt động 7: Vận dụng***

a. Mục tiêu: học sinh vận dụng kiến thức đã học tìm hiểu thực tế

b. Nội dung: Giao nhiệm vụ cho nhóm, hoạt động hợp tác ở nhà để hoàn thành bài tập vận dụng

c. Sản phẩm: Bài powpol (hoặc làm bảng nhóm)

d. Tổ chức thực hiện

|  |  |
| --- | --- |
| Hoạt động của GV | Hoạt động của học sinh |
| ***- Giao nhiệm vụ:***  + Đóng vai là nhà khoa học, em hãy điều tra về một số động vật có tẩm quan trọng đối với nền kinh tế địa phương theo hướng dẫn. | - Nhận nhiệm vụ |
| ***- Hướng dẫn học sinh thực hiện nhiệm vụ:***  ***+*** Thực hiện tại nhà, GV đưa ra hướng dẫn cần thiết | - Thực hiện nhiệm vụ ở nhà |
| ***- Báo cáo kết quả:***  + Tiết học tiếp theo nộp sản phẩm cho GV | - Theo dõi đánh giá của giáo viên |

***C. Dặn dò***

- Học sinh làm bài tập SGK, SBT

- Chuẩn bị bài mới trước khi lên lớp

***D. Kiểm tra đánh giá thường xuyên***

- Kết thúc bài học, Gv cho học sinh tự đánh giá theo bảng sau

Họ và tên học sinh

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| Các tiêu chí | Tốt | Khá | TB | Chưa đạt |
| Chuẩn bị bài trước khi đến lớp |  |  |  |  |
| Tham gia hoạt động nhóm theo yêu cầu của GV |  |  |  |  |
| Nêu được khái niệm khoa học tự nhiên |  |  |  |  |
| Nêu được vai trò của khoa học tự nhiên |  |  |  |  |

**BÀI 32. THỰC HÀNH QUAN SÁT VÀ PHÂN LOẠI ĐỘNG VẬT NGOÀI THIÊN NHIÊN**

(Thời gian thực hiện : 2 tiết)

**I. Mục tiêu**

***1. Kiến thức***

- Quan sát hoặc chụp ảnh được các động vật ngoài thiên nhiên.

- Thực hành kể tên, phân loại được một số động vật và phân chia chúng vào các nhóm theo các tiêu chí phân loại.

***2. Năng lực***

- Năng lực chung:

+ Chủ động, tích cực thực hiện các nhiệm vụ của bản thân tìm hiểu các nhóm động vật xung quanh nơi em sống.

+ Gương mẫu, phối hợp với các thành viên trong nhóm hoàn thành các nội dung về mô tả đặc điểm các nhóm động vật , vẽ sơ đồ các nhóm động vật ; Đánh giá kết quả đạt được của nhóm để nhận thấy động vật đa dạng xung quanh ta.

+ Vận dụng linh hoạt các kiến thức, kĩ năng nhận dạng đặc điểm các đại diện động vật và xây dựng tiêu chí phân loại nhóm

+ Viết báo cáo, trình bày và thảo luận về sơ đồ đa dạng các nhóm động vật.

- Năng lực tự nhiên:

+ Nhận biết được các nhóm động vật có thể có tại địa điểm nghiên cứu.

+ Quan sát và chụp ảnh được các loài động vật ngoài thiên nhiên.

+ Thực hành kể tên, phân loại được một số động vật và phân chia chúng vào các nhóm theo các tiêu chí phân loại . Gọi tên được một số động vật có trong thực tiễn và nhận biết được vai trò của chúng trong chăn nuôi.

***3. Phẩm chất***

- Khách quan, trung thực, có trách nhiệm trong buổi thực hành.

- Kiên trì, tỉ mỉ, cẩn thận trong quá trình quan sát, thực hiện các nhiệm vụ học tập, vận dụng, mở rộng.

- Ham học hỏi, khám phá sự đa dạng trong thế giới thực vật.

- Có ý thức sẵn sàng tham gia các hoạt động tuyên truyền bảo vệ môi trường, bảo vệ các loài động vật trong vườn trường và khu dân cư, đặc biệt các loài động vật có giá trị kinh tế.

**II. Thiết bị dạy học và học liệu**

- Clip giới thiệu về động vật sống trong tự nhiên, và một số động vật đặc trưng của địa phương.

- Laptop, máy chiếu.

- Bảng phụ, bút dạ.

- Phiếu học tập

PHT số 1:

|  |
| --- |
| Hãy xác định các động vật có trong đoạn video sau và điền vào phiếu: |

PHT số 2:

|  |
| --- |
| Hãy xác định các tên và nơi sống của các động vật có trong đoạn video : |

PHT số 3

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| Nhóm động vật | Tên động vật | Môi trường sống | Đặc điểm |
| Ruột khoang |  |  |  |
| Giun |  |  |  |
| Thân mềm |  |  |  |
| Chân khớp |  |  |  |
| Cá |  |  |  |
| Lưỡng cư |  |  |  |
| Bò sát |  |  |  |
| Chim |  |  |  |
| Thú |  |  |  |

**III. Tiến trình dạy học**

**A. Khởi động**

***Hoạt động 1: Chơi trò chơi” Quan sát nhanh – kết luận nhanh”***

a. Mục tiêu : tạo cho học sinh hứng thú trước khi bắt đầu nội dung bài học.

b. Nội dung: GV tổ chực cho HS xem clip giới thiệu về thiên nhiên

c. Sản phẩm: Phiếu học tập số 1

d. Tổ chức thực hiện

|  |  |
| --- | --- |
| Hoạt động của GV | Hoạt động của HS |
| **- Thông báo luật chơi:** Quan sát video để trả lời câu hỏi . Kết thúc video sẽ kết thúc trả lời câu hỏi. Cuối buổi học, các nhóm đánh giá lẫn nhau và cho điểm từng nhóm | - Ghi nhớ luật chơi |
| **- Giao nhiệm vụ:**  + Quan sát hình ảnh trong video hãy xác định có những động vật nào xuất hiện trong video?  + Thời gian hoàn thành nhiệm vụ đúng 1 phút sau khi kết thúc video | - Nhận nhiệm vụ |
| **- Hướng dẫn HS thực hiện nhiệm vụ:**  Chiếu video để HS quan sát, hỗ trợ HS khi cần thiết | - Thực hiện nhiệm vụ, hoàn thành phiếu học tập số 1 |
| - **Thu phiếu học tập của các nhóm** | - Nộp phiếu học tập số 1 |
| - **Chốt lại và đặt vấn đề vào bài:** Các em đã xác định được một số động vật có trong tự nhiên. Vậy xung quanh chúng ta có những động vật nào, động vật đó có ích như thế nào đối với ngành chăn nuôi. Chúng mình sẽ cùng nhau tìm hiểu trong nội dung bài học hôm nay | - Chuẩn bị sách vở học bài |

**B. Hình thành kiến thức mới**

**Tiết 1**

**Hoạt động 2: Quan sát một số đại diện động vật ngoài thiên nhiên**

a. Mục tiêu: HS quan sát được một số động vật trong thiên nhiên.

b. Nội dung: GV tổ chức cho HS hoạt động đôi để làm rõ mục tiêu trên.

c. Sản phẩm: Phiếu học tập số 2 cuả HS

d. Tổ chức thực hiện

|  |  |
| --- | --- |
| Hoạt động củach GV | Hoạt động của HS |
| - **Giao nhệm vụ :** GV cho HS quan sát video hình ảnh một số động vật được nuôi trong sở thú | - Nhận nhiệm vụ |
| - **Hướng dẫn HS thực hiện nhiệm vụ :**  + Mỗi bàn có 2 bạn sẽ ghép thành một cặp đôi, thảo luận và hoàn thành phiếu học tập số 2. Sau khi hoàn thanh phiếu học tập , đại diện một nhóm trình bày kết quả | Thực hiện nhiệm vụ thảo luận đôi hoàn thành phiếu học tập số 2 |
| **- Báo cáo kết quả:**  + Chon một nhóm lên bảng trình bày kết quả.  + GV gọi nhóm khác nhận xét  + GV nhận xét, bổ sung | - Nhóm được chọn trình bày kết quả.  - Nhóm khác nhận xét. |
| **- Tổng kết:**  + Tổng hợp các động vật có trong video và khu vực sống của các động vật | Ghi nhớ thông tin |

**Hoạt động 3: Phân loại một số động vật ngoài thiên nhiên**

a. Mục tiêu: HS lập được bảng báo cáo kết quả thực hành phân loại hình ảnh về động vật đã quan sát.

b. Nội dung: GV tổ chức cho HS hoạt động nhóm 4 để hoàn thành mục tiêu

c. Sản phẩm: Phiếu học tập số 3

d. Tổ chức thực hiện

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV** | **Hoạt động của HS** |
| - **Giao nhiệm vụ:** Quan sát phiếu học tập số 1 và số 2 kết hợp với nội dung điều tra về một số động vật có tầm quan trọng đối với nền kinh tế địa phương hoạt động nhóm 4 hoàn thành phiếu học tập số 3 | - Nhận nhiệm vụ |
| **- Hướng dẫn HS thực hiện nhiệm vụ:**  Mỗi nhóm 4 HS thảo luận và hoàn thành phiếu học tập số 3.  GV hỗ trợ khi HS cần | - Thực hiện nhiệm vụ thảo luận hoàn thành phiếu học |
| **- Kết quả:** HS hoàn thành phiếu học tập số 3. | - Hoàn thành phiếu học tập |

Gợi ý hoàn thành PHT số 3

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| Nhóm động vật | Tên động vật | Môi trường sống | Đặc điểm |
| Ruột khoang | Sứa | Nước | Cơ thể đối xứng tỏa tròn |
| Giun | Giun đất | Trong đất | Cơ thể phân đốt |
| Thân mềm | Trai sông | Nước | Có hai mảnh vỏ |
| Chân khớp | Cua | Nước | Bộ xương ngoài bằng kitin... |
| Cá | Cá chép | Nước | Hô hấp bằng mang |
| Lưỡng cư | Ếch | Vừa trên cạn vừa dưới nước | Da ẩm ướt, hô hấp bằng da và phổi |
| Bò sát | Thằn lằn | Trên cạn | Da khô, phủ vảy. Hô hấp bằng phổi |
| Chim | Bồ câu | Trên cạn | Da khô, phủ lông vũ, chân trước biến đổi thành cánh |
| Thú | Mèo | Trên cạn | Da phủ lông mao. Hô hấp bằng phổi |

**Tiết 2. Hoạt động 4: Xây dựng khóa lưỡng phân**

a. Mục tiêu: Xây dựng được khóa lưỡng phân cho nhóm động vật không xương sống và có xương sống.

b. Nội dung: GV tiếp tục tổ chức cho HS thảo luận nhóm 4 để hoàn thành mục tiêu

c. Sản phẩm: Sơ đồ khóa lưỡng phân của các nhóm động vật

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV** | **Hoạt động của HS** |
| **- Giao nhiệm vụ:**  + Dựa vào thông tin trong phiếu học tập số 3. Hãy thảo luận nhóm 4 xây dựng khóa lưỡng phân cho các nhóm động vật không xương sống và động vật có xương sống.  + Thực hiện nhiệm vụ trên bảng phụ. Thời gian 5 phút | - Nhận nhiệm vụ |
| **- Hướng dẫn HS thực hiện:**  GV quan sát, hướng dẫn HS khi cần thiết | - Phân công nhiệm vụ các thành viên trong nhóm, tiến hành nhiệm vụ. |
| **- Kết quả:**  GV quan sát kết quả thảo luận nhóm của HS | - Hoàn thành khóa lưỡng phân |

**Gợi ý xây dựng khóa lưỡng phân**

Cua

Động vật không xương sống

Ruột khoang

Trai sông

Giun đất

Sứa

Chân khớp

Thân mềm

Giun

Động vật có xương sống HS làm tương tự

**Hoạt động 5: Báo cáo kết quả thực hành**

a. Mục tiêu: Rèn luyện cho HS tự tin thuyết trình

b. Nội dung: GV tổ chức cho HS thuyết trình kết quả thảo luận nhóm

c. Sản phẩm: HS chủ động, tích cực tham gia thuyết trình về kết quả thảo luận

d. Tổ chức thực hiện

|  |  |
| --- | --- |
| Hoạt động của GV | Hoạt động của HS |
| **- Giao nhiệm vụ:**  Đại diện một số nhóm trình bày kết quả thảo luận nhóm. Thời gian trình bày tối đa 3 phút | - Nhận nhiệm vụ |
| **- Hướng dẫn HS thực hiện nhiệm vụ:**  + HS có thể xây dựng báo cáo thực hành dưới dạng Power – point hoặc áp phích  + GV quan sát, hỗ trợ HS khi cần thiết | - Phân công nhiệm vụ báo cáo các phần cho từng thành viên trong nhóm, tiến hành thực hiện nhiệm vụ |
| **- Báo cáo kết quả:**  + Mời từng nhóm lên bảng trình bày kết quả thảo luận. | Nhóm trình bày kết quả nghiên cứu, quan sát, thảo luận |
| **- Đánh giá**  Yêu cầu các nhóm nhận xét, cho điểm chéo lẫn nhau.  GV thu phiếu học tập của các nhóm xem các nhóm chấm đúng hay không | Các nhóm chấm điểm cho nhóm bạn, báo cáo điểm của nhóm bạn |
| - Tổng kết:  GV nhận xét về quá trình thực hành của HS  + Ý thức kỉ luật.  + Tính tích cực trong việc thảo luận nhóm của HS.  + GV giới thiệu thêm các cấp độ cần bảo vệ động vật ở Việt Nam. | - Theo dõi đánh giá của giáo viên |

**Hoạt động 6: Luyện tập**

a. Mục tiêu: học sinh sử dụng kiến thức đã học hoàn thành nhiệm vụ

b. Nội dung: HS làm poster để tuyên truyền thông điệp bảo vệ các loài động vật hoang dã và môi trường sống của chúng

c. Sản phẩm : Bảng poster

d. Tổ chức thực hiện

|  |  |
| --- | --- |
| Hoạt động của GV | Hoạt động của HS |
| **- Giao nhiệm vụ:**  Mỗi nhóm 4 bạn, vẽ poster để tuyên truyền thông điệp bảo vệ các loài động vật hoang dã và môi trường sống | Nhận nhiệm vụ |
| **- Hướng dẫn thực hiện nhiệm vụ:**  GV quan sát, hỗ trợ HS khi cần thiết | Làm poster |
| **- Báo cáo kết quả:**  Các nhóm treo poster lên bảng, GV đánh giá một số nhóm | Theo dõi đánh giá của giáo viên |
| **- Tổng kết:**  Đánh giá quá trình làm việc của các nhóm. Khen ngợi HS | HS lắng nghe |

**Hoạt động 7: Vận dụng**

a. Mục tiêu: Học sinh vận dụng kiến thức đã học trả lời câu hỏi thực tế

b. Nội dung: Dùng phiếu học tập để trả lời các câu hỏi liên quan đến chăn nuôi.

c. Sản phẩm: Phiếu trả lời câu hỏi của học sinh.

d. Tổ chức thực hiện

|  |  |
| --- | --- |
| Hoạt động của GV | Hoạt động của HS |
| **- Giao nhiệm vụ:**  Trả lời câu hỏi dưới đây vào phiếu học tập, tiết sau nộp lại cho GV.  + Câu hỏi: Bà con nông dân cần phải làm gì để đẩy mạnh phát triển ngành chăn nuôi | - Nhận nhiệm vụ |
| **- Hướng dẫn HS thực hiện nhiệm vụ:**  + Thực hiện tại nhà, GV đưa ra hướng dẫn cần thiết | - Thực hiện nhiệm vụ tại nhà |
| **- Báo cáo kết quả:**  Tiết học tiếp theo nộp phiếu trả lời cho GV | - Theo dõi đánh giá của GV |

**C. Dặn dò**

- HS hoàn thành bài tập trong vở bài tập

- Chuẩn bị bài mới trước khi đến lớp.

**D. Kiểm tra đánh giá thường xuyên**

- Kết thúc bài học, GV cho HS tự đánh giá theo bảng sau

Họ- Tên HS:…………………………………………

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| Các tiêu chí | Tốt | Khá | TB | Chưa đạt |
| Chuẩn bị bài trước khi đến lớp |  |  |  |  |
| Tham gia hoạt động theo nhóm |  |  |  |  |
| Xây dựng được khóa lưỡng phân về các động vật tìm hiểu trong bài |  |  |  |  |
| Ứng dụng vào thực tế |  |  |  |  |

**BÀI 33: ĐA DẠNG SINH HỌC**

(Thời gian thực hiện: 03 tiết)

**I. Mục tiêu**

***1. Kiến thức***

Nêu được vai trò của đa dạng sinh học trong tự nhiên và trong thực tiễn.

Giải thích được vì sao cần bảo vệ đa dạng sinh học.

***2. Năng lực***

- Năng lực chung

+ Tự chủ và tự học: Chủ động, tích cực thực hiện các nhiệm vụ của bản thân khi tìm hiểu về đa dạng sinh học;

+ Giao tiếp và hợp tác: Tập hợp nhóm theo đúng yêu cầu, nhanh và đảm bảo trật tự; Xác định nội dung hợp tác nhóm trao đổi về vai trò của đa dạng sinh học; Thảo luận với các thành viên trong nhóm để hoàn thành nhiệm vụ học tập nhằm xác định sự đa dạng các nhóm sinh vật tồn tại trong tự nhiên; Nhận ra và điều chỉnh những hạn chế của bản thân khi tham gia thảo luận nhóm;

+ Giải quyết vấn đề và sáng tạo: Vận dụng linh hoạt các kiến thức, kĩ năng để vẽ sơ đồ phân biệt các nhóm sinh vật trong tự nhiên.

- Năng lực khoa học tự nhiên

+ Nhận thức khoa học tự nhiên: Nêu được vai trò của đa dạng sinh học trong tự nhiên và trong thực tiễn (làm thuốc, làm thức ăn, chỗ ở, bảo vệ môi trường,...);

+ Tìm hiểu tự nhiên: Nhận dạng được một số đại diện sinh vật có ích trong tự nhiên và đời sống;

+ Vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học: Giải thích được vì sao cần bảo vệ đa dạng sinh học.

*3. Phẩm chất*

Có niềm tin yêu khoa học;

Quan tâm đến nhiệm vụ của nhóm;

Có ý thức hoàn thành tốt các nội dung thảo luận trong bài học;

Luôn cố gắng vươn lên trong học tập;

Có ý thức tìm hiểu và bảo vệ thế giới tự nhiên.

**II. Thiết bị dạy học và học liệu**

**Chuẩn bị của giáo viên:** Giáo án, sgk. Bảng phụ trang 93. Tranh phóng to H ; SGK. Phiếu học tập. Máy chiếu, laptop(nếu có)

**Chuẩn bị của học sinh:** SGK, vở ghi, vở bài tập, đọc trước bài ở nhà.Giấy Ao, màu vẽ

Các sản phẩm poster tuyên truyền bảo vệ sự đa dạng sinh học.

**III. Tiến trình dạy học**

***Hoạt động I : Khởi động***

**a. Mục tiêu:**

**-** Thảo luận, hỗ trợ lẫn nhau hoàn thành các sản phẩm học tập.

**-** Tự giác hoàn thành công việc đã được phân công trong nhóm.

- Tích cực tham gia thảo luận, hăng hái trong tìm kiếm thông tin và hoàn thành nhiệm vụ

Tạo hứng thú cho học sinh trước khi bước vào bài mới

**b. Nội dung:** Giáo viên chiếu video giới thiệu bài mới

**c. Sản phẩm:** sản phẩm của học sinh

**d. Tổ chức thực hiện**

|  |  |
| --- | --- |
| Hoạt động của GV | Hoạt động của học sinh |
| ***- Thông báo luật chơi:***  Xem video**“thiên nhiên Việt Nam”**  **-** Liệt kê được một số nơi có cảnh thiên nhiên đẹp ở Việt Nam  - Giải thích câu trả lời  Cuối buổi học, các nhóm đánh giá lẫn nhau cho điểm từng nhóm | Ghi nhớ luật chơi |
| **\* Chuyển giao nhiệm vụ học tập**  GV: Nhạc bài hát “Trái đất này là của chúng mình”  - GV cho học sinh xem video về vẻ đẹp của thiên nhiên Việt Nam  - Tổ chức trò chơi: Ai nhanh hơn.  + Thể lệ: mỗi nhóm thảo luận và kể tên các địa điểm có thiên nhiên đẹp ở Việt Nam.  + Thời gian: 1,5 phút  + Mỗi nhóm lên đọc kết quả và giải thích. | - Nhận nhiệm vụ |
| ***- Hướng dẫn học sinh thực hiện nhiệm vụ:***  ***+***Chiếu clip để học sinh quan sát, hỗ trợ khi cần thiết | - HS:thảo luận nhóm và ghi kết quả ra giấy, |
| ***- Báo cáo kết quả:***  - Đánh giá hoạt động: Sử dụng rubric đánh giá (phụ lục 1) | Nhóm nào có nhiều kết quả đúng nhất sẽ chiến thắng. |
| ***- Chốt lại và đặt vấn đề vào bài:*** Đặt vấn đề: Điều gì sẽ xảy ra nếu chúng ta không bảo vệ đa dạng sinh học? |  |

***Hoạt động II: Hình hành kiến thức mới***

***Tiết 1 - Hoạt động 1:* Tìm hiểu khái niệm đa dạng sinh học**

***a.***Mục tiêu

- Nêu được khái niệm đa dạng sinh học.

**-** Chủ động thực hiện nhiệm vụ được giao, tự nghiên cứu tài liệu.

b. Nội dung: Sử dụng phương pháp trực quan kết hợp kĩ thuật think - pair - share, GV tổ chức cho HS tìm hiểu về đa dạng sinh học thông qua hoạt động thảo luận trong SGK.

c. Sản phẩm: Là phiếu học tập của học sinh được hoàn thành.

d. Tổ chức thực hiện

|  |  |
| --- | --- |
| Hoạt động của GV | Hoạt động của học sinh |
| **\* Chuyển giao nhiệm vụ học tập:** giới thiệu tranh hình 40.1, 40.2, 40.3, 40.4 và các tranh ảnh, video khác. Hoàn thành phiếu học tập số 1  image477  image476  image478  image479  Qua quan sát, hoạt động cá nhân sau đó hoạt động cặp đôi và cuối cùng chia sẻ vấn đề đó cho nhóm. Hoàn thành phiếu học tập số 1.  ***Phiếu học tập số 1:***  1/Quan sát hình từ 40.1 đến 40.4 và thông tin về đa dạng các nhóm sinh vật đã học, em hãy cho biết đa dạng sinh học là gì?  2/Quan sát hình từ 40.2 đến 40.4, em có nhận xét gì về số loài sinh vật trong các môi trường sống khác nhau? | Học sinh quan sát tranh |
| **Hướng dẫn thực hiện nhiệm vụ học tập**  GV quan sát và theo dõi và bổ sung khi cần | HS hoạt động cá nhân; hoạt động cặp đôi và thảo luận nhóm. Hoàn thành phiếu học tập số 1. |
| **Báo cáo kết quả và thảo luận.**  **GV nhận xét các nhóm.**  **GV giới thiệu về bảng thể hiện sự đa dạng sinh học thể hiện ở số lượng loài; số cá thể trong loài.**   |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | | Đặc điểm | Hoang mạc | Đài nguyên | Rừng mưa nhiệt đới | | Khí hậu | Khô nóng, vực nước ít | Mùa đông, băng tuyết phủ gần như quanh năm | Nhiệt đới gió mùa, thuận lợi cho sự phát triển của các loài sinh vật. | | Thực vật | Thưa thớt: xương rồng | Thưa thớt, chỉ có một số loài như sói, dê | Thực vật có quanh năm, là nguổn thức ăn dổi dào cho các loài động vật Đa dạng sinh học thể hiện rõ rệt với số lượng cá thể và sô' lượng loài lớn và phân bố ở các khu vực khác nhau. | | Động vật | Chuột nhảy, lạc đà, rắn hoang mạc,... | Gấu trắng, cá voi, chim cánh cụt,... |   Qua nội dung các em thảo luận và cùng với kiến thức GV cung cấp. Hoạt động cá nhân trình bày.  Đa dạng sinh học và các đặc điểm chung của đa dạng sinh học. | Các nhóm báo cáo kết quả và nhận xét lẫn nhau.  1/Đa dạng sinh học là sự phong phú về số lượng loài, số cá thể trong loài và môi trường sống. Đa dạng sinh học thể hiện sự thích nghi của sinh vật với các điều kiện sống khác nhau.  2/ Các môi trường sống khác nhau có mức độ đa dạng sinh học khác nhau, thể hiện ở số lượng loài, số cá thể trong loài.  HS hoạt động cá nhân và trả lời câu hỏi:  Đa dạng sinh học là sự phong phú về số lượng loài, số cá thể trong loài; số loài và môi trường sống. Dựa vào điều kiện khí hậu, đa dạng được phân chia theo các khu vực như: đa dạng sinh học ở hoang mạc, đa dạng sinh học vùng đài nguyên, đa dạng sinh học rừng mưa nhiệt đới, đa dạng sinh học vùng ôn đới, đa dạng sinh học rừng lá kim,... |
| **Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**  **Gv tổng kết và** hướng dẫn HS đọc thêm về đa dạng sinh học Việt Nam trong SGK  - Đánh giá hoạt động: đánh giá lẫn nhau | Các nhóm khác nhận xét, bổ sung và đánh giá lẫn nhau.  HS rút ra được kiến thức:  Đa dạng sinh học là sự phong phú về số lượng loài, số cá thể trong loài; số loài và môi trường sống. Dựa vào điều kiện khí hậu, đa dạng được phân chia theo các khu vực như: đa dạng sinh học ở hoang mạc, đa dạng sinh học vùng đài nguyên, đa dạng sinh học rừng mưa nhiệt đới, đa dạng sinh học vùng ôn đới, đa dạng sinh học rừng lá kim,... |

**TIẾT 2. HOẠT ĐỘNG 2. VAI TRÒ CỦA ĐA DẠNG SINH HỌC**

*Hoạt động 2: Tìm hiểu vai trò của đa dạng sinh học trong tự nhiên và thực tiễn*

**a. Mục tiêu:**

- Nêu được vai trò của đa dạng sinh học trong tự nhiên và trong thực tiễn

- Giải thích được vì sao cần bảo vệ đa dạng sinh học.

**b. Nội dung**: Sử dụng phương pháp dạy học nhóm kết hợp kĩ thuật động não, GV cho HS tìm hiểu và viết ra những hiểu biết của các em về vai trò của đa dạng sinh học.

**c. Sản phẩm: Phiếu học tập số 2.**

**d. Tổ chức hoạt động:**

|  |  |
| --- | --- |
| Hoạt động của GV | Hoạt động của học sinh |
| **Chuyển giao nhiệm vụ học tập**  GV giới thiệu tranh hình 40.5, 40.6, 40.7 và các tranh ảnh, video về vai trò của đa dạng sinh học (vai trò làm sạch môi trường qua phân huỷ sinh vật). Qua quan sát, phân tích tranh hình, HS nhận biết được vai trò của đa dạng sinh học trong tự nhiên và thực tiễn.  Phiếu học tập số 2.  Nhóm 1 và nhóm 2: Từ thông tin hình 40.5 và 40.6, em hãy cho biết vai trò của đa dạng sinh học trong tự nhiên.  Nhóm 3 và nhóm 4: Quan sát hình 40.7, em hãy chỉ ra giá trị thực tiễn mà đa dạng sinh học đem lại cho con người.  Các nhóm sẽ tìm hiểu vấn đề và trình bày trên giấy Ao (vẽ sơ đồ tư duy) (phần này chuẩn bị trước ở nhà) | HS quan sát tranh và lắng nghe |
| **Thực hiện nhiệm vụ học tập**  *- Giáo viên:* Theo dõi và bổ sung khi cần. | Các nhóm thảo luận và hoàn thành nhiệm vụ học tập |
| **Báo cáo kết quả và thảo luận**  Gv lắng nghe phần trình bày của các nhóm | Lần lượt các nhóm sẽ trình bày vấn đề trước lớp, |
| ***\*Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ***  *- Giáo viên nhận xét, đánh giá.*  *Đánh giá: vẽ đẹp; sáng tạo; đúng kiến thức*  -Hoạt động cá nhân:  Sự tồn tại của bất kì sinh vật nào cũng đóng một vai trò nhất định trong tự nhiên và góp phần tạo nên sự đa dạng sinh học. Đa dạng sinh học có vai trò quan trọng như thế nào và tại sao phải bảo vệ đa dạng sinh học?  \* Em hãy lấy một số ví dụ thể hiện vai trò của đa dạng sinh học ở địa phương em.  **Giao nhiệm vụ học tập cho các nhóm thực hiện ở tiết sau.**  *Cho các nhóm bốc thăm chọn nội dung của nhóm mình.*  Nội dung 1: Vẽ tranh, poster thể hiện ý nghĩa bảo vệ đa dạng sinh học.  Nội dung 2: Vẽ tranh, poster tuyên truyền bảo vệ đa dạng sinh học rừng, các sinh vật hoang dã.  Nội dung 3: vẽ tranh, poster tuyên truyền bảo vệ đa dạng sinh học biển.  Nội dung 4. Tạo sản phẩm tái chế tuyên truyền bảo vệ môi trường. | Các nhóm khác nhận xét, bổ sung và đánh giá cho điểm lẫn nhau.  Hoạt động cá nhân:  Dự kiến câu trả lời:  Đa dạng sinh học giúp cân bằng sinh thái trên Trái đất; giúp duy trì và ổn định sự sống; đồng thời cung cấp nguồn nước, lương thực…. tạo môi trường sống thuận lợi cho con người.  -Vai trò của đa dạng sinh học ở địa phương em:  +Cung cấp lương thực - thực phẩm: lợn, gà, vịt,...  +Cung cấp dược liệu: rau diếp cá, gừng, nghệ,...  +Làm cảnh: phong lan, vạn tuế, các loài hoa,...  HS rút và chốt kiến thức:  Đa dạng sinh học là nguồn tài nguyên quý giá đối với tự nhiên và con người.  Trong tự nhiên, đa dạng sinh học góp phần bảo vệ đất, chắn sóng, điều hoà khí hậu, duy trì sự ổn định của hệ sinh thái. Trong thực tiễn, đa dạng sinh học cung cấp các sản phẩm sinh học như: lương thực, thực phẩm, dược liệu,... |

**TIẾT 3. HOẠT ĐỘNG 3. BẢO VỆ ĐA DẠNG SINH HỌC**

***Hoạt động 3.1.*** *Tìm hiểu một số hoạt động làm suy giảm đa dạng sinh học*

a. Mục tiêu:

HS tìm hiểu về một số hoạt động gây suy giảm đa dạng sinh học.

b. Nội dung: Sử dụng phương pháp dạy học cá nhân kết hợp kĩ thuật tranh biện, GV hướng dẫn HS tìm hiểu và đưa ra chủ để tranh luận về các hoạt động gây suy giảm đa dạng sinh học.

c. Sản phẩm: phần tranh luận của HS

d. Cách thức tổ chức hoạt động:

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV** | **Hoạt động của học sinh** |
| **Chuyển giao nhiệm vụ học tập**  GV giới thiệu tranh hình 33.8 và các phim ngắn, ảnh về các hoạt động gây suy giảm đa dạng sinh học  Yêu cầu HS hoạt động cá nhân và tranh luận  Quan sát hình 40.8 và kể tên nhũng hoạt động làm suy giảm đa dạng sinh học.  image487  image488image489 | HS lắng nghe nhiệm vụ |
| **- Hướng dẫn học sinh thực hiện nhiệm vụ:**  *- Giáo viên:* Theo dõi và hướng dẫn | HS thực hiện theo yêu cầu của giáo viên |
| ***\*Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ***  *- Giáo viên nhận xét, đánh giá.*   |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | --- | | **TCĐG** | **Mức 1**  (< 5đ) | **Mức 2**  (5 – 7đ) | **Mức 3**  (8 – 10đ) | **Điểm** | |  | Trình được không quá 4 nguyên nhân gây suy giảm đa dạng sinh học | Trình được 5 đến 7 nguyên nhân gây suy giảm đa dạng sinh học | Trình được 8 đến 10 nguyên nhân gây suy giảm đa dạng sinh học |  |   Hoạt động cá nhân củng cố kiến thức.  \* Vì sao chúng ta cần bảo vệ đa dạng sinh học? | *- Học sinh nhận xét, bổ sung, đánh giá. Dựa vào bảng tiêu chí (*Rubric)  Mất đa dạng sinh học là mất đi sự cân bằng sinh thái; ô nhiễm môi trường; mất nguồn cung cấp lương thực-thực phẩm, dược liệu từ tự nhiên.  Chúng ta cần bảo vệ đa dạng sinh học để duy trì sự cân bằng sinh thái; bảo vệ môi trường; duy trì nguồn lương thực - thực phẩm, dược liệu, ... bền vững; chung sống hoà bình với thiên nhiên và bảo vệ được nơi sống, nguồn sống cho nhiều loài sinh vật, giảm nguy cơ tuyệt chủng của nhiều loài sinh vật quý hiếm.  *HS rút ra kiến thức:*  Đa dạng sinh học đang bị đe doạ do nhiều nguyên nhân:  - Phá rừng, khai thác gỗ, du canh, di dần khai hoang, nuôi trồng thuỷ sản, xây dựng đô thị làm mất môi trường sống của sinh vật.  - Săn bắt, buôn bán động vật, thực vật hoang dã, quý hiếm; sử dụng thuốc trừ sâu, thuốc bảo vệ thực vật, chất thải từ các nhà máy, từ các hoạt động sống của con người làm ô nhiễm môi trường. |

***Tiết 3 Hoạt động 3.1.*** *Tìm hiểu một số biện pháp bảo vệ đa dạng sinh học*

*a.* Mục tiêu:

- Đề xuất được các biện pháp bảo vệ đa dạng sinh học.

**-** Sáng tạo trong thiết kế các sản phẩm học tập.

b. Nội dung: Hs thiết kế poster tuyên truyền bảo vệ đa dạng sinh học.

c. Sản phẩm: Đánh giá sản phẩm học tập (bài trình bày)

d. Cách thức tổ chức hoạt động:

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV** | **Hoạt động của học sinh** |
| **Chuyển giao nhiệm vụ học tập**  Trong tiết học trước, GV giao nhiệm vụ cho 4 những nội dung (các nhóm bốc thăm để chọn nội dung cần thực hiện.  Nội dung 1: vẽ tranh, poster thể hiện ý nghĩa bảo vệ đa dạng sinh học  Nội dung 2: Vẽ tranh, poster tuyên truyền bảo vệ đa dạng sinh học rừng, các sinh vật hoang dã  Nội dung 3: vẽ tranh, poster tuyên truyền bảo vệ đa dạng sinh học biển  Nội dung 4. Tạo sản phẩm tái chế tuyên truyền bảo vệ môi trường | HS lắng nghe |
| **- Hướng dẫn học sinh thực hiện nhiệm vụ:**  GV quan sát, hỗ trợ khi cần thiết | Thực hiện tại nhà, chuẩn bị nội dung và bài thuyết trình. |
| **Báo cáo kết quả và thảo luận**  Gv lắng nghe phần trình bày của các nhóm | Lần lượt các nhóm sẽ trình bày vấn đề trước lớp, |
| ***\*Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ***  *- Giáo viên nhận xét, đánh giá.*  Đánh giá hoạt động: bảng kiểm (phụ lục 1)  Hoạt động cá nhân:  Hãy nêu một số hoạt động góp phần bảo vệ đa dạng sinh học.  Theo em, các khu bảo tồn có vai trò gì trong việc bảo vệ đa dạng sinh học? | *- Học sinh nhận xét, bổ sung, đánh giá dựa vào bảng kiểm*  *HS chốt kiến thức:*  -Nghiêm cấm phá rừng để bảo vệ môi trường sống của các loài sinh vật  -Cấm săn bắt, buôn bán, sử dụng trái phép các loài động vật hoang dã.  -Xây dựng các khu bảo tồn nhằm bảo vệ các động vật, trong đó có các loài quý hiếm.  -Tuyên truyền, giáo dục rộng rãi trong nhân dân để mọi người tham gia bảo vệ rừng.  -Tăng cường các hoạt động trồng cây, bảo vệ rừng, bảo vệ môi trường.  Các khu bảo tồn là nơi bảo vệ và duy trì tính đa dạng sinh học, các nguồn tài nguyên thiên nhiên, kết hợp với việc bảo vệ các tài nguyên văn hoá và được quản lí bằng pháp luật hoặc các phương thức hữu hiệu khác.  Các khu bảo tổn có nhiệm vụ bảo tồn đa dạng sinh học, quản lí, bảo vệ tài nguyên thiên nhiên, nghiên cứu khoa học và tham quan du lịch. |

**HOẠT ĐỘNG III. LUYỆN TẬP**

a. Mục tiêu: học sinh sử dụng kiến thức đã học trả lời các câu hỏi trong SGK

b. Nội dung: HS thảo luân nhóm để sử dụng kiến thức đa dạng sinh học

c. Sản phẩm: Câu trả lời của HS

d. Cách thức tổ chức hoạt động:

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV** | **Hoạt động của học sinh** |
| **Chuyển giao nhiệm vụ học tập**  GV yêu cầu HS thảo luận nhóm hoàn thành phiếu học tập số 3:  1/Biện pháp nào sau đây không phải là bảo vệ đa dạng sinh học?  A. Nghiêm cấm phá rừng để bảo vệ môi trường sống của các loài sinh vật  B. Cấm săn bắt, buôn bán, sử dụng trái phép các loài động vật hoang dã.  C.Tuyên truyền, giáo dục rộng rãi trong nhân dân để mọi người tham gia bảo vệ rừng.  D. Dừng hết mọi hoạt động khai thác động vật, thực vật của con người.  2/Mục tiêu nào sau đâỵ không phải của Công ước CBD (Convention on Biological Diversityp)  A.Bảo toàn đa dạng sinh học.  B.Sử dụng lâu bển các bộ phận hợp thành.  C. Phân phối công bằng, hợp lí lợi ích có được nhờ việc khai thác và sử dụng nguổn gen.  D. Cấm khai thác và sử dụng nguổn gen.  3/Sử dụng các từ gợi ý: cá thể, số lượng loài, đa dạng sinh học, môi trường sống để điền vào chỗ trống cho phù hợp:  Đa dạng sinh học là sự phong phú về (1)số (2) ... trong loài, và (3).... Dựa vào điều kiện khí hậu, (4)... được phân chia theo các khu vực như: đa dạng sinh học ở hoang mạc, đa dạng sinh học vùng đài nguyên, đa dạng sinh học rừng mưa nhiệt đới, đa dạng sinh học vùng ôn đới, đa dạng sinh học rừng lá kim.  4/Tại sao đa dạng sinh học ở hoang mạc lại thấp hơn rất nhiều so với đa dạng sinh học ở rừng mưa nhiệt đới? | HS lắng nghe nhiệm vụ |
| **- Hướng dẫn học sinh thực hiện nhiệm vụ:**  GV quan sát, hỗ trợ khi cần thiết | HS thực hiện theo yêu cầu của giáo viên |
| **Báo cáo kết quả và thảo luận**  Mời 1 nhóm lên bảng trình bày kết quả. Các nhóm khác đổi chéo cho nhau để chấm điểm sau khi GV cho đáp án | - Nhóm được chọn trình bày kết quả  - Mời nhóm khác nhận xét |
| ***\*Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ***  *- Giáo viên nhận xét, đánh giá.* | *- Học sinh nhận xét, bổ sung, đánh giá* |

**HOẠT ĐỘNG IV. VẬN DỤNG**

a. Mục tiêu: học sinh vận dụng kiến thức đã học trả lời các câu hỏi thực tế

b. Nội dung: Dùng phiếu học tập trả lời các câu hỏi.

c. Sản phẩm: Câu trả lời của HS

d. Cách thức tổ chức hoạt động:

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV** | **Hoạt động của học sinh** |
| **Chuyển giao nhiệm vụ học tập**  GV yêu cầu HS thảo luận cặp đôi hoàn thành phiếu học tập số 4:  1/ Em cần làm gì để bảo vệ đa dạng sinh học?  2/ HS nêu câu khẩu hiệu tuyên truyền về đa dạng sinh học tại địa phương.  3/ Hãy kể các hành động nhỏ nhất hằng ngày mà các em có thể làm ở trường, ở nhà và trên đường phố để bảo vệ đa dạng sinh học. | HS lắng nghe nhiệm vụ |
| **- Hướng dẫn học sinh thực hiện nhiệm vụ:**  GV quan sát, hỗ trợ khi cần thiết | HS thực hiện theo yêu cầu của giáo viên |
| **Báo cáo kết quả và thảo luận**  ***+*** Chọn 1 cặp đôi lên bảng trình bày kết quả  + Mời nhóm khác nhận xét | - Nhóm được chọn trình bày kết quả  - Mời nhóm khác nhận xét |
| ***\*Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ***  *- Giáo viên nhận xét, đánh giá.* | *- Học sinh nhận xét, bổ sung, đánh giá* |

***C. Dặn dò***

- Học sinh làm bài tập SGK, SBT

- Chuẩn bị bài mới trước khi lên lớp

***D. Kiểm tra đánh giá thường xuyên***

- Kết thúc bài học, Gv cho học sinh tự đánh giá theo bảng sau

* *Bảng hướng dẫn đánh giá*

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Tiêu chí** | **Mức độ điểm đáp ứng tiêu chí** | | | **Điểm** |
| **Mức 1 (2 điểm)** | **Mức 2 (3 điểm)** | **Mức 3 (5 điểm)** |
| Mức độ tham gia hoạt động nhóm | Ngồi quan sát các bạn thực hiện | Có tham gia nhưng chưa tích cực | Nhiệt tình, sôi nổi, tích cực |  |
| Đóng góp ý kiến | Chỉ nghe ý kiến mà không có ý kiến đóng góp | Có ý kiến | Có nhiều ý kiến và ý tưởng |  |
| Tiếp thu, trao đổi ý kiến | Lắng nghe | Có lắng nghe phản hồi | Lắng nghe ý kiến của thành viên khác, phản hồi và tiếp thu ý kiến hiệu quả |  |

* 1. *Bảng đánh giá từng thành viên của nhóm*

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Họ và tên** | **Mức đánh giá tiêu chí 1** | **Mức đánh giá tiêu chí 2** | **Mức đánh giá tiêu chí 3** | **Tổng điểm** |
| 1 |  |  |  |  |  |
| 2 |  |  |  |  |  |
| 3 |  |  |  |  |  |
| … |  |  |  |  |  |

PHỤ LỤC:

1. **Rubric hoạt động I (phụ lục 1)**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Tiêu chí đánh giá** | **Mức 1**  **(yếu)** | **Mức 2**  **(trung bình)** | **Mức 3**  **(khá)** | **Mức 4**  **(giỏi)** |
| Kể tên các nơi có cảnh thiên nhiên đẹp | - Kể được 2 nơi | - Kể được 3 nơi | - Kể được 4 nơi | - Kể được nhiều hơn 4 nơi |
| Giải thích lý do | Chưa giải thích được hoặc giải thích chưa rõ ràng | * Giải thích nhưng chưa rõ ràng vì sao thiên nhiên ở đó đẹp | * Giải thích được vì sao thiên nhiên ở đó đẹp (tập trung các yếu tố đa dạng sinh học). | -Giải thích được vì sao thiên nhiên ở đó đẹp (tập trung các yếu tố đa dạng sinh học).  - Cách trình bày hấp dẫn, lôi cuốn. |

1. **Bảng kiểm đánh giá sản phẩm học tập của hoạt động 3.2 (phụ luc 2)**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Các tiêu chí** | **Có** | **Không** |
| 1 | Sản phẩm có thể hiện rõ nội dung tuyên truyền |  |  |
| 2 | Hình ảnh, màu sắc… sản phẩm đẹp, hài hoà |  |  |
| 3 | Ngôn ngữ thể hiện trên sản phẩm rõ ràng, dễ hiểu; sản phẩm tái chế có tính ứng dụng trong cuộc sống |  |  |
| 4 | Có chào mở đầu, giới thiệu và chào kết thúc |  |  |
| 5 | Có tương tác với người nghe bằng những câu hỏi |  |  |
| 6 | Nghiêm túc khi thực hiện nhiệm vụ |  |  |
| 7 | Thuyết trình hay, hấp dẫn, lôi cuốn, có mời nhận xét |  |  |
| 8 | Sản phẩm hoặc cách trình bày sáng tạo |  |  |
| 9 | Đảm bảo thời gian yêu cầu |  |  |

**BÀI 34. TÌM HIỂU SINH VẬT NGOÀI THIÊN NHIÊN**

(Thời gian thực hiện: 3 tiết)

**I. Mục tiêu**

***1. Kiến thức***

- Thực hiện được một số phương pháp tìm hiểu sinh vật ngoài thiên nhiên.

- Quan sát và phân biệt được một số nhóm sinh vật ngoài thiên nhiên.

- Chụp ảnh và làm được bộ sưu tập ảnh về các nhóm sinh vật (thực vật, động vật có xương sống và động vật không xương sống).

- Nhận biết được vai trò của sinh vật trong tự nhiện.

- Sử dụng được khóa lưỡng phân để phân loại một số nhóm sinh vật.

- Trình bày được báo cáo đơn giản vể kết quả tìm hiểu sinh vật ngoài thiên nhiên.

***2. Năng lực***

- Năng lực chung:

+ Tự chủ và tự học: Chủ động, tích cực thực hiện các nhiệm vụ của bản thân tìm hiểu sinh vật ngoài thiên nhiên;

+ Giao tiếp và hợp tác: Chủ động, gương mẫu, phối hợp các thành viên trong nhóm hoàn thành bộ SƯU tập ảnh, vẽ sơ đổ khoá lưỡng phân; Đánh giá kết quả đạt được của nhóm sau khi hoàn thành báo cáo kết quả tìm hiểu sinh vật ngoài thiên nhiên;

+ Giải quyết vấn đề và sáng tạo: Vận dụng linh hoạt các kiến thức, kĩ năng thiết kế bộ sưu tập ảnh phù hợp, khoa học; Viết báo cáo, trình bày và thảo luận về khoá lưỡng phân.

- Năng lực khoa học tự nhiên

+ Nhận thức khoa học tự nhiên: Thực hiện được một số phương pháp tìm hiểu sinh vật ngoài thiên nhiên; Nhận biết được vai trò của sinh vật trong tự nhiên (ví dụ, cho bóng mát, điều hoà khí hậu, làm sạch môi trường, làm thức ăn cho động vật,...);

+ Tìm hiểu tự nhiên: Quan sát và phân biệt được một số nhóm thực vật ngoài thiên nhiên; Chụp ảnh và làm được bộ sưu tập ảnh về các nhóm sinh vật (thực vật, động vật có xương sống, động vật không xương sống);

+ Vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học: Sử dụng được khoá lưỡng phân để phân loại một số nhóm sinh vật; Làm và trình bày được báo cáo đơn giản về kết quả tìm hiểu sinh vật ngoài thiên nhiên.

***3. Phẩm chất***

**-** Khách quan, trung thực, có trách nhiệm trong buổi thực hành;

- Kiên trì, tỉ mỉ, cẩn thận trong quá trình quan sát, thực hiện các nhiệm vụ học tập vận dụng, mở rộng;

- Ham học hỏi, khám phá sự đa dạng trong thế giới sinh vật ngoài thiên nhiên;

- Có ý thức sẵn sàng tham gia các hoạt động tuyên truyền bảo vệ môi trường, bảo vệ thế giới sinh vật và khu dân cư.

**II. Thiết bị dạy học và học liệu**

- Kính lúp, máy ảnh, sổ ghi chép, thước dây, bút,dụng cụ thu mẫu thực vật (kéo, cặp ép, giấy báo, …)

- Tài liệu nhận diện nhanh một số loài sinh vật.

- Phiếu học tập

PHT số 1

Bảng nhận dạng các nhóm thực vật

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| STT | Rêu | Dương xỉ | Hạt trần | Hạt kín |
| 1 |  |  |  |  |
| 2 |  |  |  |  |
| … |  |  |  |  |

Bảng nhận dạng các nhóm động vật không xương sống

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| STT | Ruột khoang | Giun | Thân mềm | Chân khớp |
| 1 |  |  |  |  |
| 2 |  |  |  |  |
| … |  |  |  |  |

Bảng nhận dạng các nhóm động vật có xương sống

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| STT | Cá | Lưỡng cư | Bò sát | Chim | Thú |
| 1 |  |  |  |  |  |
| 2 |  |  |  |  |  |
| … |  |  |  |  |  |

PHT số 2

Bảng liệt kê các nhóm Thực vật quan sát được

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| STT | Tên loài | | Rêu | Dương xỉ | Hạt trần | Hạt kín | Vai trò | Ghi chú |
| 1 |  | |  |  |  |  |  |  |
| 2 |  | |  |  |  |  |  |  |
| … | |  |  |  |  |  |  |  |

Bảng liệt kê các nhóm động vật không xương sống quan sát được

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| STT | Tên loài | | Ruột khoang | Giun | Thân mềm | Chân khớp | Vai trò | Ghi chú |
| 1 |  | |  |  |  |  |  |  |
| 2 |  | |  |  |  |  |  |  |
| … | |  |  |  |  |  |  |  |

Bảng liệt kê các nhóm động vật có xương sống quan sát được

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| STT | Tên loài | | Cá | Bò sát | Lưỡng cư | Chim | Thú | Vai trò | Ghi chú |
| 1 |  | |  |  |  |  |  |  |  |
| 2 |  | |  |  |  |  |  |  |  |
| … | |  |  |  |  |  |  |  |  |

**PHT số 3**

Báo cáo:

Kết quả tìm hiểu đa dạng sinh vật ngoài thiên nhiên

Thứ … ngày … tháng … năm….

Nhóm ……. Lớp

1. Giới thiệu bộ sưu tập ảnh các nhóm sinh vật ngoài thiên nhiên.

2.Vẽ sơ đồ vai trò của sinh vật ngoài thiên nhiên.

3. Xây dựng khoá lưỡng phân các nhóm sinh vật ngoài thiên nhiên.

4. Em hãy đưa ra một thông điệp để tuyên truyền bảo vệ các loài động vật, thực vật và bảo vệ mỏi trường sống của chúng.

**III. Tiến trình dạy học**

A. Chuẩn bị

(GV hướng dẫn HS thực hiện ở phần hướng dẫn về nhà của tiết trước)

1. Địa điểm:

- Nhiệm vụ: GV lựa chọn địa điểm tham quan; chuẩn bị các dụng cụ quan sát; hướng dẫn HS quan sát, ghi chép thông tin để nghiên cứu các sinh vật ngoài thiên nhiên.

- Lựa chọn địa điểm thuận lợi và phù hợp ví trí và điều kiện của trường ( thảo cầm viên, vườn quốc gia, vườn trường,…) nơi có độ đa dạng cao về sinh vật, đảm bảo an toàn.

- Tuỳ vào địa điểm đến tham quan, GV có thể gợi ý để HS trả lời theo các tiêu chí: khí hậu, nằm cách khu dân cư bao nhiên mét/ kilomet, diện tích, thực vật thường gặp (Vườn trường: khí hậu, diện tích, các loại cây chính trong vườn trường).

2. Dụng cụ: Xác định một số dụng cụ cẩn thiết để quan sát sinh vật ngoài thiên nhiên. Dụng cụ cần thiết:

- Kính lúp, máy ảnh, sổ ghi chép, thước dây, bút, ống nhòm, dụng cụ thu mẫu thực vật ( kéo, cặp ép, giấy báo, lọ đựng mẫu, vợt bắt bướm …), nhãn dán mấu.

- Tư trang đảm bảo an toàn cho cá nhân (bao tay, mũ nón,…)

- Tài liệu nhận diện nhanh một số loài sinh vật: HS hoàn thành PHT số 1

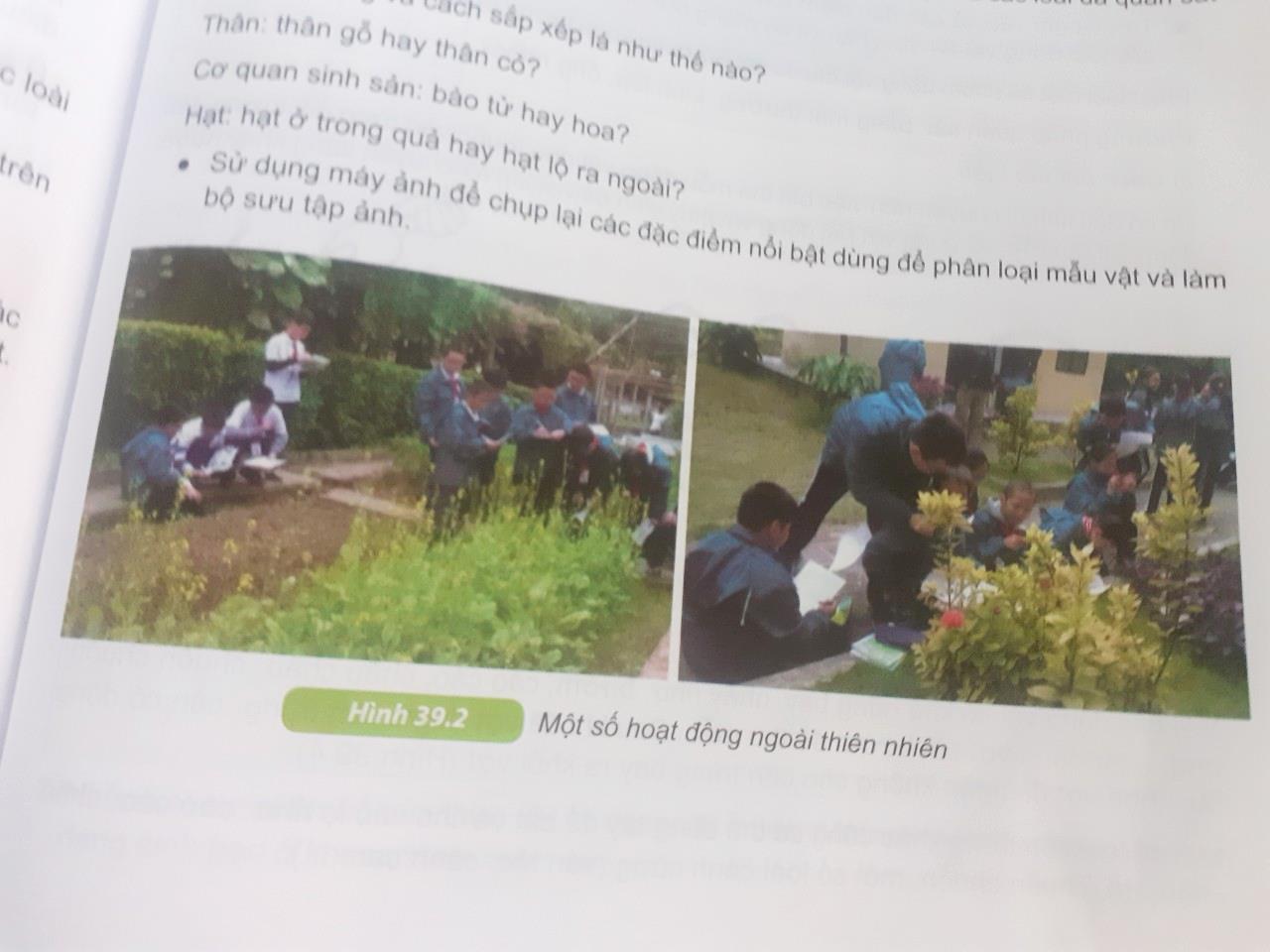
***B. Khởi động***

a. Mục tiêu: tạo ra cho học sinh hứng thú sẵn sàng tham gia khám phá sự đa dạng trong thế giới sinh vật ngoài thiên nhiên.

b. Nội dung: GV tổ chức cho học sinh xem 1 số hình ảnh về hoạt động ngoài thiên nhiên .

c. Sản phẩm: Ý nghĩa của hoạt động trải nghiệm: *Tìm hiểu sinh vật ngoài thiên nhiên*

d. Tổ chức thực hiện



|  |  |
| --- | --- |
| Hoạt động của GV | Hoạt động của học sinh |
| ***- Giao nhiệm vụ: (1s)***  Quan sát hình ảnh về hoạt động ngoài thiên nhiên để trả lời câu hỏi.  H. Tìm hiểu sinh vật ngoài thiên nhiên nhằm mục đích gì? | - Nhận nhiệm vụ |
| ***- Hướng dẫn học sinh thực hiện nhiệm vụ:***  ***+*** Chiếu hình ảnh để học sinh quan sát, hỗ trợ khi cần thiết | - HS trả lời câu hỏi  - Đại diện HS trả lời |
| ***- GV*** *Chốt lại và đặt vấn đề vào bài: Hoạt động trải nghiệm “Tìm hiểu sinh vật ngoài thiên nhiên” sẽ giúp các em củng cố lại những kiến thức đã học về thực vật và động vật, mở rộng kiến thức về sự đa dạng sinh học. Thông qua việc tìm hiểu đặc điểm thích nghi kì diệu của các sinh vật, mối quan hệ khăng khít và vai trò quan trọng của chúng với nhau và với con người, chúng ta càng thêm yêu quý và say mê nghiên cứu thế giới sinh vật, nâng cao ý thức bảo vệ thiên nhiên và đa dạng sinh học.* | - Chuẩn bị sách vở học bài |

C.Tổ chức dạy học

***Tiết 1. Hoạt động 2:* Quan sát, chụp ảnh một số sinh vật ngoài thiên nhiên**

a. Mục tiêu: Học sinh quan sát bằng mắt thường, kính lúp, sử dụng máy ảnh, điện thoại để quan sát một số động vật, thực vật. Ghi chép các thông tin quan sát được vào phiếu quan sát.

b. Nội dung: GV sử dụng phương pháp trực quan, phương pháp học tập qua trải nghiệm tổ chức cho học sinh hoạt động đôi để làm rõ mục tiêu trên.

c. Sản phẩm: Hình ảnh và phiếu học tập của học sinh

d. Tổ chức thực hiện

|  |  |
| --- | --- |
| Hoạt động của GV | Hoạt động của học sinh |
| ***- Giao nhiệm vụ:*** 2 bạn sẽ ghép thành 1 cặp đôi để quan sát | - Nhận nhiệm vụ |
| ***- Hướng dẫn học sinh thực hiện nhiệm vụ:***  + Quan sát một số động vật, thực vật lớn bằng mắt thường như: Dương xỉ, hạt trần (thông, tùng…), hạt kín (cây có hoa), đông vật trên cạn, động vật dưới nước, …  + Quan sát thực vật nhỏ (cây rêu), động vật nhỏ bằng kính lúp, hoặc sử dụng ống nhòm để quan sát động vật trên cây.  + Sử dụng máy ảnh hoặc điện thoại để chụp ảnh thực vật, động vật quan sát được.  + Ghi chép các thông tin quan sát được vào phiếu quan sát (PHT số 2) | - Nhóm đôi thực hiện nhiệm vụ , hoàn thành phiếu học tập số 2. |

Tiết 2. ***Hoạt động 2:*** Làm bộ sưu tập ảnh các nhóm sinh vật ngoài thiên nhiên

a. Mục tiêu: GV hướng dẫn HS sử dụng hình ảnh sinh vật đã chụp được trong quá trình tham quan thiên nhiên để làm bộ sưu tập ảnh động vật và thực vật.

b. Nội dung: GV hướng dẫn HS làm việc nhóm để hoàn thành bộ sưu tập ảnh.

c. Sản phẩm: Bộ sưu tập ảnh.

d. Tổ chức thực hiện

|  |  |
| --- | --- |
| Hoạt động của GV | Hoạt động của học sinh |
| ***- Giao nhiệm vụ:***  Bước 1: Phân loại ảnh theo nhóm phân loại sinh vật.  Bước 2: Xác định tên các đại diện nhóm sinh vật.  Bước 3: Làm bộ sưu tập ảnh thực vật, động vật không xương sống, động vật có xương sống. | - Nhận nhiệm vụ |
| ***- Hướng dẫn học sinh thực hiện nhiệm vụ:***  ***+*** GV quan sát, hỗ trợ khi cần thiết | - Phân công nhiệm vụ các thành viên trong nhóm, tiến hành thực hiện nhiệm vụ. |

***Hoạt động 3:*** ***Tìm hiểu vai trò của sinh vật ngoài thiên nhiên***

a. Mục tiêu: HS thảo luận về vai trò của sinh vật ngoài thiên nhiên.

b. Nội dung: HS thảo luận theo nhóm và tìm hiểu thêm trên mạng internet về vai trò của sinh vật ngoài thiên nhiên.

c. Sản phẩm: Sơ đồ về vai trò của sinh vật ngoài thiên nhiên

d. Tổ chức thực hiện

|  |  |
| --- | --- |
| Hoạt động của GV | Hoạt động của học sinh |
| ***- Giao nhiệm vụ:***  Bước 1: Lập sơ đồ về vai trò của sinh vật ngoài thiên nhiên.  GV gợi ý:  D:\ADMINI~1\AppData\Local\Temp\FineReader11.00\media\image84.jpeg  Bước 2: Đưa ảnh các sinh vật vào đúng sơ đồ trên. | - Nhận nhiệm vụ |
| ***- Hướng dẫn học sinh thực hiện nhiệm vụ:***  ***+*** GV quan sát, hỗ trợ khi cần thiết | - Phân công nhiệm vụ các thành viên trong nhóm, tiến hành thực hiện nhiệm vụ |

***Hoạt động 4:*** Phân loại một số nhóm sinh vật theo khoá lưỡng phân

a. Mục tiêu: HS sử dụng khoá lưỡng phân để phân loại các nhóm sinh vật trên bộ ảnh đã chụp được.

b. Nội dung: HS làm việc nhóm để phân loại các nhóm sinh vật theo khoá lưỡng phân.

c. Sản phẩm: Sơ đồ khóa lưỡng phân

d. Tổ chức thực hiện

|  |  |
| --- | --- |
| Hoạt động của GV | Hoạt động của học sinh |
| ***- Giao nhiệm vụ:***  Bước 1: Lập sơ đồ khóa lưỡng phân cho các nhóm thực vật, các nhóm động vật không xương sống, các nhóm động vật có xương sống.  GV gợi ý:    Bước 2: Đưa ảnh các sinh vật vào đúng sơ đồ trên. | - Nhận nhiệm vụ |
| ***- Hướng dẫn học sinh thực hiện nhiệm vụ:***  ***+*** GV quan sát, hỗ trợ khi cần thiết | - Phân công nhiệm vụ các thành viên trong nhóm, tiến hành thực hiện nhiệm vụ |

***Tiết 3 - Hoạt động 5***

Báo cáo kết quả tìm hiểu sinh vật ngoài thiên nhiên

a. Mục tiêu: HS tổng hợp các kết quả thực hiện được khi tham quan thiên nhiên và thể hiện trên slide hoặc trên giấy dạng áp phích.

b. Nội dung: HS làm việc nhóm ở nhà để thực hiện nhiệm vụ.

c. Sản phẩm: Báo cáo kết quả.

d. Tổ chức thực hiện.

|  |  |
| --- | --- |
| Hoạt động của GV | Hoạt động của học sinh |
| ***- Giao nhiệm vụ:***  Viết và trình bày báo cáo theo mẫu:  Báo cáo:  Kết quả tìm hiểu đa dạng sinh vật ngoài thiên nhiên  Thứ … ngày … tháng … năm….  Nhóm ……. Lớp  1. Giới thiệu bộ sưu tập ảnh các nhóm sinh vật ngoài thiên nhiên.  2.Vẽ sơ đồ vai trò của sinh vật ngoài thiên nhiên.  3. Xây dựng khoá lưỡng phân các nhóm sinh vật ngoài thiên nhiên.  4. Em hãy đưa ra một thông điệp để tuyên truyền bảo vệ các loài động vật, thực vật và bảo vệ mỏi trường sống của chúng.  (Có thể đưa thông điệp bằng áp phích hoặc câu khẩu hiệu hoặc một đoạn video ngắn). | - Nhận nhiệm vụ |
| ***- Hướng dẫn học sinh thực hiện nhiệm vụ:***  ***+*** GV quan sát, hỗ trợ khi cần thiết | - Phân công nhiệm vụ các thành viên trong nhóm, tiến hành thực hiện nhiệm vụ |
| ***- Báo cáo kết quả:***  - Mời các nhóm lên bảng trình bày kết quả.  - Mời nhóm khác nhận xét  - GV phân tích, nhận xét, đánh giá cho điểm. | - Nhóm được chọn trình bày kết quả  - Nhóm khác nhận xét |

***D. Dặn dò***

- Học sinh làm bài tập SBT

- Chuẩn bị bài mới trước khi lên lớp

***D. Kiểm tra đánh giá thường xuyên***

- Kết thúc bài học, Gv cho học sinh tự đánh giá theo bảng sau

Nhóm …………

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| Các tiêu chí | Tốt | Khá | TB | Chưa đạt |
| Chuẩn bị bài trước khi đến lớp |  |  |  |  |
| Tham gia hoạt động nhóm theo yêu cầu của GV |  |  |  |  |
| 1. Giới thiệu bộ sưu tập ảnh các nhóm sinh vật ngoài thiên nhiên. |  |  |  |  |
| 2.Vẽ sơ đồ vai trò của sinh vật ngoài thiên nhiên. |  |  |  |  |
| 3. Xây dựng khoá lưỡng phân các nhóm sinh vật ngoài thiên nhiên. |  |  |  |  |
| 4. Em hãy đưa ra một thông điệp để tuyên truyền bảo vệ các loài động vật, thực vật và bảo vệ mỏi trường sống của chúng. |  |  |  |  |

**ÔN TẬP CHỦ ĐỀ 8**

(Thời gian thực hiện: 1 tiết)

**I. Mục tiêu:**

***1. Kiến thức***

- HS hệ thống hoá được kiến thức về đa dạng sinh học, vai trò của đa dạng sinh học, sự suy giảm đa dạng và các biện pháp bảo vệ đa dạng sinh học.

- Vận dụng kiến thức đa dạng sinh học vào thực tiễn cuộc sống.

***2. Năng lực***

- Năng lực chung:

+ Tự chủ và tự học: Chủ động, gương mẫu, phối hợp các thành viên trong nhóm hoàn thành các nội dung ôn tập chủ đề;

+ Giao tiếp và hợp tác: Xác định nội dung hợp tác nhóm, tích cực thực hiện các nhiệm vụ của bản thân trong chủ đề ôn tập; Đánh giá kết quả đạt được của nhóm trong bài ôn tập chủ đề;

+ Giải quyết vấn đề và sáng tạo: Đề xuất, phân tích, thiết kế sơ đồ tư duy về sự đa dạng các nhóm sinh vật; Vận dụng linh hoạt các kiến thức, kĩ năng đánh giá chủ đề ôn.

- Năng lực khoa học tự nhiên:

+ Nhận thức khoa học tự nhiên: Hệ thống hoá được kiến thức về đa dạng thế giới sống và vai trò của mỗi nhóm sinh vật trong thực tiễn;

+ Tìm hiểu tự nhiên: Trình bày được lợi ích và tác hại của các nhóm sinh vật trong tự nhiên và thực tiễn;

+ Vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học: Biết ứng dụng những lợi ích của các nhóm sinh vật và hạn chế các tác hại do sinh vật gây ra đối với con người, tự nhiên.

***3. Phẩm chất***

- Có ý thức tìm hiểu về chủ đề học tập, say mê và có niềm tin vào khoa học;

- Quan tâm đến bài tổng kết của cả nhóm, có ý chí vượt qua khó khăn khi thực hiện các nhiệm vụ học tập vận dụng, mở rộng;

- Ham học hỏi, khám phá sự đa dạng trong thế giới sinh vật ngoài thiên nhiên;

- Có ý thức sẵn sàng tham gia các hoạt động tuỵên truyền bảo vệ môi trường, bảo vệ thế giới sinh vật.

**II. Thiết bị dạy học và học liệu:**

- Hình ảnh giới thiệu các nhóm sinh vật.

- Máy chiếu, laptop.

- Giấy A4, bút màu.

- Sơ đồ hệ thống hóa kiến thức.

- Phiếu học tập. **PHT 1: Tìm hiểu đa dạng sinh học**

Nhóm:…………

|  |  |
| --- | --- |
| **Đa dạng sinh học** | **Nội dung** |
| Khái niệm |  |
| Vai trò |  |
| Nguyên nhân suy giảm |  |
| Hậu quả |  |
| Biện pháp bảo vệ |  |

**III. Tiến trình dạy học**

***A. Khởi động***

***Hoạt động 1: Chơi trò chơi “ Đuổi hình – bắt chữ”***

a. Mục tiêu: Tạo hứng thú học tập cho học sinh, giúp học sinh nhận diện được sự đa dạng của thế giới sống.

b. Nội dung: GV tổ chức cho học sinh xem hình ảnh về các giới sinh vật, Hs xem hình ảnh và đoán xem các hình ảnh đó đang nói đến giới sinh vật nào.

c. Sản phẩm: HS đoán đúng các giới sinh vật.

d. Tổ chức thực hiện

|  |  |
| --- | --- |
| Hoạt động của GV | Hoạt động của học sinh |
| ***- Thông báo luật chơi:*** Quan sát hình ảnh đoán chủ đề được nhắc đến? Các nhóm ghi kết quả vào bảng con, nhóm nào trả lời đúng nhanh nhất được 20 điểm, các nhóm còn lại 10 điểm. Thời gian trả lời 1 phút. | - Ghi nhớ luật chơi |
| ***- Giao nhiệm vụ:***  ***+*** Quan sát hình ảnh để đưa ra tên giới sinh vật được nói đến?  + Thời gian hoàn thành nhiệm vụ là đúng 1 phút sau khi đã mở hết các hình ảnh chủ đề. | - Nhận nhiệm vụ |
| ***- Hướng dẫn học sinh thực hiện nhiệm vụ:***  ***+*** Lần lượt chiếu hình ảnh để học sinh quan sát, hỗ trợ khi cần thiết. | - Thực hiện nhiệm vụ theo nhóm, ghi kết quả lên bảng con. |
| ***- Chốt lại và đặt vấn đề vào bài:*** Đây chính là 5 giới sinh vật các em đã được tìm hiểu, qua các giới sinh vật này các em cũng đã thấy được sự đa dạng của thế giới sống, hôm nay chúng ta sẽ tìm hiểu tiết ôn tập để giúp các em nắm rõ hơn về đa dạng sinh học cũng như vận dụng tốt hơn vào thực tiễn cuộc sống. | - Chuẩn bị sách vở học bài |

***B. Hình thành kiến thức mới:***

***Hoạt động 2: Hệ thống hóa kiến thức***

a. Mục tiêu: HS hệ thống hoá được kiến thức về đa dạng sinh học, vai trò của đa dạng sinh học, sự suy giảm đa dạng và các biện pháp bảo vệ đa dạng sinh học.

b. Nội dung: GV tổ chức cho học sinh hoạt động nhóm để làm rõ mục tiêu trên

c. Sản phẩm: Sơ đồ, phiếu học tập.

d. Tổ chức thực hiện

|  |  |
| --- | --- |
| Hoạt động của GV | Hoạt động của học sinh |
| ***- Giao nhiệm vụ 1:*** Hệ thống kiến thức về đa dạng thế giới sống.Các nhóm tái hiện lại kiến thức đã học, nêu đặc điểm cơ bản của các giới sinh vật ( Đặc điểm, đại diện, bệnh cho SV đó gây ra)  Nhóm 1: Virus Nhóm 2: Vi khuẩn  Nhóm 3: Nguyên sinh vật Nhóm 4: Nấm  Nhóm 5: Thực vật Nhóm 6: Động vật | - Nhận nhiệm vụ |
| ***- Hướng dẫn học sinh thực hiện nhiệm vụ:***  ***+*** Mỗi nhóm thảo luận và hoàn thành kiến thức theo sơ đồ vào giấy A4. Sau khi thảo luận xong, các nhóm lần lượt trình bày có chất lượng tốt sẽ được tặng điểm. ( Tối đa 20 điểm). | - Thực hiện nhiệm vụ thảo luận nhóm hoàn thành sơ đồ. |
| ***- Báo cáo kết quả:***  ***+*** Các nhóm trình bày kết quả thảo luận  + Mời nhóm khác nhận xét  + GV nhận xét sau khi các nhóm đã có ý kiến nhận xét bổ sung | - Đại diện nhóm trình bày kết quả  - Nhóm khác nhận xét |
| ***- Tổng kết***  GV giúp học sinh hoàn thiện sơ đồ kiến thức về sự đa dạng của thế giới sống | - HS hoàn thiện sơ đồ vào vở. |

***Sơ đồ:***

Bệnh dại, sốt xuất huyết, tay chân miệng..

HIV, virus dại, virus khảm thuốc lá

Virus chưa có cấu tạo tế bào, có lớp vỏ protein và vật chất di truyền

Đặc điểm

Virus

Đại diện

Bệnh do virus gây ra

Nhiễm trùng, dịch tả, lao phổi….

Vi khuẩn lao, vi khuẩn E.coli

Đã có cấu tạo tế bào, nhân sơ

Đặc điểm

Vi khuẩn

Đại diện

Bệnh do vi khuẩn gây ra

Đa dạng thế giới sống

Bệnh sốt rét, kiết lị, ngủ li bì..

Trùng roi, trùng giày, tảo lục. tảo silic..

Kích thước hiển vi, đa số đơn bào, số ít đa bào

Đặc điểm

Nguyên sinh vật

Đại diện

Bệnh do nguyên sinh vật gây ra

Ở người: nấm lưỡi, lang ben, hắc lào..

Ở động vật: nấm da chó, nấm mốc trên cá..

Ở thực vật: Nấm mốc ngô, nấm phấn trắng trên đậu

Nấm men, nấm mốc nấm rơm….

Tế bào nhân thực, có thành tế bào, không có lục lạp

Đặc điểm

Nấm

Đại diện

Bệnh do nấm gây ra

Cung cấp thức ăn, nơi ở cho các sinh vật khác, điều hòa khí hậu, giữ đất, giữ nước, bảo vệ môi trường, cung cấp lương thực thực phẩm, dược liệu, làm cảnh, lấy gỗ.

Tác hại: một số chất gây nghiện, gây độc có ảnh hưởng đến sức khỏe.

Rêu, dưỡng xỉ, hạt trần, hạt kín.

Cơ thể đa bào, có diệp lục, sống tự dưỡng, phản ứng chậm với kích thích.

Đặc điểm

Thực vật

Đại diện

Vai trò

Đa dạng thế giới sống

Giun sán ký sinh gây bệnh cho người, động vật, thực vật, một số động vật là trung gian truyền bệnh, phá hủy các công trình xây dựng, nhiều loài dộng vật phá hoại cây trồng ảnh hưởng đến kinh tế địa phương

Động vật không xương, động vật có xương.

Cơ thể đa bào, phân hóa thành mô cơ quan, cơ thể. Có khả năng di chuyển, sống dị dưỡng, phản ứng và thích ứng nhanh với môi trường.

Đặc điểm

Động vật

Đại diện

Bệnh do ĐV gây ra

|  |  |
| --- | --- |
| Hoạt động của GV | Hoạt động của học sinh |
| ***- Giao nhiệm vụ 2:*** Hệ thống kiến thức về đa dạng sinh học. Các nhóm tiếp tục thảo luận nhóm chủ đề đa dạng sinh học theo gợi ý của GV, mỗi nhóm cử một thư ký ghi lại kết quả thảo luận vào PHT 1. | - Nhận nhiệm vụ |
| ***- Hướng dẫn học sinh thực hiện nhiệm vụ:***  ***+*** Các nhóm thảo luận ghi ngắn gọn kết quả thảo luận hoàn thành PHT1  + Sau khi thảo luận xong, nhóm nào xung phong trình bày có chất lượng tốt sẽ được tặng điểm  ***+*** GV quan sát, hỗ trợ khi cần thiết. | - Phân công nhiệm vụ các thành viên trong nhóm, tiến hành thực hiện nhiệm vụ |
| ***- Báo cáo kết quả:*** Mời 1 nhóm lên bảng trình bày kết quả. Các nhóm khác đổi chéo cho nhau để chấm điểm sau khi GV cho đáp án  - Mời nhóm khác nhận xét  - GV nhận xét, hướng dẫn học sinh hệ thống kiến thức về đa dạng sinh học bằng sơ đồ. | - Nhóm được chọn trình bày kết quả  - Nhóm khác nhận xét |
| ***- Đánh giá***  + Yêu cầu học sinh chấm điểm cho các nhóm, mỗi ý đúng được 2 điểm.  + GV thu phiếu học tập để kiểm tra xem các nhóm chấm đúng hay không và lấy điểm | - Các nhóm chấm điểm cho nhóm bạn, báo cáo điểm nhóm bạn. |
| ***- Tổng kết:*** Yêu cầu HS HT kiến thức | - HS HT kiến thức bằng sđ vào vở |

***Sơ đồ***

Trong tự nhiên

Đa dạng về môi trường sống

Đa dang về loài

Khái niệm

Đa dạng sinh học

Vai trò

Sự suy giảm

Đa dang về số lượng cá thể trong loài

Tạo cân bằng sinh thái, bảo vệ môi trường

Cung cấp lương thực thực phẩm, nguyên liệu, dược liệu, làm cảnh. Tạo nên giá trị bảo tồn, nghiên cứu, du lịch

Trong thực tiễn

Chặt phá rừng khai thá gỗ

Săn bắt, buôn bán động vật hoang dã, thực vật quý hiếm

Nguyên nhân

Ô nhiễm môi trường, dịch bệnh

Diện tích rừng bị thu hẹp, làm mất tính đa dạng của thực vật và nơi sống của các sinh vật

Hậu quả

Làm cạn kiệt ngu

ồn tài nguyên SV

Ảnh hưởng đến sự sống của các loài động thực vật

Ngăn chặn nạ chặt phá rừng

Cấm buôn bán sử dụng động vật hoang dã, thực vật quý hiếm

Xây dựng khu bảo tồn thiên nhiên

Biện pháp bảo vệ

Bảo vệ môi trường

***Hoạt động 3: Làm bài tập vận dụng***

a. Mục tiêu: HS vận dụng kiến thức về đa dạng sinh học làm bài tập.

b. Nội dung: GV tổ chức cho HS làm việc theo nhóm nhỏ (2 bạn 1 nhóm) hoàn thành bài tập vận dụng.

c. Sản phẩm: Bài tập

d. Tổ chức thực hiện

|  |  |
| --- | --- |
| Hoạt động của GV | Hoạt động của học sinh |
| ***- Giao nhiệm vụ:*** HS làm việc theo nhóm nhỏ tái hiện kiến thức đã học làm một số bài tập:  Câu 1: Sử dụng kiến thức đã học hoàn thành bảng sau:   |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | | Giới SV | Đại diện | Cấu tạo | Kiểu dinh dưỡng | | Khỏi sinh |  |  |  | | Nguyên sinh |  |  |  | | Nấm |  |  |  | | Thực vật |  |  |  | | Động vật |  |  |  |   Câu 2: Hoàn thành bảng sau bằng cách điền chức năng tương ứng với các thành phần cấu tạo của virus:   |  |  | | --- | --- | | Thành phần cấu tạo | Chức năng | | Vỏ prôtêin |  | | Phần lỏi |  | | Vỏ ngoài |  |   Câu 3: Trả lời các câu hỏi sau:  a. Vi sinh vật gồm những nhóm nào?  b. Nêu vai trò của vi sinh vật đối với con người?  c. Vẽ sơ đồ thể hiện mối quan hệ dinh dưỡng giữa vi sinh vật với các nhóm sinh vật khác như thực vật và động vật? | - Nhận nhiệm vụ |
| ***- Hướng dẫn học sinh thực hiện nhiệm vụ:***  ***+*** Mỗi nhóm thảo luận và hoàn thành bài tập vào giấy A4. Sau khi thảo luận xong, các nhóm xung phong trình bày lên bảng | - Thực hiện nhiệm vụ thảo luận nhóm |
| ***- Báo cáo kết quả:***  ***+*** Các nhóm trình bày kết quả thảo luận lên bảng  + Mời nhóm khác nhận xét  + GV nhận xét sau khi các nhóm đã có ý kiến nhận xét bổ sung | - Đại diện nhóm trình bày kết quả  - Nhóm khác nhận xét |
| ***- Tổng kết***  GV giúp học sinh hoàn thiện các bài tập: | - HS hoàn thiện bài tập vào vở. |

Câu 1: Sử dụng kiến thức đã học hoàn thành bảng sau:

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Giới SV** | **Đại diện** | **Cấu tạo** | **Kiểu dinh dưỡng** |
| **Khởi sinh** | Vi khuẩn E.coli, vi khuẩn lam | Cơ thể có cấu tạo tế bào nhân sơ | Tự dưỡng hoặc dị dưỡng |
| **Nguyên sinh** | Trùng roi, trùng đế giày, tảo lam | Cơ thể có cấu tạo đơn bào, nhân thực | Tự dưỡng hoặc dị dưỡng |
| **Nấm** | Nấm men, nấm mốc | Cơ thể có cấu tạo tế bào nhân thực, đơn hoặc đa bào | Dị dưỡng |
| **Thực vật** | Rêu, thông, chanh | Cơ thể có cấu tạo tế bào nhân thực, đa bào | Tự dưỡng |
| **Động vật** | Giun, ốc, cá, ếch | Cơ thể có cấu tạo tế bào nhân thực, đa bào | Dị dưỡng |

Câu 2: Chức năng tương ứng với các thành phần cấu tạo của virus:

|  |  |
| --- | --- |
| **Thành phần cấu tạo của virus** | **Chức năng** |
| Vỏ prôtêin | Bảo vệ phần lõi |
| Phần lỏi | Chứa vật chất di truyền |
| Vỏ ngoài | Bảo vệ, giúp virus bám lên bề mặt tế bào vật chủ. |

Câu 3:

a. Vi sinh vật bao gồm vi khuẩn và nguyên sinh vật

b. Vai trò của vi sinh vật:

- Vi sinh vật tham gia vào chu trình sinh địa hóa phân hủy xác sinh vật làm sạch môi trường.

- Một số nhóm vi sinh vật được sử dụng trong quá trình sản xuất lên men

c. Xác sinh vật ( động vật, thực vật) -> vi sinh vật phân hủy ->mùn bã giàu chất dinh dưỡng -> dinh dưỡng cho thực vật -> làm thức ăn cho động vật.

***Hoạt động 4: Luyện tập***

a. Mục tiêu: Học sinh sử dụng kiến thức đã học trả lời các câu hỏi.

b. Nội dung: HS làm poster tuyên truyền mọi người cùng tham gia bảo vệ đa dạng sinh học

c. Sản phẩm: Bảng poster

d. Tổ chức thực hiện

|  |  |
| --- | --- |
| Hoạt động của GV | Hoạt động của học sinh |
| ***- Giao nhiệm vụ:***  + HS làm việc theo nhóm (6 nhóm) vẽ poster tuyên truyền mọi người dân cùng tham gia bảo vệ đa dạng sinh học. Nhóm nào vẽ đúng chủ đề, đẹp sẽ được thưởng điểm. ( Tối đa 20 điểm) | - Nhận nhiệm vụ |
| ***- Hướng dẫn học sinh thực hiện nhiệm vụ:***  + HS vẽ lên giấy A4  ***+*** GV quan sát, hỗ trợ khi cần thiết | - Làm poster |
| ***- Báo cáo kết quả:***  + Các nhóm treo poster lên bảng thuyết trình. GV đánh giá cho điểm. | - Theo dõi đánh giá của giáo viên |
| ***- Tổng kết:***  + Tổng kết điểm các nhóm đã đạt được trong buổi học, tuyên dương nhóm đạt điểm cao nhất và tặng phần thưởng khích lệ học sinh. | - Học sinh lắng nghe |

***Hoạt động 5: Vận dụng***

a. Mục tiêu: Học sinh vận dụng kiến thức đã học trả lời các câu hỏi thực tế

b. Nội dung: Dùng phiếu học tập trả lời các câu hỏi về hệ thống tưới nước tự động trong sách giáo khoa

c. Sản phẩm: Phiếu trả lời câu hỏi của học sinh

d. Tổ chức thực hiện

|  |  |
| --- | --- |
| Hoạt động của GV | Hoạt động của học sinh |
| ***- Giao nhiệm vụ:***  + Trả lời câu hỏi dưới đây vào giấy A4, tiết sau nộp lại cho GV  + Câu hỏi: Bệnh truyền nhiễm là bệnh lây nhiễm từ người sang người hoặc từ động vật sang người. Tác nhân gây bệnh là virus, vi khuẩn , nấm hoặc nguyên sinh vật. Các bệnh tuyền nhiễm thường lây lan nhanh và có thể bùng phát thành dịch. Em hãy khảo sát thực trạng bệnh truyền nhiễm ở địa phương em, lập bảng thống kê tên, tác nhân gây bệnh, biểu hiện và biện pháp phòng tránh bệnh đó? | - Nhận nhiệm vụ |
| ***- Hướng dẫn học sinh thực hiện nhiệm vụ:***  ***+*** Thực hiện tại nhà, GV đưa ra hướng dẫn cần thiết | - Thực hiện nhiệm vụ ở nhà |
| ***- Báo cáo kết quả:***  + Tiết học tiếp theo nộp phiếu trả lời cho GV | - Theo dõi đánh giá của giáo viên |

***C. Dặn dò***

- Học sinh làm bài tập về nhà

- Chuẩn bị bài mới trước khi lên lớp

***D. Kiểm tra đánh giá thường xuyên***

- Kết thúc bài học, Gv cho học sinh tự đánh giá theo bảng sau

Họ và tên học sinh

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| Các tiêu chí | Tốt | Khá | TB | Chưa đạt |
| Chuẩn bị bài trước khi đến lớp |  |  |  |  |
| Tham gia hoạt động nhóm theo yêu cầu của GV |  |  |  |  |
| Hệ thống được kiến thức của chủ đề |  |  |  |  |
| Hoàn thành bài tập vận dụng |  |  |  |  |

**Tài liệu này được chia sẻ tại: Group Thư Viện STEM-STEAM**

[**https://www.facebook.com/groups/thuvienstem**](https://www.facebook.com/groups/thuvienstem)